**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

 **Quyển 32/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 311 2](#_Toc420916868)

[Tập 312 18](#_Toc420916869)

[Tập 313 36](#_Toc420916870)

[Tập 314 55](#_Toc420916871)

[Tập 315 76](#_Toc420916872)

[Tập 316 94](#_Toc420916873)

[Tập 317 114](#_Toc420916874)

[Tập 318 132](#_Toc420916875)

[Tập 319 151](#_Toc420916876)

[Tập 320 170](#_Toc420916877)

# Tập 311

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên Tập:Minh Tâm

Thời gian: ngày 02 tháng 03 năm 2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”. Trang 364, hàng thứ hai ở dưới lên.

 *“Oai đức giả, khả kính uý viết oai, khả tôn ái danh đức”.* Đoạn nhỏ này là giải thích về oai đức rộng lớn. *“Pháp Hoa Gia Tường Sớ viết, uy tắc vi oai, ái tắc vi đức, hựu chiết phục vi oai, nhiếp thọ vi đức”.* Đây là ý nghĩa của hai chữ oai đức, không khó hiểu lắm. Đối với những người có đạo đức, có học vấn. Mọi người nhìn thấy họ, rất yêu mến họ, nhưng cũng rất sợ họ. Oai đức chính là ý này.

 Giống như Khổng Phu Tử, học sinh tán thán ông ta. Ông đủ năm đức: ôn, lương, cung, kiệm, nhường. Học sinh đối với thầy chẳng ai không kính mến, cũng chẳng ai không sợ. Kính phục sợ hải tôn kính yêu thương đều đủ cả. Những điều này lúc chúng tôi ở còn nhỏ tuổi, ở tuổi thiếu niên. Đối với người lớn, đặc biệt là đối với các bậc trưởng thượng ở thôn quê. Giống như trong kinh nói vậy. Thời đó người lớn tuổi khoảng năm sáu mươi tuổi đã thuộc hàng lớn tuổi, thuộc bậc trưởng thượng rồi. Đã từng có sự nghiệp, hoặc làm qua quan lớn, gia đình có của cải. Thông thường gọi là hào môn quý tộc. Họ ở nơi nào, thì nơi đó chẳng ai không kính sợ. Hữu hình vô hình cảm hoá một phương. Đầy đủ đức hạnh, nhất định là lấy nhân nghĩa đạo đức luân thường giáo hoá chúng sanh ở phương đó. Chúng sanh ở phương đó đều được lợi ích của họ. Oai đức của Phật Di Đà thật không thể nghĩ bàn. Tại sao? Bởi mười phương chư Phật Như Lai đều tôn trọng ngài, đều xưng tán ngài. Như Đức Thế Tôn nói: *“Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”.* Đức Phật Thích Ca khen ngợi, tượng trưng cho tất cả chư Phật đều tán thán. Như vậy thì mười phương Bồ Tát, mười phương Thanh văn, mười phương đại chúng trời người có ai không kính sợ, có ai không thương yêu? Chắc chắn là có rồi!

 *“Quảng đại Thám Huyền Ký vân, đại dĩ bao dung vi nghĩa, quảng tắc thể cực dụng châu”.* Hàm nghĩa của hai chữ quảng đại. Quảng là thể cực “bổn thể cực viên”, hoặc là nói viên cực đều được. Nó khởi tác dụng thì “diệu dụng chu biến”, chu biến pháp giới. Ở mọi nơi mọi lúc, nó tồn tại vĩnh hằng, và luôn luôn khởi tác dụng. Nó dụng ở chổ nào? Chúng ta đầy đủ lục căn là nó khởi dụng. Lục căn tiếp xúc lục trần bên ngoài cũng là nó khởi dụng. Diệu dụng chu biến pháp giới. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm đều là diệu dụng của nó. Thật là “tuỳ chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”. Tâm chúng sanh thiện thì hiện ra cảnh giới thiện. Tâm ác thì hiện ra ba đường ác. Tâm thanh tịnh hiện ra cỏi thanh tịnh. Tâm nhiễm ô thì hiện cỏi uế trược. Đây là diệu dụng của bản thể. Bản thể chính là tự tánh. Nó có thể hiện tất cả pháp, có thể sanh ra vạn pháp. Vạn ở đây không phải là chữ số, mà là ví dụ. Vô lượng vô biên vô số vô tận là diệu dụng của nó. Từ diệu dụng lãnh hội được viên cực là viên mãn đến cực điểm.

 Khi một niệm bất sanh, đây là nói không khởi tâm, không động niệm. Đến tập khí khởi tâm động niệm cũng không có. Lúc này là thường tịch quang, chính là bản thể cực viên. Đây là thường tịch quang. Thường tịch quang là sống, thuật ngữ của người hiện nay gọi là có cơ thể. Nó không phải là chết, chết thì sẽ không khởi tác dụng, nên nó là sống. Cái gì cũng không có, nhưng cái gì cũng có thể hiện, chính là diệu dụng chu biến. Khi hiện không có khởi tâm động niệm, đến cả tập khí khởi tâm động niệm cũng không có. Thật là tuyệt diệu!

 Đức Phật dạy chúng ta: “tuỳ duyên diệu dụng”. Diệu dụng là tự tánh khởi dụng. Chúng sanh trong mười pháp giới, trên từ chư Phật, dưới đến địa ngục vô gián. Những chúng sanh này tất cả đều đang tuỳ duyên. Nhưng họ khởi tác dụng không tương ưng với tánh đức, mà tương ưng với phiền não trong A lại da. Phiền não là tình, là dục. Tình là nói về thất tình, dục là nói về ngũ dục. Họ tương ưng với thất tình ngũ dục. Do đó vốn không có nhiễm nhưng lại biến thành có cảnh nhiễm. Vốn không có thiện ác lại biến thành có thiện ác. Vốn không có khổ vui lại biến thành có khổ vui. Tuỳ theo A lại da mà có những thứ này. Tuỳ thuận tự tánh thì không có. Chư Phật Như Lai và pháp thân Bồ Tát ứng hoá trong mười pháp giới, đều tuỳ duyên diệu dụng. Hằng thuận chúng sanh nhưng không nhiễm bụi trần, đây gọi là diệu dụng.

 Chúng ta học giáo lý Phật giáo, Tứ Đức trong Hoàn Nguyên Quán, dạy chúng ta. Câu thứ nhất là tổng nguyên tắc, ba câu sau là cương lĩnh. Đã nói ra cho chúng ra ba việc cụ thể. Việc thứ nhất là “oai nghi hữu tắc”, bất luận ở cảnh giới nào, khi tuỳ duyên phải làm tấm gương tốt, không thể làm tấm gương xấu. Phải làm tấm gương tốt, gọi là oai nghi hữu tắc. Thái độ khi tiếp xúc tất cả chúng sanh phải nhu hoà chất trực, phải thị hiện để chịu khổ thay cho chúng sanh. Vì sao phải làm việc này? Chúng sanh không biết cảm ân, chúng sanh không biết hiếu thảo. Cảm ân, hiếu thảo là thay chúng sanh chịu khổ. Từ chỗ hiếu tâm này thì tâm cảm ân sanh khởi.

 Chư Phật Như Lai ứng thân hoá độ nơi thế gian này, là nguyện lực từ bi vô lượng vô biên. Phương tiện thiện xảo để cứu hộ chúng sanh, cũng không ra ngoài bốn đức này. Bốn đức này bao gồm hết tất cả. Chúng ta cần phải học để có thể lãnh hội được ý nghĩa này. Phải thực hành bốn đức này trong cuộc sống hằng ngày. Như vậy chúng ta và chư Phật Bồ Tát ngày càng thân cận hơn. Ngày càng thân mật, ngày càng tiếp cận. Còn nếu làm trái những điều này thì ngày càng rời xa các ngài.

 Bên này là Phật Bồ Tát, bên kia là tập khí chủng tử trong A lại da. Gần gủi A lại da thì phải chịu đau khổ. Nhưng tiếp cận tự tánh, trong tự tánh có đức năng vô tận, có trí tuệ vô tận và có tướng hảo vô tận. Hai câu trong ngoặc đơn này của Hoàng Niệm Tổ nói rất hay. *“Bổn thể cực viên”, “diệu dụng chu biến”.* Chính ở ngay trước mắt chúng ta, phải nắm bắt được nó mới thật sự là học Phật.

 *“Hựu quảng đại hội, diệc vi A Di Đà Phật danh hiệu chi nhất”.* Ở trong kinh này chúng ta thấy, “thanh tịnh bình đẳng giác” là một trong các danh hiệu của Phật A Di Đà. *“Quảng đại hội”* cũng là một trong những danh hiệu của Phật A Di Đà. *“Cụ quảng đại hội tụ chi đức*”. Thế giới Cực lạc thật sự là quảng đại hội\_đại hội lớn. Trong đó tụ tập chúng thượng thiện nhơn, trong quốc độ của tất cả chư Phật trong biến pháp giới hư không giới. Trong kinh Di Đà, Đức Thế Tôn giới thiệu. Thế giới Cực Lạc đều là những bậc thượng thiện nhơn câu hội một chổ. Là một đại hội lớn. Nếu chúng ta tham dự đại hội này, điều kiện chính là thượng thiện. Điều kiện thượng thiện chính là tâm bồ đề và hành mười thiện nghiệp, đó gọi là thượng thiện.

 Tâm bồ đề. Chúng tôi thường giới thiệu với mọi người là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Dùng tâm như vậy tu mười thiện nghiệp. Trong chân thành có mười thiện nghiệp, trong mười thiện nghiệp có chân thành. Nếu nói ra từng điều sẽ hiểu được. Trong không sát sanh có chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Trong không trộm cắp cũng có. Trong không vọng ngữ cũng có. Nhìn ngược lại thì trong chân thành có mười thiện nghiệp. Thân có ba, miệng có bốn, ý có ba. Trong thanh tịnh có mười thiện nghiệp, thuần tịnh thuần thiện. Đây gọi là thượng thiện. Trong thế giới Cực Lạc tìm không thấy người ác, mổi người đều là thượng thiện. Không phải bậc thượng thiện, sanh đến thế giới Cực Lạc cũng trở thành thượng thiện. Vì sao? Bởi ở đó toàn là thượng thiện, không có người ác nào. Nếu ta khởi ác niệm, sẽ bị mọi người bảo đứng sang một bên. Thượng thiện đầy đủ viên mãn, chúng ta có thể không học ư?

 *“Dĩ thử thượng thiện, tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức. Lễ kính, xưng tán, cúng dường, sám hối. Nãi chí ư phổ giai hồi hướng, nguyện nguyện viên mãn cụ túc”.*

 Đây là con người, sự việc, hoàn cảnh của thế giới tây phương Cực Lạc. Người ở đây tốt như vậy. Ngạn ngữ thường nói, người có phước ở đất phước, đất phước thì người có phước ở. Như vậy nếu nói người có phước trong biến pháp giới hư không giới, thì người có phước số một là cư dân ở thế giới Cực Lạc. Chẳng trách hoàn cảnh họ sống là đất phước đệ nhất. Người xưa nói xem phong thuỷ, trong biến pháp giới hư không giới thì thế giới Cực Lạc phong thuỷ tốt nhất. Phong thuỷ tốt nhất là hình thành như thế nào? Ở nơi đó hình thành nên cư dân tốt nhất. Người tốt ở thì hoàn cảnh sẽ tốt. Nên nhớ rằng trong kinh điển có câu rất quan trọng: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Tâm tưởng của ai? Tâm tưởng của chính mình. Câu nói này là chân lý.

 Chúng ta muốn thay đổi hoàn cảnh chính mình, thì đã biết bắt đầu từ đâu. Thay đổi từ tư tưởng của chúng ta. Môi trường địa cầu mà hiện nay chúng ta ở là xấu xa nhất, khắp nơi đều có thiên tai. Điều này xưa nay trong lịch sử chưa từng có. Thiên tai từ đâu mà có? Thiên tai từ tâm con người mà ra. Xã hội ngày xưa chẳng thể nói là không có người ác, trong lịch sử ghi lại thì người ác cũng không ít. Nhưng cuối cùng thì người thiện nhiều người ác ít. Nên xã hội yên ấm, mưa hoà gió thuận, quốc thái dân an. Thế giới ngày nay, kẻ ác nhiều, còn người thiện quá ít không dể tìm được. Chúng ta nhìn kỷ rồi quay lại phản tĩnh chính mình. Suy nghĩ những lời trong kinh dạy, xem nghiệp chúng ta tạo có đáng đoạ địa ngục chăng?

 Thời đại này của chúng ta, con người hiện nay hầu như đều phạm tội sát nhân. Giết sinh vật thì điều đó không cần phải nói. Trong đời này chúng ta giết hết bao nhiêu? Bây giờ giết người, giết người thân. Nạo phá thai chính là giết người thân. Tôi còn nghe nói, có một người nạo phá thai hơn 30 lần. Điều này không ai có thể tưởng tượng được? Đây là cố ý giết người, giết người thân của mình. Nếu thống kê lại, thì mổi ngày trên toàn thế giới có bao nhiêu người nạo phá thai? Loại sát nghiệp này thật không tưởng tượng được! Những linh hồn này họ không cam tâm. Như trong kinh Phật nói, thì họ đến thế giới này là có duyên với chúng ta. Họ đến để báo ân, nhưng ta đem họ giết đi nên đã kết thành oán thù. Còn nếu họ đến để báo oán, ta đem họ giết đi thì oán hận chồng chất thêm oán hận.

 Đòi nợ trả nợ vốn là quan hệ nợ nần, bây giờ lại biến thành đòi mạng trả mạng. Điều này không ghê gớm sao? Nên từ trường của xã hội đã thay đổi. Người xưa nói là mờ mịt chướng khí. Mờ mịt chướng khí là sao? Là oán khí của những linh hồn này, mang đến cho địa cầu rất nhiều thiên tai. Ngạn ngữ nói rằng: Chẳng phải không báo mà thời giờ chưa đến. Hình như hiện nay thời gian đã sắp đến rồi, nhưng con người vẫn không giác ngộ, vẫn không chịu quay đầu. Nên biết rằng nhân quả báo ứng, muốn trốn cũng không được. Dù có tiền của thế lực cũng trốn không thoát được. Có đầy đủ khoa học kỷ thuật vẫn trốn không được.

 Ngày nay chúng ta đang sống trong ranh giới của thiên tai. Mắt thấy đại thiên tai sắp bộc phát. Chư Phật Bồ Tát đại từ đại bi. Thần thánh trong tôn giáo, thần thánh trong các dân tộc, cũng đều đang gia hộ cho con người trên thế gian, khuyên dạy con người trong thế gian. Hy vọng mọi người sẽ quay đầu. Trước một ngày khi thiên tai còn chưa bộc phát, vẫn còn kịp quay đầu. Thật sự quay đầu chính là bờ. Phật pháp nói rất rỏ, rất minh bạch đạo lý này. Người có trình độ trung bình đều có thể tin tưởng sâu sắc không nghi ngờ. Đoạn trừ tất cả điều ác, nguyện tu tất cả điều thiện. Nương vào kinh Vô Lượng Thọ, một lòng chuyên niệm cầu sanh tịnh độ thì sẽ được độ thoát. Chính mình được độ, còn có thể gián tiếp giúp cho địa cầu. Khiến cho tai nạn trên địa cầu giảm nhẹ. Chúng ta không có năng lực hoá giải, những có năng lực làm giảm nhẹ thiên tai. Sức mạnh tập thể mới có thể hoá giải.

 Mọi người không tin rằng, có số ít người. Sức mạnh số ít người có thể giảm nhẹ. Có thể khiến thời gian thiên tai rút ngắn lại. Thiên tai ba năm biến thành một năm, thiên tai một năm chỉ còn ba tháng. Có thể làm được. Người thật sự giác ngộ, người thật sự quay đầu sẽ làm được điều này.

 Ngày nay chúng ta lợi dụng công cụ khoa học như truyền hình vệ tinh, mạng internet quốc tế, để nối liền các bạn đồng tu tâm đầu chí hợp trên khắp địa cầu. Chúng ta có nhận thức như nhau, cùng chung phương hướng, cùng chung mục tiêu sẽ sinh ra sức mạnh rất lớn. Đây là điều mà chúng ta cần nên làm.

 Đây là sự nghiệp của Bồ Tát. Chư Phật Bồ Tát biết được, thì Chư Phật Bồ Tát hoan hỷ và nhất định Chư Phật Bồ Tát cũng giúp sức cho chúng ta. Ngày sau nhất định chúng ta ở thế giới Cực Lạc và gặp nhau trong đại hội lớn của Phật A Di Đà. Trong đại hội lớn đó nâng cao chính mình, viên mãn chính mình, giống như Phật A Di Đà vậy. Quan tâm yêu thương tất cả chúng sanh, giúp đở tất cả chúng sanh, phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui.

 *“Nhân thập phương chúng sanh vãng sanh Cực Lạc, pháp hội thịnh đại, thánh chúng vô lượng. Toàn nhân Di Đà thạnh đức chi sở cảm. Kim kinh viết quảng đại, chánh hiển thử đức”.*

 Chúng ta cũng nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu, nên mới biết có thế giới Cực Lạc, có Phật A Di Đà. Biết được đại trí, đại đức, đại năng của Phật A Di Đà. Từ bi vô tận, giúp tất cả chúng sanh. Chúng ta vui mừng đón nhận. Chúng ta đối với mười pháp giới y chánh trang nghiêm, không còn tâm tham luyến. Một lòng muốn về thế giới Cực Lạc, để tham dự hội lớn của Phật A Di Đà. Đây là do đức của Phật Di Đà cảm vời nên.

 Đoạn dưới giới thiệu cho chúng ta cỏi Phật thanh tịnh. Trong kinh phẩm “Quốc Giới Nghiêm tịnh” thứ mười một, đặc biệt giới thiệu thế giới Cực lạc cho chúng ta. *“Thanh tịnh trang nghiêm, siêu du thập phương”.* Mười phương thế giới không thể so sánh với nó.

 *“Hựu Hán dịch trung, A Di Đà Phật vi vô lượng thanh tịnh Phật, hoặc vô lượng thanh tịnh giác”.* Trên đề của bộ kinh này có thanh tịnh bình đẳng giác. Tất cả đều là đức hiệu của Phật A Di Đà.

 *“Cái Cực Lạc nãi Như Lai chân tâm chi sở hiện tự tánh thanh tịnh chi sở thành”*.

 Tự tánh thanh tịnh là chính mình. Ở đây chúng ta phải thừa đương, nghĩa là những thứ chân tâm của mình hiện ra, là những thành tựu của tự tánh thanh tịnh của chính mình.

 Khi ngài Huệ Năng khai ngộ, câu đầu tiên mà ngài nói là *“đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”.* Nó chưa tùng bị ô nhiễm. Thế giới Cực Lạc là do tâm thanh tịnh của Phật A Di Đà hiện ra, đồng thời cũng chính là tâm thanh tịnh của chúng ta hiện ra. Tâm thanh tịnh của chính chúng ta với tâm thanh tịnh của Phật A Di Đà là một. Không hề sai biệt.

 Ngày nay chúng ta không thấy chân tâm là vì có chướng ngại. Tâm thanh tịnh của Phật A Di Đà không có chướng ngại. Nên biết ngài Huệ Năng lúc kiến tánh, ngài cũng không có chướng ngại. Nếu ngài bị chướng ngại thì không thể thấy được. Sau khi thấy rồi thì vĩnh viễn sẽ không mất đi. Đây là ba loại bất thoái chuyển mà trong giáo lý đại thừa thường nói. Người minh tâm kiến tánh là vị bất thoái, họ là thánh nhân. Họ sẽ không thoái chuyển trờ thành phàm phu, không bao giờ.

 Thứ hai là hành bất thoái. Họ tu hạnh Bồ Tát, sẽ không thoái chuyển đến tiểu thừa.

 Thứ ba là niệm bất thoái, mổi niệm đều tương ưng với tánh đức, tuyệt đối không tương ưng với phiền não. Phiền não chính là A lại da. Nói cách khác, họ không tương ưng với khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Họ không như vậy,vì họ đã thật sự giác ngộ. Nên mới gọi là viên chứng tam bất thoái. Viên là viên mãn. Ba loại bất thoái chuyển đều chứng hết. Lời này dùng cách nói của người hiện nay, đó là sự huyền bí của vũ trụ. Chư Phật Bồ Tát đã mở toang cách cửa huyền bí của vũ trụ. Để chúng ta hiểu được, để chúng ta hoát nhiên đại ngộ. Chúng ta vừa quay đầu liền từ địa vị phàm phu biến thành địa vị Phật. Chuyển phàm thành thánh chỉ trong khoảng thời gian một niệm. Một niệm giác thì từ phàm phu thành Phật. Một niệm mê muội, thì Phật biến thành phàm phu.

 Đức Phật nói tình trạng của chúng ta ngày nay là vô thỉ vô minh, một niệm bất giác, nên biến thành như thế này. Một niệm bất giác, tiếp theo sẽ là niệm niệm bất giác, mới thành ra như vậy.

 Bây giờ đảo ngược lại, niệm này đã giác thì niệm niệm đều giác, lúc này là đã thành Phật. Câu then chốt nhất ở đây chính là không thể khởi tâm động niệm. Nên nếu niệm này giác thì mổi niệm đều giác. Điều này nói thì dể nhưng làm thì rất khó. Thật sự có thể làm được, trong đại thừa giáo gọi họ làm đại anh hùng. Vì sao? Bởi người thường làm không được mà họ có thể làm được. Điều này Đức Thế Tôn đã làm được, ngài Huệ Năng cũng đã làm được. Làm một cách nhẹ nhàng dứt khoát. Phương pháp của các ngài là đốn xã, đốn ngộ, đốn chứng. Thật sự hoàn thành trong một niệm.

 Sau đó một bậc là một năm, hai năm, ba năm, năm năm khai ngộ. Họ cũng có thể trừ bỏ khởi tâm động niệm. Cảnh giới họ chứng được như Đức Thế Tôn, Lục Tổ và Phật Di Đà không có gì khác biệt. Đây gọi là tiệm tu, tiệm ngộ, tiệm chứng. Đốn và tiệm, là do thời gian và phương pháp có sự khác biệt, nhưng cảnh giới ngộ nhập hoàn toàn như nhau, là một cảnh giới.

 Ngày xưa Tông môn, Giáo môn, Hiển giáo, Mật giáo. Người chứng được quả vị này rất nhiều, không phải là số ít. Thị hiện ở nhân gian để làm gương tu hành tốt cho chúng ta. Thời đại này người đọc sách Phật ngày càng ít, cho nên đối với Phật pháp hình như ngày càng xa lạ. Đây là nhân, có nhân này thì quả báo là gì? Quả báo chính là xã hội động loạn, địa cầu biến động thiên tai. Nhân bất thiện dẫn đến quả bất thiện.

 Phật giáo trong thời cổ đại, được quốc gia đề xướng, đế vương đề xướng. Nên nó trở thành một xã hội hưng thịnh, có nền trị an lâu dài. Nếu quý vị muốn hỏi đây là nguyên nhân gì? Đây không phải là mê tính, đây là giáo dục. Kinh điển là sách giáo khoa của nhà Phật. Kinh điễn mổi ngày đều dạy chúng ta ta buông bỏ tà ác, tôn trọng thiện hành của thanh tịnh bình đẳng. Đạo lý là ở chỗ này. Đáng tiếc Đế Vương dùng thủ đoạn này để trị quốc bình thiên hạ, nhưng chính họ không thực hành. Chính mình phải thực hành, tự mình mới thành Phật được. Như vậy thì thù thắng biết bao! Quốc vương thành Phật, đại thần đều là Bồ Tát. Đất nước này sẽ trở thành nước Phật. Trong lịch sử quốc vương hộ pháp, khuyên người khác làm, nhưng tự mình không làm. Như vậy cũng không tệ, cũng hiếm có rồi.

 *“Hựu Cực Lạc thế giới tức thị mật nghiêm thế giới, dữ Hoa Tạng thế giới chi dị danh. Đại thừa mật nghiêm kinh vân, Đại Nhật Như Lai, y tự nan tư định, hiện ư chúng diệu sắc. Sắc tướng vô hữu biên, phi dư sở năng kiến. Cực Lạc trang nghiêm quốc, Thế Tôn vô lượng thọ”.*

 Ở đây Hoàng Niệm Tổ nói vơi chúng ta, *“Mật Nghiêm Kinh, minh Đại Nhật Như Lai”*. Minh là nói rỏ. Đây là kinh điển Mật tông. *“Đại Nhật Như Lai, trú ư nan tư chi diệu định”.* Đây là tự tánh bổn định.*“Định trung hiện thế giới Cực Lạc dữ Vô Lượng Thọ Phật. Cố tri Đại Nhật tức Di Đà, Mật nghiêm tức Cực Lạc dã”.* Điều này nói rỏ, quan hệ giữa tịnh độ và mật tông là một không phải hai. Mục tiêu, phương hướng hoàn toàn tương đồng, chỉ là phương pháp tu hành không giống nhau.

 Quý vị nghĩ xem phương pháp nào tốt? Có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc thì phương pháp nào cũng tốt. Mục đích là vãng sanh thế giới tây phương. Mục đích là thân cận Phật A Di Đà. Mật Tông là y theo Đại Nhật Như Lai, Đại Nhật Như Lại chính là Phật A Di Đà. Tịnh độ tông mổi ngày niệm Phật A Di Đà, chính là niệm Đại Nhật Như Lai. Điều này nói lên, phương hướng và mục tiêu của Mật tông và Tịnh độ là một không phải hai.

 *“Hựu vân, mật nghiêm tịnh độ, siêu chư Phật quốc, như vô vi tánh, bất đồng vi trần”.* Bốn câu kinh văn này vô cùng quan trọng. Nói với chúng ta thế giới tây phương Cực Lạc và mười phương thế giới không giống nhau. Trong kinh Kim Cang nói, quốc độ của tất cả mười phương chư Phật như cỏi phương tiện, cỏi đồng cư đều là chúng vi trần. Là tướng hợp nhất, nhất chính là vi trần. Nên nó là pháp sanh diệt, nó là pháp duyên sanh. Duyên tụ thì hiện, cảnh giới sẽ hiện tiền. Duyên tán cảnh giới sẽ không còn. Nhưng thế giới Cực Lạc không phải là chúng vi trần, nó là vô vi vi tánh. Hay nói cách khác, nó là pháp tánh hiện ra. Nên trong giáo lý đại thừa gọi nó là cỏi pháp tánh, thân pháp tánh. Là từ trong tự tánh hiện ra, nó không có hiện tượng sanh diệt. Như giới khoa học nói, nó không phải là hiện tượng dao động. Lý luận của khoa học nói rằng, nếu không phải dao động thì quyết định không thể hình thành.

 Thế giới tây phương Cực Lạc rất đặc thù, không phải hiện tượng dao động, nên nó không có sanh diệt. Con người ở thế giới Cực Lạc thật sự trường sanh bất lão. Hoa cỏ ở thế giới Cực Lạc luôn luôn tươi tốt, cây không khô, lá cũng không rụng. Thế giới Cực Lạc không có bốn mùa. Quý vị nên biết rằng, bốn mùa là biến hoá. Có biến hoá thì không có thật. Vĩnh viễn không có biến hoá mới là thật.

 Người thế gian chúng ta đều biết mùa xuân là đẹp nhất, thế giới Cực Lạc vĩnh viễn là mùa xuân. Sơn hà đại địa của thế giới Cực Lạc, không có núi lửa bộc phát. Không có động đất, không có sóng thần. Không có khô hạn, không có thuỷ tai. Không có bất cứ thiên tai nào. Mưa hoà gió thuận. Gió ở đây không phải là không khí đối lưu. Nó là đức phong, do tánh đức biến hiện ra, nên gió sẽ không tạo thành tai hại. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

 Chúng ta nhất định không thể dùng những thứ nơi thế giới chúng ta mà so sánh với thế giới Cực Lạc, thì sẽ sai lầm lớn. Vì sao? Nguồn gốc không như nhau. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, sự hưng khởi của nó là A lại da biến hiện. Chính là ba tướng vi tế của A lại da. Ngày nay các nhà khoa học đã chứng minh, năng lượng là nghiệp tướng của A lại da. Tin tức là chuyển tướng của A lại da. Vật chất là cảnh giới tướng của A lại da. Hiện nay các nhà khoa học đối với những điều này cũng nói rất rỏ ràng, rất minh bạch. Nói vạn pháp giai không. Bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, cho đến hiện tượng tự nhiên, đều không thể trụ được lâu dài. Đều là pháp sanh diệt, đều là pháp nhân duyên sanh. Trong Trung Quán nói: *“nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không”*. Trong kinh Kim Cang nói: *“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ứng tác như thị quán*”. Cách nhìn này là chính xác. Chư Phật Như Lai nhìn thấy, chân tướng là như vậy. Các nhà vật lý học hiện đại và các nhà lượng tử lực học, họ cũng nhìn thấy hoàn toàn tương đồng với những gì trong kinh Phật nói.

 Dưới đây nói: *“Hựu Mật Nghiêm Pháp Tạng Sớ”.* Trong chú giải của Pháp Tạng đại sư nói: *“Mật nghiêm độ giả tức thị Chư Phật tha thọ dụng độ. Hựu vân, kim thử mật nghiêm, đãn ư thanh tịnh Như Lai tạng tâm chi sở hiện”.* Trong chú giải của Pháp Tạng đại sư nói như vậy. *“Mật nghiêm độ giả tức thị chư Phật tha thọ dụng độ”.* Không phải là cỏi tự thọ dụng. “Chư Phật Như Lai tự thọ dụng độ”. Chư vị nhất định phải biết. Thường tịch quang độ là tự thọ dụng. Tha thọ dụng là gì? Pháp thân Bồ Tát. Tập khí vô thỉ vô minh của họ vẫn chưa đoạn, họ không vào được thường tịch quang. Không thể đem chút tập khí nào vào thường tịch quang, nên họ tạm thời trú ở cỏi thật báo. Cỏi thật báo là hoàn toàn do oai lực của Phật hiện ra, cũng là tự tánh của mỗi vị pháp thân Bồ Tát hiện ra. Đạo lý này cũng giống như chúng ta vậy. Chỉ cần nói đến Phật, thì mọi người chúng ta cũng có ai cũng có phần. Đạo lý này nhất định phải hiểu, còn nếu không hiểu thì sẽ không biết được trong kinh Phật đã nói những gì. Những lời dạy của Phật trong kinh với chúng ta có quan hệ gì? Nếu ta thật sự đã hiểu, đã rỏ ràng. Thì ra mổi chữ mổi câu trong kinh Phật có quan hệ mật thiết với chính mình. Vì sao? Vì trong kinh nói thể tướng dụng của tự tánh. Nói như tánh vô vi, đây là nói tự tánh\_thể. Nói mật nghiêm tịnh độ, đó là dụng. Cung cấp cho pháp thân Bồ Tát đạo tràng tu tập.

 Câu ở dưới nói rất hay, mật nghiêm này là *“thanh tịnh Như Lại tạng tâm chi sở hiện”.* Nói thanh tịnh Như Lai tạng tâm, còn có một cái bất thanh tịnh Như Lai tạng tâm. Nên Như Lại tạng có hai phần. Một phần là thanh tịnh, một phần là không thanh tịnh. Phần thanh tịnh là thật, là tự tánh. Phần không thanh tịnh đó là giả, là A lại da thức. Nên A lại da là một nửa chân một nửa vọng. Một nửa chân hiện ra cỏi báo của 41 vị pháp thân đại sĩ. Phần nhiễm ô của A lại da nó cũng hiện, hiện mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Vì chúng sanh mê muội tự tánh, họ tu hành, tạo nghiệp cũng là cỏi thọ dụng. Họ ở đó. Ngày nay chúng ta nói, trong vũ trụ có vô lượng vô biên tinh cầu. Tinh cầu này từ đâu mà có? Tự tánh biến hiện ra. Rời tự tánh thì không có pháp nào nữa. “Phàm sở hữu tướng giai hư vọng”. Những hệ tinh cầu này hoàn toàn đều là hư vọng, không có cái nào là chân thật. Nên đức Phật dạy chúng ta, người thật sự thông minh, người thật sự có trí tuệ cần phải trở về với pháp tánh. Như vậy là đúng. Cần phải thật sự buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thân thể ở nơi này là hằng thuận chúng sanh, tuỳ hỷ công đức. Đây chính là nói tất cả đều tuỳ duyên, trong tuỳ duyên hiện ra diệu dụng.

 Việc đầu tiên trong diệu dụng là thúc đẩy việc niệm Phật một cách thành thật. Diệu dụng của niệm Phật thành thật, là số một trong tất cả diệu dụng, không gì có thể so sánh được. Vì nó thật sự rất đơn giản, rất dể dàng. Vững chắc nhanh chóng. Thật sự có thể buông bỏ, thật sự phát bồ đề tâm, thật sự nhất tâm chuyên niệm. Đó chính là những gì các bậc cổ đức nói, *“nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”.* Chúng ta trực tiếp khai thông với Phật A Di Đà, không có chút chướng ngại nào.

 Nếu nhất tâm cầu Phật, cầu nguyện vãng sanh, bất cứ lúc nào đều có thể đi. Tự tại biết bao! Ở thế giới này không cần nghĩ đến bất cứ điều gì, buông bỏ tất cả. Việc hoằng pháp lợi sanh cũng không cần để trong lòng. Việc hoằng pháp lợi sanh cũng tuỳ duyên. Có duyên thì làm, không có duyên thì thôi. Không để trong lòng. Như vậy tâm mới được tự tại, tâm mới thanh tịnh. Để trong lòng, nhất định phải làm như thế nào, cái đó làm ra sao. Như vậy là sai, là đang tạo nghiệp.

 Phật Bồ Tát làm và chúng ta làm khác nhau ở chổ nào? Chẳng thể không biết. Phật Bồ Tát không tạo nghiệp. Phật Bồ Tát làm gì không có bản ngã. Không có tự tư tự lợi. Không có danh văn lợi dưỡng. Không có tham sân si mạn. Cũng không có công đức phước đức, hoàn toàn không có. Tâm các ngài hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn bình đẳng. Cái gì cũng không có. Chỉ có chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Trong đó không có bất cứ ý niệm nào. Đây là chân tâm, chân tâm là tâm bồ đề. Chân tâm là tâm của Phật A Di Đà. Chân tâm là tâm của tất cả chư Phật, là nhất thể. Như vậy làm sao có thể nghĩ đông nghĩ tây được? Thanh tịnh đến cực điểm, thì trí tuệ sẽ khởi lên.

 Trong kinh Lăng Nghiêm nói *“tịnh cực quang thông đạt”.* Quang thông đạt nghĩa là gì? Trí tuệ Bát Nhã trong tự tánh xuất hiện, có thể chiếu khắp biến pháp giới hư không giới. Giống như trong Tâm Kinh nói về Quán Thế Âm Bồ Tát*, “Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách”.* Kinh Bát Nhã không dài, chỉ có 260 chữ. Nội dung là gì? Tất cả pháp trong thế xuất thế gian đều buông bỏ hết. Đây là Bát nhã Tâm Kinh. Vì sao phải buông bỏ? Bởi *“nhất thiết pháp vô sở hữu, bất khả đắc, tất cánh không”*. Nếu không buông bỏ chính là mê, buông bỏ thì không mê. Tướng khác biệt giữa mê và ngộ chính là ở chổ này.

 *“Hựu Vãng Sanh Luận viết”.* Ở đây dẫn chứng lời trong Vãng Sanh Luận. *“Dĩ nhất tâm chuyên niệm tác nguyện sanh bỉ, đắc nhập Liên Hoa Tạng thế giới”.* Vãng Sanh Luận dạy chúng ta nhất tâm chuyên niệm. “Tác nguyện” chính là phát nguyện, phát nguyện cầu sanh tịnh độ. Niệm Phật phải nhất tâm chuyên niệm, suy nghĩ lung tung là không được. Phát nguyện vãng sanh có thể vãng sanh chăng? Điều đó còn chưa chắc. Nếu nhất tâm chuyên niệm phát nguyện vãng sanh, như vậy chắc chắn được sanh. Trong xã hội hiện nay, Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, tất cả đều buông bỏ. Vì sao? Vi không còn kịp nữa. Cần phải học Liên Trì đại sư. Lời này là Liên Trì đại sư viết trong Trúc Song Tuỳ Bút trong những năm về già. Ngài nói, tam tạng mười hai bộ kinh là để cho người khác ngộ. Quý vị ai có hứng thú thì ngộ đi.

 *“Bát vạn tứ thiên hành, nhiêu dữ tha nhân hành”.* Tám vạn bốn ngàn pháp môn hành trì. Quý vị thích tu pháp môn nào thì tu pháp môn đó. Chính ngài đã buông bỏ hết, nhất tâm chuyên niệm cầu sanh tịnh độ. Ngài đã thành công.

 Ngẫu Ích đại sư cũng như vậy. Lúc còn trẻ, ngài học rộng hiểu nhiều. Đặc biệt Ngẫu Ích đại sư, quý vị xem ngài đã lưu lại bao nhiêu trước tác. Hơn 20 loại. Tuổi chưa già ngài đã viên tịch. Các ngài đều là người tái sanh, đều là chư Phật Bồ Tát vì chúng ta mà thị hiện. Nên chúng ta phải thấy, phải lãnh hội được mục đích các ngài đến thế gian này. Thuật ngữ của Nhà Phật gọi là đến để truyền đăng. Họ tiếp nhận Phật pháp của đời trước rồi truyền thừa cho đời sau. Khiến Phật pháp ở thế gian được truyền từ đời này sang đời khác, không đến nổi đoạn tuyệt.

 Truyền cho ai? Đương nhiên là cho người có duyên, không có duyên thì chẳng được. Duyên nhiều thì truyền thêm vài người. Duyên ít thì truyền ít lại vài người. Một người cũng được, như vậy pháp sẽ không đoạn tuyệt.

 Đặc biệt Liên Trì đại sư và Ngẫu Ích đại sư ở trong thời đại then chốt. Lúc đó tịnh độ tông suy yếu, pháp môn niệm Phật chỉ dạy cho những bà lão. Phần tử tri thức đều coi thường người niệm Phật. Thiền tông, giáo môn hưng thịnh. Nhìn thì thấy hình như Phật pháp rất hưng thịnh, nhưng kỳ thật thật sự liễu sanh thoát tử không được mấy người. Nói cho quý vị biết, không ra khỏi luân hồi không thể coi là thành tựu. Vượt ra khỏi luân hồi lục đạo mới được xem là thành tựu. Không vãng sanh thế giới Cực Lạc, nhưng vượt ra khỏi luân hồi lục đạo là chứng A la hán, là đại thừa Bồ Tát. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói là thập tín Bồ Tát. Chứ không phải là thành tựu lớn lao gì.

 Pháp môn tịnh độ thù thắng biết bao, người vừa vãng sanh chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Thập tín làm sao có thể sánh được? Nên Chư Phật Bồ Tát ứng hoá ở thế gian, vì một nguyên nhân duy nhất là sợ Phật pháp đoạn diệt, nên các ngài đã đến thế gian này.

 Ngẫu Ích và Liên Trì đại sư xuất hiện ở thế gian vào cuối nhà Minh đầu nhà Thanh. Từ thời đại đó đến nay đã 400 năm. Trong 400 năm này, có biết bao người niệm Phật vãng sanh! Công lao này không thể không xem là nhờ Liên Trì và Ngẫu Ích đại sư. Đến năn dân quốc, giai đoạn cận đại thì Ấn Quang đại sư xuất hiện. Cư sĩ Hạ Liên Cư và cư sĩ Mai Quang Hy, người truyền thừa của họ là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Cư sĩ Lý Bính Nam người Đài Loan, đời đời tương truyền.

 Duyên của chúng ta rất thù thắng, rất khó có được. Hoàng Niệm Tổ đem chú giải này truyền cho tôi. Năm đó tặng cho tôi cuốn sách này là in dầu nến. In dầu giấy thì có thể in được bao nhiêu phần? Chỉ có khoảng một trăm hai, một trăm ba mươi phần. Nhiều hơn nữa sẽ không rỏ ràng. Đại khái Hoàng Niệm Tổ đã chọn bản in dầu nến tốt nhất, chữ có thể xem rỏ ràng. Ông chỉ đem một bộ đến Mỹ và tặng cho tôi. Cư sĩ Lý Bính Nam ở Đài Loan giảng bộ kinh này, ông có viết chú giải bên lề. Bản này cũng đã cho tôi. Chúng ta có sứ mạng tiếp nhận chiếc gậy này và truyền trao lại cho người đời sau. Người đời sau đã xuất hiện, nên tôi cảm thấy vô cùng an ủi. Vì sao? Đã có thể đi. Vì đã có người nhận chiếc gậy này, chưa có người nhận chiếc gậy này thì không thể đi. Nay đã có người tiếp chiếc gậy này.

 Việc quan trọng nhất của chúng ta ngày nay là hoàn thành “Diễn Nghĩa”. Kinh Vô Lượng Thọ đệ nhất đại kinh của Tịnh độ tông. Có bản hội tập hoàn thiện viên mãn. Có khoa hội, có chú giải của Hoàng Niệm Tổ, và có lần “Diễn Nghĩa” này. Pháp môn này về sau phát triển rộng rãi, chúng ta có thể mong muốn điều này. Vì sao? Bởi nó được Chư Phật hộ niệm, được chư Bồ Tát hộ trì. Xuất hiện trong thời đại này là đem đến cho thế gian này thông tin chánh pháp trụ thế lâu dài. Đem đến ánh sáng vô hạn, phước đức vô lượng. Tất cả chúng sanh đều y theo bộ kinh này, thì có thể liễu sanh thoát tử ra khỏi tam giới. Đây là sự thật.

 Đặc biệt là người trong thời hiện đại, tin tưởng khoa học, không tin tưởng Phật pháp. Thật hiếm có, phát hiện và báo cáo của giới khoa học càng ngày càng tương tự, ngày càng tiếp cận với kinh điển đại thừa.

 Tương lai Tịnh độ tông chẳng những là Phật giáo, mà đồng thời nó còn là khoa học, còn là triết học nữa. Nó sẽ được người đời phổ biến khẳng định. Y theo kinh điển này tu hành, bất luận là thế pháp hay Phật pháp. Tức là pháp thế gian hay là pháp xuất thế gian, đều có thể đạt được lợi ích chân thật viên mãn. Giống như ba loại chân thật mà trong kinh này nói là thực tế chân thật, trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật. Chúng ta nhất định có thể đạt được. Điều này trong Vãng Sanh Luận nói “nhất tâm chuyên niệm tác nguyện sanh bỉ”. Chúng ta có thể đi đến thế giới Cực Lạc. Thế giới Liên Hoa Tạng chính là thế giới Hoa Tạng trong kinh Hoa Nghiêm nói. Thiền, Tịnh, Mật, Giáo là một. Kinh Hoa Nghiêm nói, một tức là nhiều, nhiều tức là một. Một tức là bốn, bốn tức là một. Bất luận tu theo pháp môn nào, cuối cùng quay về khẳng định là thế giới Cực Lạc, sanh về thế giới Hoa Tạng.

 Văn Thù, Phổ Hiền hai vị đại sĩ này, lãnh đạo mọi người vãng sanh thế giới Cực Lạc. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Đó là đối với 41 vị pháp thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng mà nói.

 *“Hựu Kim Cang Đảnh kinh viết, duy thử Phật sát. Tận dĩ Kim Cang tự tánh thanh tịnh sở thành mật nghiêm Hoa Tạng”.* Đây là nói đến cả Thiền và Mật. Chỗ về của thiền là Hoa Tạng, chỗ về của Mật là Mật nghiêm. “Giai biểu Cực Lạc tức mật nghiêm, hoa tạng. Giai thanh tịnh Như Lai tạng tâm chi sở hiện, kim cang tự tánh thanh tịnh sở thành”. Đến đây những gì có thể nói đều đã nói rỏ ràng. Chúng ta có hiểu được hay không? Đây mới là then chốt. Chúng ta có thật sự lãnh hội được chăng? Thật sự lãnh hội được sẽ đoạn nghi sanh tín, nắm chắn một lòng chuyên niệm không buông. Chúng ta niệm Phật chính là tham thiền. Chúng ta niệm Phật chính là trì chú. Thiền và Mật ngay trước mắt, chúng ta có còn động tâm chăng? Không động tâm. Vì biết rằng thành tựu của ta chính là thành tựu của Thiền, chính là thành tựu của Mật. Trong Đại Tập Kinh Đức Thế Tôn nói, pháp môn niệm Phật chính là Thiền vô thượng thậm thâm vi diệu. Đức Thế Tôn đã nói như thế.

 Từ trên nguyên lý mà nói là phải buông bỏ hết. Nếu tham thiền mà không buông bỏ tất cả pháp trong thế xuất thế gian, thì làm sao mà tham thiền? Quý vị phải hiểu rỏ chữ tham này.

 Tham có nghĩa là gì? rời tâm ý thức gọi là tham. Tâm là khởi tâm động niệm. Ý là Mạt na, là chấp trước. Thức là đệ lục ý thức, là phân biệt. Tham thiền là thế nào? Buông bỏ khởi tâm động niệm, buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước gọi là tham. Mật cũng không ngoại lệ, tam mật tương ưng. Miệng niệm chú, ý quán tưởng, tay bắt ấn. Dùng phương pháp này, mục đích của nó cũng là buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Cùng một đạo lý, nhưng dùng phương pháp không giống nhau. Tịnh độ tông dùng phương pháp phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm. Nhưng vẫn phải buông bỏ. Quý vị cần phải biết Thiền và Mật không buông bỏ, thì nhất định không nhập vào được cảnh giới của nó. Tịnh độ tông cũng như vậy. nhưng nó có phương tiện, có được lợi ích lớn. Nghĩa là ta chưa có thể hoàn toàn buông bỏ, chỉ buông bỏ chút ít nhưng có thể vãng sanh, gọi là đới nghiệp vãng sanh. Thiền không có đới nghiệp, Mật cũng không có đới nghiệp. Chỉ có Tịnh độ cho phép đới nghiệp. Công phu của thiền được thành phiến cũng vô dụng, vẫn phải lưu chuyển trong luân hồi lục đạo. Phải sự nhất tâm bất loạn mới có thể chứng quả A la hán, vượt ra khỏi lục đạo. Còn có tứ thánh pháp giới, phải tu từ từ. Duy chỉ có tịnh độ tông công phu chưa miên mật cũng có thể vãng sanh. Sự nhất tâm, lý nhất tâm, phàm phu không dể đạt được.

 Nhưng công phu không miên mật, phàm phu mổi người đều có thể thành tựu. Vấn đề là ta có chịu hành trì hay không? Nếu chịu thực hành, không có ai chẳng thành tựu.

 Công phu miên mật là thế nào? Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Ngoài Phật A Di Đà ra thì hoàn toàn không có gì nữa. Gọi là miên mật, công phu thành phiến. Ngoài Phật A Di Đà ra, còn có ý niệm khác là không được. Như vậy khi vãng sanh không được chắc chắn, khi lâm chung chỉ xem vận mệnh. Như vậy là sao? Là nhân duyên. Then chốt là nhất niệm khi lâm chung. Công phu miên mật và nhất niệm khi lâm chung mới chắc chắn. Bình thường đã luyện thành, không có tạp niệm. Ngoài Phật A Di Đà ra thì cái gì cũng không có. Như vậy khi lâm chung nhất định nắm chắc phần vãng sanh. Khi lâm chung thị hiện điều gì? Đó là nhân duyên của mổi người. Những điều này đều để cho chúng sanh thấy. Để người khác nhìn, còn với chính mình thì không liên quan. Đều là giúp người khác sanh tín tâm, thêm chánh niệm. Tăng cường thêm nguyện vọng của họ đối với Tịnh độ. Chỉ như vậy mà thôi.

 Nên khi sắp lâm chung, đứng chết, ngồi chết hay nằm kiết tường, hoàn toàn là do nhân duyên. Tất cả đều có thể làm được. Những chuyện này chúng tôi đều thấy tận mặt nên không phải giả.

 Hơn 40 năm trước, có bà lão ở Đài Nam Đài Bắc, niệm Phật ba năm và đứng vậy vãng sanh. Tôi nhắc lại việc này, bây giờ ở đây vẫn còn có người biết, làm chứng giúp tôi, lời pháp sư nói là thật. Thời gian không dài, chỉ có ba năm nhất tâm chuyên niệm là đã thành công. Biết trước giờ chết, không sanh bệnh. Khi vãng sanh là buổi tối, khoảng giờ ăn cơm. Bà không nói với người nhà. Chỉ nói với người nhà, các con ăn trước đừng đợi mẹ, mẹ đi tắm một chút. Nhưng con trai con dâu trong nhà rất hiếu thảo, nên vẫn đợi. Đợi rất lâu, nhưng không thấy mẹ ra? Họ đi xem, sự thật đã tắm xong, nhưng không thấy người đâu, nên họ đi tìm. Nhìn thấy trong chánh điện, bà mặc y phục rất tề chỉnh, bên ngoài khoác áo tràng. Trên tay cầm tràng hạt, đúng đối diện Tượng Phật. Gọi bà không trả lời, xem kỷ thì bà đã vãng sanh.

 Bà không nói với người nhà, sợ người nhà kinh hoảng, làm chướng ngại bà, nên không nói. Khi mọi người phát hiện thì bà đã đi. Đây không phải là giả. Tuy không nói với người nhà rằng Phật A Di Đà đến tiếp dẫn bà, nhưng thật đã tiếp dẫn đi. Người nhà niệm Phật, nghe nói đoan tướng khi vãng sanh không nhìn thấy được. Bây giờ biểu diễn để người khác thấy. Cảm động biết bao nhiêu người! Bà lão này ba năm trước mê tín, cũng không hiểu gì Phật pháp. Lạy Phật Bồ Tát, cũng lạy quỷ thần, lạy hết. Ba năm trước con trai cưới vợ, con dâu bà hiểu Phật pháp khuyên bà không nên lễ lạy lung tung, chỉ nên chuyên lễ bái Phật A Di Đà. Trong nhà thờ quỷ thần đều mời ra hết. Chỉ duy nhất một bộ kinh Di Đà, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng, chắc chắn có lợi ích. Không ngờ chỉ mới ba năm đã có lợi ích lớn như vậy.

 Chúng ta ngày nay đã biết, thế giới tây phương Cực Lạc với thế giới của chúng ta không như nhau, không phải là vi trần chúng. Là thành tựu của tự tánh thanh tịnh kim cang. Là một phần thuần tịnh tự tánh của A lại da, là thuần chân biến hiện ra. Nó không phải là phần ô nhiễm, không giống như mười pháp giới. Ngày nay chúng ta học Phật, nếu dùng tâm thanh tịnh trong A lại da, được chăng? Được. Dùng cách nào? Chúng ta đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước buông bỏ hết. Chính là dùng phần tịnh của A lại da, không dùng phần nhiễm. Hiện tượng của nhiễm là có chấp trước có phân biệt, có khởi tâm động niệm. Đây là nhiễm ô.

 Không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước là dùng phần tịnh. Như vậy công phu không giống nhau, đạt được quả báo không giống nhau. Nếu chúng ta có thể chuyển nhiễm thành tịnh. Thật sự buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc là được trang nghiêm. Vì sao? Được sanh vào cỏi thật báo trang nghiêm. Không cần 48 nguyện của Phật Di Đà gia trì, cũng sanh đến thế giới tây phương Cực lạc. Tự nhiên trở thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Cộng thêm oai thần bổn nguyện của Di Đà gia trì nữa, như vậy mà không tuyệt vời sao? Chúng tôi biết người như vậy, đến cõi thật báo là ghép lớp để vào.

 Hay nói cách khác, quả vị của họ khẳng định không phải nơi thập trú vị. Vì trong cỏi thật báo có 40 giai cấp. Thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa. Hướng lên cao nữa mà nói thì họ có thể đã chứng được. Đạo lý và chân tướng sự thật này không thể không biết! Biết rồi thì sao? Nâng cao địa vị vãng sanh tịnh độ của mình. Không biết, địa vị vãng sanh của chúng ta thấp. Biết thì địa vị vãng sanh cao. Đây là gì? Đây là mang theo được. Còn tất cả những gì của thế gian đều không mang theo được. Phàm những gì không mang theo được thì buông bỏ triệt để, phàm những mang theo được nhất định phải tranh thủ. Điều này quan trọng hơn bất cứ điều gì. Lấy thanh tịnh trang nghiêm vượt lên trên mười phương.

 Thanh tịnh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, vượt lên trên quốc độ của tất cả mười phương chư Phật. *“Cố vân oai đức quảng đại thanh tịnh Phật độ”.* Hai câu này là tán thán thế giới tây phương Cực Lạc, tán thán thành tựu của Phật Di Đà, tán thán thành tựu của oai thần bổn nguyên. Tán thán những vị Bồ Tát vãng sanh này. Thật sự có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước để thành tựu tự tánh công đức.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

# Tập 312

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: ngày 02 tháng 03 năm 2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, kinh văn hàng thứ nhất, trang 366.

 *“A Nan văn Phật sở thuyết, bạch Thế Tôn ngôn. Pháp Tạng bồ Tát, thành bồ đề giả. Vi thị quá khứ Phật da, vị lai Phật da. Vi kim hiện tại, tha phương thế giới da”.*

 Tôn giả A Nạn sau khi nghe Đức Thế Tôn nói xong, ngài đưa ra một vấn đề. Pháp Tạng Bồ Tát hiện nay đã thành Phật. Ngài là Phật quá khứ, Phật vị lai hay là Phật hiện tại? Phật hiện nay chắc chắn không ở thế giới ta bà, vì một thế giới chị có một vị Phật. Đức Thế Tôn là Phật hiện tại, như vậy Bồ Tát Pháp Tạng thành Phật khẳng định là ở thế giới tha phương. Bên dưới là Đức Thế Tôn trả lời ngài.

 *“Thế Tôn cáo ngôn, bỉ Phật Như Lai, lai vô sở lai, khứ vô sở khứ. Vô sanh vô diệt, phi quá hiện vị lại”.*

 Trả lời này hoàn toàn thuận theo chân đế. Cũng chính là nói, Chư Phật Như Lai và cảnh giới của pháp thân Bồ Tát. Chứng đắc vô thượng bồ đề, thời gian và không gian đều đã đột phá. Đột phá thời gian chính là không có quá khứ hiện tại vị lai. Không gian nếu không tồn tại thì không có thế giới này và thế giới tha phương. Nên đây là chân tướng sự thật. Không thể nói là quá khứ hiện tại hay vị lai. Đồng thời Bồ Tát đã thành Phật, cũng không có đến đi, không có sanh diệt. Thành Phật như thế nào? Đã giác ngộ. Giác ngộ viên mãn gọi là thành Phật, gọi là thành bồ đề. Thành tựu bồ đề, bồ đề là đại triệt đại ngộ.

 Bên dưới là nương theo tục đế mà nói. *“Đãn dĩ thù nguyện độ sanh hiện tại tây phương”.* Hiện là thị hiện. *“Khứ Diêm phù đề, bách thiên câu chi na do tha Phật sát, hữu thế giới danh viết Cực Lạc, Pháp Tạng thành Phật, hiệu A Di Đà. Thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp, kim hiện tại thuyết pháp, hữu vô lượng vô số Bồ Tát thanh văn chi chúng, cung kính vi nhiễu”.*

 Đây là thuận theo tục đế. Thực sự có một nơi như vậy, Đức Phật ở trong đó giảng kinh dạy học, giáo hoá chúng sanh. Thật có việc này.

 Chúng ta xem chú giải của Hoàng niệm Tổ. *“A Nan tùng sự khởi vấn”*. Hoàn toàn là tuỳ việc mà xét. *“Thế Tôn như lý chánh đáp”.* Năm câu hàng thứ nhất ở trước, Thế Tôn là từ cảnh giới hiện chứng của Chư Phật Như Lai mà trả lời. *“Sự lý vô ngại, diệu hiển trung đạo”.*

 *“Thế Tôn cáo A Nan viết, bỉ Phật Như Lai, lai vô sở lai, khứ vô sở khứ. Thử dữ Kim Cang Kinh trung, Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai”.* Chỉ một vị không sai khác, hoàn toàn là cùng một ý nghĩa.

 “Linh Phong đại sư” chính là Ngẫu Ích đại sư. Ngài ở Mục Sơn Tây Thiên, đạo tràng gọi là Linh Phong Tự. Người đời sau tôn kính ngài, nên gọi ngài là Lonh Phong đại sư.

 *“Kim Cang Phá Không Luận giải chi viết”.* Kim Cang Phá Không Luận là của ngài Ngẫu Ích đại sư trước tác. *“Dĩ chân như vô biệt xứ sở, khả tùng bỉ lai. Sanh tử vô biệt xứ sở , thả tùng thử khứ. Cố dĩ hữu duyên tắc hiện, thí như thuỷ thanh nguyệt hiện, nguyệt thật bất lai. Duyên tận tắc ẩn, thí như thuỷ trược nguyệt ẩn, nguyệt thật bất khứ cố. Thử diệc chánh thị bổn kinh, thử tam cú kinh van chi giải”.*

 Đây là thật tướng các pháp, chân tướng của tất cả pháp đều như vậy. Chân như vô biệt xứ sở, sanh tử cũng vô biệt xứ sở. Nó ở đâu? Ngay tại đây, ngay hiện tiền. Cách nói này của chúng tôi, các vị đồng tu sẽ không phản đối, sẽ không có nghi vấn. Vì sao? Quý vị có nền tảng Pháp Hoa. Huống gì chúng ta đã học qua hai lần “Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán” của quốc sư Hiền Thủ.

 Trong kinh Hoa Nghiêm nói, thật tướng các pháp không có đối lập. Quá khứ, hiện tại, vị lai là đối lập. Không có đối lập nghĩa là không có thời gian. Không có xa gần nghĩa là không có không gian. Cho nên ý niệm vừa động liền biến pháp giới hư không giới. Vì sao? Bởi không có cự ly. Một là tất cả, tất cả là một, đây mới là chân tướng sự thật. Hiện tượng này từ đâu có? Vũ trụ từ đâu có? Năng sanh vạn pháp, vạn pháp từ đâu có? Trong kinh Lăng Nghiêm Đức Thế Tôn dạy rằng: *“đương xứ xuất sanh, tuỳ xứ diệt tận*”. Cách nói này của đức Thế Tôn trong kinh Bồ Tát Xứ Thai, là đối thoại giữa Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc, đã nói một cách tường tận thấu triệt. Sao gọi là đương xứ xuất sanh? Cái gì gọi là đương xứ diệt tận? Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm. Mổi niệm thành hình, đó chính là xuất sanh, là “hình giai hữa thức”.

 Trong mổi niệm, một niệm này sanh ra, thì hiện tượng vật chất liền xuất hiện. Hình giai hữu thức là hiện tượng tinh thần xuất hiện. Trong Phật pháp gọi là ngũ uẩn. Niệm niệm thành hình là sắc xuất hiện. Hình giai hữu thức là thọ tưởng hành thức xuất hiện. Tuy xuất hiện, nhưng Đức Phật nói ngay chổ đó diệt tận. Ý niệm này không còn, hiện tượng này cũng không còn nữa. Ý niệm thứ hai lại khởi lên nó lại xuất hiện. Ý niệm này tồn tại thời gian bao lâu? Chúng ta tính toán khái lược, nếu một giây có năm lần khảy móng tay. Thì trong một giây đó có bao nhiêu lần xuất sanh, bao nhiêu lần diệt tận? Chữ số được tính ra là 1600 triệu một giây. Một giây có 1600 trăm triệu lần sanh ra và diệt tận. Đương xứ xuất sanh, tuỳ xứ diệt tận. Quý vị nói nó từ đâu đến? Không có chổ đến. Quí vị nói nó đi đâu? Không có chỗ đi. Đến đi là giả, không phải thật. Điều này thực sự giúp chúng ta nhìn thấu triệt thế gian này.

 Đức Phật nói đây thật tướng của các pháp. Cho nên đức Phật thường nói nhất thiết pháp không. Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Quý vị nói có phải hư vọng không? Một phút có 1600 triệu lần sanh diệt, đơn vị là triệu. Người xưa nói vạn vạn là một ức, vạn ức là một triệu. Một giây có 1600 triệu lần sanh diệt, nên tìm sanh diệt không thể được. Lời này phải nói ra sao? Dùng bất sanh bất diệt để nói lên sự việc này. Mọi người nên biết rằng, nếu thật sự không có sanh diệt, mà nói bất sanh bất diệt thì chẳng có ý nghĩa gì. Sanh diệt chính là không sanh diệt, không sanh diệt chính là sanh diệt. Đây là nói về hiện tượng gì? Một giây có 1600 triệu lần sanh diệt. Hiện tượng sanh diệt này làm sao có thể nắm bắt được? Nắm bắt không được. Chẳng những mắt chúng ta không nhìn thấy, mà tai cũng không nghe thấy. Lục căn tiếp xúc không được, ngay cả suy nghĩ cũng không thể nghĩ đến.

 Chúng ta nghĩ một sự việc, thì khởi tâm động niệm trong một giây có 1600 triệu lần sanh diệt. Các nhà khoa học đã phát hiện, nhưng không nói ra chữ số. Đức Phật đã nói ra chữ số. Giới khoa học nói, tốc độ sanh diệt của lượng tử vô cùng nhanh chóng, nghĩa là tồn tại của nó. Thời gian tồn tại vô cùng ngắn ngủi, mắt thường của chúng ta có thể nhìn thấy. Trên thực tế nó là tướng liên tục.

 Như chúng ta xem phim, nhìn thấy những hình ảnh trên màn hình là tướng liên tục. Không phải từng tấm từng tấm, nó di động rất nhanh. Khi điện ảnh phát ra chúng ta biết, một giây có 24 tấm. Ngày nay Đức Phật nói hiện tượng trước mắt chúng ta. Ta có thể cảm nhận được thế giới này, một giây là 1600 triệu. Liên tục đều là huyễn tướng, không phải thật. Chúng ta không cần tướng liên tục, chỉ đơn thuần tìm một tướng được chăng? Một tướng chính là ở đây nói, đến không chổ đến, đi không chổ đi, bất sanh bất diệt. Chính là hiện tượng này. Chúng ta tìm sanh diệt sẽ không tìm thấy, bởi nó quá nhanh. Trong một giây có 1600 triệu lần sanh diệt, như vậy làm sao tìm được?

 Ngày nay hiện tượng mà giới khoa học nhìn thấy, là chân tướng của hiện tượng vật chất. Cái gì gọi là vật chất? Rốt cuộc vật chất là gì? Hiểu rỏ chân tướng, thì ra nó là huyển tướng do ý niệm tích luỹ. Đây chính là nói tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Vật chất từ tâm tưởng sanh. Các nhà khoa học chứng minh, ý niệm và ý thức là nền tảng của vật chất. Nói cách khác, không có ý niệm này thì không thể có hiện tượng vật chất tồn tại. Hiện tượng vật chất là huyển tướng do ý niệm tích luỹ. Chúng ta cho rằng nó tồn tại, thật ra nó không tồn tại. Như chúng ta xem hình ảnh trên phim và trên ti vi. Những tướng đó hình như tồn tại, thật ra không phải, là tốc độ di động quá nhanh.

 Di động trên điện ảnh chúng ta biết, nhưng xem tỷ mỷ thì nó có chút chấn động. Vì sao? Bởi một phút có 24 lần chấn động, hình như có động thoáng qua. Nhưng ti vi không nhìn thấy. Tần suất của ti vi so với máy chiếu phim thì cao hơn rất nhiều. Càng nhanh ta càng cảm giác không được, không nhìn thấy nó là giả. Kỳ thật nó thực sự là giả. Bao gồm cả thân thể chúng ta, bao gồm cả tư tưởng của chúng ta. Toàn là giả, đừng cho là thật. Các nhà khoa học thông minh của ngoại quốc, họ không thừa nhận thân thể là ta. Cái gì là tôi? “Tôi suy tư tức là tôi hiện hữu”. Ta có thể suy nghĩ cái này là ta. Thân thể này không phải ta, có thể suy nghĩ là của ta. Suy nghĩ là gì? Là thức thứ sáu. Ý thức là nền tảng của vật chất, ý thức cũng không tồn tại. Nó hoàn toàn tương đồng với tần suất của hiện tượng vật chất, tần suất chấn động cao. Cho nên các nhà khoa học có đề suất, cho rằng toàn thể vũ trụ chấn động như sợi dây đàn vậy. Định luật của sợi dây đàn đều từ chỗ này phát sanh. Cách nói này cũng tương ưng với kinh Phật.

 Phật pháp nói nhất niệm bất giác. Nhất niệm bất giác đó chính là chấn động của sợi dây đàn, rất vi tế, rất nhanh chóng. Nhất động này sinh ra hiện tượng, là hiện tượng hư huyễn. Tên của nó trong kinh Phật gọi là A lại da. A lại da là năng biến, muôn sự muôn pháp là sở biến. Nhất biến này chính là mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Mười không phải tượng trưng cho chữ số, mười là tượng trưng cho sự viên mãn. Biến hoá vô lượng vô biên vô tận vô số. Nó biến hoá theo từng ý niệm của ta. “Tuỳ chúng sanh tâm ứng sở tri lượng”. Đây chính là chân tướng của nhân sinh vạn vật trong vũ trụ. Bồ tát thành Phật là hiện tượng này, là hiện tượng tự nhiên. Chúng ta ngày nay cảm nhận về thế giới cũng là hiện tượng này, không rời hiện tại.

 Vì sao ngài có thể thành Phật? Ngài buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nên ngài có thể thành Phật. Bất cứ người nào trong chúng ta, nếu buông bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì cũng thành Phật. Sau khi thành Phật sẽ biết, biến pháp giới hư không giới với mình là một thể. Thành đẳng chánh giác. Đây là bộ phận lành mạnh.

 Mê thất tự tánh, là ngộ nhận lục đạo và mười pháp giới, cho rằng nó là có thật. Đây là một bộ phận bị tê liệt trong toàn thể của chúng ta, là trạng thái không lành mạnh. Giống như thân thể chúng ta bị trúng gió vậy, nữa người bị tê liệt. Tê liệt chính là mê thất tự tánh. Bộ phận bình thường là bộ phận lành mạnh, đó là giác ngộ. Thật là nhất thể.

 Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát, các ngài thừa nhận, các ngài khẳng định. Đây là cảnh giới Như Lai tự thân chứng được. Trong kinh Kim Cang nói rằng: *“Như Lai vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai”*. Như lai là nói đến tất cả hiện tượng. Bất cứ hiện tượng nào cũng đều như vậy. Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận. Nên cần phải biết, chân như không có nơi chốn, bất cứ nơi nào chốn nào đều có, là pháp tánh. Sanh tử là pháp tướng, thể của pháp tướng chính là chân như. Nên pháp tướng cũng không có nơi chốn, cũng là bất cứ nơi nào chốn nào đều có. Có duyên thì nó hiện, không có duyên thì nó ẩn. Khi không có duyên, ngài Huệ Năng nói “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Không hiện tướng, vốn tự nó đầy đủ. Nó đã ẩn, không thấy nữa. Có duyên thì có thể sanh ra vạn pháp. Đã hiện, vạn pháp đã hiện ra. Nó hiện, chúng ta gọi nó là sanh ra. Nó ẩn, chúng ta gọi nó là tiêu diệt. Thật ra không có sanh ra, cũng không có tiêu diệt. Chỉ là ẩn hiện không giống nhau mà thôi.

 Tự tánh là thật sự viên mãn, không hề khiếm khuyết. Nó thực sự không có biên tế. Hiện tượng này, có thể chính là các nhà khoa học phát hiện sự chuyển biến của năng và chất. Năng là thể, năng là nhất. Chất là vật chất. Hiện tượng vật chất rất nhiều, vô lượng vô biên. Là do một năng lượng biến. Như khoáng vật, kim loại kiên cố, các nhà khoa học nói, tần suất chấn động của nó hơi thấp. Như đất cát, đất bùn tần suất nhanh hơn. Cho nên vật chất không giống nhau, sinh ra hiện tượng tần suất không tương đồng. Những hiện tượng này đều là huyễn tướng. Vì tất cả hiện tượng vật chất, từ kim loại nặng đến không khí, dưỡng khí. Tất cả đều có thể trở về thành năng lượng. Sức mạnh như thế nào chỉ huy năng lượng biến thành hiện tượng vật chất? Ý niệm. Sức mạnh như thế nào đem vật chất trở về với năng lượng? Cũng là ý niệm, vì tất cả pháp từ tâm tưởng sanh.

 Ngày nay ý niệm của chúng ta vì sao không thể đem năng lượng biến thành vật chất, đem vật chất biến thành năng lượng ?Tại sao không thể? Thật ra Đức Phật đều đem thông tin này nói ra cho chúng ta, chỉ là chúng ta lơ là không để ý mà thôi. Trong kinh Di Giáo có nói, ở đây chúng ta cũng đã nói. Ở trước cũng nói cách đây chưa lâu. “Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, “chỉ tâm nhất xứ”. Chỉ và chế là cùng một ý nghĩa. Chỉ cần ý niệm tập trung, không có ý niệm nào khác, chỉ có nhất niệm. Việc gì cũng có thể làm được. Ngày nay chúng ta tu hành, không phải là tu điều này sao? Hy vọng đem những ý niệm này của chúng ta, tất cả ý niệm đều buông bỏ. Chỉ có một niệm A Di Đà Phật, chúng ta chế tâm vào một chỗ. Chúng ta sẽ chế tâm vào A Di Đà Phật, thật sự chế tâm vào một chổ. Quý vị thấy, năng lượng của quý vị lớn biết bao.

 Chế tâm một chổ trong Tịnh độ tông gọi là nhất tâm bất loạn. Trong này có lý có sự. Sự nhất tâm bất loạn, là mười pháp giới y chánh trang nghiêm, những việc này ta đều có thể làm. Lý nhất tâm bất loạn, đó là cảnh giới của pháp thân Bồ Tát. Đó là cỏi thật báo trang nghiêm. Sự việc trong cỏi thường tịch quang, chẳng có gì là không làm được. Cần phải hiểu rỏ những đạo lý này, mới biết diệu dụng của Tịnh độ tông, chổ cao nhất của Tịnh Độ tông!

 Con người thời nay hình dung nói rằng là bác đại tinh thâm, không có gì so sánh được. Chúng ta sao lại có thể xem thường Tịnh độ? Chỉ là ngày nay kinh thì có, nhưng xem không hiểu. Chúng tôi mổi ngày đều xem. Xem suốt 60 năm mới hiểu đươc, mới phát hiện. Đây là điều cổ nhân nói, đọc sách ngàn biến, nhưng nghĩa của nó phải tự hiểu. Đọc ngàn lần ta mới thấy một chút ý nghĩa, nhưng đọc ngàn ngàn lần thì ý nghĩa ta hiểu được sẽ không giống nhau. Một năm 360 ngày, 100 năm là ba vạn sáu ngàn ngày. Ba vạn sáu ngàn ngày, mổi ngày xem đều không giống nhau, ý nghĩa ta đều hiểu được. Đến lúc đó ta mới thật sự hiểu được những gì Đức Phật nói, do tâm mà hiện, do thức mà biến. Tâm tưởng sự thành, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Những lời này của Đức Phật, chúng ta sẽ rỏ ràng hết, hiểu hết. Nghe rồi liền gật đầu, Đức Phật nói không sai chút nào. Sự thật là như vậy, làm gì có đến và đi!

 Quý vị nói, chúng ta có đến đi chăng? Lúc tôi còn trẻ có chơi điện ảnh. Tôi có máy nhiếp ảnh, có đầu chiếu phim. Khi chụp hình, chúng ta lập tức phát hiện. Tại đây xuất hiện và cũng tại đây diệt tận. Đĩa phim là dùng cuốn băng. Trước đây tôi dùng là phạm vi nhỏ. Máy nhiếp ảnh này, một phút chụp được 24 tấm hình. Độ dài của cuốn phim là bốn phút, một cuốn phim có thể chụp bốn phút. Một người từ xa đi lại, chúng ta chụp họ. Từ bên kia đi đến bên này, họ có bước đi không? Họ không có bước đi. Khi tôi chụp họ không bước đi. Mổi tấm ảnh đều là độc lập, không bước đi. Không bước đi sao lại đến được bên này? Chỗ này sanh ra và chổ này diệt tận. Đến đây là bên khác, cũng là chỗ này sanh ra và ở đây diệt tận. Có phải là một không? Không phải! quý vị nói xem, cái nào là chính mình?

 Mấy trăm tấm hình, mổi tấm đều là chính mình. Chỉ là bất đồng thời gian, bất đồng nơi chốn. Chúng ta chính là chỗ này sanh ra và chỗ này diệt tận. Ống kính máy nhiếp ảnh vừa mở là nó liền sanh ra, nhưng đóng lại là diệt tận. Lần thứ hai mở ra thì ta lại xuất hiện, đóng nắp ống kinh thì ta lại diệt tận. Dùng máy nhiếp ảnh chụp ra, thì nhìn thấy chân tướng của mình. Đây là tự thân chúng tôi kinh nghiệm. Trong đại thừa giáo nói rằng, ở ngay đây, không có quá khứ vị lai, quá khứ vị lai là giả. Ngay đây ta không nắm được. Vì sao? Bởi nó quá nhanh. Ngay đây chính là ngay đây của Bồ tát Di Lặc nói. Giống như chúng ta quay phim vậy. Khi chúng ta chụp, một giây có 24 tấm ảnh. Nhưng một giây của ngài có 1600 triệu tấm. Một giây là 1600 triệu, cái nào là ta? Tất cả đều là ta, không có cái nào không phải là ta. Biến pháp giới hư không giới đều là ta. Thật giống như nằm mộng vậy. Ở trong mộng, tất cả những cảnh giới trong mộng hoàn toàn là chính mình. Đều là trong lòng mình hiện ra, tâm hiện thức biến. Là đạo lý này.

 Pháp giới hư không giới. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, thế giới Hoa Tạng, trùng trùng vô tận. Đọc đến phẩm Thế Giới Thành Tựu. Phẩm Thế Giới Thành Tựu chính là nói từ tâm tưởng sanh. Nói với chúng ta do tâm mà hiện, do thức mà biến. Thế giới Hoa Tạng là chỗ này sanh ra và chỗ này diệt tận. Một điều thật thì tất cả đều thật, một điều vọng thì tất cả đều vọng. Quý vị nói thật cũng được, quý vị nói vọng cũng được, đều đúng. Chỉ cần ta thật sự hiểu rỏ được chân tướng sự thật thì nói thế nào cũng đúng. Còn không hiểu được thì nói thế nàu cũng sai. Vì sao? Vì ta chưa khế nhập cảnh giới này.

 Linh Phong đại sư giải thích về điều này, đã dùng mặt trăng để làm ví dụ. Có duyên thì hiện, hết duyên thì ẩn. Ngài đưa ra ví dụ, nước yên thì trăng hiện. Hiện tượng này mọi người chúng ta đều có kinh nghiệm.

 Đêm tối nhìn xuống mặt nước, nước yên ánh trăng hiện trên mặt nước. Ánh trăng có đến trong hồ này chăng? Không có. Đây gọi là chỗ này xuất hiện. Nước đục, có gợn sóng thì ban đêm trăng sẽ không hiện ra. Ánh trăng cũng không đến, không đến cũng không đi. Điều này dể hiểu. Sự thật thì sao? Sự thật đúng là như vậy. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm không đến cũng không đi. Không đến và đi nhưng lại chấp trước nó có đến và đi. Mê là mê ở chổ này. Người ngộ biết được không có đến đi, không chấp trước đến và đi. Đây là giác ngộ. Người mê không hiểu được chân tướng sự thật, cho rằng hiện tượng là thật. Họ chấp trước có đến và có đi. Mê gọi là pháp thế gian. Ngộ gọi là pháp xuất thế gian. Có xuất nhập chăng? Không có. Thế gian và xuất thế gian lầ một không phải hai. Thật sự có thế gian, có xuất thế gian ư? Không có, không tìm thấy. Chỉ là mê và ngộ không giống nhau.

 Giác ngộ thì ngay đây là xuất thế gian. Vì sao? Bởi không còn chấp trước thế gian. Chỉ cần không chấp trước, thì bản năng của ta sẽ được phục hồi. Bản năng là gì? Là lục căn, mắt phóng quang. Sao gọi là phóng quang? Ngày nay chúng ta gọi là sóng ánh sáng. Giữa vũ trụ rất nhiều sóng ánh sáng. Mắt chúng ta có thể nhìn thấy, nhưng chỉ nhìn thấy sóng ánh sáng nhất định. Dài hơn sóng ánh sáng này thì không nhìn thấy, ngắn hơn sóng ánh sáng này cũng không nhìn thấy. Đến khi vọng niệm không còn, năng lực được phục hồi, thì tất cả mức độ sóng ánh sáng chúng ta đều nhìn thấy hết. Khi đó ta sẽ nhìn thấy toàn vũ trụ.

 Chúng ta bây giờ dùng máy móc, dùng X Quang, để nhìn thấu suốt nội bộ trong cơ thể. Sau khi chế tâm vào một chổ, buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì không cần máy móc. Mắt chúng ta còn hay hơn, nhìn còn rỏ ràng hơn cả X Quang nữa. Khắp cơ thể chúng ta, mổi tế bào đều đang chấn động, người đó cũng biết, và thấy rất rỏ ràng. Những thứ đó cũng có sanh diệt, gọi là thay cũ đổi mới.

 Các nhà khoa học nói, tế bào trong cơ thể chúng ta thay cũ đổi mới có chu kỳ. Đức Phật thấy, không phải ngài thấy chu kỳ này. Mà Đức Phật thấy là thấy sát na sanh diệt. Thấy được điều gì? Tại đây sinh ra và tại đây sinh diệt. Chư Phật Như Lai và pháp thân đại sĩ, mắt của các ngài có thể thấy khắp biến pháp giới hư không giới. Ở đâu? Ngay tại đây. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Cũng tại đây. Còn thế giới Hoa Tạng thì sao? Cũng ở ngay đây. Ngay bây giờ. Giống như bây giờ chúng ta xem ti vi vậy. Toàn thế giới đều xem cùng một hình ảnh. Chúng ta chỉ cần ấn nút kênh, kênh này là truyền hình của nước Mỹ, thì nước Mỹ hiện ra trước mắt. Đổi kênh khác, truyền hình nước Anh thì nước Anh ngay trước mắt. Không có đến đi, không có trước sau. Tại đây sanh ra và tại đây diệt tận, đây là chân tướng sự thật.

 Chúng ta muốn nhìn thấy quá khứ được chăng? Được. Xem hiện tượng của vị lai được chăng? Không có tam tế nên không chướng ngại. Chúng ta bây giờ có chướng ngại. Chúng ta muốn xem năm trước cũng không thấy được, chỉ có thể xem băng ghi lại. Nhìn vị lại cũng không nhìn được, vì vị lai thì chưa đến. Ngày mai phát sanh chuyện gì, hôm nay vẫn không biết được. Nếu chúng ta có thiên nhãn, có thiên nhãn ta sẽ nhìn thấy hết. Tất cả hiện tượng đều thay đổi vô cùng. Những biến đổi này chúng ta đều biết, không có điều gì chẳng biết.

 Trong suốt 49 năm Đức Thế Tôn giáo hoá, thường dùng giấc mộng làm ví dụ, ví dụ rất hay. Hiện tượng của vũ trụ, thực sự nó giống như một giấc mộng. Mộng cũng là tại đây sanh ra và tại đây diệt tận. Mộng nó vượt qua không gian và thời gian.

 Chúng ta xem tiếp kinh văn.*“Cái Như Lai pháp thân biến nhất thiết xứ. Cánh hà năng ngôn, pháp thân tùng hà xứ lai, đáo hà xứ khứ? Nhất thiết xứ giai thị tự tánh pháp thân cố, duy dĩ ngộ duyên nhi hiện lai khứ. Thị cố kinh vân, đản dĩ thù nguyện độ sanh, hiện tại tây phương, tức thử nghĩa dã”.*

 Tự tánh biến khắp mọi nơi, nên pháp thân cũng biến khắp mọi nơi. Biến khắp mọi nơi nên không có đến và đi. Giống như hiện nay chúng ta nói hư không, hư không biến khắp mọi nơi. Hư không từ đâu đến? Hư không đi về đâu? Không có ai đưa ra vấn đề này. Họ không biết hư không là do pháp tánh biến hiện. Nó là tướng hư huyễn không có thật. Điều này giới khoa học cũng đã phát hiện, thời gian và không gian đều không có thật.

 Nói về thời gian và không gian, trong “Bách Pháp Minh Môn Luận”, đem tất cả pháp của thế xuất thế gian quy nạp thành năm loại lớn: gồm có tâm pháp, tâm sở hữu pháp, sắc pháp, bất tương ưng hành pháp, vô vi pháp. Năm loại lớn này bao gồm tất cả pháp trong thế và xuất thế gian.

 Thời gian và không gian ở đâu? Ở trong bất tương ưng hành pháp. Bất tương ưng hành pháp, danh từ của người hiện nay gọi là khái niệm trừu tượng. Nó không phải thật, là một khái niệm trừu tượng, không có sự thật. Nhưng không thể nói nó không có, cũng không thể nói nó có. Điều này 3000 năm trước Phật pháp đại thừa đã nói, thời gian không gian không phải là thật. Thật chỉ có vô vi pháp. Vô vi pháp là thật, pháp hữu vi là giả. Pháp hữu vi là duyên sanh, có sanh có diệt. Còn trong pháp vô vi có thật pháp vô vi, và có tương tợ pháp vô vi, nó không phải là thật. Pháp vô vi thật chỉ có một, là chân như vô vi. Chỉ có pháp này là thật.

 Pháp thân là chân như vô vi, biến khắp mọi nơi. Tất cả pháp trong khắp mọi nơi, đều là pháp thân biến hiện ra. Pháp thân ở đâu? Tất cả pháp chính là pháp thân. Cho nên ta không thể nói pháp thân từ đâu đến, phải thật sự thông đạt thấu triệt. Bất cứ pháp nào cũng không thể nói nó từ đâu đến. Không có, nó căn bản không có đến và đi. Có đến có đi chính là giả, không có đến và đi mới là thật. Nơi đây sanh ra và nơi đây diệt tận.

 Phật pháp nói về nhân duyên rất hay. Duyên là gì? Duyên là ý niệm của chúng sanh. Chúng sanh nghĩ đến Phật, Phật sẽ hiện tiền. Chúng sanh không nghĩ đến thì Phật không xuất hiện. Chúng sanh nghĩ đến ma, ma sẽ hiện tiền. Không nghĩ thì ma cũng không có. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh ra. Ai nghĩ? Chính chúng ta nghĩ chứ không liên quan đến người khác. Nên người xưa nói tự làm tự chịu. Câu nói này quá hay! Không có một pháp nào chẳng phải là do ta tự làm. Cho nên lành dữ hoạ phước đều do chính mình gánh chịu\_tự làm tự chịu. Phật không phải chịu bất cứ điều gì. Vì sao vậy? Vì ngài không nghĩ đến bất cứ điều gì, nên ngài không chịu bất cứ điều gì. Đây gọi là trở về tự tánh. Trong tự tánh không có ý niệm. Nên vô niệm thì tự tánh sẽ xuất hiện. Có niệm tự tánh sẽ không thấy nữa. Chẳng phải không thấy mà nó biến chất. Nó đã biến thành mê.

 Thực tế mà nói, ngộ là tự tánh, mê cũng là tự tánh. Mê và ngộ khởi dụng không giống nhau. Ngộ là quang minh, là linh minh giác tri. Mê là hồ đồ, là không biết điều gì cả. Mê ngộ đều là tự tánh. Nên tự tánh khởi tác dụng hoàn toàn không giống nhau.

 Câu này rất quan trọng: *“Nhất thiết pháp giai thị tự tánh pháp không*”. Tất cả pháp đều là pháp tướng của tự tánh. Đây đều là nói về thật tướng các pháp.

 “*Duy dĩ ngộ duyên nhi hiện lai khứ*”. Duyên là chúng sanh. Chúng sanh có cảm là Đức Phật có ứng. Đức Phật ứng nhưng không có đến và đi. Chúng sanh cho rằng có đến và đi, nhưng thực tế không có. Trên thực tế là nơi này sanh ra và nơi này tận diệt. Đây là thật. Chư Phật Bồ Tát làm gì có đến và đi? Quý vị nên biết, chư Phật Bồ Tát không có đến và đi, chúng ta trú trong pháp thân của Phật, Phật chưa từng rời xa chúng ta.

 Công đức niệm Phật thật không thể nghĩ bàn. Chúng ta niệm Phật A Di Đà là cùng với Phật A Di Đà dung hợp thành một thể. Đây chính là tất cả pháp từ tâm tưởng sanh ra. Không thể niệm điều gì khác, niệm gì khác sẽ rất phiền phức. Mổi ngày ta cứ nhớ nghĩ đến tài, sắc, danh, thực, thuỳ. Như vậy ta ở cùng với ai? Ta ở cùng địa ngục. Địa ngục có năm điều căn bản, một điều ta cũng chạy không thoát. Nếu cả năm điều đều đầy đủ thì thật không tưởng tượng được!

 Tất cả các pháp trong biến pháp giới hư không giới đều tuỳ theo ý niệm của chúng ta, hoàn toàn là pháp tánh biến hiện ra. Nếu ta giác ngộ, thì mổi niệm không rời Phật. Còn nếu là mê hoặc, thì mổi niệm đang tạo nghiệp. Lành giữ hoạ phúc cũng từ đây mà có.

 “Thù nguyện độ sanh”. Then chốt là ở chữ thù này, duyên cũng tại nơi chữ thù này. Chúng sanh có cảm, Chư Phật Bồ Tát liền có ứng. Phật A Di Đà là “hiện tại tây phương”. Tây phương này là tây phương của thế giới Ta bà. Thật ra chưa từng rời xa nơi này. Tây phương là dùng phương tiện để nói. Thật có tây phương chăng? Tục đế nói thật có tây phương, không phải Chân Đế, vì Chân Đế không có. Chân Đế là viên mãn, Chân Đế là nhất thể. Chân Đế là vĩnh viễn không có phân ly, là tự tánh thanh tịnh viên minh thể.

 *“Dĩ thượng kinh cú ‘lai vô sở lai’ đáp sở vấn quốc giới, thử thuộc không gian. Biểu thập phương hư không bất ly đương xứ”.*

 Câu này là lời nói rất thật. Mười phương hư không không rời xa nơi này. Mười phương thế giới đương nhiên cũng không rời nơi này, mà ngay tại đây. Trong “Hệ Niệm Pháp Sự” thiền sư Trung Phong nói rất hay. *“Thử phương tức thị Cực Lạc”,* chính là Tịnh độ. *“Tịnh độ tức thị thử phương. Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm”.* Hai câu này là đem nguồn góc bí mật của vũ trụ vạch trần ra. Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát tự thân chứng được, chứ không phải giả. Mười phương thế giới đều ngay trước mắt. Điều này là nói gì? Không có không gian, không có cự ly.

 “*Thượng tắc đáp sở vấn chi thời gian viết, ‘vô sanh vô diệt, phi quá hiện vị lai’. Như niết bàn vân”*. Trong kinh Niết Bàn nói, *“Chư hành vô thường, thị sanh diệt pháp, sanh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc”.*

 “Chư hành vô thường”. Hành là hành động. Khởi tâm động niệm là hành động của ý. Hoặc là chúng ta nói hành vi. Ngôn ngữ là hành vi của miệng. Động tác của thân thể là hành vi của thân. Những hành vi này đều là vô thường. Vì sao? Vì đây là pháp sinh diệt. Giống như Bồ Tát Di Lặc nói, một giây có 1600 triệu lần sanh diệt. “Sanh diệt diệt dĩ”, một phút 1600 triệu lần sanh diệt này. Thật sự không còn, nó đã bị diệt tận. Không khởi tâm không động niệm, thì tịch diệt sẽ hiện tiền. Diệt điều gì? Khởi tâm động niệm không còn. Một giây 1600 triệu lần sanh diệt là khởi tâm động niệm. Chúng ta thật sự không biết tần số ý niệm của chính mình sao lại cao như vậy. Một giây chấn động 1600 triệu lần. Tần số cao như vậy, hiện ra hiện tượng tinh thần như thọ tưởng hành thức. Từ thọ tưởng hành thức sanh ra sắc\_hiện tượng vật chất. Ngũ ấm nói lên điều gì? Ngũ ấm chính là nói về hiện tượng vật chất nhỏ nhất, ngày nay gọi là lượng tử. Ngũ uẩn giai không, nên khẳng định lượng tử không tồn tại.

 Trong Phật pháp nói cái vi tế trong cái cực kỳ vi tế. Cái vi tế trong cái cực kỳ vi tế đó đầy đủ hiện tượng của ngũ uẩn - sắc thọ tưởng hành thức. Thời gian nó tồn tại chính là một giây 1600 triệu, một trên 1600 triệu. Nếu ý niệm này diệt thì sẽ thành Phật. Ý niệm này diệt thì gọi là vô minh đoạn diệt. Hiện tượng này gọi là vô thỉ vô minh.

 Vô thỉ là gì? Là không có bắt đầu. Nghĩa của vô thỉ chính là vô sanh. Vô sanh thì vô diệt, vô thỉ thì vô chung. Nên tưởng gọi là vọng tưởng. Vô minh gọi là vô thỉ vô minh. Danh từ này bao hàm ý nghĩa rất sâu!

 Vô thỉ, thật sự nó không có bắt đầu. Quý vị xem, Nó bắt đầu thì nó sớm đã bị diệt tận. Cái thứ hai vô thỉ vô minh của nó lại hiện ra, vẫn là vô thỉ vô minh. Toàn bộ là giả, không có cái nào là thật. Người giác ngộ lập tức đoạn trừ, nó sẽ dừng lại. Nên nó là hiện tượng động. Còn tự tánh thì sao? Tự tánh là bất động. Ngài Huệ Năng nói, “đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Không sanh diệt, không dao động. Nên bất động là chân tâm, động là vọng tâm. Bất động là chánh, động là tà. Tà không thắng chánh. Nên trong một giây có 1600 triệu lần dao động, không bằng một niệm tịnh. Điều này rỏ ràng nói lên rằng tà không thể thắng chánh. Một niệm giác thì một giây trên 1600 triệu phần trăm lần dao động sẽ dừng lại, sẽ bị diệt tận. Lúc này lấy tịch diệt làm niềm vui.

 Ai có thể cảm nhận được? Người giác ngộ cảm nhận được. Từ vô thỉ kiếp đến nay, tâm này đều là động, đều là loạn. Từ trước đến nay chưa từng dừng lại, ngày nay đột nhiên dừng lại. Dừng lại ở đây chính là thấy đạo, ngộ đạo và khế nhập.

 Khổng Tử nói: *“Học nhi thời tập chi, bất diệc thuyết hồ”*. Niềm vui đã xuất hiện. Niềm vui này không phải là tình cảm, tình cảm là phiền não. Nên ở đây nói tịch diệt là vui. Vui này không phải là vui của khổ vui. Khổ vui đều không còn nữa, đây gọi là\_chân lạc\_ niềm vui thật sự.

 Khổ vui, khổ là khổ, vui cũng là khổ. Gọi là vui quá sanh sầu lo. Nó không phải thật, nó sẽ có sự biến hoá.

 *Hựu ‘Thủ Lăng Nghiêm Quán Âm Viên Thông Chương’ vân.* Thủ Lăng Nghiêm Kinh*, sanh diệt diệt dĩ, tịch diệt hiền tiền.*

 Tịch điệt chính là tự tánh, chính là niết bàn. Chính là minh tâm kiến tánh mà tông môn nói. Chỉ cần đoạn diệt sanh diệt. Sanh diệt là gì? Chính là ý niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn ý niệm. Một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm. Đây là sanh diệt. Sau khi những thứ này đoạn diệt, thì tịch diệt sẽ hiện tiền. Tịch diệt là tự tánh, là minh tâm kiến tánh.

 *“Cái chứng nhập vô sanh, vô sanh tắc vô diệt”.* Sanh diệt diệt rồi, mới thật sự hiểu được vô sanh. Những điều ngài Huệ Năng thể hiện cho chúng ta thấy thật không đơn giản! Lúc đó ngài 24 tuổi. Ngài chứng ngộ như thế nào? 24 tuổi nghe Ngũ Tổ giảng Kinh Kim Cang, giảng đến câu “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”. Ngài đã chứng ngộ. Đem cảnh giới mà ngài chứng ngộ báo cáo với Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Ngài nói “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Cũng chính là nói, tâm thanh tịnh của tự tánh, xưa nay chưa từng bị nhiễm ô. Bây giờ có nhiễm ô chăng? Không có. Dù cho đoạ vào địa ngục A tỳ cũng không nhiễm ô. Nhiễm ô là gì? Là ý nhiễm ô. A lại da là vọng tâm. Vọng tâm có nhiễm ô, có nhiễm tịnh. Nhưng chân tâm không có.

 Tiếp theo ngài nói: “Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Không sanh không diệt. Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ. Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt. Cuối cùng ngài nói, “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn vừa nghe, biết rằng ngài thật sự khai ngộ chứ không phải giả. Lập tức truyền y bát cho ngài, ngài trở thành Tổ sư đời thứ sáu của thiền tông. Thật không dể, ngài đã chứng ngộ vô sanh. Vô sanh vô diệt chính là câu thứ hai ngài nói: “Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Là không sanh không diệt.

 *“Phi quá hiện vị lai”.* Quá là quá khứ, hiện là hiện tại, vị lai, là nói tam tế, là chỉ về thời gian. Không có quá khứ, hiện tại, vị lai. *“Cái thời hữu quá hiện vị giả, vọng niệm tương tục cố*”. Thật sự không có. Là do vọng niệm liên tục của chúng ta. *“Tiền niệm diệt thị quá khứ, hạ niệm sanh thị vị lai. Vọng niệm bất sanh tắc diệc vô diệt, tắc thời vô quá khứ dữ vị lai. Hiện tại niệm niệm bất trú, cố vô hiện tại. Quá khứ, hiện tại, vị lai liễu bất khả đắc”.* Liễu là thật sự thấu suốt. Thật sự thấu suốt thời gian là giả, nên không có gì để được. Hay nói cách khác, không gian và thời gian đều không có. Không nên bị giả tướng của thời gian và không gian làm mê hoặc. Nhất định phải nghĩ đến điều này. Thế Tôn nói hiện tượng này là bất tương ưng hành pháp. Hiện nay gọi là khái niệm trừu tượng, không có thật.

 Con người sao lại bị già? Ở thế gian này lâu liền nghĩ đến già. Nghĩ đến già thì sẽ già, nghĩ đến bệnh thì sẽ bệnh. Đã bệnh thì phải chết, nghĩ đến chết thì sẽ chết. Tôi nói với quí vị, chết là giả. Quý vị không chết, chết là thân thể này chết. Thân thể vật chất này chết. Qua thời gia lại đầu thai trở lại. Thay đổi thân khác rồi trở lại. Sống và chết là hiện tượng liên tục, không phải là thật. Như chúng ta thấy có hôm qua, hôm nay, ngày mai. Đây đều là giả không phải thật.

 Năm ngoái chúng tôi đọc được một cuốn sách, viết về sự việc kỳ lạ phát sanh ở Cam Túc Trung Quốc. Hiện tượng kỳ lạ này, bây giờ trên thế giới có rất nhiều. Nước ngoài cũng có, chính là bị ma ám. Bị ma ám là một người phụ nữ, người phụ nữ nông thôn không biết chữ. Linh hồn dựa vào người này là 2100 năm trước, thời đại của đại đế Khải Tát ở La Mã. Một tổng tư lệnh của quân đoàn. Tư lệnh của quân đoàn này là con trai thứ ba của Khải Tát. Khải Tát phái quân đoàn này, hơn mười vạn người đến xâm lược Trung quốc. Lúc đó hoàn toàn đi bộ.

 Quân đội của họ hai phần ba là kỵ binh, một phần ba là bộ binh. Từ La Mã đi đến Trung Quốc, chưa đánh trận nhưng cũng chết vì mệt. Họ đi được hơn một năm. Trên đường đi vì không hợp khí hậu, nên chết cũng không ít người. Quân đoàn này không có lính dự bị, nên chết một người thì ít đi một người. Khi đến Trung Quốc, chỉ còn khoảng một nữa số đó. Nhưng đánh trận với người Trung Quốc, họ vẫn rất ngạo mạn. Trong binh pháp nói “kiêu binh tất bại”. Họ quá kiêu ngạo, xem thường người khác. Coi người Trung Quốc không ra gì. Thân họ rất to lớn, còn người Trung Quốc thấp nhỏ. Không ngờ người Trung Quốc biết bày trận.

 Ở Tân Cương, trong một lần giao chiến, lính của họ chết hơn chín ngàn người. Đây là một sự kích động rất lớn đối với sĩ khí của họ. Nên hoài bảo đối với vấn đề chiếm lĩnh Trung Quốc của họ đã bị mất đi, nhưng vẫn tiếp tục tiến lên. Đến được Cam Túc, ranh giới của Hà Tây họ chỉ còn lại hơn một vạn người. Quân đoàn này hết chín phần mười đều chết ở Trung Quốc. Sau đó có thêm mấy lần chiến đấu với người Trung Quốc, binh sỹ của họ càng ngày càng ít. Đến cuối cùng chỉ còn lại hơn 200 người, và tập thể đều tự sát. Khải Tát đại đế cũng chết tại Trung Quốc.

 Đem câu chuyện này, nói ra một cách tỷ mỷ tường tận. Có chuyên gia giám định, chắc chắn không phải là giả, là thật. Là một quân đoàn của 2100 năm trước. Linh hồn của họ không tan. Hiện nay họ vẫn là quân đoàn, người chỉ huy thương yêu binh sĩ, binh sĩ không muốn xa rời vị chỉ huy này. 2100 năm làm cô hồn quỷ đói, khổ không nói hết! Gặp được vị Bồ Tát giúp đở họ. Vị Bồ Tát này là Quan Âm Bồ Tát hoá thân. Họ gọi ngài là Bồ Tát Lợi Tân. Bồ tát thường thường cứu tế họ.

 Cuốn sách này xuất bản ở Đài Loan. Tôi không biết ở đây có không, nhưng HongKong có. Điều này nói cho chúng ta biết một sự thật, con người không chết. Quý vị xem, linh hồn này là 2100 năm trước, bây giờ vẫn sôi nổi như vậy. Họ thỉnh cầu và đến tìm tôi. Người bị ám ảnh ở trước mặt biểu diễn cho tôi xem, cô ta dùng ngôn ngữ cổ của La Mã nói một cách rất lưu loát. Ca hát biểu diễn cho tôi xem. Họ chỉ cầu xin một việc là xây cho họ ngôi miếu, để những linh hồn này có chổ ở ổn định. Có người hỏi họ, tại sao các người không trở về La Mã? Họ nói không trở về được, biên giới có Thần Hộ Pháp. Thần Hộ Pháp Trung Quốc không cho họ đi, nên họ không về được.

 Cư sĩ Tề Tố Bình ở Mục Sơn Đông Thiên, dựng ngôi miếu cho họ. Ngôi miếu này dự định khoảng tháng 10 năm nay xong. Những linh hồn này có chổ ở ổn định. Có một số niệm Phật vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, cũng có một bộ phân đến thiên đường, nhưng vẫn còn một bộ phận vẫn giữ tình trạng trước mắt. Sự thật này nói rỏ một điều là con người không chết.

 Ở trong lục đạo, người Trung Quốc gọi là linh hồn. Nên biết rằng gọi là hồn tức là đều mê hoặc điên đảo. Nó không linh. Nếu nó linh mà còn chịu nhiều khổ nạn vậy sao? Nó không linh, nó đang mê, nó chưa giác ngộ. Nên phải để cho chúng nghe kinh một thời gian dài.

 Chúng tôi mời chúng đến đạo tràng cùng chúng tôi học tập, nghe kinh, niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Chúng rất vui mừng tiếp nhận. Sau khi giác ngộ không gọi linh hồn nữa mà gọi là linh tánh. Chính là tự tánh. Tự tánh mới là chính mình, mới thật sự là tự ngã. Linh hồn là tự ngã không thật, thân thể lại càng giả. Lấy giả cho là thật là sai lầm lớn nhất. Vì để vừa lòng với dục vọng của bản thân, nên đã tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, phải chịu khổ báo trong tam đồ địa ngục, có đáng không? Nghĩ nhiều hơn nữa sẽ nghĩ thông suốt. Tôi sẽ không còn hầu hạ thân thể này, chỉ cần cơm nước đạm bạc để thân thể này mạnh khoẻ trưởng thành là đủ. Cần gì phải làm vừa lòng với dục vọng của nó? Ăn uống đơn giản một món. Ăn uống chư vị thử nghĩ xem, ẩm thực là tham dục của ai? Của lưỡi. Nhưng nuốt vào trong cổ thì không còn mùi vị nữa. Nên cái lưỡi ba tấc này, vì vừa long với dục vọng của nó mà sát hại không biết bao nhiêu chúng sanh. Quý vị ăn thịt của nó, cảm nhận vị ngon của nó là lưỡi. Nhưng khi nuốt xuống rồi thì không còn biết gì nữa. Như vậy thì lưỡi tạo nghiệp nặng cở nào!

 Đức Thế Tôn khi còn tại thế, khiến người xuất gia cơ thể mạnh khoẻ là được. Nên nói Tỳ Kheo thường mang ba phần bệnh. Vì sao gọi Tỳ Kheo mang ba phần bệnh? Vì như thế sẽ không còn tham luyến thân thể này. Chúng ta cần thân này, cần thân để chúng ta tu hành. Không thể giúp ta tạo nghiệp. Tạo nghiệp thì thật là ghê gớm! Bài học trước tôi đã nhắc đến, sự nghiêm trọng của việc phá thai giết người.

 Có một học trò đưa cho tôi xấp tài liệu. Trong tài liệu này nói, căn cứ theo tính toán của tổ chức vệ sinh thế giới. Trên toàn cầu mổi ngày có 15 vạn người phá thai, như vậy chính là giết 15 vạn người. Trong đó có 500 người phụ nữ, vì phá thai mà chết. Mổi ngày có 500 người phụ nữ phá thái mà chết, 15 vạn trẻ con bị giết. Là mổi ngày!

 Như vậy thì mổi năm có bao nhiêu? Một năm có khoảng năm ngàn vạn người, chính là năm ngàn vạn trẻ em bị giết. Là một năm! Hai năm là một ức. Những oan gia trái chủ này nhất định không tha cho những ai đã làm điều này.

 Đặc biệt còn có một ví dụ. Ở HongKong có một người phụ nữ khoảng hơn 40 tuổi, cô ta sám hối vì chính mình đã từng phá thai hơn mười lần. Giết người nhất định phải đền mạng. Giết nhiều người như vậy thì quả báo ở đâu? Ở trong địa ngục vô gián. Điều này không đáng sợ sao!

 Phụ nữ phá thai thì họ có tội, nhưng người đàn ông cũng có tội như vậy. Tội không phải một người, cả hai người đều có tội. Đây là một tính toán rất chắc chắn, một ngày có 15 vạn người chết. Nhân số tử vong cao hơn bất cứ chiến tranh nào. Đây là tình hình xã hội bây giờ, thật quá khủng khiếp phải không? Tạo ác nghiệp như vậy họ có thể có phước báo chăng? Họ sẽ có kết quả tốt chăng? Các bạn trẻ cần phải giác ngộ. Đây là một con đường chết. Mặc dù ta không chết thì suốt cuộc đời này ta sống cũng rất đáng thương. Tại sao phải tạo nên loại ác nghiệp này?

 Đã từng có người đưa ra vấn đề này. Ngày nay mổi người trên toàn thế giới, chính mình phải cố gắng tự phản tĩnh. Tội như vậy đã xứng đáng để đoạ địa ngục a tỳ không? Chắc chắn là đại đa số đều không thể tránh khỏi. Vì sao lại tạo nên tội nghiệp nặng nề như vậy? Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói, không nên trách cứ họ. Vì sao? Họ có nhân quả báo ứng. Chư Phật Bồ Tát rất thương xót những hạng người hồ đồ này. Thế gian này, xã hội này, hình như là có 200 năm lãng quên đi nền giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Mới xuất hiện hiện tượng của ngày hôm nay.

 Hai trăm năm trước ở Trung Quốc do Từ hy thái hậu chấp chính, đối với việc giáo dục luân lý nhân quả đã bỏ qua, không được coi trọng. Thời đó có người đọc sách thánh hiền, nhưng người làm theo giáo huấn của thánh hiền thì không có. Có số ít hiền quân tử vô cùng cảm thán, bao gồm ông Tăng Quốc Phiên. Họ cảm thán thời đại ngày càng đi xuống. Sau khi nhà Thanh mất nước, Trung Quốc 100 năm động loạn, xã hội động loạn. Luân lý, đạo đức, nhân quả, truyền thống văn hoá không còn ai nhắc đến nữa.

 Tây phương bỏ luôn cả tôn giáo. 200 năm trước Tây Phương có giáo dục tôn giáo, là khuôn mẫu của đại chúng trong xã hội. Ngày nay khoa học kỷ thuật phát triển, mọi người chỉ tin khoa học mà không tin tôn giáo. Nên quý vị nếu hỏi, tại sao xã hội lại trở thành như vậy? Địa cầu tại sao nhiều tai biến như vậy? Họ đã đánh mất nền giáo dục của thánh hiền, giáo dục của nhân tánh. Hành vi của con người còn tệ hơn cả súc sanh. Quý vị nghĩ xem đáng thương biết bao.

 Tôi ở tại thôn quê, dưới chân núi Đồ Văn Ba. Hình như là ba bốn năm trước. Trong vườn có con chim bị chết, thầy Khiêm đem nó chôn trong vườn hoa. Một con chim khác, chúng tôi tin rằng đó là bạn đời của nó, đứng cúi đầu bên chổ chôn con chim kia. Đứng cúi đầu đau thương ở đó, rồi đi vòng quanh ở đó ba ngày. Chúng tôi nhìn đều khóc vì cảm động. Chim mà cũng có nghĩa khí như vậy! Con người không bằng con chim. Chúng tôi cứ thấy nó ở một bên không chịu bay đi, nó cứ cúi đầu và đi quanh ở đó.

 Cầm thú nó chưa từng tiếp nhận nền giáo dục, nhưng chúng ta khai thông nó sẽ có cảm ứng. Chúng tôi ở trên núi trồng rau suốt 10 năm. Tuyệt đối không dùng hoá chất, không dùng thuốc. Côn trùng và chim chóc chúng tôi đều dùng tâm chân thành khai thông với chúng. Chúng tôi trồng rau cải, nhất định rào một khu nhỏ, chuyên môn cung cấp cho chúng. Chúng muốn ăn thì đến ăn trong mãnh đó. Không phải chỉ định thì nó sẽ không đụng đến. Chúng cũng rất giữ chữ tín, côn trùng chim chóc cũng rất có thành tín. Chúng tôi trồng cây quả rất nhiều, có hai ba mươi loại cây quả không giống nhau. Cũng chỉ định mấy cây chuyên môn dành cho chúng ăn, chúng muốn ăn trái cây thì đến bên mấy cây đó. Không chỉ định nó sẽ giữ lại cho chúng tôi.

 Chúng tôi sống với nhau 10 năm, trở thành bạn đạo cùng nhau tu tập. Trong vườn rau chúng ta mở máy niệm Phật, khiến chúng cùng niệm Phật A Di Đà với chúng tôi. Trên cây cũng như vậy, khiến chim chóc cũng niệm Phật với chúng tôi. Ngày nay thật sự sống cùng với chim chóc, tiểu côn trùng, kiến sống chung với chúng dể hơn nhiều so với sống chung với con người. Chúng có lương tâm, chúng cũng rất giữ chữ tín. Chúng tôi thương yêu chúng, quan tâm săn sóc chúng. Chúng cũng yêu thương quan tâm chúng ta. Chúng tôi gọi chúng là Bồ Tát, côn trùng chim chóc đều là Bồ tát.

 Chúng ta xem tiếp đoạn kinh văn ở dưới. Ở đây Hoàng Niệm Tổ nói rất hay. *“Hiện tại niệm niệm bất trú, cố vô hiện tại. Hựu ký vô quá khứ dữ vị lai, tắc hà hữu hiện tại”.* Quá khứ và vị lai đều không có thì lấy đâu ra hiện tại?

 *“Thị dĩ Kim Cang Kinh vân, quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”.*

 Đây là danh ngôn trong kinh Kim Cang. Ba loại tâm bất khả đắc. Quý vị đi đâu để tìm tâm? Ở đây nói đến tâm là vọng niệm. Nên trước chữ niệm thêm chữ vọng, nó không phải thật.

 *“Hựu Tín Tâm Danh tối mạt nhất cú vi phi khứ lai kim. Chánh hiển tam thế cổ kim bất ly ư đương niệm”.*

 Câu này rất quan trọng! Ở trước nói mười phương hư không không rời tại đây. Tam thế cổ kim là một niệm, chính là một niệm ngay tại đây. Nhưng vì mê nên không biết chân tướng sự thật. Hình như có xưa và nay, có quá khứ hiện tại vị lai. Nhưng thật sự giác ngộ mới biết là không có, chỉ có một niệm ngay tại đây. Khi mê thì có mười phương có hư không. Khi ngộ mới biết là không có, chỉ ngay tại đây. Nên một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật là quan trọng nhất. Đây là con đường để thành Phật. Không nên niệm lung tung những thứ khác nữa. Tất cả pháp trong thế xuất thế gian đều nên buông bỏ.

 Bây giờ là thời đại gì? Các nhà dự ngôn xưa nay trong và ngoài nước đều nói, hiện nay thiên tai sắp xảy ra. Thời đại này của chúng ta, vừa đúng lúc đạt được kinh văn này. Kinh văn khiến chúng ta hiểu rỏ chân tướng sự thật. Vì sao chúng ta không niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật? Mà cứ nghĩ đến những thứ khác làm gì? Nghĩ những thứ khác hoàn toàn là vọng tưởng, nghĩ đến Phật A Di Đà gọi là chánh niệm. Hy vọng các bạn đồng học của chúng ta thật sự giác ngộ, thật sư minh bạch. Thật sự minh bạch, thật giác ngộ, thì trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật. Nắm chặt câu này, thì đời này của chúng ta chắc chắn thành tựu. Chắc chắn nhập vào cảnh giới mà trong kinh điển đã dạy\_Thật tướng các pháp.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 312**

# Tập 313

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: ngày 03 tháng 03 năm 2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, hàng thứ hai ở dưới lên, trang 367.

 *“Thượng hiển pháp thân lý thể, chân thật chi tế. Hạ minh phương tiện phổ độ, chân thật chi lợi. Lý bất ngại sự, tịch nhi thường chiếu. Bi tâm vô tận, thuỳ tích độ sanh. Cố hạ vân, đãn dĩ thù nguyện độ sanh, hiện tại tây phương…v.v…”*

Câu trước bộc lộ rất rỏ ràng. Ở trên nói Như Lại không đến không đi, không sanh không diệt, đây là nói pháp thân lý thể, thuộc về chân thật thực tế. Chân thật thực tế chính là bản tánh chân như, là thật tướng các pháp. Đức Thế Tôn tuỳ thuận chân đế mà nói. Chân đế là cảnh giới Đức Phật đã thân chứng, không phải phàm phu có thể biết được.

Đoạn này từ *“đãn dĩ thù nguyện độ sanh, hiện tại tây phương dĩ hạ”*. Đây là phương tiện phổ độ, lợi ích chân thật. Là tuỳ thuận Tục đế. Chân đế là nói về lý, Tục đế giảng về sự, lý không trở ngại sự. *“Tịch nhi thường chiếu”*, đây là lý, là tự tánh khởi dụng.

 “*Bi tâm vô tận, thuỳ tích độ sanh”.* Đây chính là thực hiện bổn nguyện. Bồ Tát trước khi thành Phật, đã từng phát đại nguyện phổ độ cúng sanh. Bây giờ Bồ Tát đã thành tựu, bổn nguyện này tự nhiên được viên mãn. Nguyện chắc chắn không phải nguyện suông, cũng có nghĩa là chẳng có nguyện nà không thể thực hiện được. Đạo lý này rất thâm sâu. Bất luận là ác nguyện hay thiện nguyện, Bồ Tát phát nguyện là thiện nguyện độ chúng sanh. Còn nguyện của lục đạo chúng sanh là báo ân báo oán, cũng giống như vậy đều thực hiện được. Đời đời kiếp kiếp tâm nguyện này đều đi theo nghiệp báo của chúng ta, nó sẽ không rời bỏ. Gặp được duyên quả báo liền xuất hiện. Nên phát nguyện không phải là trò đùa, không phải chỉ để nói chơi, phải thật sự thực hiện.

 “*Bồ Tát đãn dĩ thù nguyện độ sanh hiện tại tây phương. Thù giả, báo dã, đáp dã”.* Tục ngữ chúng ta gọi là báo đáp. *“Thù nguyện tức tục ngữ chi hoàn nguyện*”. Trong nhân gian, đặc biệt là các vùng nông thôn. Mọi người đều hiểu, phát nguyện trước mặt Chư Phật Bồ Tát, thần linh. Nếu sự việc thành tựu họ sẽ đến tạ lễ, hoàn nguyện. Hoàn nguyện là báo đáp, *“vị thực tiển kỳ bổn nguyện”.* Nguyện của Bồ Tát Pháp Tạng, tức là chỉ 48 nguyện trong nhân địa. *“Kim ký thành Phật”,* hiện tại đã thành Phật. *“Tắc bổn nguyện trung vô lượng quang thọ đẳng đẳng tam chủng trang nghiêm, vô nhất bất thực hiện dã”.* Ba loại trang nghiêm này chính là trong Vãng Sanh Luận nói gồm có: Quốc độ trang nghiêm, Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm.

 Chúng ta đổi thành danh từ khác để mọi người dể hiểu. Quốc độ là đạo tràng, đạo tràng trang nghiêm. Phật là thầy, Bồ Tát là học sinh. Như vậy mọi người sẽ dể hiểu hơn. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Chúng ta chẳng thể không biết! Đến thế giới Cực Lạc để học, để đi học. Sau khi tốt nghiệp ở trường này thì gọi là thành Phật. Cho nên đây là trường học để thành Phật, hiệu trưởng là Phật A Di Đà. Giáo thọ là mười phương chư Phật và pháp thân bồ tát. Không phải đến đó để làm việc khác. Sau khi học thành tựu rồi thi làm gì? Sau khi học thành tựu rồi sẽ ở nơi quốc độ của tất cả chư Phật trong biến pháp giới hư không giới, giúp Như Lai dạy học, giúp chúng sanh thành Phật, giúp chúng sanh lìa khổ để được niết bàn an vui. Sau khi học thành tựu họ làm những việc này.

 Họ không giống với người thế gian. Người thế gian làm những việc này là họ có thù lao. Có danh có lợi có thù lao. Chư Phật Bồ Tát làm những việc này không có thù lao, không có danh lợi. Vì Sao? Người tốt nghiệp ở thế giới Cực Lạc, họ ở đâu? Họ ở cỏi thường tịch quang. Quý vị nhất định phải biết, thường tịch quang ở mọi nơi mọi lúc. Cùng với biến pháp giới hư không giới khởi dụng cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm thì lập tức sẽ có ứng. Người có cảm, có tâm, họ là phàm phu. Nghĩa là họ có tâm có niệm. Ứng của Như Lai và pháp thân Bồ Tát, không có tâm, không có niệm. Vi diệu là ở chổ này. Cảm và ứng là tuỳ duyên. Tuỳ duyên mà không chấp tướng, không khởi tâm động niệm. Đây gọi là diệu, gọi là tuỳ duyên diệu dụng. Quý vị nghĩ xem việc này có tốt hay không? Nếu cảm thấy không tốt, nghĩ rằng công việc này quá đơn điệu. Như vậy thì quí vị tiếp tục lăn lộn trong luân hồi lục đạo, luân hồi lục đạo rất náo nhiệt.

 Cõi trời, cõi người, địa ngục. Cho nên đến thế giới Cực Lạc không phải là người thường, họ ở trong lục đạo đã chịu đến tận cùng sự chua ngọt đắng cay. Nay không muốn chịu nữa mới đến thế giới Cực Lạc. Nếu chua ngọt đắng cay còn chưa chịu hết, còn muốn tiếp tục chịu. Tâm niệm này nhất định không thể thoát ra khỏi luân hồi. Tuy có học Phật nhưng cũng vô dụng! Đến hoàng đế học Phật cũng phải đoạ địa ngục A Tỳ mà thôi.

 Có người nói với tôi rằng, ông ta vừa nghe được một thông tin. Gần đây có vị hoàng đế từ địa ngục ra. Không biết là vị hoàng đế nào, ông ta chỉ biết có việc như vậy. Không dể! Ông ta không phải là người học Phật. Ông ta tu theo đạo giáo. Cho nên nói đến thế giới Cực Lạc, nếu ta không nói cho rỏ ràng, cho minh bạch, thì con người trong xã hội hiện nay không long tiếp nhận. Vì sao? Vì họ đang mê muội lưu luyến trong thất tình ngũ dục. Họ cho rằng thế gian này rất vui, còn cuộc sống của Chư Phật Bồ Tát quá đơn điệu, không có gì thú vị. Họ không biết ưu điểm của thế giới Cực Lạc, không biết sự thù thắng của thế giới Cực Lạc. Như xem ti vi, người bây giờ cảm thấy đây là một kiểu hưởng thụ.

 Ở trong nước tôi không hiểu rỏ lắm. Nhưng ở nước ngoài, truyền hình có thể xem được hơn 100 kênh. Nội dung phong phú, xem không hết. Nội dung trong những tiết mục này không gì khác ngoài việc khơi dậy tham sân si mạn của chúng ta. Gợi lên thất tình ngũ dục của ta, toàn là những thứ này. Khiến tâm và ý niệm chúng ta mãi không ổn định. Chúng ta vô tình cho rằng đây là vui thú. Còn những lời Đức Phật dạy chúng ta rất thật, thì lại cho rằng trong đó không có gì vui chỉ có khổ. Như thế nào gọi là vui? Khổ tạm dừng lại một chút, nên ta cảm thấy rất vui rất hạnh phúc. Niềm vui chưa hưởng thụ được thì khổ lại đến. Khổ chỉ tạm dừng thôi. Nên Đức Phật nói tam giới đều là khổ. Trong cỏi dục giới khổ khổ, hoại khổ, hành khổ đều có. 28 tầng trời của cỏi sắc giới không có khổ khổ, nhưng họ có hoại khổ và hành khổ.

Bốn tầng trời của cõi vô sắc giới cao nhất trong lục đạo, họ không có khổ khổ và hoại khổ. Không có khổ khổ, dục của họ đã bị thiền định khống chế. Tuy có nhưng nó không khởi tác dụng, nên không có khổ khổ. Họ không cần thân thể. Không cần thân thể nên không có hoại khổ, nhưng họ có hành khổ. Hành khổ là gì? Họ không thể vĩnh viễn ở trong cảnh giới này. Công phu thiền định của họ mất đi thì cảnh giới cũng mất. Khi công phu thiền định mất thì nghiệp tập khí của A lại da, tập khí tạo thiện nghiệp ác nghiệp lại khởi tác dụng. Khởi tác dụng thì lại trôi lăn trong trong luân hồi, trở lại con đường này để chịu nhiều thống khổ. Nên khổ không sao nói hết! Đức Phật hình dung lục đạo là biển khổ vô bờ, ở trong này rồi thì không biết khi nào mới ra được.

 Chư Phật Bồ Tát đứng trên bờ, nhìn thấy chúng sanh bơi lội trong biển khổ. Siêu việt lục đạo mới ra khỏi biển khổ. Bồ Tát thương xót những chúng sanh khổ nạn này, đặc biệt là chúng sanh trong luân hồi lục đạo. Nên phát 48 lời nguyện. Mỗi nguyện đều thực hành đến chỗ viên mãn, và đã thành Phật\_ “Kim ký thành Phật*”. “Tắc bổn nguyện trung, vô lượng quang thọ đẳng đẳng tam chủng trang nghiêm”*, đã thực hiện xong.

 *“Tứ thập bát nguyện nhất nhất chi nguyện giai vi pháp thân, kim tắc pháp báo hoá tam thân thành tựu hỷ”.*

Chúng sanh trong lục đạo, thân này của chúng ta cũng gọi là báo thân, nghiệp báo thân. Nghiệp thiện, nghiệp ác, nghiệp vô ký. Đây là ba loại thân nghiệp báo. Như Lai không phải như vậy. Báo thân này của Như Lai là trí tuệ. Hoá thân là từ bi, vì hoá thân không phải vì mình. Tuỳ theo tâm chúng sanh mà ứng hoá ra như vậy. Báo thân chẳng những không có phân biệt chấp trước, mà khởi tâm động niệm cũng không có. Nên báo thân là trí tuệ chân thật. Thể của nó là chân thật. Thể là tự tánh. Dụng của nó là lợi ích chân thật. Dụng là đối với mười pháp với y chánh trang nghiêm, cũng gọi là mười pháp giới chúng sanh.

 Chúng sanh là là hiện tượng do chúng duyên hoà hợp mà sanh khởi. Hiện tượng viên mãn này bao gồm ba loại hiện tượng lớn như hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Được lợi ích chân thật. Ngày nay chúng ta nói là lợi tha. Lợi ích chân thật là lợi tha. Tự lợi đã viên mãn, khởi dụng là lợi tha, không phải tự lợi. Tự lợi là thanh tịnh tịch diệt trong cỏi thường tịch quang, là thành tựu tam thân.

 *“Hựu nhất nhất chi nguyện giai vi chúng sanh, thị cố tất nhiên thù nguyện độ sanh”.*

Giúp tất cả những chúng sanh đau khổ. Chẳng những giúp chúng sanh trong lục đạo, mà còn giúp chúng sanh trong pháp giới tứ thánh. Nghĩa là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật trong mười pháp giới. Họ là tương tợ tức Phật. Giúp họ, đưa họ thoát ly mười pháp giới. Thiên Thai Đại Sư nói phần chứng tức Phật. Tức là tiếp tục giúp họ đạt đến quả vị Phật cứu cánh viên mãn. Chúng sanh vô tận thì đại nguyện của Bồ Tát cũng vô tận. Sự nghiệp hoá độ chúng sanh của của Bồ Tát không cùng tận.

 Bồ Tát Phổ Hiền nói, người thế gian nhìn thấy chư Phật Bồ Tát rất vất vả. Đặc biệt là trong thời đại này, chúng sanh khó độ. Chúng ta dùng tâm thiện hướng đến họ, nhưng họ lại lấy ác niệm trả lại ta. Quý vị thấy chư Phật Bồ Tát có khổ hay không? Chúng sanh nhìn thấy rất khổ. Nếu chư Phật Bồ Tát cảm thấy có khổ thì họ chính là phàm phu. Họ bị đoạ lạc, họ đã thoái chuyển rồi, họ không phải là Phật Bồ Tát. Vì sao? Vì chư Phật Bồ Tát ở trong cỏi thường tịch quang, những vẫn hiện thân ra ở thế gian này. Như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng đệ tử của Đức Thế Tôn, có nhiều vị là chư Phật ứng hiện thân đến. Có nhiều pháp thân đại Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát ứng hoá đến.

 Bây giờ chúng ta đã hiểu thêm rằng, thì ra các ngài đều ở trong cỏi thường tịch quang. Cỏi thường tịch quang với thế giới hiện tại này của chúng ta không có gì khác biệt. Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Như vậy họ làm gì có khổ? Chân tướng sự thật này, người thường khó mà lãnh hội được. Vì sao? Vì họ dùng tâm luân hồi, thì làm sao có thể lý giải được cỏi thường tịch quang? Tâm luân hồi đối với tứ thánh pháp giới cũng không thể lý giải được, huống gì cỏi thường tịch quang! Nên sự nghiệp thực hiện nguyện độ sanh, trong mắt người thế gian rất vĩ đại. Là sự nghiệp của thần thánh, sự nghiệp của Chư Phật Bồ Tát. Giúp chúng sanh một cách toàn diện. Chúng sanh hy vọng đạt được điều gì cũng đều giúp họ. Phương tiện thiện xảo của Bồ Tát rất nhiều!

 Nếu chúng sanh này muốn tạo nghiệp ác, Bồ Tát có nên giúp họ chăng? Quý vị thử nghĩ xem. Nghĩ đến chắc chắn sẽ không giúp họ. Còn không nghĩ đến, không nghĩ chẳng phải là đã giúp họ rồi sao? Thật vậy, không phải giả. Bồ Tát giúp họ tạo nghiệp của địa ngục A Tỳ, sau đó họ sẽ đoạ vào địa ngục A Tỳ. Như vậy là sao? Đây là từ bi của Bồ Tát. Từ bi giúp họ tạo ác nghiệp và đưa họ vào địa ngục sao? Không sai. Vì họ có loại tập khí nghiệp chướng này. Tập khí ác nghiệp này, chỉ còn cách giúp họ đoạ địa ngục, nhanh đến địa ngục để tiêu trừ nghiệp chướng. Khi họ tiêu hết tội nghiệp ra khỏi địa ngục, lại đến độ họ. Quý vị xem, đây không phải là pháp phương tiện ư?

 Nếu họ không lãnh chịu những quả khổ như vậy, thì tín tâm của họ đối với Phật pháp sẽ không sanh khởi. Điều này phàm phu chúng ta không hiểu được, phàm phu nghĩ không thông được điều này. Nhưng đối với Bồ Tát là điều tất nhiên, là hợp lẽ. Nên ta tu thiện, Bồ Tát giúp ta. Ta tạo ác nghiệp, Bồ Tát cũng giúp. Bồ Tát có trí tuệ chân thật. Các ngài đưa chúng sanh đến địa ngục, rồi ở trước cửa địa ngục xem chừng. Khi nào chịu quả báo hết rồi, không muốn chịu nữa. Được, ra thôi! Họ sẽ đón chúng ta ra khỏi địa ngục. Đây là lợi ích chân thật.

 Con người mê đến cực điểm, nếu không chịu đến tận cùng của sự đau khổ thì họ không chịu quay đầu. Nên để họ sớm chịu đau khổ, không phải như thế họ sớm ngày quay đầu sao? Ngạn ngữ có câu*: “Trường thống bất như đoản thống”.* Dày vò lâu dài chi bằng một lần chịu hết đau khổ, không phải sẻ tốt hơn sao? Ta mới hiểu được phương tiện thiện xảo của Chư Phật Như Lai thật không thể nghĩ bàn. Đúng là đại từ đại bi. Các ngài không phải hại chúng ta, mà thật sự đang cứu chúng ta. Chư Phật Bồ Tát đều biết, sinh mạng là vĩnh hằng, không có sanh diệt. Chúng sanh tham sống sợ chết, như vậy là sai lầm. Cho rằng thật có sanh tử, nhưng Bồ Tát hiểu rỏ.

 Ở trước chúng ta vừa mới đọc qua. Không có thời gian, không có tam tế, không có mười phương. Đều ở ngay trước mắt, ở ngay đây. Đây mới là chân tướng sự thật. Đây mới gọi là thực tế chân thật. Nên những hành vi việc làm của chư Phật Bồ Tát, chắc chắn tương ưng với ba loại chân thật. Thực tế chân thật, trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật. Phàm phu thì hoàn toàn trái ngược với ba loại chân thật này, họ sống trong cảnh giới hư vọng, không có điều gì là chân thật cả. Lục đạo và mười pháp giới đều là mộng huyển bào ảnh. Phàm phu đoạ vào trong đó. Khởi tâm động niệm, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tổn người lợi mình. Làm những việc hoàn toàn là tương ưng với mười điều ác, có điểm nào giống Bồ Tát đâu.

 Bồ Tát khởi tâm động niệm là trí tuệ chân thật. Lục đạo phàm phu khởi tâm động niệm là giống như trong kinh Địa Tạng nói: “Không có điều gi không phải là tội, không có điều gì không phải là nghiệp”. Họ tạo tội nghiệp. Quả báo, quý vị xem quả báo của pháp thân Bồ Tát là Tịnh độ, là thế giới Cực Lạc. Ở trong thế giới Cực Lạc. Còn những phàm phu này ở trong lục đạo. Ở trong lục đạo lưu chuyển không ngừng. Nhất định là ở trong tam ác đạo thời gian dài, trong tam thiện đạo thời gian ngắn. Tam thiện đạo là cái khổ tạm dừng của tam ác đạo, sẽ đến tam thiện đạo. Khi nghiệp báo hiện tiền lại tiếp tục chịu khổ, lại bị luân hồi lục đạo. Đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn không bao giờ dứt. Nên Đức Phật gọi họ là ngu si! Đáng thương!

 Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc. Bất luận ứng hoá đến thế giới nào, cho dù ứng hoá vào trong địa ngục A Tỳ. Nhưng trên thực tế vẫn ở nơi cỏi thật báo của thế giới Cực Lạc, chưa từng rời khỏi thế giới Cực Lạc, không rời nơi đây. Hiện thân ở tất cả các cỏi trong biến pháp giới hư không giới. Đây là bản năng của chúng ta. Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc làm gì? Hồi phục bản năng của chính mình. Trong tự tánh chúng ta có trí tuệ vô lượng, đức năng vô tỷ, tướng hảo vô tận. Nó hoàn toàn khởi tác dụng. Hiện nay chúng ta đều có, mổi người đều có. Đức Phật nói rất hay, quý vị tại sao không khởi tác dụng? Vì có vọng tưởng chấp trước nên không thể chứng được. Trong kinh Hoa Nghiêm đã nói như vậy. Vì có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, nên trí tuệ, đức năng, tướng hảo trong tự tánh đều không hiện ra được.

 Nếu chúng ta thấu triệt được câu nói này của Đức Thế Tôn, sẽ hoát nhiên đại ngộ. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt chấp trước không phải đã phục hồi rồi sao? Không sai chút nào. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ hưởng thụ được niềm vui ở thế giới Cực Lạc. Sẽ hưởng thụ được niềm vui của Hoa Tạng Mật Nghiêm. Nếu như ta không thể phục hồi, thì thực tế chân thật biến thành vô minh phiền não. Trí tuệ chân thật biến thành trần sa phiền não. Lợi ích chân thật biến thành kiến tư phiền não. Nên phiền não tức bồ đề, nó là một chẳng phải hai. Mê là phiền não, giác chính là bồ đề. Sự khác biệt giữa Phật và phàm phu, chính là bất đồng giữa giác và mê mà thôi. Ngoài giác và mê ra không có điều gì bất đồng cả.

 Cảnh giới là giả, nó thay đổi tuỳ theo từng ý niệm. Đức Phật dạy tất cả pháp từ tâm tưởng mà sanh ra. Pháp là giả, ý niệm là năng biến, pháp là sở biến. Câu sau cùng nói rất hay. Trong 48 nguyện, mổi một nguyện đều là vì chúng sanh. Phật A Di Đà từ phát tâm, tu hành, chứng quả, giáo hoá chúng sanh. Bốn chữ này nói lên tất cả tâm nguyện độ sanh của ngài.

 Ở dưới đứng về sự mà nói, từ hiện tượng mà nói thì mọi người sẽ dể hiểu hơn. *“Hiện tại tây phương. Hiện giả, kim dã, hựu thị hiện dã”*. Có hai ý nghĩa. Nên trong kinh Phật nói: “Kim hiện tại”. Kim hiện tại là nói như thế nào? Kim chính là lúc này, chính là hiện nay, là ngay bây giờ. Hiện tại thị hiện nơi thế giới Cực Lạc. Hàm ý của câu “kim hiện tại” này là như vậy.

 *“Phật thân biến nhất thiết xứ”.* Nghĩa là tịnh độ biến khắp tất cả mọi nơi. *“Thân độ bất nhị”*\_Thân và cỏi nước không hai. Như vậy nói với quý vị về tây phương thì còn có ý nghĩa gì? Phật A Di Đà biến khắp mọi nơi. Thế giới Cực Lạc biến khắp mọi nơi. Nói với quý vị về tây phương thì còn có ý nghĩa gì nữa? Chỉ là phương tiện mà nói thôi. Đây gọi là thị hiện, phương tiện thị hiện.

 Thời đại Đông Tấn, đại sư Huệ Viễn ở Lô Sơn kiến lập một niệm Phật đường, gọi là Đông Lâm Niệm Phật Đường. Tập hợp 123 người chí đồng đạo hợp, thật sự muốn vãng sanh đến thế giới Cực Lạc để được gặp Phật A Di Đà. Ngài Huệ Viễn đã lập nên một đạo tràng như vậy, và có rất nhiều người ở đó niệm Phật. Họ nương theo kinh Vô Lượng Thọ, vì lúc đó Kinh Quán Vô Lượng Thọ và tiểu bổn Kinh Di Đà đều chưa phiên dịch. Có thể đã đến Trung Quốc nhưng chưa phiên dịch. Kinh Vô Lượng Thọ được phiên dịch sớm nhất. Đại sư Huệ Viễn kiến lập Tịnh độ tông chính là dựa vào bản kinh Vô Lượng Thọ này. Đông Lâm Niệm Phật Đường chính là thế giới Cực Lạc.

 Phật A Di Đà thị hiện ở đạo tràng Lô Sơn. Như Trung Phong thiền sư nói: “Ở đây tức là tịnh độ, tịnh độ tức là ở đây. Tâm tôi tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm tôi”. Lời này hoàn toàn là chân thật, không hề hư nguỵ.

*“Như Pháp Hoa Kinh Thọ Lượng phẩm vân, nhược hữu chúng sanh, lai chí ngã sở”.*

Ngã sở ở đây là nói thế giới Cực Lạc. *“Ngã dĩ Phật nhãn, quán kỳ tín đẳng chư căn, tín tấn niệm định tuệ lợi độn. Tuỳ sở ứng độ, xứ xứ tự thuyết, danh tự bất đồng, niên kỷ đại tiểu. Diệc phục hiện ngôn đương nhập niết bàn”.*

Đây là nói phương tiện thiện xảo của Phật A Di Đà. Như trong kinh Lăng Nghiêm nói: *“Tuỳ chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*”. Đức Phật xuất hiện ở đâu ? Ngay bây giờ, tại đây. Ngay bây giờ là nói về thời gian. Tại đây là nói về không gian. Chính ngay lúc này.

 Không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải tha phương, không phải thử giới. Vì nơi nào cũng có. Phật nơi nào cũng có, tịnh độ nơi nào cũng có. Tâm tịnh thì cỏi Phật cũng tịnh. Sau khi tâm tịnh, dùng lời các nhà khoa học hiện nay là đã đi vào một không gian duy thứ khác, chứ không phải không gian duy thứ hiện tại. Không gian duy thứ hiện tại là không gian ba chiều. Còn chúng ta bây giờ là đi vào không gian duy thứ đa nguyên. Quý vị xem, đã đến thế giới Cực Lạc, đã nhìn thấy Phật A Di Đà. Những gì quý vị nhìn thấy là thật, không phải là huyễn tướng. Không phải giả, là thật.

 Nếu như không có trình độ nhất định về kinh giáo, thì tín tâm không thể sanh khởi. Hiện nay nghiệp chướng của con người rất nặng. Điều này hiện ra ở đâu? Tâm khí trôi nỗi, vọng tưởng quá nhiều. Đúng là liên tục không ngừng, cái này nối tiếp cái kia. Khổ không sao tả hết. Đúng là quá khổ! Cho nên thế giới giác quan của họ là thiên biến vạn hoá. Không như Bồ Tát, Bồ Tát chế tâm một chổ. Cho nên thế giới giác quan của các ngài không hề thay đổi. Chính là cỏi thật báo, cỏi thật báo không có biến hoá. Mổi ngày đều gặp Phật, Đức Phật ngày ngày đều thuyết pháp cho chúng ta. Thuyết pháp thời gian dài như vậy chưa từng gián đoạn. Chúng ta có cần ăn cơm chăng? Không cần. Cần ngủ nghỉ chăng? Cũng không cần.

 Ngũ cái: tài, sắc, danh, thực, thuỳ, nó che đậy chân tánh của ta. Cũng gọi là năm loại dục vọng. Những thứ này đều là giả không có thật. Trong tự tánh không có những thứ đó, trong tự tánh chỉ có trí tuệ đức tướng, ngoài ra không còn gì nữa. Những thứ tạp loạn này đều do phân biệt chấp trước biến hiện ra. Phân biệt chấp trước không có biên giới. Như vậy hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần cũng không có biên giới. Tâm thanh tịnh của tự tánh, nó có thể hiện có thể sanh, nhưng nó không thể biến. Nó hiện ra gọi là nhất chân. Thông qua phân biệt chấp trước biến hiện ra chính là hư vọng, không phải là chân thật. Cảnh giới đó không có biên giới, nó vô lượng vô biên. Cảnh giới hư vọng và cảnh giới chân thật dung hợp lại thành một thể. Đây là chân tướng sự thật. Chân không chướng ngại vọng, vọng cũng không chướng ngại chân. Giống như hình ảnh trên ti vi vậy. Chân là gì? Chân là màn hình, vọng là sắc tướng ở trong đó. Dù có nhiều kênh, mấy trăm mấy ngàn kênh cũng không sao. Quan trọng là nó có chướng ngại màn hình chăng? Không chướng ngại. Màn hình vĩnh viễn cũng không bị ta làm nhiễm ô. Đây chính là điều mà ngài Huệ Năng nói: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Hình ảnh là động, màn hình là tĩnh, “vốn không dao động”. Hình ảnh có sanh diệt. Màn hình bất sanh bất diệt, không sanh diệt. Sanh diệt chẳng trở ngại không sanh diệt, không sanh diệt chẳng trở ngại sanh diệt.

 Từ màn hình ti vi với hình ảnh, chúng ta lãnh ngộ được đạo lý thâm sâu trong kinh Phật nói. Trong đây quí vị sẽ hiểu và minh bạch. Sau đó quay đầu nhìn lại hoàn cảnh hiện thực hoàn toàn tương đồng với đạo lý này. Viên dung vô ngại. Rồi sau đó ta mới hiểu được, một niệm giác chính là diệu dụng khế nhập chân như. Giống như đang nằm mộng vậy, đột nhiên biết được mình bây giờ đang nằm mộng. Giác ngộ rồi. Chưa giác ngộ là mê. Có khổ, có khổ có vui. Sau khi giác ngộ, tìm khổ vui đều không thể được. Vui ở đâu? Người này rất vui, đó là giả tướng. Trên màn hình là giả tướng. Màn hình nhất định không có vui. Nó hoàn toàn thanh tịnh, không nhiễm chút trần nào. Hình tướng trong đó là huyễn tướng không có thật. Vui cũng như vậy, khổ cũng là như vậy. Khổ hay vui đều bất khả đắc. Người này gọi là người hiểu rõ, người này gọi là người giác ngộ. Giác ngộ rối ráo gọi là Phật. Người Ấn Độ gọi là Phật Đà. Đây đều là tuỳ duyên diệu dụng, phương tiện thị hiện.

 Bên dưới nói: *“Chư căn lợi độn”.* Quan sát chúng sanh này có nhiều thiện căn, rất rỏ ràng! Có thể nhìn thấy quá khứ của chúng sanh trong nhiều đời nhiều kiếp đã làm gì, để khế cơ mà giáo hoá. *“Xứ xứ tự thuyết danh tự bất đồng, niên kỷ đại tiểu. Diệc phục hiện ngôn đang nhập niết bàn”.* Đức Thế Tôn khi còn tại thế đã thị hiện như thế. Tám tướng thành đạo, đặc biệt là chú trọng về giáo hoá chúng sanh. Trong tám tướng thành đạo gọi là chuyển pháp luân.

 *“Hựu dĩ chủng chủng phương tiện thuyết vi diệu pháp, năng linh chúng sanh phát hoan hỷ tâm”.* Chư Phật Bồ Tát giáo hoá chúng sanh. Không có phương pháp nào nhất định, cũng không có nghi thức nào nhất định. Tất cả đều tuỳ cơ ứng biến và chỉ có một mục đích duy nhất là khiến cho họ được khai ngộ. Ngộ rồi thì sự việc sẽ hoàn tất, công đức sẽ viên mãn.

Ngày xưa, tâm con người chất trực, trung hậu, thiện lương. Nên dạy họ giữ quy cũ thì họ liền khai ngộ. Đây chính là thời kỳ chánh pháp giới luật thành tựu của Đức Thế Tôn. Đây là giữ nguyên tắc. Chỉ cần ta giữ nguyên tắc sẽ được khai ngộ. Nhưng đến thời kỳ tượng pháp thì không được, thời kỳ tượng pháp trì giới không thể khai ngộ. Vì sao? Vì vọng niệm quá nhiều, không được thuần chánh như thời kỳ chánh pháp. Nên thời này dạy người tu định, tu định có thể khai ngộ. Vì trong định có thể đột phá không gian duy thứ, có thể nhìn thấy thật tướng các pháp, hoát nhiên đại ngộ.

 Thời kỳ mạt pháp, dùng phương pháp thiền định này rất khó. Vì sao? Tâm khí xao động, không nhập được định. Họ không định được. Đức Phật dùng phương pháp này, phương pháp này rất hữu hiệu, là phát tâm bồ đề một lòng chuyên niệm. Người y theo phương pháp này thành tựu cũng không ít.

 Tịnh độ tông đã tồn tại ở Trung Quốc 1000 năm. Suốt một ngàn năm đều y theo phương pháp này. Chân thành niệm Phật cầu sanh tịnh độ, người thành tựu không biết là bao nhiêu! Theo tính toán chính xác nhất thì phải trên mười vạn người. Bất cứ tông phái nào, bất cứ pháp môn nào, người thành tựu không nhiều hơn tịnh độ. Họ vãng sanh là thành tựu. Nhưng hiện nay, dạy người phát tâm bồ đề một lòng chuyên niệm, mấy người có thể làm được? Trong một vạn người tìm không được một.

Người xưa tâm khí xao động, giống như bọt sóng vậy. Là sóng cực ngắn, sóng nhỏ. Còn người thời nay, tâm khí xốc nổi là sóng to gió lớn. Họ làm sao có thể dừng lại được? Như vậy phải làm sao? Biện pháp duy nhất chính là đem sự việc này, nói rỏ ràng minh bạch, để họ thật sự hiểu. Nên khuyên họ nghe nhiều, dùng biện pháp của người xưa “Đọc sách ngàn biến nhưng phải tự mình ngộ ra được nghĩa của nó”. Dùng phương pháp này để từ từ hoá giải tâm trôi nỗi đó. Khiến họ trở lại bình tĩnh thì vấn đề sẽ dể giải quyết. Tín nguyện hạnh đều kiến lập từ đây. Tâm khí xao động, vọng niệm quá nhiều thì tín nguyện hạnh hoàn toàn không có. Vì sao? Vì tín nguyện hạnh là một thể.

 Tôi tin, tôi vẫn không muốn đến thế giới Cực Lạc, tôi vấn không muốn niệm Phật. Như vậy là chưa tin. Tín nguyện hạnh là một mà ba, là ba mà một. Có một thì chắn chắn sẽ đầy đủ cả ba. Đó là chân tín, nếu không có nguyện hạnh là giả tín chứ không phải chân tín.

 Pháp Tạng Bồ Tát đang phát tâm. Từ phát tâm đến thành Phật. Quý vị thử nghĩ xem, ngài dùng tâm như thế nào? Trong kinh có câu, trước đây chúng ta đã học qua. “Nhất thiết giai thành Phật”\_Tất cả đều thành Phật. Hay nói cách khác, không có chính mình. Toàn tâm toàn lực giúp tất cả chúng sanh đều thành Phật, chỉ một niệm này thôi. Chúng ta học Phật có phải là niệm này chăng? Nếu là niệm này thì ta đồng tâm với Phật A Di Đà rồi. Nếu tâm tương đồng thì sự việc sẽ dể hơn. Nhất định cũng đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh. Nếu không có niệm này, không phải đồng một tâm với Phật A Di Đà. Tất cả đều thành Phật thì trong tất cả pháp là bình đẳng, không có cao thấp. Mấy người có thể làm được.

 Ngày nay trên thế giới có 65 ức nhân khẩu. Trong 65 ức người đó, có thể tìm được sáu người chăng? Trong mười ức người có thể tìm được một người chăng? Có thể một người cũng không tìm thấy. Ngày xưa có, nhưng vì sao hiện nay không có? Vì không có người chịu học những lời dạy của tiền nhân. Người học Phật rất nhiều, nhưng Phật là gì thì họ chẳng biết. Người niệm Phật rất nhiều, nhưng đối với thế giới Cực Lạc vẫn mê hoặc. Không biết, không hiểu rỏ. Nên trong lòng họ thế giới Cực Lạc rất mơ hồ. Mơ hồ là thái độ như thế nào? Vãng sanh cũng được, không vãng sanh cũng được, thế giới này của ta cũng không tệ mà. Vì không nhận thức rỏ ràng, nên Đức Thế Tôn giới thiệu thế giới Cực Lạc cho chúng ta. Lưu lại ba bộ kinh, chuyên nói về thế giới Cực Lạc.

 Kinh Vô Lượng Thọ nói về thế giới Cực Lạc tường tận nhất, là khái luận của Tịnh độ tông. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nghiêng về phương pháp, giảng về 16 phương thức tu Tịnh độ không giống nhau. Kinh A Di Đà đơn giản nhất, kinh này chủ yếu dạy chúng ta trì danh hiệu Phật A Di Đà. Chuyên giới thiệu về thế giới Cực Lạc. Kinh rất dể đọc, không có gì là khó hiểu. Nhưng từng chữ từng câu đều rất vi diệu. Còn bộ kinh Vô Lượng Thọ này, đến nay là 323 tập, mổi tập hai giờ đồng hồ. Như vậy là đã giảng hết 646 giờ, vẫn chưa giảng được một nữa. Bộ kinh này chúng ta sẽ giảng tiếp tục như vậy. Dự định mất khoảng 1200 tiếng. Ai có thể dùng 1200 tiếng đồng hồ để nghe bộ kinh này, được vậy thì phước báo lớn biết bao! Bộ kinh này dùng hơn 1000 tiếng đồng hồ để nghiên cứu nó, để nói rỏ về nói. Người thường sẽ không dám coi thường tịnh độ.

Tôi nhớ lần thứ hai tôi đến Mỹ, ở Mỹ có một vị đồng tu người Mỹ. Cô ta học đại học ở New york , chuyên nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm. Cô ta là một cô gái rất thông minh. Đại học New york và đại học Đài Loan trao đổi sinh viên. Nên cô ta có cơ hội đến ở Đài Loan nữa năm để học tập, và đã tìm đến tôi, vì tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm. Cô ấy ở thư viện của tôi mấy tháng. Cô nói với tôi, khuyên tôi đến Mỹ hoằng dương Tịnh độ tông. Mỹ có Thiền tông có Mật tông rất hưng thịnh, nhưng không có Tịnh độ tông. Họ đối với Tịnh độ tông rất xa lạ, nên cô ta muốn tôi đến đó.

 Lúc đó tôi đang giảng “Di Đà Kinh Sớ Sao”. Tôi nhớ là hơn 300 tiếng đồng hồ. Nếu một ngày giảng một tiếng, thì giảng một năm mới xong bộ kinh Di Đà. Người thường không dám tin. Như vậy chúng tôi giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này mất hết 1200 tiếng đồng hồ, ai tin điều này! Chúng tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm đến phẩm thập trú, mất hết hơn 4000 tiếng đồng hồ. Thật sự đủ nhẫn nại để nghe tiếp họ sẽ nếm được pháp vị, vui không gì sánh bằng. Còn nghe mà không có hứng thú, nghe không hiểu. Như vậy đương nhiên là khô khan vô vị. Khi đã thật sự hiểu, thì những thú vui của thế gian họ buông bỏ hết. Vì niềm vui của pháp vị không gì sánh bằng.

 Nên người xưa nói: Thế vị sao đậm bằng pháp vị, Pháp vị mới thật sự đậm đà. Niềm vui của cõi trời hay cõi người đều là mùi vị thế gian, đối với pháp vị thì không thể so sánh được. Trong kinh điển đại thừa pháp vi đậm đà biết bao. Đặc biệt là Hoa Nghiêm và Kinh Vô Lượng Thọ, nghe hoài không chán, học hoài không mệt. Người xưa nói, dạy không mệt học không chán. Đây là nói về thầy và trò. Vì sao? Vì pháp hỷ sung mãn, nên lúc nào cũng an vui. Điều này những người yêu thích lạc thú nhân gian không hiểu, họ không biết. Những người hiểu được, cảm thấy đây là niềm vui không gì sánh được, làm sao có mệt mỏi?

 Một đĩa giảng có người nghe mấy ngàn lần, họ không cảm thấy khô khan vô vị. Càng nghe càng thích, càng nghe càng ngộ thêm. Nghe đến cuối cùng thật sự họ đã khai ngộ. Thời kỳ mạt pháp phải dùng phương pháp này, nhưng phương pháp này cũng cần người có duyên. Không có duyên thì họ không đủ nhẫn nại để học một thứ đến ba lần hay năm lần. Được rồi, tôi học cũng không tệ. Đã học qua ba lần, năm lần rồi. Vô dụng thôi, họ chỉ học được chút kiến thức tầm thường, học một chút bên ngoài, chưa hề thâm nhập. Pháp thế xuất thế gian mà thật sự học, thì nhất định phải hiểu rõ nó. Học một lần là chưa đủ.

 Nên ngày xưa rất khó. Ngày xưa học một bộ kinh, nghe pháp sư giảng kinh. Pháp sư chỉ giảng một lần, không giảng lần thứ hai. Như vậy phải làm sao? Ở đâu có pháp sư giảng kinh thì đến đó để nghe.

 Triều đại nhà Đường có Đạo Tuyên luật sư ở Chung Nam Sơn, ngài học “Tứ Phần Luật”. Phân lượng của Tứ Phần Luật rất lớn rất dài. Trong đời ngài đã nghe 20 lần. Ở đâu có người giảng, ngài liền đến đó để nghe. Thật không dể! Bây giờ phương tiện dễ dàng, có ghi hình có ghi âm. Pháp sư giảng ta lưu lại, như vậy có thể nghe lại nhiều lần. Có thể khai ngộ chăng? Có thể. Làm sao khai ngộ? Tâm định thì sẽ khai ngộ chứ không có gì khác. Nói cách khác, nghe kinh là gì? Là tu định. Xem lần này đến lần khác, nghe lần này đến lần khác là tu định đấy.

 Có nhiều người nói chuyện, ngôn ngữ rất khó hiểu. Khi tôi ở Cựu Kim Sơn, có người học trò tặng tôi cuốn băng ghi âm. Ghi dưới dạng thẻ nhớ, tặng tôi một cuốn băng ghi âm như vậy. Pháp sư Đàm Hư khai thị trong kỳ Phật thất ở HongKong. Ngài là người phương Bắc, tôi nghe lần thứ nhất cũng chỉ hiểu được khoảng ba phần. Nghe lần thứ hai lại hiểu nhiều hơn một chút. Tôi nghe 30 lần, những gì thầy ta nói tôi đều hiểu hết, nên tôi học được cũng không ít. Những thứ khác tôi đều nghe và học 30 lần như vậy, không ít hơn 30 lần. Có thể còn nhiều hơn 30 lần chứ không ít hơn 30 lần.

 Kinh Vô Lượng Thọ này, tôi giảng lần này là lần thứ 11. Trước đây giảng 10 lần, không phải giảng chú giải. Lần này giảng chú giải, số lần không nhiều không được. Vì giảng ít không thể khế nhập, không nhập vào cảnh giới này. Huân tập chưa đủ. Học tập, trên thực tế không cần nói quá phức tạp. Một bộ kinh có thể giúp ta khai ngộ là bộ kinh nào? Bất cứ bộ kinh nào cũng được. Cho nên pháp môn bình đẳng không có cao thấp. Đạo lý này cần phải hiểu. Sợ nhất là học quá nhiều, học quá tạp nham, học quá lộn xộn. Thì học cả đời cũng không thể thành tựu. Vì những gì ta học chỉ toàn là tri thức của Phật giáo.

Các bậc thánh học tập, vì sao lại chú trọng giới định tuệ như vậy? Đây không phải là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, mà quá khứ hiện tại vị lai tất cả chư Phật trong ba đời, không vị nào chẳng tuân thủ nguyên tắc này.

 Giới là gì? Là quy cũ. Nếu không giữ quy cũ thì không thể nhập môn. Giữ quy cũ ta mới có thể được định. Nhất môn thâm nhập là quy cũ, tâm sẽ định không bị tán loạn. Mọi lúc mọi nơi tâm đều phải định, định lâu sẽ hoát nhiên khai ngộ. Chuyên sâu vào một bộ kinh dể đạt được định. Ba bộ, bốn bộ, tám bộ, mười bộ cứ như thế thì suốt cả đời cũng không đạt được định. Vì sao? Vì tư tưởng tán loạn, tinh thần ý chí không thể tập trung. Đặc biệt là xã hội hiện nay, sức mạnh mê hoặc quá lớn. Những thứ mà lục căn tiếp xúc đều là cảnh giới này. Đều đang mê hoặc chúng ta, đều đang nhiễu loạn chúng ta. Nếu ta thích tiếp xúc với nó là coi như xong. Đời này coi như ta không có duyên với thiền định với chế tâm vào một chổ. Duyên đã bị đoạn mất rồi.

 Không có định thì làm gì có tuệ? Những thứ ta học được trong suốt cuộc đời, dùng cách nói của người bây giờ thì ta có thể trở thành một nhà Phật học. Có thể đạt được học vị tiến sĩ Phật học. Có thể làm một vị giáo thọ Phật học. Cũng có thể nói một cách lưu loát trôi chảy. Thậm chí còn có thể trước tác...vv...Tất cả danh văn lợi dưỡng của thế gian ta đều có thể đạt được. Nhưng đối với tam muội, đối với sự khai ngộ, đối với việc liễu sanh thoát tử ra khỏi luân hồi thì không có chút tương quan nào. Bây giờ hạng người học Phật như vậy rất nhiều. Còn người thật sự y theo phương pháp của các bậc cổ đức tu học thì không còn nữa, nên họ không thể thành tựu. Không thể thành tựu chính là họ không đạt được pháp hỷ. Họ không đạt được niềm vui như Chư Phật Chư Bồ Tát.

 Tấm gương của các vị thánh hiền, truyền thừa đến ngày nay thật không dể. Chịu nắm vững không buông tuân thủ phụng hành, chẳng có ai không thành tựu. Nếu cho rằng phương pháp này quá xưa, không hoạt bát như phương pháp của khoa học hiện nay. Dùng phương pháp khoa học nghiên cứu Phật pháp, thì Phật học biến thành khoa học, không còn là Phật pháp nữa. Đã trở thành pháp thế gian. Bây giờ học Phật thật khó!

 Chúng tôi biết vậy nên đã lợi dụng internet, lợi dụng truyền hình vệ tinh, để cùng với các bạn đồng học có duyên ở mọi khu vực trên toàn thế giới. Họ xem qua mạng internet, xem qua vệ tinh chính là có duyên. Chúng ta dùng phương pháp này để cùng nhau học tập, cùng nhau chia sẽ với các bạn đồng học ở các nơi. Cảm thấy những phương pháp này của chư vị thánh hiền có thể học, quý vị không ngại cứ thử xem. Chỉ cần có quyết tâm, có nhẫn nại không thay đổi. Như người xưa nói, bảy năm tiểu thành, chín năm đại thành. Là thật không phải giả.

 Hai câu này, thật là Phật và Bồ Tát mới có thể làm được. Dùng vô lượng phương tiện để nói pháp vi diệu, có thể khiến chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Hoan hỷ họ mới chịu tiếp nhận. *“Kim vân hiện tại tây phương, tức tuỳ sở ứng độ ... phương tiện thuyết vi diệu pháp dã”*. Đức Phật A Di Đà dùng phương tiện thiện xảo như vậy. Ở nơi thế giới tây phương Cực Lạc kiến lập nên đạo tràng lớn này, rộng lớn không có biên tế. Tiếp dẫn tất cả chúng sanh đến đây tu hành. Vì sao? Vi lục đạo chúng sanh trong mười phương thế giới thọ mạng không dài. Thời gian ngắn tập khí phiền não chưa dứt sạch, nên nhất định phải có thời gian dài.

 Đến thế giới Cực Lạc, điều đầu tiên mà ta đạt được là thọ mạng vô lượng, vĩnh viễn không già. Nếu thọ mạng dài lâu thì sẽ già, mà già thì khổ biết bao. Như vậy còn có thể học được ư? Không thể học. Thế giới Cực Lạc trẻ mãi. Mổi người đều như người thế gian chúng ta mười mấy hai mươi tuổi, tuổi trẻ sức mạnh. Quý vị hỏi tuổi của họ, không phải nói mấy trăm năm mấy ngàn năm. Họ nói với chúng ta họ sống đến mấy a tăng kỳ kiếp. Nhưng vẫn trẻ như vậy, vẫn mạnh khoẻ như vậy, vẫn học tập như vậy. Cơ hội này đến đâu để tìm. Chỉ có đến thế giới Cực Lạc. Ngoài thế giới Cực Lạc ra thì tìm không thấy chổ thứ hai.

 Nếu ta cảm thấy khổ của sanh lão bệnh tử cũng không đến nổi, thì cứ ở lại thế giới ta bà, cứ từ từ mà lăn lộn trong luân hồi. Nếu cảm thấy điều này rất đau khổ. Nếu lấy tự tánh mà nói, thì sanh lão bệnh tử là điều đáng xấu hổ nhất. Ta vốn là Phật sao lại trở thành như vậy? Biết xấu hổ là gần với cái dũng. Tôi không muốn làm, muốn quay đầu. Quay đầu đến thế giới Cực Lạc. Dựa vào sức mạnh của mình thì sẽ không quay đầu được, nên Phật A Di Đà sẽ giúp sức cho chúng ta. Chỉ cần ta có ý niệm hồi đầu. Tâm vừa mới khởi lên, Phật A Di Đà nhận được thông tin này. Ngài sẽ gia trì, giúp đở chúng ta và ta sẽ có duyên để gặp được pháp môn này.

 *“Nhân thử chánh thị chỉ phương lập tướng, tức sự nhi chân chi thù thắng phương tiện”.* Đây là lợi ích chân thật mà Phật A Di Đà đem đến cho chúng sanh trong lục đạo. “Chỉ phương lập tướng”, phương là phương sở, chỉ phương là tây phương. Lập tướng là ở nơi đó kiến lập thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là sự tướng. Thế giới Cực Lạc là đạo tràng, là đạo tràng lớn. Thế giới Cực Lạc là trường học. Thế giới Cực Lạc đều là học sinh của đức Phập A Di Đà, nên mười phương thế giới đều ngưỡng mộ Phật A Di Đà. Thật sự quay đầu, hy vọng ở trường này thành tựu viên mãn. Sau khi thành tựu có thể nói đều là hoá thân của Phật A Di Đà. Đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với Phật A Di Đà.

 *“Tức sự nhi chân, thù thắng phương tiện*”. Thù là đặc thù. Thù thắng, thù thắng phương tiện. *“Thiện Đạo đại sư phẫu thị kỳ nghĩa, vị ta bà chúng sanh vọng tâm bạo động”.* Hai chữ bạo động này nói rất hay. Đặc biệt là chúng sanh hiện nay. Giống như dòng thác vậy, nước chảy nhanh biết bao. Chẳng những gấp mà còn chảy lung tung phức tạp. Nếu quí vị có đi tham quan dòng thác lớn giữa biên giới Mỹ và Canada, thì sẽ cảm nhận được tâm chúng sanh nó giống như vậy.

 *“Chỉ phương lập tướng thượng vị năng chuyên chú huống vô phương vô tướng da?”.* Vô phương vô tướng là thông thường chỉ lý luận và phương pháp trong đại thừa, nên nó rất khó. Không như Tịnh độ tông, Tịnh tông có phương hướng nhất định, có mục tiêu nhất định. Chỉ cần chuyên chú nhất định có thể thành tựu, mà còn thành tựu rất nhanh. Trong kinh nói rất rỏ ràng. Sự thật cũng đã chứng minh cho chúng ta là chỉ một phương hướng, một mục tiêu. Từ ba đến năm năm nhất định thành tựu. Rốt cuộc cần bao nhiêu thời gian thì tự mình quyết định. Nếu dõng mãnh tinh tấn. Như trong kinh Di Đà nói, nếu một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày chắc chắn thành tựu. Đó gọi là tinh tấn Phật thất.

 Nhưng tinh tấn Phải thất phải thật sự buông bỏ, còn một chút chưa buông bỏ sẽ dể dàng bị ma dựa. Điều này phiền phức rất lớn. Trước đây thầy Lý nói với tôi. Ông ở Đài Trung tổ chức hai lần tinh tấn Phật thất, về sau không giám làm nữa. Ông nói với tôi như vậy. Các bạn đồng học tham gia không nhiều, không quá mười người. Vị thầy chủ thất này về mặt tinh thần có thể quan tâm được hết. Nếu trên mười người thì không quan tâm hết được, vì đông quá. Trong đó có một người bị ma dựa. Thầy đã vì người này mà mất hết nữa năm mới làm anh ta phục hồi trở lại bình thường.

 Phiền não chưa buông hết, đem theo những thứ này mà dõng mãnh tinh tấn cũng rất phiền phức. Thầy đưa ra vấn đề này để cảnh cáo tôi, bảo tôi không nên làm những việc này, rất nguy hiểm. Người ta khi đến tham gia là một người bình thường mạnh khoẻ, sau bảy ngày đã trở thành bệnh thần kinh. Như vậy làm sao đối mặt với người ta? Phật thất bình thường có thể tu, nó không nghiêm khắc nên không sao. Còn tinh tấn Phật thất thì sợ có phiền phức này. Tu hành không dể!

 Phương pháp ổn định nhất vẫn là giáo. “Giáo” là gì? Tiệm tiến. Nó không phải là rất dõng mãnh, mà từng ngày từng ngày từ từ cầu tiến bộ. Buông bỏ cũng vậy, cũng từng ngày từng ngày. Buông bỏ từng chút từ từ, phải huân tập thời gian dài, tự nhiên tâm sẽ được thanh tịnh. Tâm càng thanh tịnh thì nhập nghĩa kinh càng nhiều, chúng ta sẽ nhìn thấy vô lượng nghĩa trong từng chữ từng câu, nói không cùng tận. Ở trong đó niềm vui vô cùng, và từ từ toàn bộ đều hiểu một cách rỏ ràng minh bạch. Chúng ta tự mình cũng niệm Phật cầu vãng sanh, sẽ rất đơn giản! Không khó.

 Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, sau khi viết xong cuốn chú giải này. Vì sức khoẻ không tốt, tuổi cũng đã lớn. Không muốn sống lâu ở đời thêm nữa, nên nhất tâm niệm Phật. Một ngày niệm 40 vạn câu Phật hiệu, niệm sáu tháng như vậy thì đi. Đây đều là thị hiện cho chúng ta thấy. Buông bỏ vạn duyên, nhất tâm chuyên niệm thì không có ai là chẳng vãng sanh.

 *“Hựu ‘Thượng Đô Nghi’ vân, quy mạng Tam Bảo, yếu chỉ phương lập tướng, trú tâm thủ cảnh. Dĩ phàm phu hệ tâm thượng bất khả đắc huống ly tướng da?”.*

Đây chính là nói các pháp môn khác khó. Khó ở chổ nào? Khó ở chổ phải rời tướng. Tịnh độ tông không rời tướng. Tịnh độ tông lập tướng đến thế giới Cực Lạc. Trước là chỉ phương lập tướng, cầu sanh tịnh độ. Đến thế giới Cực Lạc mới rời tướng. Nên người xưa nói: *“Nếu được thấy Phật A Di Đà lo gì không khai ngộ”.* Chúng ta đem việc khai ngộ này để ở thế giới Cực Lạc, bây giờ chuyên cầu Tịnh độ. Trước đây thầy Lý nói với tôi, mục tiêu cuối cùng của Phật pháp đại thừa là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tịnh độ cũng không ngoại lệ. Tịnh độ là gì? Là đến thế giới tây phương Cực Lạc, mục tiêu chính là minh tâm kiến tánh. Còn mục tiêu bây giờ là nhất tâm chuyên niệm. Đây là sự thù thắng của Tịnh độ tông, nên 48 nguyện rất quan trọng. 48 nguyện là chính Phật A Di Đà tự nói, Đức Thế Tôn vì chúng ta mà thuật lại. Mỗi nguyện đều là vì độ chúng sanh, là giúp chúng sanh trong một đời thành tựu. Tất cả đều làm Phật. Điều này chúng ta chẳng thể không biết.

 Quy mạng tam bảo, câu này thấy thì dể, nhưng thật sự quy mạng không dể. Thông thường trên văn tự thấy quy y, đây là quy mạng. Tam bảo là Giác- Chánh- Tịnh. Quy là quay đầu. Quy mạng là bảo chúng ta quay đầu. Thân mạng của chúng ta phải nương tựa vào tự tánh tam bảo. Phật là tự tánh Giác, giác mà không mê. Pháp là tự tánh Chánh, chánh mà không tà. Tăng là tự tánh Tịnh, tịnh mà không nhiễm. Chánh, Giác, Tịnh là tự tánh tam bảo. Chính là đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ. Thanh tịnh là Tăng bảo. Bình đẳng, bình đẳng là chánh định, chánh định tức bình đẳng là Pháp bảo. Giác là Phật bảo.

 Chúng ta nên đem thân mạng mình quay về nương tựa thanh tịnh bình đẳng giác. Mổi niệm không rời, nơi nơi không rời. Tịnh độ tông phương tiện hơn so với đại thừa, vì đại thừa không có tướng. Ly tất cả tướng, tức tất cả pháp. Khó! Tịnh độ tông có phương hướng, niệm niệm của chúng ta đều nghĩ đến tây phương. Mổi niệm đều niệm Phật A Di Đà. Chấp tướng, không phải ly tướng. Chấp trì danh hiệu, chấp chính là chấp trước. Trì chính là duy trì đừng để mất đi. Đem những thứ khác buông bỏ hết, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, chỉ có kinh Vô Lượng Thọ. Nếu muốn nghĩ thì nghĩ đến kinh Vô Lượng Thọ. Nghĩ đến kinh Vô Lượng Thọ là sao? Là nghĩ đến thế giới Cực Lạc. Nhớ Phật niệm Phật thì hiện tại tương lai nhất định gặp Phật, cho nên nếu chưa thành thục kinh thì không cách gì nghĩ được, vì ta cư suy nghĩ tạp loạn.

 Tôi suốt đời thọ trì bộ kinh này, nên suy nghĩ của tôi chính là suy nghĩ chuyên môn. Chuyên suy nghĩ đến thế giới Cực Lạc, chuyên suy nghĩ đên Phật A Di Đà. Nếu kinh điển học tập của tôi quá nhiều quá khó, như vậy suy nghĩ của ta sẽ loạn, suy nghĩ lung tung sẽ sai lầm. Nên Phật dạy chúng ta chế tâm vào một chổ, vì tâm này của chúng ta là tán loạn. Không ở một nơi, nghĩ đông nghĩ tây. Đó là gì? Là tâm luân hồi. Kinh luận nghĩ quá nhiều cũng là tâm luận hồi, vì nó không phải là nhất tâm. Nhất tâm chính là thiền định, nhất tâm chính là tam muội. Đạt được định mới có thể khai tuệ, tuệ khai sẽ thấy Phật. Tuệ sẽ thấy được thế giới Cực Lạc, cảnh giới hiện tiền. Nên nói hiện tại tương lai nhất định thấy Phật. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh ra. Ta nghĩ đến thế giới Cực Lạc thì thế giới Cực Lạc sẽ hiện tiền. Nghĩ Phật A Di Đà thì Phật A Di Đà sẽ hiện tiền, như vậy mới có thể vững vàng nắm bắt được thế giới Cực Lạc. Như vậy đời này của chúng ta sẽ có giá trị, đại công viên mãn.

 Sanh đến thế giới Cực Lạc, được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, trở thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Cỏi phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát, điều này thật không thể nghĩ bàn. Thân của cỏi đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, sẽ được 48 nguyện của Phật Di Đà gia trì. Đó là thân gì? Thân pháp tánh. Cỏi đồng cư mà chúng ta ở cũng là cỏi pháp tánh. Thật là không thể nghĩ bàn! Không phải như kinh Kim Cang nói, thế giới là nhất hợp tướng, là vi trần tụ. Không phải thế giới đó. Quả báo thù thắng như vậy là như trong kinh nói, “huệ dĩ chân thật lợi ích”. Nếu chúng ta không nương vào Phật A Di Đà để tu đến cảnh giới này, thì phải đến kiếp nào mới thành tựu? Gặp được Phật A Di Đà, không ngờ lại dể đạt được như vậy. Nên ta phải biết cơ hội này rất khó có được.

 Lời của cư sĩ Bành Tế Thanh nói hoàn toàn chính xác, từ vô lượng kiếp đến này mới có ngày hy hữu khó gặp này, vậy mà chúng ta đã gặp được. Vô lượng kiếp đến nay hy hữu khó gặp vậy mà ngày nay chúng ta đã gặp. Gặp được nếu không nắm bắt nó thì sẽ không được thành tựu, như vậy không phải đã rất oan uổng rồi sao? Như vậy là quá sai lầm, sai lầm rất lớn. Nếu có thể nắm bắt được, thì đời này nhất định sẽ thành Phật viên mãn. Đây gọi là Phật pháp một đời thành tựu. Hy vọng mọi người trong chúng ta đều nổ lực.

 Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng những kinh điển này, đều là chư vị tổ sư nói lời chân thật với chúng ta.

 Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta chỉ học đến đây thôi.

# Tập 314

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: ngày 03 tháng 03 năm 2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 368, hàng thứ ba từ dưới đếm lên.

 *“Khứ Diêm Phù Đề bách thiên câu chi na do tha Phật sát, hữu thế giới danh viết Cực Lạc”.*

 Đây chính là chỉ phương lập hướng. Đức Phật A Di Đà vì tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương thế giới mà thị hiện như vậy. *“Thượng cú thị Tống dịch văn”,* bản dịch của thời nhà Tống. *“Nguỵ dịch vi thập vạn ức sát”,* phiên dịch này đơn giản hơn nhiều. *“Đường dịch vi thập vạn ức Phật sát, Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh”.* Đây là tiểu bổn kinh A Di Đà do ngài Huyền Trang phiên dịch. *“Đồng Tống Dịch”,* hoàn toàn tương đồng với bản dịch của chúng ta ở đây. *“A Di Đà Kinh đồng Nguỵ Đường lưỡng dịch, chư dịch bất đồng”*. Năm loại bản dịch này phiên dịch không giống nhau. *“Kỳ cố hữu nhị”,* đây là nguyên do có hai loại bất đồng.

 *“Nhất giả, như Pháp Hoa sở thuyết, tuỳ chúng sanh căn khí sở thuyết danh tự bất đồng, niên kỷ đại tiểu. Thị cố lưỡng độ cự ly diệc khả bất đồng”.* Ấn Độ cổ và Trung Quốc đo lường đong đạc không giống nhau. Đây đều đứng về sự mà nói. *“Thật giả Cực Lạc ta bà giai biến nhất thiết xứ, hổ dung hổ nhiếp, bổn vô cự ly chi khả ngôn”.* Đây là xưng tánh mà nói. Cũng chính là dùng thật tướng các pháp để nói, dùng chân tướng của tất cả pháp để nói. Nó không có cự ly, không có xa gần. Vì sao? Vì thế giới Cực Lạc biến khắp mọi nơi, biến pháp giới hư không giới. Thế giới ta bà cũng biến khắp mọi nơi. Chúng ta khởi tâm động niệm cũng như vậy biến khắp mọi nơi.

 Hiền Thủ đại sư trong Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói rất rỏ ràng. Đoạn đầu tiên ngài nói với chúng ta về bản thể. Điều này ngày nay khoa học và triết học còn chưa phát hiện. “Tự tánh thanh tịnh viên minh thể”. Rối cuộc nó là cái gì? Chưa có ai có thể nói ra được. Đức Phật có cách nào nói ra chăng? Phật cũng không thể nói ra. Giới khoa học đối với điều này cũng mù mờ, không biết. Đây là nguồn gốc của muôn pháp trong vũ trụ. Muôn pháp trong vũ trụ từ đâu mà có? Là từ tự tánh mà có. Nhưng nó không phải vật chất, không phải là tinh thần, cũng không phải là hiện tượng tự nhiên. Nên bất cứ máy móc nào của khoa học cũng không cách nào đo lường được nó. Đức Phật nói “duy chứng phương tri”. Chứng nhập cảnh giới này thì sẽ biết.

 Biết được cũng không nói được.Bởi nói ra người khác cũng không hiểu, chỉ có người chứng được cảnh giới giống như vậy mới hiểu được. Kỳ thật Phật nói ra “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh” chính là những gì ngài Huệ Năng nói. Vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không dao động, có thể sanh vạn pháp. Chúng ta nghe rồi cảm thấy thế nào? Hình như đã hiểu. Nhưng thực tế thì sao? Thực tế không hiểu. Vốn tự thanh tịnh, nhưng thanh tịnh đến trình độ nào thì không biết. Bất sanh bất diệt, nhưng tại sao bất sanh bất diệt cũng không biết. Nên đây là bản thể mà trong triết học nói.

 Từ thể khởi dụng, khởi lên hai dụng. Một là y báo, nghĩa là vũ trụ xuất hiện. Một tác dụng khác là chánh báo. Chánh báo là gì? Chánh báo là chỉ chính mình, là ta xuất hiện, chứ không phải chỉ cho người khác. Người khác là chánh báo của họ, họ là y báo của ta. Ta là chánh báo, tất cả mọi người đều là y báo của ta. Y báo cũng chính là cảnh sinh tồn của ta. Trong môi trường có môi trường nhân sự, có môi trường vật chất, có môi trường tự nhiên. Nên chánh báo nghĩa là nói đến chính mình. Ta xuất hiện, ta với vũ trụ đồng thời xuất hiện. Còn việc này thì sao? Trong đối thoại của Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc nói rất rỏ, “nhất niệm bất giác”. Nhất niệm bất giác không có nguyên nhân. Không có quá khứ, cũng không có vị lai. Nói cách khác, cũng chính là không có hiện tại. Không có quá khứ, không có vị lai thì làm gì có hiện tại? Nên niệm này gọi là vọng niệm, gọi là vô thỉ vô minh. Niệm này là duyên khiến A lại da xuất hiện.

 A lại da là năng biến. Tất cả vạn pháp nghĩa là mười pháp giới y chánh trang nghiêm là sở biến. Hư không pháp giới cũng là sở biến của nó. Tánh là năng hiện năng sanh, thức là năng biến. Ở đây nói rất rỏ ràng. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần với ta. Ta và vật chất, là y báo và chánh báo. Nó đang chấn động rất nhanh, đều là hiện tượng dao động. Bất động thì hiện tượng sẽ không có. Tinh thần là hiện tượng dao động, vật chất cũng là hiện tượng dao động. Hiện tượng dao động của tinh thần nhanh hơn hiện tượng vật chất. Nhưng bất luận là tinh thần dao động hay vật chất dao động, nhất định có ba loại hiện tượng phát sanh. Chính là ba loại chu biến.

 Thứ nhất là “chu biến pháp giới”. Khi nó vừa dao động là biến pháp giới hư không giới, toàn bộ đều tiếp nhận được. Dao động là do ta phát ra, mọi người đều tiếp nhận được. Cùng một đạo lý như vậy. Hiện tượng dao động này biến pháp giới hư không giới, chúng ta đồng thời cũng nhận được. Thân thể giống như là một công cụ phát xạ thông tin, đồng thời cũng là công cụ thu thập thông tin. Giống như cơ khí vậy, vừa động là chu biến pháp giới.

 Thứ hai là “xuất sanh vô tận”. Xuất sanh vô tận là biến hoá vô cùng. Vì có dao động nên nó sẽ có biến hoá.

 Thứ ba là “hàm dung không hữu”. Chính là tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Không có thời gian, chẳng có không gian. Nên nói Cực Lạc biến khắp mọi nơi, ta bà cũng biến khắp mọi nơi. Chúng ta khởi tâm động niệm đều biến khắp mọi nơi. Đây là chân tướng sự thật. Tất cả đều hổ tương dung hoà nhiếp thọ, hổ tương bao dung lẫn nhau. Trong tôi có quí vị, trong quí vị có tôi. Trong tôi có thế giới cực Lạc, có thế giới ta bà. Có quốc độ của tất cả chư Phật trong ba đời mười phương, tất cả đều đầy đủ. Có đầy đủ lục đạo tam đồ trong mười pháp giới. Thật giống như bây giờ chúng ta dùng ti vi vậy. Máy móc này chính là ta, là chánh báo của ta. Tướng hiện ở trong đó là y báo. Bây giờ các kênh trên ti vi, tôi tin rằng những gì quốc gia dùng có thể nhận được tín hiệu trên toàn thế giới. Hình như có mấy trăm kênh, thậm chí có mấy ngàn kênh. Mổi kênh phát ra đều nhận được, có mấy ngàn kênh. Mổi kênh đều hổ tương dung nhiếp lẫn nhau. Chỉ cần nhấn một kênh thì toàn bộ hình ảnh đều hiện ra. Nên biến pháp giới hư không giới với chính mình là một thể.

 Tất cả chúng sanh, ngày nay chúng ta nói nhân loại trên địa cầu có liên quan gì với ta? Là một thể. Điều này người giác ngộ biết, người chưa giác ngộ thì không biết được. Thế gian này người giác ngộ ít, người không giác ngộ nhiều. Nên người giác ngộ rất vất vả. Vì họ biết, họ biết toàn thể nhân loại với mình là một thể, nên họ chăm sóc, quan tâm, yêu thương họ vô điều kiện. Người không biết thì thấy hoàn toàn không liên quan đến mình. Họ chính là tự tư tự lợi, cho rằng chỉ có một cái tiểu ngã, còn những người ngoài không liên quan đến ta. Như vậy là sai. Một sợi lông một hạt bụi đều có sự liên quan, đều có sự liên quan mật thiết với chúng ta. Hiện tượng này ngày nay khoa học chưa nói ra, triết học cũng chưa nói ra.

 Thầy Phương đã dùng tâm huyết và thời gian của đời minh vào trong Phật pháp đại thừa. 79 tuổi thầy ra đi, thầy ra đi hơi sớm. Nếu như thầy có thể sống thêm mười năm, Phật giáo của Đài Loan sẽ không như tình trạng ngày nay. Tôi theo thầy hơn 20 năm. Tôi theo thầy năm tôi 26 tuổi, thầy đi năm đó tôi 50 tuổi. Khi đó thầy vừa mới khế nhập cảnh giới. Khi dạy tôi thầy mới hơn 40 tuổi. Lúc đó thầy có phân biệt, vì thầy là người nghiên cứu triết học. Hoàn toàn dùng triết học để nhìn Phật pháp. Cho rằng trong Phật pháp có một bộ phận là triết học cao thâm, nhưng vẫn còn một số, thậm chí trên một nửa là mê tín, là thần thoại. Thầy đã có cái nhìn này đối với Phật pháp. Đến cuối đời, đối với những thần thoại đó thầy đều công nhận rằng, đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

 *“Hổ dung hổ nhiếp, bổn vô cự ly chi khả ngôn”.* Làm gì có cự ly? Không có cự ly, cũng không có trước sau. Đây đều là nói rất chân thật, hoàn toàn là cảnh giới hiện lượng thân chứng của Chư Phật Bồ Tát. Thật tướng chân thật, là chân tướng của tất cả các pháp. Sự việc là như vậy. Đối với những vấn đề này, chúng ta từ chổ hoàn toàn không biết, không nhận thức, nên nghe thấy cách nói này, cho là thần thoại, là mê tín. Nghe suốt 60 năm cũng đã hiểu rỏ. Đây là thật không phải giả. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ta sẽ thấy được.

 Nghĩa thứ hai thì dể nói hơn. Đây là nói về chữ số. *“Nhị giả, ức, câu chi, na do tha chi số”*. Đây đều là con số*. “Sở biểu đại tiểu bất nhị”.* Người xưa nói ức, “ức” có bốn cách nói. “Mười vạn” gọi là ức. “Trăm vạn” cũng gọi là ức. “Ngàn vạn” cũng gọi ức. “Vạn vạn” cũng gọi ức. Ngày nay chúng ta dùng vạn vạn là ức. *“Câu chi, kỳ dịch vi ức*”. Nên câu chi cũng có thể nói là mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn, vạn vạn đều có thể nói được, đều không nói sai. Câu chi người xưa gọi là ức. Ức có lớn nhỏ khác nhau, có bốn loại.

 *“Đãn tiền tam giả, tắc vi thường dụng giả”.* Hình như con số mà chúng ta hiện đang dùng thì ức là vạn vạn, dùng chữ này. *“Na do tha”* cũng là con số của Ấn Độ. “Mười vạn” có thể gọi là na do tha. “Ngàn vạn” cũng có thể làm na do tha. *“Diệc hữu giải vi vạn vạn giả”,* nó với ức gần như tương đồng. Vì sao lại có nhiều việc phiền phức như vậy? Chúng ta đều biết, khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện, tương đương với thời kỳ cuối của nhà Chu. Đức Thế Tôn xuất hiện hầu như cùng thời đại với Lão Tử và Khổng Tử. Sớm hơn Lão Tử và Khổng Tử một chút. Thời đại đó Trung Quốc chưa thống nhất, Ấn Độ cũng chưa thống nhất, đều là bộ lạc tộc quần. Nên rất nhiều quốc gia.

 Trong lịch sử ghi chép thời nhà Chu, Ở Trung Quốc từ Liêu Đông đến lưu vực Trường giang, lưu vực Châu giang. Trong một diện tích như vậy mà có đến 800 chư hầu, tức là có 800 quốc gia. Đất nước lớn thì cương vực biên giới có 100 dặm, 100 dặm là nước lớn. Nước nhỏ là 50 dặm, 30 dặm. Thực tế mà nói thì nó như một trấn nhỏ hiện nay. Chư hầu vương của Đại Quốc cũng chỉ ngang như một huyện trưởng bây giờ. Đó là chư hầu, họ là vua một nước.

 Chúng ta xem “Xuân Thu”, “Tả Truyện”, thì có thể thấy được sự phức tạp của xã hội đương thời. Nước lớn thường hiếp đáp nước nhỏ. Chiến tranh từ đầu năm đến cuối năm không ngừng. Chiến tranh là gì? L đánh nhau. Nên mổi quốc gia dùng văn tự cũng không tương đồng. Như lối chữ Triện của Trung Quốc, một chữ nhưng có rất nhiều cách viết. Là sao? Lúc đó mổi quốc gia dùng khác nhau. Chế độ đo lường đong đạc ở Ấn Độ cũng như vậy, không thống nhất, không có tiêu chuẩn. Nhưng ở Trung quốc vẫn còn tôn sùng một điều chính là Cộng Chủ, xưng là Thiên Tử. Là nói vị quốc vương này có đạo đức có nhân nghĩa. Ông ta có rất nhiều chế độ điển chương để có thể làm gương cho người khác. Các quốc gia khác đều dùng chế độ của người này. Nên gọi ông là Thiên Tử.

 Thiên tử không có thực quyền. Quốc gia của người khác chủ quyền là độc lập. Nếu phát sinh tranh chấp, thì Thiên tử chỉ có thể chủ trì công đạo mà thôi, hoá giải tranh chấp. Trên thực tế đến đời Tần Thuỷ Hoàng mới thống nhất. Những nước chư hầu đều bị trừ bỏ và đổi thành quận huyện. Trung Quốc hiện nay vẫn còn rất nhiều tên của huyện, đều là tên của các nước chư hầu ngày xưa. Đây là danh xưng đơn vị, có rất nhiều cách nói không giống nhau. Ví dụ nói ức, ở nơi khu vực này họ lấy mười vạn làm ức. Nhưng nơi khác lại lấy trăm vạn làm ức. Như chúng ta hiện này lấy vạn vạn làm ức. Vạn ở đây là đơn vị. Mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn, vạn vạn gọi là ức. Một ức chính là một vạn vạn.

 *“Kỳ nghĩa bất nhất, thị cố nan hiệu”.* Hiệu là so sánh, chỉnh sủa, không dể chỉnh sữa. “Kỳ nghĩa bất nhất”. Chúng ta cũng biết, lúc đó là thời đại bộ lạc, cùng một danh xưng nhưng trong đó nội dung không giống nhau. Điều này có thể lý giải được. *“Kim ư thập vạn ức thủ ức số chi tối đại giả, tắc vi thập vạn vạn vạn”.* Vạn vạn là ức. Mười vạn ức, mười vạn ức là mười vạn lần vạn vạn. *“Bách thiên câu chi na do tha. Thủ câu chi dữ na do tha chi tối tiểu giả, tắc vi thiên vạn vạn vạn. Giảo thập vạn ức đại nhất bách bội, cố bất tất cục hạn ư số lượng”.* Trong kinh như những con số này đọc qua là được. Đây đều là do vọng tưởng, phân biệt của tất cả chúng sanh mà có. Rời vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì những hiện tượng này không tồn tại.

 *“Chư kinh hổ tham”,* những kinh điển này chúng ta xem nhiều thêm một chút. *“Tắc khả tri sở thị hiện chi cực Cực Lạc thế giới. Cự thử thổ chí thiểu tại thập vạn vạn ức cá, tam thiên đại thiên thế giới chi ngoại. Tam thiện đại thiên thế giới vi nhất phật chi quốc độ”.* Phạm vi giáo hoá của một vị Phật là một tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới là một đại thiên thế giới. Một đại thiên thế giới, vì sao gọi là tam thiên? Tôi nghĩ rất nhiều bạn đồng học đều biết. Cách nói này là lấy núi Tu Di làm trung tâm. Mặt trăng mặt trời bao vây và xuay quanh núi Tu Di, như vậy gọi là một đơn vị thế giới. Một ngàn đơn vị thế giới gọi là một tiểu thiên thế giới. Lại lấy tiểu thiên làm đơn vị. Một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là một trung thiên thế giới, sau đó lấy trung thiên làm đơn vị. Một ngàn trung thiên thế giới gọi là một đại thiên thế giới. Tam thiên là tiểu thiên, trung thiên, đại thiên nên gọi là tam thiên.

 Vì thế tam thiên đại thiên thế giới, thật ta chính là một đại thiên thế giới. Thông thường một vị Phật giáo hoá một lãnh thổ như thế. Đơn vị thế giới lớn bao nhiêu? Trước đây chúng ta đều cho rằng hệ mặt trời là đơn vị thế giới. Khi tôi gặp Hoàng Niệm Tổ, chúng tôi có thảo luận đến vấn đề này. Ông nói lấy hệ mặt trời để làm đơn vị thế giới là sai lầm. Núi Tu Di không phải mặt trời. Hệ mặt trời chuyển động xoay quanh hệ ngân hà. Chuyển một vòng gọi là thái dương niên\_năm ánh sáng. Trung tâm của hệ ngân hà mới là núi Tu Di mà trong kinh Phật nói. Bây giờ giới khoa học nói nơi đó là hắc đông\_động tối. Một hắc đông rất lớn, lực dẫn cũng rất lớn. Đến ánh sáng cũng bị nó hút vào.

 Một đơn vị thế giới là một hệ ngân hà. Như vậy một tam thiên đại thiên thế giới là bao nhiêu hệ ngân hà? Một thiên tiếp một thiên lại nối tiếp một thiên là mười ức thiên. Mười vạn vạn là khu vực giáo hoá của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện thân trên địa cầu này, thì chúng ta sẽ biết đó là ứng hoá thân! Ngài hiện thân trên bất cứ tinh cầu nào đều là ứng hoá thân. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có cỏi thật báo trang nghiêm, có cỏi phương tiện hữu dư. Cỏi phương tiện hữu dư chúng ta không nhìn thấy. Cỏi đó hoàn toàn bất đồng không gian duy thứ với chúng ta, nên biết rằng vũ trụ quá lớn.

 “*Phàm phu văn chi, thường cảm Cực Lạc thậm viễn, cụ bất năng khứ”.* Tình huống này rất nhiều. Có nhiều người vừa nghe nói đến mười vạn ức cỏi Phật thì giật mình. Như vậy thì đi bằng cách nào? *“Thử thật do ư mê tự tâm lượng cố”.* Câu này nói nói như thế nào? Không biết tâm lượng mình lớn bao nhiêu. Là loại thứ ba trong ba loại chu biến, nó bao hàm không hữu. Như vậy tâm lượng của chúng ta lớn biết bao? Hàm là bao hàm, bao hàm hư không. Dung là dung nạp, dung nạp vạn hữu. Hữu chính là mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Tất cả quốc độ của chư Phật Như Lai đều là “hữu”. Trong hư không không nói đến vật chất. Tất cả pháp trong hư không, đều ở trong tâm lượng của ta. Tâm lượng chúng ta lớn biết bao!

 Loại chu biến thứ hai là “xuất sanh vô tận”, trong kinh nói vô lượng vô biên quốc độ của tất cả Chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời, là xuất sanh vô tận. Tất cả đều do ý niệm của chính mình biến hiện ra. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh ra. Kinh Hoa Nghiêm nói: Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Cách nó này chúng ta nghe rất quen, tự mình cũng có thể nói. Nhưng thật sự không biết, không tin nhận. Không tin nhận là do không thật sự hiểu biết. Nếu tất cả đều nói rỏ ràng và đã hiểu, thì làm gì có chuyện không tin nhận? Nếu thật sự tin nhận, thì Cực Lạc ở đâu? Ngay tại đây.

 Bên dưới dẫn chứng kinh Lăng Nghiêm nói: *“Cứ Lăng Nghiêm tắc thập phương hư không sanh ngã tâm trung. Như phiến vân điểm thái thanh lý, hà viễn chi hữu?”* Đây là Kinh Lăng Nghiêm nói. Đức Phật đưa ra một ví dụ, chúng ta đều cho rằng hư không lớn nhất. Nhưng Đức Phật đưa ra ví dụ nói, chúng ta ví hư không như một đám mây. Một đám mây trên bầu trời. Vậy tâm chúng ta thì sao? Tâm chúng ta là thái không. Quý vị nói là tâm lớn hay đám mây lớn? Biến pháp giới hư không giới ở trong tâm chúng ta, giống như một đám mây trong không trung vậy. Hư không nhỏ, tâm lượng lớn. Nên nhớ rằng, tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, là nói về tâm của chính mình. Chân tâm lớn như vậy, vọng tâm cũng là lớn như vậy. Chân và vọng không hai.

 Tâm nhỏ như vậy là do tự tư tự lợi, một người cũng không thể bao dung. Như vậy là sao? Là phiền não. Giống như Đức Thế Tôn nói, vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà không thể chứng đắc. Ta đã đánh mất tâm lượng vốn có, trở thành tâm lượng rất nhỏ. Tâm lượng nhỏ rất khổ. Nếu ta biết tâm lượng lớn như vậy, sẽ hiểu rằng thì ra tất cả quốc độ của Chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới, đều là tâm ta biến hiện ra. Quý vị muốn đi đến đâu, thì cảnh giới hiện ngay trước mắt. Nên trong Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận nói: *“Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ”.* Không đi làm sao vãng sanh được? Cực Lạc ở ngay trước mắt, ta còn đi đâu nữa. Giống như những lời này, nếu cư sỹ Hoàng Niệm Tổ không dẫn chứng lời trong kinh luận, thì chúng ta tránh không bàn đến, để khỏi tranh luận. Tức là lược bỏ đi.

 Chú giải của ông rất hay, đã đem những kinh luận có liên quan, đều thu thập và vào đây. Nên đọc bộ chú giải này, chính là đọc hơn 100 bộ kinh luận. Đây hoàn toàn là sự thật chứ không phải giả đâu, nhất định phải tin tưởng. Phải mở rộng tâm lượng chính mình và phải buông bỏ hết tập khí phiền não. Quý vị xem như vậy thì tự tại biết bao!

 *“Cố ‘Quán Kinh’ viết, A Di Đà Phật, khứ thử bất viễn”.* Thật sự là không xa. Mười vạn ức cỏi Phật, chính là mười vạn ức đại thiên thế giới, không xa. Ức vạn ức đại thiên thế giới cũng không xa. Trong tự tánh thanh tịnh không có cự ly. Điều này cần phải biết. Không có cự ly tức là không có không gian. Không có đến và đi tức là không có thời gian. Thời gian và không gian đều không tồn tại. *“Thật nhân bổn tại chúng sanh các các tự tâm chi nội dã”*. Điều này không sai chút nào. Thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng, thế giới Mật Nghiêm. Tỳ Lô Giá Na Phật, A Di Đà Phật, Đại Nhật Như Lai đều ở trong tâm chúng ta, không phải bên ngoài.

 Nên nhớ, Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói: “Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”. Tâm và pháp vĩnh viễn là một thể. Tâm là năng sanh năng hiện, pháp là sở sanh sở hiện. Thể và tướng nhất định không rời nhau, như vàng và đồ trang sức vậy, nó không thể tách rời. Nói đến thể là có tướng và dụng, nói đến tướng là có thể và dụng, nói đến dụng nhất định có thể và tướng. Không có thể và tướng làm gì có tác dụng? Một mà ba, ba trong một. Nếu xem nó thành ba là sai, là mê. Nên biết một mà ba, ba trong một. *“Phi tam phi nhất, tức tam tức nhất”,* như vậy mới thật sự hiểu rỏ sự tướng.

 *“Hựu Di Đà Sớ Sao viết”,* là Liên Trì Đại Sư nói. *“Phân minh tại mục tiền, diệc hà thường viễn? Liên Trì Đại Sư chi thuyết, thấu triệt tâm nguyên”.* Đây là chân tướng sự thật. Những lời này chúng ta phải thường xuyên ghi nhớ. Trong kinh Lăng Nghiêm nói: “Thập phương hư không sanh ngã tâm trung, ngã tâm sanh thập phương hư không”. Hư không bao lớn? Như một đám mây điểm giữa bầu trời xanh. Bầu trời xanh chính là hư không. Một đám mây trong hư không. Bây giờ khái niệm này chúng ta đã hiểu rất rỏ. Mọi người thường ngồi máy bay để đi du lịch, đều bay lên trên tầng mây. Quý vị nhìn thấy đám mây không, nó không lớn!

 Chúng ta xem tiếp đoạn bên dưới, càng nói càng gần. *“Hữu thế giới danh viết Cực Lạc.”* Thế chỉ cho thời gian quá khứ, hiện tại, và vị lai. Chữ thế này là ba chữ thập. Quá khứ mười năm, hiện tại mười năm, vị lai mười năm, đây gọi là nhất thế\_một đời. Người xưa nói 30 năm gọi là một đời, đây là nói về thời gian. “Giới gỉa cương giới, chỉ không gian. Tức tứ duy thượng hạ, sở vị thập phương dã. Hợp thời dữ không”. Đem thời gian và không gian hợp lại gọi là “thế giới”, hoặc gọi là thế gian. Gian cũng gọi là không gian, gian là xa cách. Đây là định nghĩa của hai chữ thế giới.

 Cực lạc, là phiên dịch theo nghĩa chữ Hán. *“Phạn ngữ tu ma đề”.* Thời cổ Ấn Độ phạm văn gọi là Tu Ma Đề. Chữ hán dịch thành Cực Lạc, nó có rất nhiều nghĩa. Từ điểm phiên dịch ta có thể lãnh hội được. Ở đây đưa ra ba từ, *“An Lạc, An Dưỡng, Thanh Thái*”. Có ba nghĩa như vậy. Thanh là thanh lương tự tại. Thái là dể chịu thoải mái. Nên hiện nay chúng ta đều dùng danh từ Cực Lạc này. *“Di Đà Yếu Giải vị Cực Lạc nãi vĩnh ly chúng khổ , đệ nhất an ổn chi vị”.* Đây là các bậc cổ đức giải thích về Cực Lạc cho chúng ta. Vĩnh viễn xa rời các điều khổ. Thế gian của chúng ta là khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Hoàn toàn đã thoát ly ba điều này nên gọi là Cực Lạc. Vì nó không còn chút cảm nhận nào về đau khổ. Thế gian này chuyện khổ nhiều, hàng ngày nó không rời xa thân tâm của chúng ta. Thế giới Cực Lạc không có. Ở đó thân tâm an ổn nhẹ nhàng, là đệ nhất an ổn.

 *“Di Đà Sớ Sao viết”,* là Liên Trì Đại Sư nói. *“Hiển chí cực chi lạc”.* Lạc ở đây nghĩa là gì? Lạc tức là niềm vui tột cùng. Cực ở đây tức là viên mãn*. “Phi nhân thiên nhất thiết chư lạc chi bỉ”*. Cõi trời và cõi người rất nhiều chuyện vui, nhưng so với thế giới Cực Lạc thì thua xa. Thua xa cỏi Y chánh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Khi tôi mới học Phật, có mấy vị pháp sư đưa ra vấn đề này nói với tôi. Nhà Phật đều lấy giới luật làm thầy, lấy khổ làm thầy. Vì sao thế giới Cực Lạc đến đâu cũng đều là trân bảo. Như vậy không phải đã quá hưởng thụ rồi sao? Sẽ không tương ưng với giáo huấn của đức Phật. Thế gian này của chúng ta, người thật sự tu hành chỉ làm một lều tranh trên núi, cái gì cũng không có. Đại khái cũng có được hai bộ y phục để thay đổi, ngoài ra không còn gì nữa.

 Họ không có dục vọng, không có bất cứ ham muốn hưởng thụ nào. Họ sống rất tự tại, rất an vui. Tại sao thế giới Cực Lạc hoa lệ đến thế? Nên biết rằng, thế gian này của chúng ta, tất cả những xa xỉ hoa lệ là do con người tạo nên. Những cung điện đường hoàng phú lệ là do con người tạo nên. Thế giới Cực Lạc không cần nhân công. Không có nhân tạo, cũng không có thiết kế, đều là tự nhiên. Chưa từng nghe nói thế giới Cực Lạc có nhà thiết kế, không có thợ thủ công về bên kiến trúc, chưa nghe nói. Tra hết “Đại Tạng Kinh”, suốt 49 năm đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta về thế giới Cực Lạc, đều là tự nhiên. Phước báo của trời và người lớn.

 Chúng ta thấy Thế Tôn giới thiệu cỏi trời hoá lạc, tầng trời thứ năm của dục giới. Tất cả những hưởng thụ của họ đều là biến hoá, là chính mình biến hoá ra. Nghĩ thứ gì thì thứ đó hiện ngay trước mắt. Không cần kinh doanh, không cần chế tạo. Muốn ở cung điện thì cung điện hiện ra, nếu không cần thì nó sẽ biến mất. Cỏi trời Tha Hoá Tự Tại lại càng tự tại hơn nữa, tự mình không cần biến hoá. Do cỏi trời Hoá Lạc biến hoá ra để cúng dường họ. Quan hệ hai tầng trời này rất tốt. Có người cúng dường, tự mình không cần phải kinh doanh. Mổi thứ đều xứng theo tâm ý của mình. Đây là gì? Là tánh đức. Tánh đức tự nhiên hiện ra như thế. Chỉ có thể nói rằng không thể nghĩ bàn, quá kỳ diệu. Người và trời trong cỏi dục giới của tầng trời thứ năm, thứ sáu đều có thể làm được điều này. Thế giới Cực Lạc còn cao hơn họ rất nhiều, phước báo cũng lớn hơn họ rất nhiều. Nên đây là lấy vọng tưởng bình thường của chúng ta để đo lường thế giới Cực Lạc, là hoàn toàn sai lầm. Những điều này là Liên Trì Đại Sư giới thiệu về cỏi Cực Lạc, tức là trong “Sớ Sao” nói như vậy.

 Chúng ta xem tiếp đoạn văn ở dưới. *“Chư Phật quốc độ, tuỳ cơ sở cảm, hữu tứ chủng độ”.* Ở đây dẫn chứng Di Đà Sớ Sao của Đại sư Liên Trì*. “Tứ thổ giả, nhất viết thường tịch quang độ. Kinh vân, Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ. Kỳ Phật trú xứ, danh thường tịch quang. Thị cực quả nhân sở cư”.* Cực quả là đến đĩnh cao nhất. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi là diệu giác. Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, không nói trong mười pháp giới, ngoài mười pháp giới, Bồ Tát sanh đến cỏi thật báo, là Sơ Trụ của Viên Giáo. Thiền tông thường nói, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Bây giờ chúng ta đã biết, họ đích thực không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Phiền não đã đoạn tận.

 Khởi tâm động niệm là do vô minh phiền não khởi tâm động niệm. Khi vô minh phiền não đoạn rồi, không còn khởi tâm không còn động niệm nữa. Phân biệt là trần sa phiền não. Trần sa là hình dung từ. Phân biệt nhiều giống như trần sa vậy, đếm không hết. Đây đều do tâm phân biệt, ý niệm này nối ý niệm khác. Quý vị thấy, một giây có 1600 triệu lần phân biệt. Một lần sanh diệt chính là một lần phân biệt. Không có hai cái phân biệt nào tương đồng, nên mới so sanh với trần sa. Chấp trước gọi là kiến tư phiền não. Quý vị đã thấy sai lầm, quý vị đã nghĩ sai. Thấy sai là kiến, nghĩ sai là tư. Nếu tất cả những phiền não này đều không có, thì đây là địa vị gì? Là Thập trụ. Trên thập trụ là thập hạnh, trên thập hạnh là thập hồi hướng. Trên thập hồi hướng là thập địa. Đây là 40 địa vị. Trên thập địa là đẳng giác, trên đẳng giác nữa là diệu giác. Diệu giác chính là cực quả, không còn quả nào hơn thế nữa.

 Cho nên trong kinh có nói, cỏi báo của 41 vị pháp thân đại sĩ. Họ ở trong cỏi báo, chính là cỏi thật báo trang nghiêm. Còn diệu giác thì sao? Diệu giác ở cỏi thường tịch quang. Nói cách khác, diệu giác là hoàn toàn quay về với tự tánh. Trong cỏi thường tịch quang cái gì cũng không có. Ba loại hiện tượng cũng không tồn tại. Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên đều không tồn tại.

 Ngày nay các nhà khoa học đã phát hiện ra một việc. Căn cứ theo quan sát của họ, nghiên cứu quan sát đo lường nói, máy móc tinh vi của chúng ta đo lường hư không. Nhưng trên thực tế chỉ có thể nhìn thấy mười phần trăm của vũ trụ. Hình như họ từ trong toán học mà suy luận ra. Còn 90 phần trăm của vũ trụ không có, nhìn không thấy. Chúng tôi nghe xong hiểu ý mỉm cười.

 Họ không biết trong kinh Phật có nói. Vậy 90 phần trăm đó đi đâu? Trở về cỏi thường tịch quang rồi. Họ có thể đo lường được, trên thực tế chỉ đo có thể đo lường đến mười pháp giới. Cỏi thật báo họ không đo lường được. Thực ra đã trở về cỏi thường tịch quang, nên dù dùng máy móc tinh vi cở nào cũng không cách nào phát hiện được. Vì sao? Vì nó không phải là hiện tượng, không phải là đối tượng để họ đo lường. Trở về cỏi thường tịch quang, thường tịch quang biến khắp mọi nơi, chu biến pháp giới.

 Tỳ Lô Giá Na, là phạn ngữ. Dịch sang chữ Hán là “biến nhất thiết xứ”. Tỳ Lô Giá Na là ai? Chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể của chúng ta. Quốc sư Hiền Thủ nói như vậy, tức là pháp thân của chính mình. Chính là muôn sự muôn trong biến pháp giới hư không giới, bao gồm nguồn gốc của chính mình. Nó từ đâu đến? Từ đâu đến, từ Tỳ Lô Giá Na đến. Nó là thật, những tướng nó hiện ra đều là huyễn tướng. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Vì nó là huyễn tướng nên nó không chướng ngại chân thật. Vì nó là chân nên cũng không chướng ngại phát huy của huyễn tướng. Có thể thiên biến vạn hoá. Đối với nó mà nói thì không có chút nhiễm ô nào. Là nơi ở của người có quả vị cáo nhất.

 *“Nhị viết, thật báo trang nghiêm độ, hành chân thật pháp, cảm thù thắng báo. Thất bảo trang nghiêm, cụ tịnh diệu ngũ trần cố, diệc vân vô chướng ngại độ. Dĩ sắc tâm bất nhị, mao sát tướng dung cố, thị pháp thân đại sĩ sở cư”.*

 Đây là cỏi báo của Bồ Tát. Bồ Tát nào? Bồ tát đã minh tâm kiến tánh. Bồ Tát đã đoạn tận vô thỉ vô minh. Vì sao họ không trú ở cỏi thường tịch quang? Vì đã đoạn tận vô thỉ vô minh, nhưng chưa đoạn tận tập khí vô thỉ vô minh, chỉ cần còn một chút tập khí thì cỏi báo này sẽ hiện tiền. Nên họ sống trong cỏi báo này. Tập khí vô thỉ vô minh đó không cách nào đoạn được, thời gian lâu tự nhiên nó mất đi.

 Cần thời gian bao lâu? Trong kinh Hoa Nghiêm nói là ba đại a tăng kỳ kiếp. Ý này chính là nói, vô lượng thọ là có hạn lượng. Vô lượng thọ cuối cùng là bao lâu? Ba đại a tăng kỳ kiếp. Ba đại a tăng kỳ kiếp đến rồi, thì vô minh của họ cũng tận. Tập khí vô minh đã đoạn tận, liền chứng quả vị diệu giác. Chứng diệu giác thì họ trở về cỏi thường tịch quang. Cỏi thật báo sẽ không thấy nữa. Chỉ có thường tịch quang là thật, là chân thật. Nó không có sanh diệt. Cỏi thật báo có sanh diệt, thường tịch quang không sanh diệt. Nó không phải hiện tượng, có hiện tượng mới có sanh diệt. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Hiện tượng tinh thần vẫn có sanh diệt. Hiện tượng tự nhiên cũng có sanh diệt.

 Giới khoa học ngày nay nói, năng lượng, thông tin, vật chất đều có sanh diệt. Sanh diệt từ đâu mà có? Từ bất sanh bất diệt mà có. Nhưng cái bất sanh bất diệt , giới khoa học không tìm thấy. Nên họ chỉ có thế nói ra những điều vô lý. Hiện tượng này từ đâu mà có? Từ trong chổ không mà nói có. Vấn đề này trong giáo lý đại thừa thường nói “hướng thượng nhất trước”. Hướng thượng chính là siêu việt A lại da, minh tâm kiến tánh. Việc minh tâm kiến tánh, khoa học không thể giúp được. Phương pháp của khoa học chỉ có thể đến được A lại da. Ta có thể thấy vật chất, cuối cùng là hiện tượng gì, cần phải hiểu cho rỏ ràng.

 Hiện tượng tinh thần ta đã hiểu rỏ. Đây chính là khoa học đã đạt đến đỉnh điểm. Hướng lên nữa là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh phải buông bỏ tất cả những ý niệm. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mới có thể nhìn thấy. Nếu không buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì toán học như thế nào cũng không tính ra được. Trong tự tánh không có những thứ này. Khoa học kỷ thuật có giỏi đến đâu cũng vô dụng, chắc chắn tìm không được. Chỉ cần buông bỏ là được. Vì sao Đức Phật lại biết nhiều như thế?

 Quý vị xem, 3000 năm trước những gì Đức Thế Tôn nói ra. Hiện nay giới khoa học, các nhà lượng tử học đã chứng minh được. Khoa học đã mất biết bao nhiêu thời gian, bao nhiêu người không ngừng tiếp tục nghiên cứu để phát hiện ra. Đức Phật không cần những thứ lôi thôi rắc rối này. Không cần dùng đến toán học, cũng không cần dùng đến những khoa học kỷ thuật. Không cần đến những thứ này. Như vậy cần dùng gì? Dùng thiền định. Do đó chúng ta sẽ hiểu rỏ, không gian mà các nhà khoa học phát hiện thực sự là có bất đồng duy thứ. Bất đồng duy thứ từ đâu mà có? Từ phân biệt chấp trước sinh ra. Rời phân biệt chấp trước thì không còn không gian duy thứ.

 Như trong kinh Đức Phật nói về cảnh giới này. *“Thập phương hư không sanh ngã tâm trung, như phiên vân điểm thái không lý”*. Giới khoa học chưa từng nói đến điều này, các nhà triết học cũng chưa từng nói. Vũ trụ là một thể, trong này không có lớn nhỏ. Hoàn toàn không có hiện tượng đối lập, không có đối lập chính là một thể. Cỏi thật báo trang nghiêm hành pháp chân thật. Chân thật này là lấy kinh điển đại thừa nói làm tiêu chuẩn. Cái gì gọi là chân thật? Nghịch với chân thật chính là không chân thật. Không chân thật gọi là hư vọng. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm đều là hư vọng. Vì sao? Bởi nó là pháp sanh diệt, nó không chân thật. Nó sẽ biến đổi, và mất đi. Có sanh có diệt, một sát na cũng không trụ được, nên nó là giả.

 Nếu pháp này hiện tiền rồi mà không thay đổi, thì đây là chân thật. Nó không sanh diệt, vĩnh viễn là như vậy. Cỏi thật báo trang nghiêm chính là như vậy. Chiêu cảm được quả báo thù thắng. Sanh được đến hoàn toàn là hoá sanh. Như trong kinh điển đại thừa giới thiệu cho chúng ta, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đepk\_đây là báo thân. Sanh đến đó, tướng đều như vậy. Không phải nói từ nhỏ rồi dần dần lớn lên, không phải như vậy. Vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, vừa đến thế giới tây phương Cực Lạc, thân tướng hoàn toàn tương đồng với Phật A Di Đà. Điều này trong 48 nguyện có nói.

 Thể chất tương đồng, đều là thân kim cang bất hoại. Đây là nói về thể chất, tướng hảo. Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp. Hoàn cảnh cư trú cùng lúc đều hiện, miên viễn đều là như vậy. Cũng có thể quí vị cảm thấy miên viễn như vậy, chẳng phải là rất đơn điệu sao? Nơi đây có gì thú vị chứ? Giới thiệu cho quý vị, mà quý vị còn không muốn đi. Thật ra quý vị đã sai, nó miên viễn không sanh diệt. Nhưng nó tuỳ theo ước muốn của tâm. Nó là do biến hoá mà có, không cần nhân công. Tôi thích ở nhà lầu, nhà lầu liền hiện ra. Tôi thích ở nhà tranh, nhà tranh hiện ra. Tuỳ ý của ta. Quý vị thích nhà của mình ở trên mặt đất. Có người thích nhà của mình ở không trung, không cần trên mặt đất. Đều do biến hoá ra.

 Hoàn cảnh sinh hoạt cũng tuỳ theo tâm ý của mình. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh. Nhưng đến đó có tâm tưởng chăng? Không có. Vì sao? Vì đã chuyển thức thành trí. Tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều không còn. Nên nó hiện ra đều là tự nhiên. Hoàn toàn tự nhiên, pháp nhĩ như thị. Ở đây quí vị thấy tánh đức thật không thể nghĩ bàn. Nói cách khác, nhà nghệ thuật tài ba như thế nào cũng không thể vẽ ra được. Người ở cõi trời hay cõi người cho dù thông minh đến đâu cũng không tưởng tượng được đâu. Thế giới Cực Lạc miêu tả cho chúng ta là pháp chân thật. *“Cụ tịnh diệu ngũ trần*”, ngũ trần là một ví dụ. Vì có thức mới có ý nghĩa của trần, tức nhiễm ô. Thế giới Cực Lạc không có nhiễm ô, gọi là tịnh diệu.

 Trong kinh điển đại thừa nói thân pháp tánh, cỏi pháp tánh. Khác với thế gian này của chúng ta, bản chất không tương đồng. Chổ này của chúng ta, thực tế nó vốn là thân pháp tánh, cỏi pháp tánh. Đức Phật nói: *“Đãn dĩ vọng tưởng chấp trước nhi bất năng chứng đắc”.* Điều này đã nói thấu suốt khuyết điểm của chúng ta. Vì chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, làm cho cỏi pháp tánh bị biến chất. Biến thành hiện tượng này. Nhìn những loại bùn cát này giống như sự ngu dần khờ khạo, đều là do tâm bất thiện của chúng ta biến hiện ra. Nếu phục hồi được tâm thanh tịnh, thì hoàn cảnh này lập tức được thay đổi, cũng giống như thế giới Cực Lạc. Vô lượng trân bảo trang nghiêm.

 Nếu chúng ta tư duy quan sát kỹ việc này, thì có thể được một chút thông tin. Người xưa tâm thuần hậu, bảy báu phong phú. Trong lịch sử chúng ta thấy, ngày xưa các bậc đế vương ban thưởng cho các đại thần có công với đất nước, mấy trăm cân, mấy ngàn cân vàng ròng. Trong sách chúng ta thấy vàng ròng của họ không phải là tính lạng, mà tính ký\_kg. Mấy trăm cân, mấy ngàn cân, quý vị xem rất nhiều. Bây giờ rất ít, những kim ngân này rất ít. Không phong phú như ngày xưa. Khiến chúng ta nghĩ đến cư dân ở thế giới Tây phương Cực Lạc, đều là các bậc thượng thiện nhơn câu hội một chổ. Nên cả đại địa toàn là châu báu, ở trên mặt đất tìm không ra bùn cát. Nếu như đem bùn cát đến thế giới Cực Lạc thì rất quý. Vì sao? Vì nó hiếm. Ở thế giới Cực Lạc không có.

 Mặt đất của họ là lưu ly. Lưu ly ngày nay chúng ta gọi là ngọc. Viên ngọc màu xanh lục, màu sắc là xanh lục, trong suốt. Nên mặt đất của họ là trong suốt. Vàng ròng trải mặt đất, trải trên cả đường đi. Còn ngày nay mặt đất là bùn cát, lấy dầu nhựa trải đường. Như vậy đã là rất cao cấp. Thế giới tây phương Cực Lạc lấy vàng ròng trải đường. Còn những thứ khoa học tạo ra như xe hơi, máy bay phiền phức biết bao nhiêu. Người ở thế giới tây phương không cần những thứ đó. Thân thể có thể phi hành, tốc độ còn nhanh hơn cả ánh sáng. Vì họ không có không gian, nên trong khoảng một niệm họ đã đến nơi. Trong Quán Kinh nói: *“Cung điện tuỳ thân”.* Họ có thể đem cung điện mà họ ở đi theo, đều có thể bay lên. Thật sự gọi là đại tự tại.

 “*Diệc vân vô chướng ngại độ”.* Thế gian này có chướng ngại, cỏi đất có chướng ngại. Thế giới Cực Lạc không có chướng ngại. Nguyên nhân gì? Điều này hai câu bên dưới đã nói ra, *“sắc tâm bất nhị, mao sát tướng dung cố”.* Sắc tâm bất nhị là thanh tịnh viên minh thể. Sắc là hiện tượng vật chất, tâm là hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần và vật chất là một không phải hai. *“Mao sát tướng dung*”. Mao là sợi lông nhỏ nhất. Đây là sợi lông trên thân. Sát là gì? Là quốc độ của chư Phật trong tam thiên đại thiên thế giới. Nói lên điều gì? Trong sợi lông có thể dung nạp đại thiên thế giới. Điều này khoa học hiện nay không cách nào giải thích được.

 Hạt cải dung nạp Tu Di, quá nhỏ. Núi tu di lớn chừng nào? Hạt rau cải lớn chừng nào? Trong đầu sợi lông này có tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới là bao nhiêu Tu Di? Một đơn vị là một núi Tu Di\_mười ức. Mười ức núi Tu Di đều trong sợi lông, đều ở trong đầu sợi lông. Đây chính là không có tương đối. Nên nhỏ có thể dung nạp lớn, lớn có thể dung nạp nhỏ. Lớn dung nạp nhỏ chúng ta biết là không vấn đề gì, nhưng nhỏ dung nạp lớn thì chúng ta nghĩ không thông. Pháp thân đại sĩ, 41 vị pháp thân đại sĩ ở chổ này. Đây là quả báo mà họ đạt được. Chỉ cần ta chứng được quả vị này, thì tự nhiên nó sẽ hiện tiền.

 *“Tam viết, phương tiện hữu dư độ. Đoạn tứ trụ hoặc, thuộc phương tiện đạo. Vô minh vị tận, danh viết hữu dư. Thị tam thừa thánh nhơn sở cư”.*

 Tam thừa là Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát. Tứ trụ phiền não đã đoạn nhưng vô minh chưa tận. Nói cách khác, kiến tư phiền não của họ đã đoạn. Thanh văn, Duyên giác đã đoạn kiến tư phiền não. Bồ Tát đã đoạn trần sa phiền não, nhưng căn bản vô minh chưa phá. Chúng tôi nói rỏ ràng để mọi người dể hiểu. Họ đã đoạn trừ chấp trước, đoạn trừ phân biệt, nhưng chưa đoạn khởi tâm động niệm.

 Cũng chính là điều Di Lặc Bồ Tát nói, một khảy móng tay có 32 ức một trăm ngàn niệm. Cái này chưa đoạn. Đây chính là vô minh chưa hết, gọi là hữu dư. Nên niết bàn họ chứng được gọi là Hữu Dư Niết bàn, không phải đại bát niết bàn của đại thừa. Họ đã vượt ra khỏi luân hồi lục đạo. A la hán đã vượt ra khỏi luân hồi lục đạo. Kiến tư phiền não đã đoạn thì không còn chấp trước, nhưng A la hán vẫn còn tập khí kiến tư phiền não chưa đoạn. Chấp trước thì thật sự không chấp trước, nhưng tập khí chấp trước vẫn còn. Họ vượt ra khỏi lục đạo, ở trong tứ thánh pháp giới, chính là Thanh Văn pháp giới. Trong Thanh Văn pháp giới đoạn tận tập khí, tập khí của chấp trước không còn nữa. Họ sẽ thăng cấp, thăng đến Duyên giác.

 Duyên giác bắt đầu đoạn trần sa phiền não, nghĩa là phân biệt. Duyên giác đoạn hết phân biệt thì họ thăng cấp lên Bồ tát. Họ lại thăng thêm một cấp là Bồ Tát. Bồ Tát không có phân biệt nhưng có tập khí phân biệt. Tiếp tục đoạn tận tập khí phân biệt thì họ thành Phật. Tầng lớp này cao nhất trong mười pháp giới. Ở trong mười pháp giới này thành Phật.

 Thành Phật rồi đến ngay cả tập khí của phân biệt chấp trước cũng hoàn toàn không có. Nhưng có khởi tâm động niệm, đây chính là vô minh. Không khởi tâm, không động niệm là vô minh đoạn. Siêu việt mười pháp giới. Họ đi đâu? Đến cỏi thật báo trang nghiêm. Người trong cỏi thật báo trang nghiêm đều đã phá vô minh, nhưng vẫn còn mang tập khí vô minh. Tập khí vô minh không dể đoạn. Vì Sao? Vì họ không khởi tâm, không động niệm. Nếu càng muốn dùng phương pháp để đoạn trừ phiền não, như vậy không phải đã khởi tâm động niệm rồi sao? Khởi tâm động niệm chính là đoạ lạc. Nên họ không hề để ý đến nó, vì tập khí vô thỉ vô minh không chướng ngại. Nhưng nó chướng ngại điều gì? Chướng ngại thường tịch quang tịnh độ.

 Tu hành trong cỏi thường tịch quang tịnh độ là vô vi, không phải hữu vi. Hữu vi là tạo nghiệp. Nó là vô vi, nghĩa là cứ kệ nó. Cổ nhân có câu: *“thử xứ dùng bất đắc lực”,* chính là nói cỏi thật báo trang nghiêm. Ở đó không dùng đến sức lực, cứ thuận theo tự nhiên. Sau tam đại a tăng kỳ kiếp thì không còn nữa, tập khí tự nhiên không còn. Sau khi tập khí đoạn tận, họ đạt được quả vị diệu giác. Diệu giác thì trở về với thường tịch quang. Nói như vậy sẽ rỏ ràng hơn. Đây là cỏi phương tiện.

 *“Tứ thánh, phàm thánh đồng cư độ, thị tứ thánh lục phàm chi sở cộng cư”.* Tứ thánh là ai? Là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật. Ở trong mười pháp giới. Lục phàm là phàm phu lục đạo. Lục đạo gọi là nội phàm, tứ thánh gọi là ngoại phàm, là phàm phu ở ngoài lục đạo. Ngoại phàm trong danh từ Phật học chính là chỉ tứ thánh pháp giới. Tứ thánh, lục phàm, hợp lại là mười pháp giới. Người trong mười pháp giới cũng chưa kiến tánh, chưa minh tâm kiến tánh. Trong mười pháp giới cũng có Bồ Tát. Thanh văn, Duyên giác, phàm phu lục đạo. Sanh đến thế giới Cực Lạc tất cả đều ở đây, gọi là cỏi phàm thánh đồng cư.

 Phàm là phàm phu, thánh là chỉ thánh nhân. *“Thánh nhân ứng tích thế gian dữ phàm phu đồng cư nhất xứ, cố viết phàm thánh đồng cư độ”.* Trong cỏi phàm thánh đồng cư có thánh nhân. Ai là thánh nhân? Phật A Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền. Trong đó còn có ứng hoá thân của mười phương chư Phật. Các ngài thật sự là bậc đại Thánh. Vì sao? Bởi những người này sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, nhưng phiền não chưa đoạn, là đới nghiệp vãng sanh. Mang theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đến thế giới Cực Lạc. Trong cỏi nước của mười phương chư Phật, chỉ có Phật A Di Đà mới chấp nhận chúng ta đới nghiệp vãng sanh. Còn các quốc độ của chư Phật khác không có đới nghiệp. Nghiệp chướng nhất định phải sám hối cho thanh tịnh mới được vãng sanh. Chỉ có thế giới Cực Lạc một phẩm phiền não cũng chưa đoạn. Nghĩa là gì? Là chấp trước. Một phẩm chấp trước chưa đoạn cũng có thể vãng sanh.

 Phương pháp vãng sanh là gì? Chính là lợi dụng chấp trước này của chúng ta. Tuyệt diệu, vô cùng tuyệt diệu. Chấp trước điều gì? Chấp trước Phật A Di Đà thì sẽ vãng sanh. Chân tướng sự thật này cần phải hiểu. Trong kinh dạy chúng ta “Chấp trì danh hiệu”. Chấp chính là chấp trước, trì chính là duy trì. Không được làm đi. Từ sáng đến tối chỉ nên chấp trước vào danh hiệu Phật, các chấp trước khác phải buông bỏ hết. Chỉ chấp trước Phật A Di Đà, chỉ chấp trước kinh Vô Lượng Thọ. Hay là chấp trước kinh A Di Đà đều được.

 Chúng sanh trong thế giới lục đạo này đến thế giới tây phương Cực Lạc. Có thể nói hết 99 phần trăm đều dùng phương pháp này. Khi đã đến thế giới tây phương Cực Lạc, thầy giáo ở đó toàn là thánh nhân. Sanh đến thế giới Cực Lạc là mổi ngày đều đi học, ngày ngày cùng chư Phật Chư Bồ Tát cùng nhau chia sẽ. Thế giới đó thuần tịnh thuần thiện. Chúng ta còn tập khí phiền não hiện hành thì còn tạo nghiệp, nhưng vì không có nhân duyên, nên tạo nghiệp không thành. Thế giới Cực Lạc không có ác duyên, nên ở thế giới Cực Lạc thì tham sân si mạn đều không khởi lên được. Năm độc tham sân si mạn nghi, có tập khí này, chưa đoạn nhưng ở thế giới Cực Lạc sẽ không khởi lên được.

 Cuộc sống vật chất ở thế giới Cực Lạc là tự nhiên. Muốn điều gì thì điều đó hiện ra. Như vậy thì còn tham gì nữa? Vì không cần thiết. Muốn ăn gì thì nó liền hiện ra, không cần phải nấu nướng. Muốn mặc quần áo thì quần ác đã ở trên thân, không cần may vá. Muốn ở nhà thế nào thì nhà như thế hiện ra. Luôn theo ý mình. Đây là cỏi phàm thánh đồng cư! Nên tham sân si mạn hoàn toàn không khởi tác dụng. Chúng ta gặp hoàn cảnh vật chất hay hoàn cảnh nhân sự, đều có thể xứng theo tâm ý. Đều có thể sanh tâm hoan hỷ chứ không có tâm sân nhuế. Ở thế giới đó hoàn toàn bình đẳng. Ngạo mạn không khởi lên được.

 Ba loại chân thật của thế giới Cực Lạc. Thực tế chân thật, trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật chúng ta đều thấy, không hề hoài nghi. Thời gian dài thì những phiền não này tự nhiên sẽ không còn. Để thời gian đào thải nó. Huống gì mổi ngày đều nghe pháp. Học tập ở ngôi trường đó, môn học gì cũng có, có Phật Bồ Tát ở đó dạy, vì vậy họ được học rộng hiểu nhiều. Ở thế giới Cực Lạc, ngày xưa tôi giảng kinh thường nói. Tứ hoằng thệ nguyện chúng ta đều phải phát. Hai nguyện trước ngay đây phải thực hiện.

 *“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”.* Cần phải phát nguyện này. Có cơ hội này, có năng lực này thì phải giúp đở tất cả chúng sanh. *“Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”.* Phải cố gắng siêng năng đoạn tận phiền não. Hai nguyện này ngay đây ta phải thực hiện, chúng ta cần phải thực hiện nó. Còn đối với hai nguyện sau: *“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Hai nguyện này cần phải đến thế giới Cực Lạc để thực hành. Ở đây phát nguyện, nhưng không thực hành được hai nguyện này, chúng ta chỉ làm được hai nguyện trước thôi. Hai nguyện trước này, tôi nói với quý vị chính là phát tâm bồ đề một lòng chuyên niệm. Sau khi sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, học pháp môn sẽ rất nhanh. Ở đó ta có là thời gian\_vô lượng thọ, đồng thời học rất nhiều pháp môn. Ta có thể phân thân, có thể hoá thân. Tám vạn bốn ngàn pháp môn thì có tám vạn bốn ngàn lớp học. Quý vị muốn học một lúc đều được. Hoá tám vạn bốn ngàn thân, mổi lớp học đều có chúng ta. Ta có thể học trong cùng một thời gian. Học rất mau viên mãn, được tốt nghiệp. Còn ở thế gian này khó khăn biết bao nhiêu, quá khó. Đặc biệt là xã hội hiện nay. Muốn học một bộ kinh nhưng tìm không ra thầy dạy. Tìm được rồi, nhưng thầy giáo là phàm phu không phải là thánh nhân. Thầy chưa khai ngộ, chưa chứng quả.

 Nhưng những vị thầy giáo ở thế giới tây phương Cực Lạc, chẳng những đã khai ngộ, chứng quả, mà toàn là Chư Phật Như Lai, đẳng giác Bồ Tát đến đảm nhiệm việc dạy học. Quý vị tìm những vị thầy như thế ở đâu đây. Chúng ta thật sự đã thấu triệt chân tướng sự thật rồi, có thể không cảm kích Phật A Di Đà chăng? Nhờ phước báo của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà kiến lập nên đạo tràng này, và thỉnh nhiều Chư Phật Như Lai đến dạy học như vậy. Chư vị cổ đức thường nói: *“Đãn đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ”.* Chỉ cần ta vãng sanh để được thấy Phật A Di Đà, còn việc đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh thì chỉ đợi ngày đó nữa thôi.

 Tập khí phiền não không muốn đoạn, tự nhiên nó cũng chẳng còn. Chúng ta mổi ngày cùng nhau học tập, mọi người đều cảm thấy rất an vui, giống như được trở lại trường học vậy. Ở thế giới Cực Lạc cùng nhau học tập, cùng nhau chia sẽ. Niềm vui đó khó có thể hình dung được, nên mới gọi là Cực Lạc. Quý vị xem, ăn cơm phiền phức biết mấy. Việc này có thể buông bỏ thì tự tại biết bao. Thế giới Cưc Lạc không ăn cơm. Tôi nói với quý vị, nghĩ đến y phục thì được y phục, nghĩ đến thức ăn thì được thức ăn. Điều này là thật không phải giả. Tại sao? Vì họ không cần đến những thứ này. Như vậy họ nuôi dưỡng cơ thể dựa vào cái gì? Dựa vào pháp hỷ.

 Người tham thiền đều biết là thiền duyệt vi thực. Người đạt được thiền định trong những năm đầu dân quốc còn có. Ai cũng biết Hoà Thượng Hư Vân, ngài nhập định. Thông thường nhập định khoảng nữa tháng đến một tháng. Ngồi đó không ăn cơm, cũng không uống nước. Đã ngồi là ngồi mấy mươi ngày. Ngài có dinh dưỡng chăng? Có. Thiền duyệt vi thực, ngài lấy niềm vui thiền định làm thức ăn. Cảnh giới trong thiền định thoải mái nhẹ nhàng, an vui. Thân tâm thanh tịnh.

 Cõi trời Dục giới có ẩm thực, nhưng càng lên trên thì càng đạm bạc. Trời Hoá lạc hầu như không có ăn uống gì, đến sơ thiền thì hoàn toàn không có. Nên trong cỏi sơ thiền không có tài sắc danh thực thuỳ, đều không cần thiết. Thực không có, vì không cần ăn gì cả. Trà nước cũng đều không cần. Không có ngủ nghỉ, không cần. Tinh thần no đủ. Không cần ẩm thực, không cần ngủ nghỉ, không cần tài vật, mấy thứ đó đều vô dụng. Sắc dục không có, sắc dục nam nữ không có. Nên chúng sanh trong lục đạo có tài sắc danh thực thuỳ. Dục giới có, nhưng sắc giới không có. Công phu thiền định càng sâu thì hỷ lạc càng tăng trưởng. Không có hỷ lạc chúng ta tu cái này làm gì?

 Thọ mạng từ cỏi trời sắc giới trở lên, hoàn toàn đều đứng về mặt công phu thiền định mà nói. Năng lực của định có thể duy trì lâu như vậy, đó chính là thọ mạng. Khi mất đi công phu thiền định, tập khí phiền não trong A lại da lại hiện hành. Tuỳ nghiệp lưu chuyển, phải thọ quả báo. Công phu thiền định chỉ hàng phục phiền não, chứ chưa đoạn phiền não. Nên khi công phu thiền định mất đi thì vẫn trở lại luân hồi như củ. Nghiệp bất thiện trong A lại da, dẫn dắt chúng ta đến tam đồ để thọ báo. Những chân tướng sự thật này chẳng thể không biết.

 Chúng ta xem tiếp đoạn văn ở dưới*. “Kim ta bà thế giới diệc danh phàm thánh đồng cư. Đãn thử độ trược trọng đa ác, bất tịnh sung mãn. Kinh cức ngoả lịch, khưu lăng khanh khảm. Thị nãi đồng cư uế độ”*.

 Đây là nói, bây giờ chúng ta ở là cỏi phàm thánh đồng cư. Thế giới Cực Lạc cũng có phàm thánh đồng cư. Có giống nhưchúng ta ở đây không? Không giống nhau. Vì sao? Bởi cư dân không giống nhau. Chúng ta biết, trong kinh điển đại thừa Đức Phật nói: “Cảnh tuỳ tâm chuyển”. Người vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, tuy còn mang theo tập khí ác đến đó. Nhưng ở đó không có ác duyên, nên họ không tạo ác nghiệp. Vì sao? Nếu chúng ta có thể nghĩ thông suốt đạo lý này, thì vấn đề lập tức được giải quyết. Bởi ở đó Đức Phật A Di Đà dạy rất hay, dạy người rất tốt. Dạy ra được người tốt, dạy ra được thánh nhân. Phật Bồ Tát cũng là giáo dục ra. Thế giới Cực Lạc có nhiều Phật Bồ Tát như vậy ngày ngày đang dạy học, dạy con người trở nên tốt. Còn thế giới này của chúng ta thì sao? Sau khi khoa học kỷ thuật phát triển, mọi người không tin tưởng thánh hiền, cũng không tin tôn giáo. Đã dạy hư con người. Ai dạy? Ti vi đang dạy, mạng internet đang dạy. Hằng ngày dạy người bạo lực, sắc tình, sát đạo dâm vọng. Ngày nay người trên thế giới này, là tiếp thu giáo dục ti vi, giáo dục mạng internet. Đặc biệt hiện nay khởi xướng tự do ngôn luận, tự do xuất bản. Khởi xướng nhân quyền, nên vấn đề đã xuất hiện. Những điều tốt không còn nữa, trên xã hội những điều xấu lại dẫy đầy. Nên xã hội này đã loạn.

 Xã hội không trật tự thì y báo cũng chuyển biến. Địa cầu thiên tai rất nhiều. Nhưng không nghe nói thế giới Cực Lạc phát sanh động đất. Không nghe nói thế giới tây phương Cực Lạc có núi lửa bộc phát. Không nghe nói thế giới tây phương có nơi nào bị lụt lội. Không nghe nói đến bất cứ thiên tai nào. Vì Sao? Những thiên tai này trong kinh Lăng Nghiêm nói rất hay. Tham lam dẫn đến thuỷ tai. Sân nhuế dẫn đến núi lửa bộc phát. Hoả tai, hạn hán đều thuộc về điều này. Hiện nay nhiệt độ của địa cầu không ngừng tăng cao, cũng là vì điều này. Đều do sân nhuế tạo thành. Ngu si dẫn đến phong tai. Ngạo mạn dẫn đến động đất. Họ tạo ra những nghiệp như vậy, đều là do nghiệp chiêu cảm ra.

 Người ở thế giới tây phương Cực Lạc tuy mang theo tập khí phiền não, nhưng không còn nghiệp. Hàng ngày chúng ta tiếp xúc, cùng ở với chúng ta đều là chư Phật Bồ Tát, đều là chư thượng thiện nhơn. Đến cơ hội khởi một niệm xấu cũng không có, thì lấy đâu ra hành vi? Tuy tập khí nghiệp chướng của chúng ta nặng, nhưng Đức Phật dạy chúng ta dùng câu A Di Đà Phật có thể làm cho tất cả tập khí nghiệp chướng bị chế phục, bị đè xuống, nên có thể vãng sanh. Không cần đoạn phiền não, chỉ cần khống chế phiền não.

 Dùng phương pháp nào? Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Người thật sự tu hành thì chỉ cần một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật. Hoặc một bộ kinh Di Đà cũng được, ngoài ra không cần bất cứ điều gì. Hai ba năm có thể khống chế được nó. Tập khí phiền não vừa bị khống chế, thông tin này Phật A Di Đà lập tức biết ngay, ngài liền đến tiếp dẫn. Chúng ta có thể nhìn thấy Phật, có thể nhìn thấy thế giới Cực Lạc. Thọ mạng đang còn cũng không cần, bây giờ tôi chỉ muốn vãng sanh. Phật A Di Đà liền đến tiếp dẫn chúng ta. Là thật không phải giả.

 Chúng ta phải cảm kích Phật A Di Đà. Phật A Di Đà đối với chúng ta thật là đại ân đại đức. Từ vô thỉ kiếp đến nay trong biến pháp giới hư không giới, người đầu tiên có ân đức lớn nhất đối với chúng ta chính là Phật A Di Đà. Nên phải biết cảm ân, tri ân báo ân. Làm cách nào để báo ân? Ngài hy vọng chúng ta đến thế giới Cực Lạc để học tập. Chúng ta thật sự muốn đi chính là báo ân. Thế giới Cực Lạc là vì chúng ta mới kiến lập. Chư Phật Như Lai đều là những vì thầy tốt, Phật A Di Đà vì chúng ta đã thỉnh họ về. Chúng ta đến đó chính là làm tròn nguyện của ngài. Ngài đã độ chúng ta, chúng ta còn có thể không đi ư?

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 314**

# Tập 315

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: ngày 04 tháng 03 năm 2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 370, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên. Chúng ta bắt đầu xem từ câu cuối cùng.

 *“Chí ư Cực Lạc đồng cư, trì lưu nhập đức, thọ doanh thất trân, bảo liên phật quang, biến mãn quốc độ. Thuỷ điểu thọ lâm, diễn thuyết diệu pháp. Chư thượng thiện nhơn, nhập chánh định tụ, vĩnh ly chúng khổ. Duy thọ đại thừa pháp lạc, thị vi đồng cư tịnh độ”.*

 Ở trước chúng ta thấy cỏi phàm thánh đồng cư của thế giới Ta bà, đặc biệt là ở thời đại hiện nay, thực sự như trong kinh đã nói, tràn đầy sự bất tịnh. Hổn loạn độc ác có thể nói là đạt đến cực điểm. Tạo thành xã hội động loạn, địa cầu tai biến khác thường. Chúng sanh sống trên địa cầu này không có cảm giác an toàn, thì lấy đâu ra niềm vui? Phú quý bần tiện đều không hưởng được niềm an vui. Những gì họ nhận được đều là khổ, so với cỏi đồng cư của thế giới Cực Lạc thì hoàn toàn không tương đồng.

 Cỏi đồng cư của thế giới Cực Lạc, “trì lưu bát đức”. Đây là nói về nước. Bất luận ở đâu, nước trong ao báu đều là nước tám công đức. Tám công đức trước đây đã học qua. Trên địa cầu của chúng ta hiện nay, nước sạch ngày càng ít. Nước biển bị ô nhiễm, sông hồ bị ô nhiễm, đại địa bị ô nhiễm. Nên nước từ trong lòng đất đều không thanh tịnh, đều bị ô nhiễm nghiêm trọng, đem đến độc hại cho tất cả chúng sanh. Đây thật sự là bi thảm cho thế giới. Chúng ta thấy cây cối ở thế giới Cực Lạc, “Thọ doanh thất trân”. Doanh là đầy khắp. Khắp cây đều là trân bảo. Còn cây cối hiện nay của chúng ta đều dùng thuốc và phân bón, nên trái cây xem ra thì hình như tốt hơn trước kia. Vừa lớn vừa đẹp, nhưng ăn lại không có mùi vị gì. Không tươi ngon như loại trái cây trước đây.

 Cùng một đạo lý đó, chúng ta sẽ biết được, bây giờ hoa quả cây cối không nuôi người. Thậm chí đối với lúa gạo, do nước và đất đai bị ô nhiễm độc tố. Nên trồng trọt ra những lương thực, trái cây đều có vấn đề. Đó là nguyên nhân vì sao người bây giờ bệnh nhiều như vậy? Cổ nhân nói bệnh vào từ miệng. Do những thứ chúng ta ăn không được tinh sạch, nước uống không tinh sạch, nên bệnh từ đây mà có. Bây giờ các nhà khoa học thường đưa ra những cảnh báo nghiêm trọng.

 Thế kỷ trước tiến sĩ Thang Ân Tỷ người nước Anh, cực lực đề xướng việc trồng trọt của nhân công trước đây. Không dùng máy móc, không dùng thuốc hay phân bón. Có lý chứ không phải là vô lý. Nhưng người bây giờ vì muốn lợi nhuận nhiều mà không từ thủ đoạn. Chỉ cần cây cối vừa lớn vừa dể nhìn, còn đối với thân thể con người có bị tổn hại hay không họ chẳng quan tâm. Họ chỉ cần thành phẩm có thể tiêu thụ, kiếm được nhiều lợi ích là họ cảm thấy vừa ý rồi. Vì sao? Vì con người mất đi lòng yêu thương. Đầy tự tư tự lợi, không biết thương người khác. Thật như người xưa nói, khởi tâm động niệm đều là tổn người lợi mình. Quý vị nghĩ xem quan niệm này đáng sợ biết bao! Nhưng quan niệm này đã đầy khắp trên địa cầu. Nếu không tăng cường thay đổi, cư dân trên địa cầu không thể quay đầu. Tôn giáo tây phương nói ngày tận thế, rất có thể là không tránh được.

 Người học Phật chúng ta rất may mắn, có thể di dân đến thế giới Cực Lạc. Môn học này, bộ kinh này là giới thiệu cho chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc. “Bảo liên Phật quang”, đây là hoa sen trong ao thất bảo. Hoa sen là chổ ở của mười phương chúng sanh khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, gọi là liên hoa hoá sanh. Hoa sen có bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, nên nó có ánh sáng của Phật *“biến mãn quốc độ*”. Ao hoa sen bảy báu biến khắp thế giới Cực Lạc. Phật quang cũng biến khắp thế giới Cực Lạc.

 *“Thuỷ điểu thọ lâm”,* âm thanh nước chảy cũng thuyết pháp. Tiếng gió thổi lay cây cũng nói pháp. Cây ở thế giới Cực Lạc đều là cây báu. Do một loại châu báu thành tựu, hai loại châu báu thành tựu, cũng có nhiều châu báu thành tựu. Đẹp không sao tả hết. Gió thổi vào rừng cây, khi lá cây xào xạc, âm thanh của nó giống như chuông gió vậy. Chẳng những âm thanh mỹ diệu, mà nó còn “diễn nói diệu pháp”. Chim chóc ca hót. Lắng nghe tiếng hót của nó, sẽ thấy toàn là kinh luận. Nên đến thế giới Cực Lạc, bất luận ở đâu. Những điều ta thấy, những điều ta nghe đều là đại thừa diệu pháp.

 *“Chư thượng thiện nhơn, chánh nhập định tụ”.* Câu này cần phải chú ý, không phải ai ai cũng ngồi thiền dưới góc cây. Không phải, không phải ý này. Chánh định là tự tánh bổn định. Đi đứng ngồi nằm đều ở trong định. Nên định ở đây không phải nói về thân mà là nói về tâm. Bồ Tát trong cỏi thật báo đã buông bỏ hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đây gọi là chánh định, đây là tự tánh bổn định. Khởi tâm động niệm đều không có, thì làm gì có phân biệt chấp trước? Trong cỏi đồng cư, tập khí phiền não chưa đoạn. Tuy chưa đoạn, nhưng họ được 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Câu cuối cùng của nguyện 20 nói, chỉ cần sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát.

 A Duy Việt Trí Bồ Tát là Bồ Tát như thế nào? Bồ tát trong cỏi thật báo. Cũng chính là nói, cư dân trong cỏi phàm thánh đồng cư, đều hưởng được sự lợi ích của Bồ Tát trong cỏi thật báo. Lợi ích gì? Trí tuệ, đạo lực, thần thông, cảm ứng, cỏi đồng cư và cỏi thật báo không hề khác biệt. Câu kinh văn này thật không thể nghĩ bàn. Trên câu kinh văn này có hai chữ “thượng thiện”, chư thượng thiện nhơn. Nên nhớ chúng ta nếu không đoạn ác tu thiện, làm sao có thể vãng sanh? Thượng thiện là tu cách nào? Có một phương pháp vô cùng tuyệt diệu, chính là niệm Phật A Di Đà. Chỉ cần niệm thuần thục câu A Di Đà Phật này, ở mọi lúc mọi nơi, mọi hoàn cảnh, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Ngoài Phật A Di Đà ra thì không có gì hết. Thấy mọi người, ai ai cũng là Phật A Di Đà. Nhìn thấy vật, mổi thứ đều là Phật A Di Đà. Thật vậy, khi đã niệm thuần thục đều là như vậy.

 Phật A Di Đà ở đâu? Ở xung quanh ta, không có gì chẳng phải là Phật A Di Đà. Công phu như thế gọi là thành phiến. Công phu niệm Phật đã thành phiến, nhưng phiền não vẫn chưa đoạn. Công phu đã thành phiến. Công phu này khống chế phiền não, sẽ được vãng sanh. Có phiền não thì sao? Nó sẽ không phát tác, nó không khởi tác dụng. Khởi tác dụng chính là câu A Di Đà Phật này. Trong tâm có Phật A Di Đà, trên miệng có Phật A Di Đà. Thân cung kính đối với tất cả người , việc và vật, là cung kính Phật A Di Đà. Người này là người niệm Phật chơn chánh. Dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng đối xử với tất cả.

 Chúng ta muốn ngay trong đời này được vãng sanh thế giới Cực Lạc, thì phải tinh tấn tu học. Đây là pháp tu học của bậc thượng thiện. Vì sao? Bởi câu danh hiệu này, trong 48 nguyện, mổi nguyện đều có trong đó. Thật sự niệm thuần thục, thì hình ảnh 48 nguyện không rời cuộc sống hằng ngày. Ngôn hành cử chỉ tự nhiên tương ưng với 48 nguyện. Nên chỉ có tiếp nhận pháp lạc của đại thừa, mới có thể xa lìa các điều khổ. Đây là đồng cư tịnh độ của thế giới Cực Lạc. Thế giới này của chúng ta là đồng cư uế độ, nhiễm ô nghiêm trọng.

 *“Hựu Cực Lạc đồng cư tịnh độ, viên minh vô ngại. Diệc thông ư thường tịch đẳng thượng tam độ”.* Câu này không thể thiếu. Đây là chân tướng sự thật của thế giới Cực Lạc, cỏi đồng cư viên minh vô ngại. Những cảm thọ trong cỏi đồng cư là viên mãn, quang minh. Viên là nói về đức, minh là nói về trí tuệ. Tánh đức quang minh không có chướng ngại. Việc không chướng ngại là gì? Nó thông suốt cỏi phương tiện, thông cỏi thật báo, cũng thông cỏi thường tịch quang. Thông là không chướng ngại, nghĩa là họ đã thấy. Thấy cỏi phương tiện, cỏi thật báo, cỏi thật quang đều ở trong cỏi đồng cư. Chướng ngại không còn. Người trong cỏi đồng cư có thể thân cận Như Lai trong cỏi tịch quang. Tuy trong cỏi tịch quang hiện tượng gì cũng không có, nhưng họ có thể cảm nhận được, có thể cảm thọ được.

 Cỏi thật báo và cỏi phương tiện đều có hình tướng. Hình tướng trong cỏi thật báo không biến hoá, nhưng trong cỏi phương tiện có biến hoá. Có biến hoá cũng trở thành không biến hoá. Đây là oai thần bổn nguyện của Phật Di Đà gia trì mới có hiện tượng này. Nên tứ độ không có chướng ngại.

 *“Di Đà Sớ Sao vân, tuỳ kỳ cơ dị”.* Cơ này là chỉ cho chúng sanh, căn cơ không tương đồng. *“Sở kiến diệc dị”,* những thứ nhìn thấy cũng không giống nhau. *“Hữu ư đồng cư kiến tịch quang độ. Hữu ư đồng cư kiến thật báo độ, Hữu ư đồng cư kiến phương tiện độ. Hữu ư đồng cư đãn kiến bổn độ”.* Có thể thấy được tịch quang, thì tứ độ đều thấy hết. Vì sao? Vì đây là tầng cao nhất. Thấy được cỏi thật báo, đương nhiên nhất định sẽ thấy được cỏi phương tiện, nhưng không thấy cỏi thường tịch quang. Nếu họ thấy cỏi phương tiện hữu dư, đương nhiên cỏi tịch quang và cỏi thật báo họ không thấy được.

 Đại khái những vị Bồ tát trong cỏi phàm thánh đồng cư, vừa mới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Đem theo tập khí phiền não nghiêm trọng của thế giới ta bà. Nên đến đó chỉ thấy được cỏi đồng cư, chưa thấy được cỏi phương tiện. Nhưng ở đó tu hành, chúng ta tin rằng không bao lâu họ sẽ thấy được cỏi phương tiện. Công phu ngày càng nâng cao, họ sẽ thấy được cỏi báo, họ sẽ thấy được cỏi thường tịch quang. Chúng ta tin rằng ở đó, rất nhanh họ sẽ thấy được. Vì sao? Vì mổi ngày đều học, không gián đoạn.

 *“Như Tượng Pháp Quyết Nghi Kinh vân, kim nhật toạ trung vô ương số chúng, hoặc kiến thử xứ, sơn lâm, địa thổ, sa lịch”.* Đây là thấy bản địa, chỗ ở hiện nay của chúng ta. *“Hoặc kiến thất bảo, hoặc kiến thị chư Phật hành xứ. Hoặc kiến tức thị bất tư nghị chư Phật cảnh giới, giai tuỳ cơ dị kiến dã”.* Mổi người nhìn thấy đều không giống nhau. Không giống nhau là tuỳ theo căn tánh của chúng sanh, chứ không phải gì khác. Cảnh giới: trong Hoàn Nguyên Quán nói: “Xuất sanh vô tận”. Cảnh giới thiên biến vạn hoá tuỳ theo điều gì mà thay đổi? Tuỳ theo cảnh giới của chính mình mà thay đổi. Cảnh giới chính mình đã nâng cao, thì thấy sẽ không giống nhau.

 Cảnh giới phàm phu, thì chúng ta nhìn là quốc độ của phàm phu. Cảnh giới Thanh văn, thì nhìn thấy là cỏi phương tiện. Cảnh giới của pháp thân Bồ Tát, thì nhìn thấy là cỏi thật báo. Hoàn toàn không giống nhau! Nếu đạt đến chỗ không khởi tâm, không động niệm, thì nhìn thấy sẽ là cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Phật. Sơ trụ Bồ tát củaViên đã thấy. Đều tuỳ theo căn cơ. Căn cơ không giống nhau thì thấy không giống nhau. Thế giới này không phải người khác biến hoá mà là chính mình biến hoá ra, không liên quan đến người khác. Nên nhất định ta phải biết quý trọng.

 Kỳ thật đó là nhân duyên đặc biệt. Người xưa nói là công năng đặc biệt, ta có thể thấy những thứ mà người khác không thấy. Ta có thể nghe được âm thanh mà một số người không nghe được. Đây là nhân duyên đặc biệt thù thắng. Nhưng phải biết rằng, thân kiến của ta chưa phá. Chưa buông bỏ tự tư tự lợi. Chúng ta là phàm phu, nên năng lực này không phải của chính mình. Người khác mượn thân thể của ta để khởi dụng. Xã hội trước mắt chúng ta rất phức tạp, rất nhiều. Có thể tin tưởng những thứ này chăng? Không thể. Nên tin tưởng chính mình. Tin tưởng người khác gọi là ngoại đạo, là tâm hướng bên ngoài cầu đạo. Phải tin tưởng chính mình, nhất thiết duy tâm tạo.

 Rỏ ràng nhất, nhiều nhất chính là bị ma dựa. Hiện tượng ma dựa này quá phổ biến. Chúng ta gặp hiện tượng ma dựa, nên dùng thái độ nào đối với họ? Lễ kính chư Phật đương nhiên là việc nên làm. Xưng tán Như Lai, họ nói đều là thiện. Những gì họ nói ra tương ưng với kinh Phật, thì nên tán thán họ. Còn nói mà không tương ưng với kinh Phật thì phải phê bình. Nói cho họ biết là họ đã nói sai, sửa đổi họ. Vì sao? Bởi họ cũng là phàm phu thôi, nhưng vì họ không có thân, nên sức mạnh của họ lớn hơn chúng ta. Chúng ta bị thân thể câu thúc, họ không bị câu thúc này. Nên rất nhiều tin tức họ biết được. Chúng ta không biết nhưng họ biết. Bất cứ tin tức nào, quý vị nên nhớ, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.”

 Bất luận là tin tức về mặt vật chất, tin tức của y báo, tin tức của chánh báo, tin tức của giới tự nhiên. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, trong tâm thanh tịnh của tự tánh không nhiễm một chút trần. Phải luôn ghi nhớ điều này, đây là thật. Có một vài thông tin có thể cung cấp cho chúng ta tham khảo. Ví dụ thông tin về thiên tai. Khi họ đưa thông tin đều nói thiên tai này là thật, có thật. Đối với chúng ta có lợi ích, để chúng ta đề cao cảnh giác, Và trong thời kỳ này phải siêng năng nổ lực để giành lấy. Giành lấy điều gì? Giành lấy điều kiện của các bậc thượng thiện nhơn, là điều kiện thượng thiện. Thế giới Cực Lạc là nơi các bậc thượng thiện nhơn câu hội. Chúng ta phải tu thượng thiện. Vì thượng thiện là đoạn ác tu thiện mà không chấp tướng. Không nên đem chuyện đoạn ác tu thiện để trong tâm, đó chính là thượng thiện. Thượng thiện là gì? Là quên bản ngã. Có bản ngã thì không phải là thượng thiện.

 “Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng” mới là thượng thiện. Đây là điều kiện thấp nhất trong Phật pháp đại thừa. Trong sinh hoạt hằng ngày, phải tận lực học tập nhưng không phải vì mình. Đối với mình mà nói thì tất cả đều tuỳ duyên, sao cũng được. Không chấp trước, không phân biệt. Buông bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật. Đối xử với người nên dùng tâm từ bi. Từ bi, tuỳ duyên mà không phan duyên. Làm việc thiện tuyệt đối không cầu hồi báo. Y phục, ăn mặc, nơi ở trong cuộc sống hằng này cố gắng đơn giản. Càng đơn giản càng tốt. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh. Không vì những việc này là lo lắng, chỉ cần nắm bắt câu A Di Đà Phật.

 Vọng niệm có nhiều phải làm thế nào? Đọc kinh, chuyên chú đọc kinh. Vọng niệm tự nhiên ít lại, thời gian lâu dài vọng niệm tự nhiên không còn. Công phu của tôi là tập trung vào việc đọc kinh. Vì sao? Vì không đọc kinh thì sẽ vọng niệm. Vọng tưởng này nối tiếp vọng tưởng kia. Đây là tập khí, đây là khuyết điểm. Đây là khuyết điểm rất nghiêm trọng, là căn bản của luân hồi lục đạo. Vọng tưởng dừng lại thì ta có năng lực vượt ra ngoài lục đạo. Vọng tưởng không chế phục được thì rất khó. Đây là chổ chúng ta thật sự cần phải tu tập, không thể không biết. Tất cả ân oán trên thế gian này phải buông bỏ hết.

 Người có ân cũng như người có oán cừu với chúng ta, đều phải đối xử bình đẳng. Ngày ngày đem công đức tu học hồi hướng cho họ, cầu Tam Bao gia hộ. Giúp họ sớm ngày được giác ngộ, sớm ngày được hồi đầu. Chúng ta có tâm nguyện này thì sẽ viên mãn. Không nên nôn nóng, không nên thấy sao laị vẫn chưa hồi đầu? Đem ý niệm này để trong tâm chúng ta là không tốt. Như vậy công phu tu tập của chúng ta sẽ bị phá hoại. Chúng ta mổi ngày cầu nguyện, mổi ngày chúc phúc. Còn chuyện họ hồi đầu hay không ta chẳng cần quan tâm. Chính mình phải mau chóng quay đầu là quan trọng nhất. Lo cho người khác mà không lo cho chính, chẳng những người khác không thể quay đầu, mà chính mình cũng tiếp tục luân lạc. Như vậy thật là đáng tiếc!

 Trong đoạn kinh này nói, những thứ mổi người nhìn thấy và cảm thọ đều không giống nhau. Hiện nay cũng như vậy. Chúng ta cùng thấy một người xa lạ, nhưng cảm nhận của hai người không giống nhau. Mấy người cùng xem một sự việc, nhưng mổi người có cách nhìn khác nhau. Vì sao? Vì ý niệm và khởi tâm động niệm của chúng ta không tương đồng. Ý niệm thanh tịnh, thì sẽ thấy ai cũng thanh tịnh. Chổ không thanh tịnh nhưng họ thấy là thanh tịnh. Tâm địa nhiễm ô, nhìn thấy người thân tâm thanh tịnh, cũng không thấy được sự thanh tịnh của họ mà thấy họ nhiễm ô. Cho nên đức Phật dạy, cảnh tuỳ tâm mà chuyển, không phải tâm tuỳ cảnh chuyển. Thực tế mà nói là cảnh tuỳ tâm chuyển.

 Chúng ta thấy cảnh giới, thì có thể thấy tâm của một người. Ta vào nhà của một người bạn, nhìn trong gia đình của họ. Nếu sạch sẽ gọn gàng, gia đình này nhất định là gia đình hạnh phúc mỹ mãn. Còn nhìn thấy trong nhà họ rối loạn không sạch sẽ, thì biết được người trong nhà này biếng nhác, tự tư tự lợi, chỉ biết mình chứ không biết đến người khác. Chúng ta đều có thể nhận ra được.

 Con người cũng tuỳ theo tuổi tác, tuỳ theo hoàn cảnh mà biến đổi. Lúc tôi còn trẻ, có sức lực, có tinh thần, thích làm việc. Chỗ ở rất gọn gang ngăn nắp, không có chút nào rối ren nào. Nhưng bây giờ tuổi đã lớn, những thứ trên bàn sách đều rất lung tung, nhưng làm biếng dọn dẹp. Tuổi đã lớn, tinh thần thể lực không đủ, hoàn toàn không như lúc còn trẻ. Tuổi lớn rồi, nhìn thế giới này đã mấy mươi năm. Sự thay trong mấy mươi năm này, không phải thay đổi theo mặt chánh, mà theo mặt trái của nó. Thay đổi quá lớn! Không phải cứ mười năm mười năm. Trước đây chúng ta nói năm năm rồi năm năm, nhưng hiện nay không phải. Bây giờ mổi năm đều có sự thay đổi rất lớn. Tốc độ thay đổi của mổi năm bây giờ bằng quá khứ mười năm. Bây giờ thay đổi quá sức nhanh.

 Luân lý, đạo đức, nhân quả không có người dạy. Nói rồi cũng không ai tin. Ở Trung Quốc mấy năm gần đây, luận đàn chia sẻ của các nhà xí nghiệp về “Đệ Tử Quy”. Những hoạt động như vậy rất nhiều. Có phải là việc tốt chăng? Là việc tốt. Có hiệu quả chăng? Chưa biết. Vì sao? Vì mấy ngày luận đàn, tâm huyết mọi người sôi sục, rất nhiệt tâm. Ba ngày hay năm ngày sau khi hoạt động này kết thúc thì trở lại lạnh nhạt. Một tháng, nửa tháng thì không còn nữa, quên hết. Nên không có được kết quả. Việc này làm rất tốt đúng không? Rất tốt, rất đáng làm. Nhưng phải biết, rất khó có được kết quả. Thật sự muốn có được hiệu quả, nhất định phải có chỗ làm thí nghiệm.

 Như trước đây ở Thang Trì, chỗ làm thí nghiệm ở Thang Trì Lô Giang. Nó có thể khởi tác dụng. Ví dụ sau khi luận đàn này hoàn tất, quý vị đến Thang Trì xem. Đó là gốc, là căn bản. Sau khi nhổ gốc lên rồi thì không còn nữa. Chỉ nóng lên một trận, rồi rất nhanh trở thành lạnh nhạt.

 Trước đây đối với việc thí nghiệm này tôi rất nhiệt tâm, và còn tuyên truyền nữa. Nhưng bây giờ không. Vì sao? Vì nó vô dụng. Không có ai muốn làm, nên cũng tuỳ nó luôn. Tuỳ nó nghĩa là sao? Nghĩa là thiên tai cũng tuỳ nó vậy. Việc giảng kinh không gián đoạn, hàng ngày giảng kinh tôi thường khuyên mọi người. Người thật sự có duyên, mổi ngày cùng thời gian với chúng ta, nghe chúng tôi chia sẽ. Hoặc trên truyền hình vệ tinh cùng chúng tôi chia sẽ, huân tu thời gian dài thì chẳng có chuyện không thành tựu.

 Trong thời đại này, chúng tôi vẫn không ngừng giảng kinh. Nguyên nhân gì vậy? Bởi đạo tràng hiện nay không có người chịu làm. Nhưng trên mạng internet có người, trên truyền hình vệ tinh có người thật sự đã làm. Chỉ cần có một người thật sự làm, thì công việc dạy học chia sẽ của chúng tôi không thể dừng. Trong nhà Phật thường nói, độ một người thì tốt một người. Một người cũng không có nữa, thì chúng tôi phải ra đi thôi. Đối với thế gian này không còn gì lưu luyến. Thế gian này người có thể hiểu không nhiều, người có thể thực hành lại càng ít. Người tri ân không nhiều, người báo ân cũng không có. Thấy lợi quên nghĩa là hiện tượng phổ biến của xã hội ngày nay. Đến công ơn cha mẹ họ cũng không báo, cũng không biết. Cho nên thế gian này sẽ có thiên tai rất nghiêm trọng. Đạo lý chính là chổ này.

 Chúng ta đối phó với những việc này, chính là siêng năng nổ lực đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh. Gặp được pháp môn tịnh độ, gặp được kinh Vô Lượng Thọ, là người có phước báo lớn nhất trong thế gian. Gặp pháp môn này, buông bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật. Nếu ta có trách nhiệm, thì trách nhiệm này chính là giúp những chúng sanh đau khổ. Khi thiên tai kết thúc, nếu ta vẫn còn ở thế gian này thì nên giúp người khác. Nếu không có trách nhiệm này, không có đại nguyện đại hạnh này, sẽ bị thiên tai cuốn đi mất. Đây là cộng nghiệp của chúng sanh. Nhưng nơi đến của mổi người không giống nhau. Người nhất tâm niệm Phật, họ sẽ đến thế giới Cực Lạc. Người tâm địa thiện lương, họ lên thiên đường. Tâm hành bất thiện thì vào trong ác đạo. Nơi đến mổi người không giống nhau.

 Chúng ta nhất định phải biết, con người vĩnh viễn không chết. Nếu con người mà chết, thì chỉ có một đời này, không có đời sau. Như vậy thì làm gì cũng không sao. Vấn đề là họ không chết! Nếu quý vị lưu ý một chút sẽ thấy, hiện tượng ma dựa hiện nay rất nhiều. Từ hiện tượng ma dựa này ta sẽ biết họ không chết. Đó là linh hồn nhập vào thân người khác, và nói ra một vài thông tin. Họ đang ở trong cõi nào, tình hình nơi đó họ đều có thể nói ra. Đối với chúng ta mà nói những thông tin này vô cùng quý giá. Đáng để chúng ta tham khảo, đáng để chúng ta cảnh giác. Chúng ta không thể để cho quỷ gạt. Nhưng chúng ta biết, con người thực sự có luân hồi lục đạo. Con người thật sự có đời trước và đời sau, không phải chỉ một đời này. Hiểu rỏ đạo lý này, chúng ta nhất định không nên kết oán thù với người khác. Kết oán thù, nếu đối phương không tha thứ mà hận trong long, thì đời đời kiếp kiếp không dứt oán thù, oan oan tương báo thật không đáng chút nào. Kết quả tạo thành là hai bên đều đau khổ, như vậy có đáng không?

 Các bậc thánh nhân dạy chúng ta, ân nên báo còn oán thì nên quên. Chỉ báo ân không báo oán, như vậy là chính xác. Trong Phật pháp đại thừa nói, tất cả chúng sanh với chúng ta là một thể, quan hệ rất thân mật. Chính mình hại mình còn có thể báo thù sao? Còn có thể oán người khác sao? Gặp được Phật pháp, gặp được đại thừa, gặp được tịnh độ. Duyên này khó biết bao, quả thật không dể!

 Chúng ta tiếp tục xem kinh văn bên dưới. *“Cố Di Đà Yếu Giải vân, kim vân Cực Lạc thế giới chánh chỉ đồng cư tịnh độ, diệc tức hoành cụ thượng tam tịnh độ dã”.* Ở đây có dùng chữ hoành, dụng ý chữ này rất thâm sâu. Ý nói rỏ về tứ độ của Thế giới tây phương Cực Lạc là cùng một nơi, không có cao thấp. Thẳng đứng mới có cao thấp. Ở quốc độ của chư Phật trong mười phương thế giới, không phải ngang, là đứng. Nên chúng ta nhìn không thấy. Chúng ta ở nơi tầng lầu này, chỉ có thể nhìn thấy cảnh giới của tầng lầu này, còn trên và dưới đều không biết. Thế giới tây phương có tứ độ, tứ độ cùng ở một nơi, “hoành cụ thượng tam tịnh độ”.

 *“Hựu vân, nguyện ước tín nguyện hạnh tam, Di Đà danh hiệu bất khả tư nghì. Cố năng linh phàm phu sở cảm đồng cư Cực Lạc, tối cực thanh tịnh dã”.* Đây là những lời Ngẫu Ích đại sư nói trong “Yếu giải”. Tín nguyện hạnh, là ba điều kiện tu học của tịnh độ tông. Thật tin, thật phát nguyện và thật sự hành. Chân tín thiết nguyện là nhìn từ gốc độ nào? Xem họ có thật sự thực hành hay không. Thật thực hành th có, còn không thật sự thực hành thì họ không có. Tín và nguyện đều thực hành trên hạnh. Không có hạnh, thì tín nguyện không phải thật mà là giả. Nên thật sự tin vào tịnh độ không phải dể!

 Ai là người thật sự tin? Người xưa có câu nói: *“Duy thượng trí dữ hạ ngu bất dịch”*. Đây là nói về thật tin. Bậc thượng thượng căn một lần nghe ngàn lần ngộ, họ có thể làm được. Bậc hạ hạ căn, chúng ta thường nói ngu si cái gì cũng không hiểu. Nhưng khuyên họ niệm câu A Di Đà Phật, họ sẽ chân thật ôm trọn câu A Di Đà Phật này, suốt đời không thay đổi. Đến lúc lâm chung, vãng sanh điềm lành hiện ra. Họ đã thành công. Vì sao? Vì họ thật sự tin. Trong đó cũng bao hàm cả phần tử tri thức. Còn người căn tánh bậc trung, tức thượng không thượng mà hạ không hạ. Chư Phật Bồ Tát đối với những người này, thật là từ bi đến cực điểm.

 Đức Thế Tôn suốt 49 năm giảng kinh giáo hoá chính là vì hạng người này, bao gồm cả hạng người như chúng ta. Bậc thượng thượng căn sớm đã thành Phật. Như Lục Tổ Huệ Năng là bậc thượng thượng căn, chỉ cần dạy ngài một lần. Một hai tiếng là đủ, vấn đề đã giải quyết xong. Ngài là chân tín nguyện hạnh, nên ngài mới có thể chứng ngộ, mới có thể kiến tánh. Một bà lão phải mất thời gian mấy năm, hoặc thời gian mấy mươi năm. Bà ấy đã thành công, là nhờ sự kiên định không thay đổi. Phiền nhất, là tự cho mình thông minh, lưỡng lự lừng chừng. Ta nói không tin, họ lại tin. Ta nói tin họ lại không thật sự tin. Chẳng thể nói họ không có nguyện. Họ rất muốn đến thế giới Cực Lạc, nhưng không chịu niệm Phật, vọng niệm quá nhiều. Suốt ngày để ý đến những vọng niệm này mà lãng quên niệm Phật. Quan hệ của những người này với tịnh độ, đời đời kiếp kiếp chỉ trồng được một chút thiện căn trong A lại da mà thôi. Đến kiếp nào đó thiện căn sâu dày, sanh ra sức mạnh liền khởi tác dụng. Nếu thiện căn không thắng được phiền não, thì nó sẽ không khởi tác dụng. Phiền não khởi tác dụng, thiện căn không khởi tác dụng thì chẳng thể thành tựu.

 “Di Đà danh hiệu bất khả tư nghì”. Thật là không thể nghĩ bàn, nhưng người biết được điều này quá ít. Người nhận thức được bốn chữ A Di Đà Phật này là bảo bối, họ chịu buông lơi chăng? Tuyệt đối không chịu buông. Trước khi Hoàng Niệm Tổ vãng sanh nữa năm, quý vị xem ông đã giữ chặt lấy danh hiệu Phật A Di Đà. Một ngày niệm 40 vạn câu. Ông nói với tôi, ông tính số lần niệm Phật. Một ngày niệm 40 vạn biến, suốt nữa năm như vậy. Ông đã vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Ông biết danh hiệu này là bảo quý, biết danh hiệu này là không thể nghĩ bàn.

 *“Cố năng linh phàm phu sở cảm đồng cư Cực Lạc, tối cực thanh tịnh dã”.* Chư Phật Như Lai tôn trọng Phật A Di Đà, nên xưng ngài là *“Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”. Vì sao? Vì đồng cư tịnh độ của thế giới Cực Lạc, thanh tịnh hơn các cỏi đồng cư của tất cả chư Phật Như Lai. Thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng, không phải là thượng tam độ, mà là đồng cư độ. Hiển bày tâm từ bi vô tận của Phật Di Đà, cũng chính là ở cỏi đồng cư. Cỏi thường tịch quang tuyệt đối bình đẳng. Cỏi thật báo hầu như tương đồng, giống nhau. Cỏi phương tiện và cỏi đồng cư chính là mười pháp giới.

 Tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới là tịnh độ. Lục đạo trong cỏi phương tiện hữu dư là uế độ. Cỏi đồng cư trong thế giới tây phương Cực lạc là tịnh độ. Điều này rất khó. Vì sao cỏi đồng cư của thế giới Cực Lạc đều là thanh tịnh trang nghiêm? Vì phàm sanh đến thế giới Cực Lạc đều là chư thượng thiện nhơn. Nói cách khác, đều là đầy đủ điều kiện thượng thiện, mới có thể đến đây. Đây là sự thù thắng của nó. Cũng chính là nói, cư dân ở thế giới tây phương Cực Lạc là tiếp nhận di dân của mười phương thế giới đến, hoàn toàn không có người sinh ra và lớn lên ở đây, không có.

 Thế giới Cực Lạc là thế giới mới hưng khởi. Trong đó không có người ở, toàn là di dân đến. Di dân đến trạm kiểm soát cần những điều kiện nào. Không phù hợp điều kiện thì không thể đến. Điều kiện quan trọng đầu tiên là tâm tịnh tức cỏi Phật tịnh. Tâm chúng ta có thanh tịnh không? Tâm không thanh tịnh không thể vào đó, niệm Phật cũng không được. Đạo lý này phải hiểu. Một ngày dù niệm 10 vạn câu Phật hiệu, mà tâm không thanh tịnh thì cũng không đi được. Tâm thanh tịnh chiêu cảm nên cỏi thanh tịnh. Cỏi đông cư của thế giới Cực Lạc, là tâm thanh tịnh của Phật A Di Đà biến hiện ra.

 Chúng sanh trong cỏi đồng cư của mười phương thế giới. Tâm thanh tịnh tương ưng với nó, tương ưng với tâm Phật. Dùng tâm thanh tịnh để niệm Phật A Di Đà. Tâm thanh tịnh từ mà có? Buông bỏ phân biệt chấp trước liền được thanh tịnh. Đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian không còn chấp trước nữa, buông bỏ hết. Thường tưởng đến, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, nên “tưởng” rất quan trọng. Tưởng\_nghĩ\_điều gì? Nghĩ đến Phật A Di Đà hôm nay đến đón tôi. Tôi phải làm sao? Có phải là nên nghĩ, những thứ lưu luyến này, những cái vướng bận đó. Nếu muốn quan tâm thế gian này, nên cái này cũng buông không được, cái kia cũng bỏ không xong. Như vậy thì Phật A Di Đà sẽ đi thôi, không lý đến chúng ta nữa, vì chúng ta vướng bận quá nhiều việc. Phải có tâm trạng như thế nào? Cái gì cũng không cần nữa, đến thân thể cũng không cần. Phật A Di Đà sẽ dẫn quý vị đi ngay.

 Hàng ngày đều quán tưởng như vậy. Đây là bí quyết vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc. Buông bỏ hết tất cả. Phải như thế nào? Phải xem thế giới này như khách sạn. Thiết bị trong khách sạn này không tệ, ở trong đó rất thoải mái, nhưng nói đi là đi. Những thứ trong khách sạn đều không phải là của ta, không thể mang theo một cái gì. Thế gian này chính là quán trọ. Trong quán trọ này, tất cả những thiết kế ở đây đều có thể hưởng thụ hết, nhưng không phải của ta, nên ta không mang theo được. Chúng ta dùng thái độ như thế ở nơi thế gian này, thì tâm địa tự nhiên sẽ thanh tịnh. Không phải của ta, đến thân thể cũng không phải của ta. Vậy cái gì là của tôi? Phật A Di Đà là của ta. Nghĩ được như vậy thì tốt rồi.

 Chỉ có Phật A Di Đà mới mang theo được. Phật A Di Đà ở đâu? Ở thế giới tây phương Cực Lạc. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, mà không đến thế giới Cực Lạc thì ta đi đâu? Người niệm Phật, thường phải có ý niệm đúng đắn. Nhà của ta là ở tây phương. Phật Di Đà là người thân nhất của tôi, cần phải trở về thăm. Phật A Di Đà giống như cha mẹ vậy, chư đại Bồ Tát là huynh đệ. Đây mới là những điều cổ nhân nói lá rụng về cội. Cội nguồn ở tây phương, cội nguồn ở thế giới Cực lạc. Lá rụng về cội chính là trở về thế giới tây phương Cực Lạc. Lục đạo và mười pháp giới đều là chổ chỉ đến tham quan du lịch. Ý niệm không được sai lạc.

 Dưới đây vẫn là lời trong “Yếu Giải”. *“Thử tắc thập phương Phật độ sở vô”.* Đây là nói cỏi đồng cư của Cực Lạc, trong quốc độ của mười phương chư Phật không có. *“Cực Lạc đồng cư độc thiện”.* Nói cách khác, chỉ có tây phương Cực Lạc. Cỏi đồng cư của nó là tịnh độ. Cỏi đồng cư của chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới là uế độ. *“Phương thị Cực Lạc tịnh độ tông chỉ*”. Chúng ta gọi thế giới tây phương Cực Lạc là tịnh độ, chủ yếu chính là nói cỏi phàm thánh đồng cư thanh tịnh bậc nhất. Cũng chính là nói Phật A Di Đà yêu cầu, là con người tâm địa thanh tịnh sanh ra tịnh độ. Tâm tịnh thì cỏi Phật tịnh.

 Phàm sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, đều có nhân duyên với Phật A Di Đà. Đến được thế giới Cực Lạc thì tâm địa sẽ thanh tịnh. Chúng ta hiểu được đạo lý này, biết được chân tướng sự thật này. Nên phải đặc biệt chú ý đến tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chính là buông bỏ vạn duyên, buông bỏ phân biệt chấp trước. Nó quan trọng hơn bất cứ điều gì. Nên học Hoằng Nhất đại sư khi về già. Những năm về già ngài thật sự quay đầu, gọi là quay đầu là bờ.

 Quý vị xem truyện ký của Hoằng Nhất đại sư. Lúc ngài còn trẻ ngạo mạn, tập khí rất nặng, hiếu cường, hiếu thắng. Đối với người và việc yêu cầu quá nghiêm khắc. Nên mọi người đều biết, giao tiếp với ngài thật không dể. Ngài thấy sai là lập tức trách phạt, la mắng, không dữ chút thể diện nào. Sau khi học Phật ngài thật sự đã thay đổi. Đến khi về già tập khí hoàn toàn không còn, không yêu cầu bất cứ điều gì.

 Năm 1999, đoạn thời gian đó tôi ở Singapore. Ở singapore giảng kinh, pháp sư Quảng Hiệp cũng ngẫu nhiên đến nghe kinh. Thầy ấy rất thích kinh giáo, thầy mời tôi đến tinh xá của thầy ăn cơm. Tôi có đi một lần, đó là Chiêm Bồ Viện. Chổ này trước đây Hoằng Nhất đại sư đến Singapore đã ở nơi này. Ngài với Quảng Hiệp đại sư giao tình rất sâu. Quảng Hiệp đại sư nói, họ quen nhau ở Phật học viện Mân Nam khi còn trẻ. Lúc ở Singapore thấy tình hình sinh hoạt của ngài rất tuỳ thuận, không tính toán gì cả, không có gì là chẳng tốt. Đúng là mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành. Ngài không có tâm phân biệt. Đây là điều kiện tất yếu để vãng sanh tịnh độ. Hoằng Nhất đại sư đã thành tựu, thật hiếm có!

 Một người thích bắt lổi như vậy, nhưng đến khi về già lại tuỳ thuận đến thế. Làm cách nào để chúng ta có thể thực hành được mọi người là người tốt, mọi việc là việc lành. Rối cuộc đây là cảnh giới gì? Tâm rất tốt, tâm đã thanh tịnh. Ngôn hành cử chỉ đã nói lên tâm của chúng ta. Trong tâm ta có tính toán, trong tâm có phân biệt, có chấp trước, biểu lộ ra chính là tính toán từng chút. Tâm địa thanh tịnh sẽ biểu lộ ra bình đẳng, nên mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành. Việc xấu cũng như việc tốt. Như thế nào là việc xấu cũng thành việc tốt? Việc xấu là tập khí phiền não trong tâm của họ biểu lộ ra. Trong A lại da có, luôn để nó bộc phát ra. Khi tạo ra ác nghiệp, có ác báo, thì ác báo cũng là việc tốt. Vì sao? Đến đó để tiêu nghiệp. Tiêu hết nghiệp không phải đã thanh tịnh rồi sao? Cách nhìn không như nhau. Tam thiện đạo thì tiêu thiện nghiệp, tam ác đạo thì tiêu ác nghiệp. Trong tâm thanh tịnh thì thiện ác đều không có. Nên ta tạo nghiệp thiện thì thiện phải tiêu trừ. Tạo nghiệp ác thì ác phải tiêu trừ. Tất cả đều mất hết, tâm liền thanh tịnh. Như vậy mới có thể đến thế giới Cực Lạc. Người ở thế giới Cực lạc chỉ có tịnh nghiệp, thiện ác đều là nhiễm nghiệp. Nên trong lục đạo có thiện ác. Trong tứ thánh pháp giới không có thiện ác, nhưng có nhiễm tịnh. Họ là thanh tịnh.

 Lục đạo là nhiễm, trong nhiễm có thiện ác. Bồ Tát dạy chúng ta, đoạn ác không chấp tướng đoạn ác. Tu thiện cũng không chấp tướng tu thiện. Duy trì tâm thanh tịnh để đoạn ác tu thiện. Đây gọi là tịnh nghiệp. Dạy chúng ta không nên trụ vào tướng. “Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, đó là chân tâm. Đó chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Xen vào một chút tư duy ở trong đó cũng không được, như thế là nhiễm ô. Một chút tư duy đều không thể xen vào. Đây là chư Phật và pháp thân Bồ tát ứng hoá trong mười pháp giới, ứng hoá trong lục đạo để làm gương cho chúng ta. Nhưng rất nhiều người không nhận ra. Người nhận thì họ đã học được, người không nhận ra cái thì chẳng học được gì. Người không nhận ra, thấy Phật Bồ Tát cũng là phàm phu, không nhận ra được chổ vi diệu của các ngài.

 *“Dĩ Di Đà nhất thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, vạn đức trang nghiêm nhất cú thanh tịnh. Dĩ thử tối cực thanh tịnh bất khả tư nghì, nhất cú Di Đà danh hiệu chi chân nhân, tự nhiên cảm đắc bất khả tư nghì, tối cực thanh tịnh chi Cực Lạc đồng cư quốc độ”.*

 Đây là nói rỏ nguyên nhân thanh tịnh bậc nhất của cỏi đồng cư nơi thế giới tây phương Cực Lạc. Ở đây đã nói rất rỏ. Đoạn khai thị này vô cùng quan trọng. Vì sao? Bởi chúng ta có thể lý giải, có thể nổ lực tu hành. Tuy sanh vào đồng cư tịnh độ, như ở trước nói, chúng ta ở trong cỏi đồng cư có thể thấy được cỏi thật báo, có thể thấy được cỏi tịch quang. Chúng ta có thể thấy được.

 Nếu ta không hiểu được đạo lý này, cũng sanh vào đồng cư tịnh độ. Nhưng chỉ có thể nhìn thấy đồng cư tịnh độ, còn thượng tam độ không nhìn thấy. Điểm bất đồng là ở đây. Vì chúng ta tuy là cỏi đồng cư, chúng ta đã tu thanh tịnh tâm. Nên đến thế giới Cực Lạc, dể đạt được thành tựu. Nếu tâm chúng ta không thanh tịnh, sanh đến thế giới Cực Lạc chỉ thấy được đồng cư của bổn độ, thượng tam độ không nhìn thấy. Ở thế giới Cực Lạc tu tập, ở đó đoạn phiền não, đoạn tập khí. Cũng cần thời gian rất dài, từ từ sẽ nhìn thấy. Trước là nhìn thấy cỏi phương tiện, kế đến là nhìn thấy cỏi thật báo, cuối cùng nhìn thấy cỏi tịch quang.

 Ở thế gian này tu hành. Đây là Đức Phật nói, tu hành một ngày ở thế giới Ta bà, bằng tu hành 100 năm ở thế giới Cực Lạc. Nghĩa là sao? Thế giới Ta Bà nhiều chướng ngại, lên nhanh mà xuống cũng nhanh. Người biết tu thì tiến bộ rất nhanh. Người không biết tu thì đoạ lạc rất thảm. Lên nhanh mà xuống cũng nhanh. Thế giới tây phương chỉ có lên không có xuống, nhưng nó lên rất chậm. Thế giới này chỉ cần ta chịu được rèn luyện, thì ta sẽ lên rất nhanh. Nên mọi thứ rèn luyện, mọi thứ thiên tai. Rất tốt! Nó đều là cơ hội để ta tu hành. Cảnh giới thiện, cảnh giới ác đều là khiến ta lên nhanh xuống nhanh.

 Trong đó ngũ dục lục trần luôn mê hoặc chúng ta. Ở thế giới tây phương không có gì mê hoặc, nên ta tiến bộ rất chậm. Ở đây có người dụ dổ. Khi dụ dỗ mà ta không bị mê hoặc thì lập tức tiến lên. Nên trong thuận cảnh thành tựu được gì? Thành tựu đoạn trừ tham si. Trong nghịch cảnh thì đoạn sân nhuế, ngu si. Tam độc tham sân si ở nơi thế gian này, đặc biệt là trong thời đại hiện nay. Đối với người tu hành mà nói là việc tốt. Ta đến đâu để tìm môi trường như vậy? Trong quá khứ ta làm việc tốt đều có người tán thán, bây giờ làm việc tốt lại bị người mắng. Họ mắng cũng không sân si, việc tốt vẫn cứ làm, thì cảnh giới của chúng ta sẽ tiến lên rất nhiều!

 Cho nên người làm phiền ta, người mắng ta, người huỹ nhục ta, người huỹ báng ta, người hãm hại ta, ta đều phải cảm ân. Họ đến để thử ta đấy, xem công phu chúng ta như thế nào, là thật hay là giả. Thật, là chân công phu. Làm sao có thể nhẫn nhịn? Trong kinh điển Đức Phật đã nói rỏ chân tướng sự thật: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Vấn đề không phải đã giải quyết rồi sao? “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, thì ta còn tính toán làm gì? Nó là giả không có thật. Người ta đố kỵ, chướng ngại, huỹ báng, hãm hại. Mục đích là gì? Chẳng phải đều là vì danh văn lợi dưỡng đó sao? Chúng ta buông bỏ hết danh văn lợi dưỡng, thì chẳng phải sẽ yên ổn sao?

 Làm chướng ngại ta thật sự là danh lợi. Không có danh lợi, họ sẽ chẳng còn cách nào chướng ngại nữa. Đó là chính họ chướng ngại chính họ. Đạo lý này nhất định phải thấu triệt nó, thì trong cuộc sống hằng ngày mới có thể thường sanh tâm hoan hỷ, sẽ không bị cảnh giới lay chuyển. Trong kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: *“nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng như lai*”. Nếu ta không bị cảnh giới lay chuyển thì ta có thể chuyển cảnh giới. Có thể chuyển cảnh giới là ai? Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ Tát. Chúng ta tuy chưa chứng được pháp thân, nhưng đã có mùi vị của pháp thân, đã có được một chút như vậy.

 Nói cách khác, nếu chịu được khảo nghiệm, chịu được thử thách. Nhẫn Nhục Tiên Nhân có thể chịu được sự dày vò của vua Ca Lợi, nên đã thành Phật trước thời kỳ. Quý vị nói Vua ca Lợi là người tốt hay xấu? Ông ta giúp Đức Thế Tôn thành Phật trước dự định. Thông thường chúng ta nói Vua Ca Lợi là người xấu, nhưng Đức Thế Tôn nói ông ta là người tốt. Chúng ta nói ông ta cắt thịt Nhẫn Nhục Tiên Nhân là việc xấu, nhưng Đức Thế Tôn nói đây là việc tốt. Quý vị xem, mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành. Ngài đã thành Phật, nên đã báo ân. Ngài thành Phật rồi, người đầu tiên ngài độ chính là vị này. Điều này trong kinh điển chúng ta đã thấy.

 Đức Thế Tôn sau khi thành đạo, ở trong vườn Lọc Uyển thuyết pháp. Người thứ nhất chứng quả A la hán chính là tôn giả Kiều Trần Như. Kiếp trước của Kiều Trần Như chính là Vua Ca Lợi. Kiếp trước của Đức Thế Tôn là Nhẫn Nhục Tiên Nhân, ngài đã báo ân. Nên cần phải thật sự thấu triệt. Thế gian này không có thị phi tuyệt đối, không có thiện ác tuyệt đối, không có tội phước tuyệt đối. Người xưa cũng hiểu đạo lý này, nên nói hoạ phước nương nhau, trong phước có hoạ, trong hoạ có phước. Quý vị thấy, hai chữ hoạ phước trong văn tự Trung quốc rất tương đương. Tóm lại là phước hay hoạ hoàn toàn là do mình. Nếu ta dùng tâm thanh tịnh thì hoạ biến thành phước. Nếu ta dùng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì phước sẽ biến thành hoạ. Nó sẽ thay đổi. Chổ tuyệt diệu của văn tự Trung Quốc là ở chổ này. Hai chữ này từng giờ từng phút đang cảnh tỉnh chúng ta. *“Hoạ phước vô môn, duy nhân tự chiêu*”. Là phước hay là hoạ đều do chính mình.

 Ta dùng thái độ nào đối với nó. Dùng thiện tâm thì toàn là phước, hoạ sẽ không có. Dùng ác niệm thì toàn là hoạ, phước không có. Đây chẳng phải là tướng tuỳ tâm chuyển sao? Cảnh tuỳ tâm chuyển, tướng do tâm sanh. Phải hiểu thấu triệt đạo lý này. Chúng ta muốn xa rời tai hoạ, thì nên xa rời phiền não tập khí, xa rời tham sân si mạn nghi, xa rời thất tình ngũ dục. Hoạ sẽ chuyển thành phước. Đây chính là trong đại thiên tai ta không bị thiên tai. Vì sao? Ta đã chuyển cảnh giới. Nếu ta không thể chuyển, vẫn dùng tham sân si mạn để đối nhân xử thế, thì phước cũng biến thành hoạ.

 Phước là gì? Phước là do trong quá khứ tu được, nên bây giờ được hưởng phước. Hưởng phước mà thái độ của ta là tham sân si mạn, thì trong khi hưởng phước đã tạo ra rất nhiều tội nghiệp. Phước hưởng hết thì tội báo sẽ hiện tiền, phước biến thành hoạ. Chính là đạo lý như vậy. Đây là tư duy rất hợp logic, không có sai lầm. Chúng ta chẳng thể không hiểu.

 Người xưa nói, thiệt thòi là phước, khó được hồ đồ. Hồ đồ này là sao? Là người thông minh nhất. Hồ đồ chính là thông minh, thông minh đến cực điểm. Dùng hồ đồ để che đậy bản thân, thâm tàng bất lộ, để xa rời tai hoạ.

 Các bậc thánh hiền cùng chư Phật Bồ Tát khi thị hiện, đều làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta thấy. Đây là từ bi đến cực điểm. Trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật. Nhân chân thật của một câu danh hiệu Di Đà tự nhiên chiêu cảm được. Trong kinh điển đại thừa thường nói pháp nhĩ như thị. Thành tựu của thế giới Cực Lạc là tự nhiên hiện ra, không có người thiết kế, không có người kiến tạo. Chúng ta không thể tưởng tượng được.

 Trong kinh giáo Đức Phật thường vì chúng ta giới thiệu cỏi trời dục giới. Tầng thứ năm của dục giới là cõi trời Hoá Lạc, là tự nhiên chiêu cảm nên. Cuộc sống hưởng thụ của cõi trời Hoá Lạc cũng không cần thiết kế, không cần kiến tạo. Hoàn toàn là tuỳ ý niệm của chính mình, tự nhiên chiêu cảm nên. Tầng trời thứ sáu lại càng thù thắng hơn nữa. Tầng trời thứ sáu gọi là Tha Hoá Tự Tại Thiên, “Tha” ở đây chính là tầng trời thứ năm. Tầng trời thứ năm tự nhiên chiêu cảm được và cung phụng cho họ. Họ không cần biến hoá, tự nhiên sẽ có người đem đến cúng dường. Phước báo rất lớn, là phước báo của Phật A Di Đà. Do ngài phát 48 nguyện và năm kiếp tu hành. Quý vị nghĩ xem phước báo này to lớn biết bao! Nên thế giới Cực Lạc, là do nguyện lực của Phật A Di Đà.

 Ở đây nói một câu danh hiệu của Phật A Di Đà thật không thể nghĩ bàn. Trong câu danh hiệu của Phật Di Đà là có đầy đủ tất cả 48 nguyện. Trong 48 nguyện lại có đầy đủ toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ hàm nhiếp tất cả kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Ta hiểu được nguyên nhân thật sự của danh hiệu Di Đà này, thì mới có thể lãnh hội được. Đối với sự chiêu cảm tự nhiên không thể nghĩ bàn, đối với thanh tịnh cực điểm của cỏi đồng cư nơi thế giới Cực Lạc, không còn hoài nghi. Đây là thật, chứ không phải là giả.

 Còn một điều nữa có thể làm chứng cho chúng ta. Khi ta vãng sanh cũng là tâm thanh tịnh. Niệm Phật, người niệm Phật rất nhiều, nhưng người vãng sanh không nhiều. Vì sao? Vì hàng ngày niệm Phật, nhưng tâm không thanh tịnh nên không thể vãng sanh. Niệm Phật đến tâm thanh tịnh, thanh tịnh là thật sự buông bỏ. Tôi niệm Phật, tôi đã buông bỏ hết những chuyện thế gian, nhưng chưa buông bỏ Phật pháp, có thể vãng sanh chăng? Có thể vãng sanh. Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, chỉ có thể nhìn thấy bổn độ. Còn phương tiện độ, thật báo độ không nhìn thấy. Vì sao? Vì chưa buông bỏ Phật pháp

 Tất cả pháp trong thế xuất thế gian đều phải buông bỏ hoàn toàn. Quý vị xem tấm gương của liên Trì đại sư, ngài là người rất giỏi, là bậc tôn sư lỗi lạc, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Nhưng đến khi về già chỉ có một bộ kinh A Di Đà, một câu A Di Đà Phật. Ngoài ra ngài buông bỏ hết. Chúng ta biết nếu ngài sanh đến cỏi phàm thánh đồng cư, có thể nhìn thấy cỏi tịch quang, có thể nhìn thấy cỏi thật báo. Vì sao? Vì tâm của ngài thanh tịnh hơn so với tâm ở trước. Công phu thấp nhất trong nhà Phật thường nói là “oán thân bình đẳng”. Đây là công phu sơ khởi.

 Niệm Phật, nhưng người đắc tội với mình vẫn có tâm oán hận. Người tốt với mình vãn còn thân tình, thì không thể vãng sanh được! Là việc tốt, nhưng vẫn phải bị luân hồi. Trong luân hồi, đại khái là cõi trời hoặc cõi người, sẽ không đoạ tam ác đạo. Vì tâm báo ân báo oán chưa buông bỏ. Ân cần báo chăng? Cần báo. Còn oán thì sao? Oán không cần báo. Báo ân, nên dùng tâm thanh tịnh để báo ân, không nên dùng tình chấp. Nếu có tình chấp không thể vãng sanh. Có tình chấp trên một nửa thì sao? Hơn một nửa, đa số đầu thai đến nhà họ, lại biến thành con cháu của họ. Đến đầu thai, vì báo ân mà đến. Tự nhiên là hiếu tử hiền tôn, không cần người dạy. Đứa trẻ này cũng rất tốt. Họ có ân nên đến báo ân. Nếu như đến báo oán, thì đứa trẻ này sẽ phản nghịch không nghe lời. Sau khi lớn lên nhất định làm cho nhà tan cửa nát. Nguyên nhân đến không giống nhau, còn có trường hợp đòi nợ trả nợ nữa.

 Bây giờ chúng ta nghĩ, người trong xã hội hiện nay. Đối với việc bố thí chúng sanh, là ân huệ nhiều hay là oán hại nhiều? Tự tư tự lợi, tổn người lợi mình thì ân huệ không có. Nói cách khác, toàn là ác nhân, ác duyên. Như vậy thì phiền phức rất lớn. Nên thế giới biến thành như vậy, địa cầu biến thành như vậy. Chúng ta biết vì sao như vậy rồi.

 Đơn giản chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ này, nên đọc cho tốt bộ kinh này. Huệ nhãn chúng ta sẽ khai, có thể hiểu được một người, một gia đình, một xã hội, và các loại biến hoá của địa cầu này đều có nhân\_duyên\_quả. Chúng ta đều có thể nhìn thấy một cách rỏ ràng minh bạch. Đã thấy rỏ ràng minh bạch, chính ta sẽ lựa chọn cho mình một con đường, chọn một phương hướng, chọn một mục tiêu. Đời này nhất định có thành tựu, vãng sanh đến thế giới Cực lạc để làm Phật.

 *“Cực Lạc thế giới chi đồng cư tịnh độ siêu việt thập phương. Cố thường viết Cực Lạc chi diệu thủ tại đồng cư dã”.* Câu này là thật, hoàn toàn chính xác. Các bậc cổ đức, chư vị cao tăng đại đức xưa nay, tán thán đối với thế giới Cực Lạc, đều là tán thán sự vi diệu của cỏi đồng cư. Thật sự là độc tôn vi diệu. Không có bất cứ cỏi phàm thánh đồng cư của cỏi Phật nào, có thể so sánh với thế giới Cực Lạc. Nguyên nhân thật sự ở đây chúng ta đã hiểu, tức là họ di dân đến, chứ không phải họ sanh trưởng ở đó. Không phải, một người cũng không có. Thế giới Cực Lạc toàn là mười phương thế giới di dân đến, vãng sanh đến, là liên hoa hoá sanh. Nên điều kiện cơ bản của nó là tín nguyện hạnh, là ba điều kiện này. Không thể thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về nước này.

 Thiện căn, phước đức, nhân duyên, phải đầy đủ ba điều kiện này. Thiện căn là tín giải, phước đức là hạnh nguyện. Thiện căn phước đức quan trọng, nhưng quan trọng nhất là tâm thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh, thiện căn phước đức cũng không thể vãng sanh. Tâm tịnh thì cỏi Phật tịnh. Đây là nguyên nhân thật sự của tịnh độ.

 Thiện căn phước đức phải tu như thế nào? Chính là niệm Phật. Niệm Phật là thiện căn, niệm Phật cũng là phước đức. Một câu A Di Đà Phật là đầy đủ tất cả. Đầy đủ tín nguyện hạnh. Đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên. Công đức của danh hiệu này thật không thể nghĩ bàn.

 Hết giời rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 315**

# Tập 316

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: ngày 04 tháng 03 năm 2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 371, hàng thứ 7.

 *Pháp Tạng thành Phật, hiệu A Di Đà. Thượng minh quốc độ thị y báo. Độ vi thân chi sở y, cố danh y báo. Phật thị năng y, cố danh chánh báo. Phật hữu tam thân. Nhất, pháp tánh thân, giản xưng pháp thân, cư thường tịch quang độ. Nhị, báo thân, cư thật báo trang nghiêm độ. Tam, ứng hoá thân, thường hiện phương tiện hữu dư cập đồng cư đẳng độ.* Chúng ta xem qua đại ý giới thiệu một chút.

 Trong đạo tràng các vị đồng tu không cố định, có người đến trước người đến sau, nên khi giới thiệu không sao tránh khỏi sự trùng lặp, nhưng trùng lập cũng là ưu điểm. Cổ nhân thường nói: *“Đọc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến”,* chúng ta không thể trùng lặp đến 1000 lần, nhưng trùng lặp vài lần thì có. Ở đây chúng ta lại gặp tam thân của Phật. Tam thân này trên thực tế chỉ một vị Phật. Thân pháp tánh, gọi tắt là pháp thân. Pháp thân không có hình tướng. Chẳng những không có hiện tượng vật chất mà hiện tượng tinh thần cũng không. Đến hiện tượng tự nhiên cũng không có.

 Vì sao gọi nó là thân? Vì nó thực có, chứ chẳng phải không có. Nhưng lục căn của chúng ta không tiếp xúc được. Nó không phải là hiện tượng vật chất, thì tiền ngũ căn của chúng ta không thể tiếp xúc. Ta nhìn không thấy cũng không nghe thấy được. Nghe không được mà tay cũng không chạm đến được. Nó không phải là hiện tượng vật chất, cũng không phải là hiện tượng tinh thần. Nên đệ lục ý thức cũng không duyên tới. Thức thứ sáu, bảy, tám đều không duyên tới. Nó không phải hiện tượng tự nhiên. Tám thức đều không duyên đến nó, nhưng nó tồn tại. Nó ở tại đâu? Ở thường tịch quang. Thường tịch quang là bản thể của tự tánh. Hay nói cách khác pháp thân Phật chính là thường tịch quang, thường tịch quang tức là pháp thân Phật. Nó là tự thể của tất cả pháp. Tất cả pháp là nó sở hiện sở sanh.

 Trong kinh Hoa Nghiêm nói, tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Thường tịch quang tức là tâm, là chân tâm không phải vọng tâm. A lại da là vọng tâm. Chân tâm bất sanh bất diệt vĩnh hằng bất biến. Nên tướng mà nó hiện cũng không thay đổi, cũng là bất sanh bất diệt, chắc chắn không có biến hoá. Vì sao nó hiện tướng? Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói “chúng sanh có cảm Phật liền có ứng”.

 Đối với pháp thân Phật, nếu Bồ Tát trong cõi báo có cảm ngài liền hiện ở cõi báo, tức là cõi thật báo trang nghiêm. Cõi phương tiện có cảm ngài liền hiện ở cõi phương tiện. Cõi phương tiện là tứ thánh pháp giới Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, trong mười pháp giới. Chúng sanh trong cõi đồng cư có cảm ngài liền hiện ở cõi đồng cư. Ba ngàn năm trước ở thế giới này của chúng ta, Đức Thế Tôn xuất hiện tại Ấn Độ. Điều này chứng tỏ chúng sanh trên địa cầu này có cảm, địa cầu này là một bộ phận trong cõi phàm thánh đồng cư của Đức Thế Tôn. Cũng chính là nói lục đạo, lục đạo là cõi phàm thánh đồng cư.

 Chúng sanh trong cõi đồng cư có cảm ngài liền ở trong cõi đồng cư hiện ứng thân, hoá thân, là ứng hoá thân. Đức Thế Tôn hiện thân bất cứ nơi nào, khi hiện thân nhất định là hiện thân đồng loại. 41 vị pháp thân đại sĩ trú trong cõi thật báo. Báo thân Phật ở trong cõi thật báo, chúng ta biết ngài hiện ra 41 thân khác nhau. Ở cùng với Sơ Trụ thì hện thân Sơ Trụ, cùng với Thập Trụ thì hiện thân Thập Trụ. Nhất định hiện ra thân đồng loại, thân đồng loại rất nhiều. Đức Thế Tôn vì chúng ta mà giới thiệu chư vị Bồ Tát ở thế giới tây phương Cực Lạc. Vô lượng vô biên, không cách nào tính đếm được. Đức Phật ở đó giúp họ nâng cao cảnh giới, thông thường chúng ta nói là gia trì họ. Ở cõi phương tiện hay cõi đồng cư cũng đều như vậy.

 Đặc biệt là cõi đồng cư, trong cõi đồng cư có lục đạo. Trong lục đạo Đức Phật đều hiện thân. Có trong cõi người, cần lấy thân gì để độ thoát thì ngài liền hiện thân đó. Cần lấy thân Phật để độ thoát ngài liền thị hiện thân Phật để độ. Cần lấy thân Bồ Tát để độ thoát ngài liền thị hiện thân Bồ Tát để độ. Cần lấy thân Tỳ kheo để độ thoát ngài liền thị hiện thân Tỳ kheo để độ. Cần lấy thân cư sĩ để độ thoát ngài liền hiện thân cư sĩ để độ. Nam nữ già trẻ, các ngành các nghề không có nơi nào mà Phật không hiện thân. Đây là sự thật.

 Hiện thân, ngài không hiện rỏ thân thế của mình nên chẳng ai biết. Đức Thế Tôn hiện thân Phật thì mọi người ai cũng đã biết, nếu ngài hiện thân bình thường như thân cư sĩ, thân trưởng giả thì không ai biết được ngài. Có một vị cư sĩ mà Đức Thế Tôn đặc biệt giới thiệu cho chúng ta, ông là ứng thân của Phật. Cùng trụ thế với Đức Phật là cư sĩ Duy Ma Cật. Là Phật hiện thân, pháp thân Phật hiện ra. Từ đó cho thấy, đại thừa là pháp bình đẳng. Phật pháp là thầy dẫn đường, thầy dẫn đường là lớn nhất. Chỉ cần có địa vị thầy giáo thì học trò phải nên tôn kính.

 Nên đối với Phật giáo, chư vị nên quan sát tỷ mỷ, hành nghi trong suốt cuộc đời Thế Tôn. Chúng ta biết nó không phải là tôn giáo, mà là giáo dục. Đức Thế Tôn 30 tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ là bắt đầu dạy học. Ở trong vườn Lộc Uyển dạy năm anh em ông Kiều Trần Như. Năm người này xuất gia đều là thân thích của Đức Thích Tôn. Năm đó vua cha của ngài phái mấy người cùng với Thế Tôn ra bên ngoài tham học. Đức Thế Tôn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài quan sát nhân duyên, thấy năm người này duyên đã thuần thục. Trước tiên tìm đến năm người này, năm người này xuất gia, do đó tăng đoàn đã chính thức kiến lập. Có Phật, có pháp, học trò của Phật chính là tăng, có tăng. Năm người này là tăng đoàn. Lúc này tam bảo đầy đủ. Về sau chúng xuất gia ngày càng đông, cư sĩ tại gia cũng ngày càng nhiều. Trong đó bao gồm cả quốc vương của 16 đại quốc của Ấn Độ đương thời, đều quy y Đức Thế Tôn, nương tựa Đức Thế Tôn làm thầy. Các pháp trong thế xuất thế gian đều đến thỉnh giáo với ngài.

 Trong Phật giáo tôn kính thiên thần, nên trong đạo Phật có cúng thiên, vì tôn trọng thiên thần. Nhưng nghe giáo huấn của Chư Phật Bồ Tát, đến thiên thần cũng nghe theo giáo huấn của chư Phật Bồ Tát. Họ đều là đệ tử của Tam Bảo. Trong chúng đệ tử Phật, phước đức lớn được mọi người tôn kính, địa vị cao sang đó là quốc vương. Dòng dõi thiên vương, phước báo lớn. Do đó họ gánh vác trách nhiệm hộ pháp. Hồ trì Phật pháp, đẩy mạnh phong trào giáo dục Phật pháp. Một mặt là tự mình tu hành, mặt khác là đem Phật pháp giới thiệu đến mọi người. Nên Phật pháp có thể hưng thịnh một thời, có rất nhiều người hộ trì. Các đời đế vương có người hộ trì, có người không hộ trì.

 Sau khi Phật diệt độ, các vị đệ tử ngài đã đi ra khắp mọi miền để truyền bá giáo huấn của Thế Tôn, tất cả đều là giáo hoá. Giáo hoá phải học như thế nào? Người khai sáng là tôn giả A Nan. Tôn giả A Nan kết tập kinh tạng, kinh tạng kết tập như thế nào? Trí nhớ của Ngài A Nan rất tốt, ngày nay chúng ta gọi là thần đồng. Trí nhớ của ngài rất tốt, nghe qua một lần vĩnh viễn sẽ không bao giờ quên.

 Đương thời Đức Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp không có văn tự, không có ghi chép. Sau khi đức Phật diệt độ, mọi người nhận thấy giáo huấn của Thế Tôn cần phải được lưu truyền. Đây là trách nhiệm của hàng đệ tử, nên mới có pháp hội kết tập kinh điển. Bây giờ chúng ta gọi là hoạt động, có một hoạt động như vậy. Do tôn giả Dại Ca Diếp lãnh đạo. Đây là một vị đạo cao đức trọng trong hàng đệ tử. Ngài chủ trì pháp hội. Tôn giả A Nan đảm nhiệm tuyên lại lời dạy của Thế Tôn, đem tất cả những gì Đức Thế Tôn dạy trong suốt 49 năm tuyên nói lại một lần, có 500 A la hán làm chứng. Mọi người nghe xem tôn giả A Nạn có nói sai chổ nào không. Nếu trong 500 vị A la hán đó, có một người nói A Nan câu này hình như đức Phật không nói, thì câu đó lập tức bỏ đi, không được lưu truyền. Kết tập kinh tạng nghiêm khắc như vậy, là vì đặt niềm tin cho hàng hậu thế.

 Những gì A Nan tuyên đọc thực sự chính là lời Phật dạy, có 500 vị la hán làm chứng cho ngài, là A Nan không hề nói sai. Không có thêm ý mình vào trong lời Phật dạy, cũng không bỏ sót những ý nghĩa trong lời Phật dạy. Thật không đơn giản. Ở trên thế gian này, từ xưa đến nay, đây là đại sự thù thắng bậc nhất. Sau khi kết tập, những kinh tạng này được hàng đệ tử đi khắp nơi truyền bá. Có một vài nơi truyền bá mấy trăm năm thì không còn nữa. Cũng có nơi ba bốn trăm năm, năm sáu trăm năm, bảy tám trăm năm thì bị tiêu diệt. Hoàn toàn là do phước báo của chúng sanh, nhân duyên của chúng sanh. Duy nhất truyền đến Trung Quốc, nhánh này mộc rể ở Trung Quốc, đến bây giờ đã gần 2000 năm. Kinh điển phiên dịch sang chữ Hán, những phiên dịch này đáng tin chăng? Có sai lầm không?

 Huyền Trang đại sư lúc còn tại thế, cũng vì vấn đề này mà phải đích thân đến Ấn Độ. Ở Ấn độ 17 năm, ngài khẳng định những gì các bậc cổ đức dịch là đúng. Ngài Huyền Trang thực sự là vì xác minh kinh điển phiên dịch đúng hay sai mà đến Ấn Độ. Khi trở về Trung Quốc, từ việc tổ chức phiên dịch với quy mô lớn. Trong số những vị pháp sư phiên dịch này, Huyền Trang đại sư là người dịch với số lượng nhiều nhất. Trước thời ngài Huyền Trang gọi là cựu dịch, bắt đầu từ ngài Huyền Trang trở về sau gọi là tân dịch. Nên trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, dịch kinh được xưng là tân dịch và cựu dịch. Chúng ta hiểu rỏ những lịch sử này, đối với Phật Giáo có nhận thức chính xác, cũng biết Phật giáo là giáo dục, là dạy học.

 Sau khi truyền đến Trung Quốc. Các bậc đế vương của Trung Quốc phái sứ giả đến Tây Vực đảnh lễ và thỉnh về Trung Quốc. Nên sau khi Ma Đằng, Trúc Pháp Lan đến Trung Quốc được phong làm quốc sư, đế vương quy y Tam Bảo. Xưng làm quốc sư, kiến lập chùa chiền cho họ. Chùa là nơi làm việc của các vi Quốc sư này.

 Trung Quốc thời cổ đại, chế độ của nhà Hán. Những đơn vị này trực thuộc dưới quyền quản lý của vua, được gọi là tự. Thuộc quyền quản lý trực tiếp của vua. Còn những cơ cấu việc làm thuộc quyền quản lý của Tể tướng gọi là bộ.

 Tự là thiết lập vĩnh cữu không được phế bỏ. Bộ có thể tăng giảm, có thể phế trừ. Trưởng quan của tự gọi là khanh, nên dưới hoàng đế có chín đơn vị được gọi là cửu khanh. Bây giờ đến Bắc Kinh đi tham quan, đến viện bảo tàng Cố Cung là có thể nhìn thấy. Trong Cố Cung còn có văn bia ta có thể xem thấy. Như trong kinh thường nhắc đến Hồng Lô tự, trong Cố Cung cũng có. Thực sự có tấm bia của Hồng Lô tự. Hồng Lô tự quản lý điều gì? Quan lý việc ngoại giao. Ngày xưa đối với việc giao tế bên ngoài do vua trực tiếp quản lý, chứ không phải Tể tướng quản. Nên Hồng Lô Tự Khanh hiện nay chính là bộ trưởng ngoại giao.

 Phật giáo truyền đến Trung Quốc cũng được gọi là tự, sắp ngang hàng bình đẳng với chín đơn vị của Hoàng đế. Nhưng vị trụ trì trong chùa, gọi họ là trụ trì chứ không gọi là khanh, không xưng khanh. Đây là đối với Phật giáo đặc biệt tôn trọng. Nên phải biết rằng, danh xưng tự này là cơ quan làm việc của chính phủ, nó không phải là tôn giáo. Điểm này nhất định phải hiểu rỏ.

 Ngày xưa Trung Quốc cũng có Tôn giáo, nhưng tôn giáo không gọi là tự. Như Đạo giáo, đạo tràng của họ gọi là cung, quán, chứ không gọi là tự. Còn tế thần, thần gọi là miếu. Nên Hoàng đế có thái miếu. Nơi kỷ niệm tổ tiên, kỷ niệm thiên thần thì đều gọi là miếu. Nó được phân biệt rất rỏ ràng. Bây giờ danh từ tự này vẫn còn, nhưng nó đã biến chất. Nó biến thành bình đẳng với đạo, quán và thần miếu. Ý nghĩa hình như mọi người đều cùng một khái niệm, đều mơ hồ như nhau. Cho rằng đây là đoàn thể tôn giáo.

 Ngày xưa khi Phật giáo vừa truyền đến, trong chùa làm công tác gì? Thứ nhất là phiên dịch kinh điển, giống như nhà biên dịch của quốc gia vậy. Thứ hai là chỉ đạo tiến tu, đó chính là nhà trường. Kinh điển phải giảng giải thì lên lớp học. Sau khi học rồi làm thế nào để đem lý luận, phương pháp, kinh nghiệm trong kinh điển thực hành trong cuộc sống thực tế. Đây là dạy học, là giáo dục, là nhà trường. Đây là nền giáo dục rất đặc biệt. Giáo dục chánh quy do Hán Vũ Đế kiến lập là lấy Khổng Mạnh làm chủ, còn chư tử bách gia thì được lựa chọn. Quốc gia này có cơ cấu quản lý, trong thời cổ gọi là bộ lễ. Đây là bộ thứ nhất dưới quyền Tể tướng.

 Bộ lễ thượng thư chính là bộ trưởng giáo dục, thị lang chính là thứ trưởng. Nó có tả hữu hai vị thị lang, nghĩa là có hai vị thứ trưởng. Như ngày nay nói, một người là chánh vụ thứ trưởng, một người là thường vụ thứ trưởng, tức là hai vị thứ trưởng. Tể tướng khi bận công việc nên không thể chấp sự, thì lễ bộ thượng thư thay thế. Từ những chế độ ngày xưa này, quý vị quan sát tỷ mỷ mới thấy rằng, trong truyền thống chính trị Trung quốc đã đem giáo dục xếp ở vị trí hàng đầu. *“Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”*. Nói cách khác, toàn bộ chính trị là vì để phục vụ cho giáo dục. Nền trị an lâu dài của quốc gia này, xã hội này trong mấy ngàn năm là nhờ có nền chính trị vì giáo dục này. Điều này chúng ta không thể không biết.

 Còn chính phủ hiện nay, nhà Thanh mất nước đến cận đại này. Xã hội cận đại trên toàn thế giới, không còn bàn đến giáo dục nữa. Đem kinh tế, của cải xếp lên vị trí đầu tiên. Tất cả đều là vì phục vụ cho kinh tế, cho của cải. Giáo dục cũng trở thành vị họ mà phục vụ. Mạnh Tử nói rất hay, lợi là điều mà con người nhất định tranh dành. Đem lợi ích đặt ở hàng đầu, tất cả vì lợi mà phục vụ. Đây là văn hoá của người tây phương, cạnh tranh. Cạnh tranh mà cao hơn nữa là đấu tranh. Đấu tranh cao hơn nữa là chiến tranh. Đây là một con đường huỷ diệt, còn giáo dục là đường sống.

 Quý vị xem Mạnh Tử gặp Lương Huệ Vương. Lương Huệ Vương thời đại Xuân Thu Chiến Quốc, cũng coi trọng danh lợi. Tuy giáo dục không sơ suất, nhưng đã rất coi trọng lợi. Mạnh tử nói với Lương Huệ Vương *“thượng hạ giao chinh lợi, kỳ quốc nguy hỷ”.* Thượng là quân vương, hạ là nhân dân. Mọi người đều tranh lợi thì quốc gia này sẽ nguy hiểm. Bây giờ chúng ta thấy trên địa cầu này có quốc gia nào không tranh lợi? Quốc gia nào không đem lợi ích đặt ở hàng đầu? Nên trên thế giới này người có chí, các nhà khoa học và các nhà triết học đưa ra cảnh cáo: “Nếu không thể khắc chế dục vọng của chính mình, cứ để nó phát triển không hạn chế, thì thế giới này cuối cùng cũng bị huỷ diệt”. Đây là lời chân thật. *“Thượng hạ giao tranh lợi, địa cầu nguy hỷ”.* Đây không phải là quốc gia, mà địa cầu gặp nguy hiểm. Toàn bộ địa cầu đều biến thành như vậy.

 Nhân nghĩa đạo đức không còn. Giáo dục của người xưa dạy điều gì? Giáo dục của Khổng Mạnh chính là dạy nhân nghĩa giúp xã hội đương đại và xã hội trên toàn thế giới thật sự có thể quay đầu, có thể hướng thiện.

 Thập niên 70, tiến sĩ Thang Ân Tỷ người Anh là người đầu tiên đề xuất. Ý ông ta nói, cứu vãn vấn đề xã hội của thế kỉ 21 chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Phật pháp đại thừa. Học thuyết Khổng Mạnh nói về điều gì? *“Khổng viết thành nhân, Mạnh viết thủ nghĩa”, “Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hỷ”.* Chúng ta thực hành hai câu nói này, thì vấn đề xã hội trên thế giới thật sự có thể giải quyết.

 *“Nhân giả ái nhân”* là Khổng Tử đề xuất. Nghĩa là nói về lý. Hợp tình, hợp lý, hợp pháp. *“Nghĩa giả tuần lý*”. Con người có thể yêu thương con người, con người có thể nói lý lẽ, xã hội sẽ êm ấm. Xã hội ngày nay, người đông phương lãng quên giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Người tây phương lãng quên giáo dục tôn giáo. Đại khái khoảng 200 năm nay, mới tạo thành hiện tượng này. Không thể trách bất cứ ai. Ở đây có nguồn gốc lịch sử, là vấn đề của nhiều thời đại. Nên dùng đạo trung thứ của Khổng Tử để giải quyết vấn đề này chắc sẽ có hiệu quả.

 Trung là gì? Trung là thành ý, là chân thành. Trong Phật pháp đại thừa gọi là chân thành. Thứ là tha thứ. Vì không tiếp thu giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Nên họ có rất nhiều vấn đề như suy nghĩ sai lầm, làm việc sai lầm. Bất luận là làm việc sai thế nào, tạo tội nghiệp nhiều đến đâu thì cũng nên tha thứ cho họ, không nên truy cứu nữa. Trong Luận Ngữ nói *“thành sự bất thuyết”,* quá khứ cũng đã qua rồi. *“Toại sự bất gián, ký vãng bất cữu”.* Bất luận là làm việc gì cũng không truy cứu, cũng không dùng hình để xử phạt. Hy vọng từ nay về sau, học tập tốt giáo dục luân lý đạo đức nhân quả, như vậy là tốt. Nếu ta truy cứu, những người làm việc sai trái này họ không cam tâm chịu phạt. Họ cùng nhau đoàn kết lại thì xã hội sẽ động loạn, nhất định phát sanh chiến tranh. Nên tất cả những việc sai lầm trong quá khứ không nên truy cứu.

 Trong kinh Vô Lượng Thọ Đức Thế Tôn nói mấy câu về tình huống xã hội hiện nay. *“Tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã”.* Tại sao không nên trách cứ người hiện tại? vì người đi trước của họ vô tri. Cha mẹ họ không có tiếp nhận nền giáo dục. Nếu truy cứu những người đi trước thì ông bà họ cũng chưa tiếp nhận, thâm chí ông bà cố của họ cũng không tiếp nhận giáo dục, ông bà cao tổ của họ cũng không hiểu. Nếu tiếp tục truy cứu thì ít nhất cũng truy cứu đến bảy tám đời. Truy cứu tiếp đến 200 năm trước, thời đó đã sơ suất việc giáo dục. Làm sao có thể trách người bây giờ? Nên thông cảm và khơi dậy tâm lành của họ.

 Ngày nay không phải nơi nào phát sanh vấn đề, mà tâm của con người có vấn đề, tâm con người hư hoại. Trong Phật pháp nói chánh niệm, chánh tư duy nay không còn nữa. Toàn là tà niệm, tà tư duy. Đã biến thành như vậy thì không nên truy cứu nữa. Nên tha thứ cho họ, nên thương xót họ, vì không phải là sai lầm của họ. Sai lầm này là do lịch sử tạo thành, bây giờ chỉ cần quay đầu là được. Quay đầu là bờ, việc trong quá khứ không nên truy cứu. Xã hội sẽ an ổn và phục hồi trờ lại bình thường. Điều này phải dựa vào giáo dục, nhất định phải dùng phương pháp dạy học.

 Tôi kiến nghị những vấn đề này, nghĩ đến những vấn đề này cũng đã hai ba mươi năm nay rồi. Tôi thấy một vài quốc gia rất động loạn, không ổn định. Lãnh đạo của họ cũng từng nói chuyện qua với tôi, hy vọng xã hội an định, xã hội phồn vinh. Nhưng khi đưa ra vấn đề, ông ta luôn đem xã hội phồn vinh để lên hàng đầu, đem xã hội an định để lên hàng thứ hai. Đưa ra hai vấn đề này cũng xem là không tệ. Tôi nói với ông ta, xã hội phồn vinh nên đứng hàng thứ hai, an định mới là thứ nhất. Nếu đã an định, thì các xí nghiệp trên toàn thế giới đều muốn đến đầu tư, giúp kinh tế xã hội ngày càng phát triển.

 Vì sao người ta không dám đến? Vì xã hội không an định, nên mọi người không dám đến. Nên xã hội an định đặt ở hàng đầu mới đúng. Nếu đem của cải đặt lên hàng đầu, chắc chắn xã hội sẽ động loạn. Mà còn tạo thành nhiều tệ nạn, cuối cùng không cách nào thu phục được. Giáo dục dạy điều gì? Phải tìm lại giáo huấn của tổ tông, rất lợi ích. Ngạn ngữ xưa có câu, không nghe lời người lớn, thiệt thòi ngay trước mắt. Giáo huấn của thánh hiền, giáo huấn của Chư Phật Bồ Tát, giáo huấn của các bậc thần thánh trong tôn giáo rất hữu ích. Vì thế quốc gia nên có một đội ngũ, nhân số không cần nhiều, năm sáu mươi người là đủ. Bồi dưỡng những vị thầy này. Họ chuyên dạy về luân lý, về đạo đức, về nhân quả, về giáo dục tôn giáo. Mổi ngày trên đài truyền hình. Đài truyền hình chuyên môn dành một hai kênh, phát sống suốt 24 tiếng đồng hồ về vấn đề này. Tôi tin rằng số người nghe sẽ rất đông. Dùng cách này để giáo dục con người trong xã hội, thì một năm xã hội sẽ an định, thiên hạ sẽ thái bình. Kiến nghị này của tôi có đề xuất ở Liên hiệp quốc. Bản nháp này của tôi vẫn còn, trong này đều có. Đáng tiếc không có người thực hành. Trừ phương pháp này ra, thì nghĩ không ra phương pháp nào tốt hơn nữa.

 Suy nghĩ này của chúng tôi là có căn nguyên, không phải tự mình suy nghĩ lung tung. Trong “Lễ Ký . Học Ký” của các bậc thánh hiền có câu:*“Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”.* Tôi thêm vào đó một câu: *“Kiến quốc quân dân, tu thân vi bổn, giáo học vi tiên*”. Chỉ cần năm sáu mươi vị thầy giáo, là có thể cứu được quốc gia, có thể cứu được thế giới. Không phải là việc khó. Mọi người nghe rồi cảm thấy có lý cũng rất thích, nhưng không dám tin tưởng. Điều này thật có thể làm được chăng? Chúng tôi cũng vì vấn đề này mà đã làm thí nghiệm.

 Năm 2006, năm 2007, năm 2008. Ba năm này, chúng tôi chọn tiểu trấn Thang Trì Lô Giang An Huy làm thí nghiệm. Làm đã thành công. Báo cáo rất tường tận ở Liên hiệp quốc. Giáo huấn của người xưa đối với xã hội ngày nay rất hữu ích, vô cùng hữu ích. Một số người đời không tin, nhưng đệ tử Phật tin. Đệ tử Phật học qua giáo dục nhân quả. Thiện nhân được thiện quả, ác nhân bị ác báo, nhân quả báo ứng không sai chút nào. Đây là thật không phải giả.

 Từ xưa đến nay các bậc đại thánh đại hiền trên thế giới, hầu như đều là suốt đời phụng hiến cho việc giáo dục. Thế Tôn và chư Phật Bồ Tát tái sanh, vì chúng ta thị hiện suốt đời làm việc giáo dục. Quý vị thấy cuộc đời Đức Phật, từ 30 tuổi bắt đầu dạy học, đến 79 tuổi niết bàn. Suốt 49 năm không hề gián đoạn ngày nào. Không nghỉ ngày nào, không có. Hàng ngày đều dạy. Học sinh từ khắp nơi đến, không phân biệt quốc gia, không phân biệt chủng tộc, cũng không phân biệt tín ngưỡng, ngài đều không bài xích. Điều này trong kinh điển chúng ta đều nhìn thấy.

 Kinh Địa Tạng mọi người đều đọc rất thông thuộc, Bà la môn nữ là người của Bà la môn giáo. Biến Hành ngoại đạo trong kinh Hoa Nghiêm. Đều là thầy truyền giáo của tôn giáo. Đức Phật không yêu cầu họ sửa đổi tôn giáo, mà chỉ giúp họ giải quyết vấn đề. Nói với họ về chân tướng của nhân sinh vũ trụ, chân tướng của các pháp. Suốt 49 năm thuyết pháp Đức Phật đã nói những gì? Nói vầ chân tướng của nhân sinh vũ trụ. Hiểu rỏ chân tướng thì vấn đề sẽ được giải quyết. Chân tướng chưa thấu triệt, chắc chắn tạo nên nhiều điều phiền phức.

 Ngài Di Đà lấy tam thân để giúp tất cả chúng sanh. Chúng sanh cũng phân làm ba bậc thượng trung và hạ. Nghĩa là thế nào? Đây là phân chia trình độ. Thượng căn, trung căn và hạ căn. Thượng căn thì hiện báo thân. Trung căn, hạ căn thì hiện ứng hoá thân. Hiện thân khắp mọi nơi.

 Dưới đây nói: *“Hựu Phật chi tam thân, thật phi nhất phi tam, nhi tam nhi nhất. Như y tam điểm, bất tung bất hoành, bất tịnh bất biệt, bất khả tư nghì.*

Một là ba, ba là một. Trong cảnh giới này, bản năng của con người đã hoàn toàn hồi phục. Trong kinh đức Phật nói thần thông, xã hội ngày nay gọi nó là công năng đặc biệt. Nhưng không biết rằng công năng đặc biệt này là bản năng của mổi người. Vì sao Đức Phật biết nhiều như vậy? Ba ngàn năm trước ngài đã nói cho chúng ta biết, hiện tượng vật chất cuối cùng là gì. Hiện tượng tinh thần là gì. Hiện tượng tự nhiên là gì. Trong kinh điển của Pháp tướng tông nói đến rất nhiều.

 Trải qua 3000 năm, ngày nay các nhà vật lý học đã chứng minh. Từ trong toán học họ có được thông tin. Máy móc tiên tiến tối cao của khoa học đã đo lường, quan sát và thật sự đã phát hiện. Những gì họ phát hiện hoàn toàn giống như trong Kinh đức Phật nói. Điều này đã chứng minh rằng trong kinh điển đại thừa có khoa học tối cao, có triết học tối cao. Thời Đức Phật không có những máy móc này, cũng không có những toán học cao thâm như vậy. Nhưng làm sao ngài biết được? Đó là bản năng.

 Ngày nay chúng ta xem sao gọi là Phật? Chữ Phật này có ý nghĩa gì? Đây là từ phạn văn phiên dịch ra, là dịch âm. Phật đà da là dịch âm, sau đó mới giải thích thêm. Nó hàm rất nhiều nghĩa. Ngày xưa tìm không ra văn tự thích đáng để sử dụng, nên khi phiên dịch đã tạo ra một chữ. Chữ phất bên cạnh không có chữ nhân, thì chữ này trong chữ Hán có. Vì nó là một người, âm này với âm chữ Phật tương đương, nên tạo ra một chữ mới. Khi phiên dịch kinh Phật tạo ra không ít từ mới. Đem nó phiên dịch thành trí tuệ, giác ngộ. Như vậy Phật có nghĩa là gì? Là người có trí tuệ viên mãn. Là người biết rỏ ràng tất cả pháp trong vũ trụ. Ngài là giác mà không mê. Là bậc đại trí tuệ, bậc đại giác ngộ. Nên điện Phật nơi để chúng ta lễ bái gọi là đại hùng bảo điện, cũng gọi là đại giác điện\_Đại giác.

 Đức Phật dạy, mổi chúng sanh đều có đại trí đại giác. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Trí tuệ, năng lực của chúng ta. Đức là năng lực. Tướng hảo của chúng ta là bình đẳng, không hề khác biệt với tất cả chư Phật Như Lai. Hiên nay tại sao lại trở thành như vậy? Một câu nói đã nói lên tất cả ý nghĩa, vì dùng vọng tưởng phân biệt mà không thể chứng đắc. Trong kinh Hoa Nghiêm đã nói như vậy. Chúng ta ngày nay có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nên trí tuệ và năng lực đều mất hết. Nói cách khác, nếu chúng ta buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì năng lực chẳng phải đã phục hồi rồi ư? Vấn đề không phải đã giải quyết rồi sao? Nên tu hành trong Phật pháp không có gì khác, ngoài việc nhìn thấu và buông bỏ. Nhìn thấu là trí tuệ, buông bỏ là công phu. Buông bỏ chính là tu hành. Kinh điển đại thừa nói, buông bỏ chấp trước đối với tất cả pháp thế và xuất thế gian, thì sẽ chứng quả A la hán. Buông bỏ phân biệt, phân biệt là trần sa phiền não. Chấp trước là kiến tư phiền não. Buông bỏ chấp trước chúng ta là Bồ Tát. Buông bỏ vọng tưởng, vọng tưởng là vô thỉ vô minh, như vậy chúng ta sẽ thành Phật.

 Trong Phật pháp tu tập có tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Nhưng chỉ có một nguyên tắc duy nhất là buông bỏ. Ngày nay chúng ta bị điều gì giữ chặt? Chính là không buông bỏ được. Không buông bỏ được thì trên đường đạo từng bước khó đi. Nếu có thể buông bỏ chấp trước, kiến tư phiền não đã đoạn. Quí vị mở cuốn kinh này ra xem, từng chữ từng câu đều rất thấu triệt. Không cần học, mà tự nhiên thông đạt. Là bản năng đấy, ta vốn có trí tuệ mà. Trí tuệ của ta tuy chưa hiển lộ, chỉ hiển lộ được một ít. Vì ba loại phiền não ta mới đoạn môt loại. Nếu có thể đoạn trần sa phiền não, không còn phân biệt thì năng lực trí tuệ nâng cao. Những gì ta hiểu được còn nhiều hơn a la hán, A la hán không bằng ta. Cuối cùng nếu có thể phá trừ vô minh, không khởi tâm không động niệm. Ta xem kinh này từng câu từng chữ có vô lượng vô biên nghĩa lý. Có cần người giải thích chăng? Không cần.

 Ngài Huệ Năng đã chứng minh điều này cho chúng ta. Lục tổ của Thiền tông thời nhà Đường, không biết chữ, chưa từng đi học, cũng chưa từng nghe kinh. Đến Hoàng Mai ở tám tháng, chưa một lần đến giảng đường, chưa một lần đến thiền đường. Suốt tám tháng đều ở dưới bếp để giả gạo bửa củi, bây giờ gọi là làm công quả. Nữa đêm canh ba Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn truyền pháp cho ngài, giảng cho ngài nghe đại ý Kinh Kim Cang. Tôi nghĩ thời lượng nhiều nhất khoảng hai tiếng đồng hồ. Suốt một đời ngài chỉ nghe kinh hai tiếng mà đã khai ngộ. Vì sao khai ngộ? Ngài buông bỏ, quả thật đáng nể. Trong một chốc ngài đã buông bỏ kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Đốn xã, đốn ngộ, đốn siêu, ngài đã thành Phật. Quý vị xem sau khi buông bỏ, ngài không biết chữ, nhưng đem tất cả kinh tạng đọc cho ngài nghe, ngài đều có thể giảng cho ta nghe. Nghe ngài giảng sẽ thấy ngài đã thật sự đã khai ngộ. Nghe người khai ngộ nói ta cũng dễ khai ngộ. Người chưa khai ngộ nói, làm sao ta khai ngộ được?

 Điều này khiến chúng ta nghĩ đến, vì sao chư Phật Như Lai lại sáng suốt như vậy. Đối với những điều bí mật trong vũ trụ, các ngài đều hiểu rỏ ràng như vậy. Là do bản năng của tự tánh chư không phải học từ bên ngoài. Vấn đề là chỉ cần buông bỏ tập khí phiền não, thì trí tuệ đức năng tướng hảo trong tự tánh đều phục hồi được hết. Đây gọi là thành Phật. Buông bỏ chính là tu hành, nhìn thấu chính là trí tuệ chân thật. Ngày nay chúng ta vì sao không buông bỏ được? Nhìn chưa thấu triệt. Vì sao nhìn không thấu triệt? Vì chưa buông bỏ. Nhìn thấu và buông bỏ là hổ tương để thành tựu. Nhìn thấu giúp ta buông bỏ, buông bỏ lại giúp ta nhìn thấu. Từ sơ phát tâm đến Như Lai địa đều là phương pháp này. Bất luận pháp môn nào, nguyên lý nguyên tắc chính là buông bỏ và nhìn thấu. Nếu trái ngược với nguyên lý nguyên tắc này là sai, học gì cũng không thể thành tựu.

 Khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư đã dạy cho tôi phương pháp này. Lúc đó tôi lý giải chưa được thấu triệt. Thầy nhắc nhở tôi, biết được bao nhiêu thì buông xả bấy nhiêu. Buông xả giúp ta tiến bộ, khiến ta biết được càng nhiều. Không ngừng nhìn thấu, không ngừng buông xả. Sáu mươi năm tu hành của tôi đã chứng minh lời thầy nói không sai chút nào.

 Hôm nay ngày 4 tháng 3 là ngày huý của Chương Gia đại sư. Lúc ngài vãng sanh nhằm ngày 4 tháng 3. Hơn 50 năm, ngài vãng sanh hơn 50 năm rồi. Tôi theo đại sư ba năm. Năm đó tôi 26, 27, 28 tuổi theo đại sư. Tôi được 29 tuổi thì đại sư vãng sanh.

 Đoạn kinh này là nói về năng lực của Đức Phật. Ở đây hình như có chút thần thoại, nhưng nó không phải là thần thoại. Loại công năng đặc biệt này mổi người đều có. Chỉ là ta bây giờ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên năng lực này mất đi. Mất là tạn thời mất đi, khi nào ta có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì năng lực này lập tức trở lại. Đây chính là sáu loại thần thông mà trong đạo Phật nói. Thông là thông đạt vô ngại. Thần là thần kỳ, là không thể nghĩ bàn. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật dạy, mắt của chúng ta có thể thấy toàn thể vũ trụ.

 Ngày nay giới khoa học, là các nhà vật lý học đều đi đến hai cực đoan. Một là nghiên cứu hồng quan vũ trụ. Một cái thì ngược lại, nghiên cứu lượng tử lực học của vi quan thế giới. Đều có thành tựu huy hoàng, đã chứng minh những điều trong kinh Phật nói. Đức Phật không cần máy móc, ngài trực tiếp nhìn thấy. Đức Phật tượng trưng cho chúng ta. Nếu chúng ta buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì chúng ta cũng giống như Phật. Chúng ta nhìn ra xa cũng có thể nhìn thấy vũ trụ, toàn thể vũ trụ đều nhìn thấy. Nhìn vào trong vi trần, có thể thấy được lượng tử lực học, nhìn thấy lượng tử. Có thể nhìn thấy vật chất hình thành ra sao, tinh thần biến hiện như thế nào. Ta nhìn thấy hết, còn rõ rằng minh bạch hơn những gì giới khoa học nói.

 Thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu kinh Phật cho tôi, nói với tôi triết học trong kinh Phật là đĩnh cao của triết học trên toàn thế giới. Tôi học triết học với thầy nhưng rồi đã đến với Phật pháp, không phải đến từ mê tín.

 Ngày nay chúng ta đều biết, kinh điển của đại thừa chẳng những là đỉnh cao của triết học, đồng thời còn là đĩnh cao của khoa học. Những phát hiện mới nhất của các nhà khoa học thời cận đại, đều trong kinh điển đại thừa. Chúng ta thấy rồi đều sanh tâm hoan hỷ. Xu thế này khiến chúng ta có thể khẳng định, hai ba mươi năm sau, Phật giáo ở thế gian này được khoa học khẳng định, nó là khoa học tối cao và triết học tối cao. Có thể đến lúc đó, con người sẽ không xem Phật giáo là tôn giáo nữa. Nó có thể thoát ly tôn giáo.

 Bản năng có thể tuỳ ý hoá thân, có thể biến hoá vô cùng, vượt ra ngoài thời gian và không gian. *“Hựu hoá thân hữu nhị”,* có hai loại hoá thân. *“Tức thị hiện bát tướng thành đạo chi thân”.* Đây là loại thứ nhất. Tướng này là Đức Thế Tôn thị hiện khi tại thế. Loại thứ hai là *“ứng hiện hoá thân”.* Không nhất định. *“Ứng chúng sanh cơ nhi hiện thắng ứng hoặc liệt ứng chi thân”*. Đây đều là thật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong tám tông của đại thừa ở Trung quốc, lịch đại chư vị tổ sư đều là Chư Phật hoá thân đến. Ứng hoá đến, Bồ Tát ứng hoá đến, A la hán ứng hoá đến. Đặc biệt là tham dự công việc phiên dịch. Nên Kinh Phật ở Trung Quốc sao lại dich hay đến như vậy?

 Giáo sư Phương Đông Mỹ nói với tôi. Lúc mới học tôi cũng hoài nghi, nhưng tôi hoài nghi có lý do. Chúng ta tuỳ tiện cầm một bài văn cổ, bài văn này không dài, ý nghĩa chúng ta đều có thể hiểu. Chúng ta nhờ hai ba người phiên dịch, dịch thành văn bạch thoại lại không giống nhau. Kinh Phật dịch thành chữ Hán cũng giống như tình trạng này. Quý vị xem, Kinh Vô Lượng Thọ từ thời nhà Hán đến nhà Tống là 800 năm, phiên dịch 12 lần. Kinh Vô Lượng Thọ có 12 bản dịch. Nhưng đáng tiếc trong đó có 7 bản thất truyền không tìm thấy, chỉ lưu lại năm bản. Hiện nay trong Đại Tạng Kinh chỉ thu thập được năm bản, nhưng năm bản kinh Vô Lượng Thọ không giống nhau.

 Nếu là một bản, ví dụ như kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang hiện nay trong Đại Tạng Kinh cất giữ được sáu bản không giống nhau. Quý vị xem, có chổ giống có chổ không giống nhưng ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Văn tự ngôn ngữ không tương đồng. Nhưng bộ kinh này rất kỳ lạ. Trong bộ kinh này phần quan trọng nhất chính là 48 nguyện của Phật A Di Đà. Trong năm bản dịch này có hai bản nói đến 48 nguyện, hai bản nói đến 24 nguyện, và một bản nói đến 36 nguyện. Đây là điều không thể phát sinh sai lầm. Tại sao lại có sai biệt lớn như vậy? Nên các bậc cổ đức phán đoán, Đức Thế Tôn lúc còn tại thế giảng kinh Vô Lượng Thọ ít nhất phải ba lần. Ngài A Nan kết tập kinh điển hoàn toàn y theo những gì Đức Phật thuyết. Nên Kinh Vô Lượng Thọ có ít nhất ba bản bất đồng, còn bảy loại thất truyền thì không biết. Nếu bảy loại thất truyền đều tìm được, có thể còn có sự bất đồng. Chứng minh bộ kinh này khi Thế Tôn còn tại thế tuyên giảng nhiều lần. Như vậy là sao? Nói lên rằng bộ kinh này rất quan trọng.

 Lúc Đức Phật còn tại thế giảng kinh chỉ giảng một lần, không giảng lần thứ hai. Duy nhất bộ kinh này xuất hiện hiện tượng này, vì nó đặc biệt. Nên đối với vấn đề phiên dịch tôi có hoài nghi. Thầy Phương nói với tôi. Ở Trung quốc phiên dịch kinh có tổ chức rất lớn, như dịch trường của Ngài Cưu Ma La Thập, toàn bộ nhân viên làm việc hơn 400 người. Dịch trường của Ngài Huyền Trang có 600 người. Những người có đức hạnh, có tu dưỡng, các vị cao tăng trong nước thời nhà Đường, đều vào dịch trường để tham gia công tác này. Thầy Lý nói với tôi, trong đây thật sự có Phật, có Bồ Tát, có A la hán. Những bậc thánh giả này địa vị thấp nhất là tam quả A na hàm. Nên thầy Phương Đông Mỹ nói, lúc thầy hơn 40 tuổi, là lúc tôi học với thầy. Hoàn toàn dùng con mắt triết học để nhìn Phật giáo, nhưng thầy rất khâm phục cách phiên dịch của người Trung quốc. Chẳng những ý không dịch sai, mà khi dịch thành văn tự còn trau chuốt hơn cả nguyên văn tiếng phạn. Điều này chính là nói, kinh Phật bằng chữ Hán có thể thay tiếng phạn, không còn cần dùng phạn văn nữa, rất khí khái! Không như người Trung quốc hiện nay, cái gì cũng đồ ngoại tốt. Đó là người Trung quốc tự phụ.

 Cho nên một số lớn kinh điển phạn văn ở Trung quốc đã thất truyền. Tôi cảm thấy việc này rất kỳ lạ. Tại sao không bảo tồn nó mà để nó thất truyền? Thầy nói tôi không hiểu người xưa. Chúng ta phiên dịch có thể thay thế nó, còn tốt hơn. Ý không sai, văn tự còn trau chuốt hơn . Nói cách khác, không cần dùng Phạn văn. Tôi từng đem cách nhìn của thầy Phương nói với thầy Lý. Thầy Lý gật đầu, ông nói thầy Phương không biết trong dịch trường có Bồ Tát tái sanh, có Phật tái sanh, có A la hán tái sanh. Điều này chứng tỏ người xưa có phước, người ngoại quốc không có phước. Vì sao? Không phải Phật thiên vị người Trung quốc. Vì người Trung quốc có hiếu để trung tín, có lễ nghĩa liêm sĩ. Đây là do đức hạnh chiêu cảm nên, người ngoại quốc không có đức hạnh này. Chư Phật Bồ Tát không có thiên vị, không có tâm riêng tư.

 Ấn Quang đại sư nói, đối với việc học Phật là dựa vào tâm thành kính, chân thành, cung kính. Có một phần chân thành cung kính, đạt được một phần lợi ích. Có mười phần chân thành cung kính sẽ đạt được mười phần lợi ích. Điều này không sai chút nào. Chúng ta cùng học một bộ kinh, cùng đọc một bộ kinh. Có người học rất tốt, nhưng có người thành tích rất tệ. Thử tỷ mỷ quan sát xem nguyên nhân ở đâu? Người thành tích tốt là nhờ cung kính chân thành. Người thành tích không tốt họ rất tuỳ tiện, thành kính của họ rất nhạt nhẻo. Thật sự có thể nhìn thấy được, chứng minh lời của Ấn Quang đại sư nói không sai. Nên chúng ta có thể khẳng định, học thuật của thế và xuất thế gian đều phải dựa vào hai chữ này. Nếu có mười phần thành kính, như vậy rất tốt nhất định mổi ngành đều xuất trạng nguyên, không có cái gì học không tốt.

 Người thiếu tâm thành kính, dù cho chư Phật Bồ Tát dạy, hay thánh nhân dạy cũng không dạy được. Vì sao? Vì ta không thể tiếp thu. Thành kính có thể tiếp nhận. Thật sự có thể hấp thụ, mới thật sự có thể đạt được dinh dưỡng phong phú của nó. Câu nói này của Ấn Quang đại sư ở trong “Văn Sớ”, lặp đi lặp lại rất nhiều lần, nên để lại cho chúng ta ấn tượng rất sâu sắc. Từ đó cho thấy, học hành không phải ở chỗ thầy giáo. Mặc dù thầy giáo không tài giỏi, nhưng tự mình có tâm chân thành thì thành tựu chắc chắn vượt qua thầy. Toàn bộ là do cá nhân của mổi người. Đây là sự thật.

 Thầy giáo giỏi dạy một đời, nhưng người thật sự có thể nối nghiệp thầy giáo thì không được mấy người. Nguyên nhân gì? Chính là xem học trò có tinh thần kính trọng nghề này không. Người bây giờ gọi tinh thần kính trọng nghề nghiệp, chính là thành kính mà Ấn Quang đại sư nói. Có hay không có mười phần thành kính. Nên Phật Bồ Tát ứng thân là tuỳ theo tâm của chúng sanh, tự nhiên mà có các ứng hoá bất đồng.

 Bên dưới nói đến hai loại*. “Phật giới hoá thân, hiện Phật giới chi thân”.* Đây là nói về cỏi thật báo. Chỉ có chư Phật Như Lai trong thường tịch quang mới ứng hoá ở cỏi báo. Đây là “Phật giới hoá thân”. Dưới cỏi phương tiện chính là trong mười pháp giới, đó là*“tuỳ loại hoá thân, tuỳ cửu giới chi loại nhi hiện kỳ thân”*. Thật ra trong chín giới, Phật cũng xem là Bồ Tát. Vì sao? Vì họ chưa kiến tánh. Phật trong mười pháp giới chưa kiến tánh, chưa phá vô minh. Cũng chính là nói kiến tư trần sa phiền não đã đoạn. Chẳng những đoạn, mà đến tập khí phiền não cũng đoạn hết, chỉ kém một chút là vô minh chưa phá. Phá được vô minh, họ thật sự là Phật. Vô minh chưa phá, Thiên Thai đại sư gọi họ là tương tợ tức Phật. Giống như Phật, nhưng không phải chân Phật, nên họ thuộc về Bồ Tát.

 Trong Phật pháp gọi là cửu giới, thập giới, ý nghĩa thông suốt hơn. Trong mười pháp giới tuỳ loại hiện thân. Đây là loại thứ hai.

 *“Di Đà Yếu Giải vân, kim vân A Di Đà Phật, chánh chỉ đồng cư độ trung thị sanh hoá Phật, nhưng phục tức báo tức pháp dã”.*

 Đây chỉ rỏ “Yếu Giải” do Ngẫu Ích Đại Sư viết. Lời Ngẫu Ích đại sư nói là chính xác. Trong kinh Di Đà nói Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là thân gì? Trong cỏi đồng cư nhìn thấy Phật A Di Đà “thị sanh hoá thân”. Giống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ở Ấn Độ 3000 năm trước. Chúng ta cũng gọi ngài là ứng thân, có bát tướng thành đạo. Trú thai, xuất thai, lớn lên theo năm tháng rồi đến trường đi học. Sau đó rời xa gia đình ra bên ngoài cầu học. Như Không Phu Tử đi chu du các nươc, nhưng mục đích không giống nhau. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi chu du các nước là để cầu học. Nên tất cả các tôn giáo của xã hội Ấn Độ đương thời ngài đều học qua.

 Trong kinh giảng về tứ thiền bát định là ngài học với Bà la môn. Ngoài tôn giáo ra, tất cả các học phái của Ấn Độ ngài cũng đều học hết. Ngài học suốt 12 năm như vậy, thật là quảng học đa văn. Khoảng đến năm 30 tuổi, biết được những học giả chuyên gia ngài đều đã gặp, muốn tìm nữa cũng không còn ai, nhưng vấn đề vẫn chưa được giải quyết. Dùng cách nói bây giờ để hình dung về Đức Thế Tôn thì ngài là người trẻ tuổi, thông minh, hiếu học. Tu tập đạt được tứ thiền bát định, đối với các việc trong lục đạo đều rất rỏ ràng. Trên đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, dưới đến địa ngục A Tỳ, tất cả đều nhận biết được. Tận mắt nhìn thấy, tận tai nghe thấy, đều nhận biết được hết. Lục đạo từ đâu mà có, vì sao có lục đạo, ngoai lục đạo ra còn thế giới nào khác chăng? Những vấn đề này các tôn giáo đương thời không thể giải đáp, các học phái Ấn Độ cũng không cách nào giải đáp được.

 Nên Đức Thế Tôn đã biểu diễn cho chúng ta thấy, ngài ngồi dưới cội bồ đề và buông bỏ hết sở học của mười hai năm đó. Vì sao? Không buông bỏ đó gọi là sở tri chướng, sẽ chướng ngại chúng ta được định, chướng ngại ta khai ngộ. 19 tuổi ngài rời xa gia đình là buồn bỏ phiền não chướng, cũng chính là ngài đã buông bỏ kiến tư phiền não. Năm 30 tuổi ngài buông bỏ trần sa phiền não. Nói cách khác, cuối cùng ngài buông bỏ được vô minh phiền não và nhập vào cảnh giới thiền định sâu hơn. Nhập vào tự tánh bản định, đây là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đến đây là đã thành Phật, đạt được cứu cánh viên mãn.

 Nhưng thật sự đáng nể, thì Lục Tổ Huệ Năng thị hiện còn đáng nể hơn. Đức Thế Tôn buông bỏ ba giai đoạn chúng ta đều biết và có thể thấy. Còn ngài Huệ Năng đồng thời buông bỏ gọi là đốn xả, đốn siêu, đốn ngộ. Điều này nói lên rằng phàm phu thành Phật không khó. Khó chỗ nào? Khó ở chổ khó phân ly khó xả bỏ. Thân tình khó phân ly, danh văn lợi dưỡng của thế gian khó xả bỏ. Khó là khó ở chổ này. Nếu chúng ta nhìn thấu suốt, thì tất cả đều là giả không phải thật!

 Trong Kinh Kim Cang nói rất hay, “Nhất thiêt hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Nhất thiết hữu vi pháp, hữu vi pháp chính là pháp có sanh có diệt, nó như mộng huyễn như bọt nước. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Nói cho ta biết ba tâm bất khả đắc, đến hiện tượng tinh thần cũng không có. Thật sự nhìn thấu suốt, nên đã thật sự buông bỏ. Ngài Huệ Năng quá tuyệt vời, ngài đã thật sự nhìn thấu suốt nên ngài đã thật sự buông bỏ. Chỉ nghe mấy câu kinh ngài liền đại triệt đại ngộ, y bát của Ngũ Tổ hoằng Nhẫn liền truyền cho ngài. Năm đó ngài mới 24 tuổi, Đức Thế Tôn thị hiện thành Phật năm 30 tuổi. Đây đều là hiện thân thuyết pháp. Đây là chứng chuyển trong tam chuyển pháp luân mà trong giáo lý thường đề cập đến, đã chứng minh cho chúng ta thấy.

 Trong Kinh Di Đà nói đến vãng sanh. Nếu một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày. Điều này Doanh Khả pháp sư đời nhà Tống đã chứng minh cho chúng ta, ngài chỉ niệm Phật ba ngày. Ba ngày ba đêm niệm Phật A Di Đà. Phật A Di Đà nói với pháp sư: ngươi còn mười năm thọ mạng, đợi khi thọ mạng đến ta sẽ tiếp dẫn ngươi. Doanh Khả pháp sư nói với ngài: Con không cần, cn không cần mười năm thọ mạng đó, bây giờ con muốn đi. Phật A Di Đà nhận lời. Được! Ba ngày sau ta đến tiếp dẫn ngươi. Ba ngày sau pháp sư thật sự vãng sanh, không hề bị bệnh. Điều này nói rỏ niệm Phật từ một ngày đến bảy ngày thật sự được vãng sanh, đây là thật không phải giả. Vấn đề là ta có thật sự tin hay không. Có thật sự muốn vãng sanh thế giới Cực lạc không. Ở thế gian này không có chút lưu luyến nào. Ý niệm này có thể cảm ứng Phật A Di Đà.

 Ta muốn vãng sanh tại sao Phật A Di Đà không đến? Vì đối với thế gian này ta còn lưu luyến. Đức Phật rất từ bi, theo nguyện vọng của chúng ta nên ngài không đến. Thật sự không còn ý niệm lưu luyến nào nữa, ngài liền đến ngay. Chẳng những có kinh văn, mà còn có những điển hình thực tế có thể chứng minh. Chúng ta thực sự hiểu rỏ, đã tỉnh không còn mê hoặc. Một lòng xưng niệm Phật A Di Đà, chỉ cần bộ kinh này và một câu danh hiệu, nhất định trong một đời này thành Phật viên mãn. Buông bỏ phiền não chướng, buông bỏ sở tri chướng. Hai loại chướng ngại này không còn nữa, thì kiến tánh không khó.

 Trong kinh xưng là Phật A Di Đà. Trong Kinh Di Đà và bộ kinh này đều như nhau. Tuy chỉ thị hiện hoá thân trong cỏi đồng cư. Thân này chính là báo thân, chính là pháp thân. Một mà ba, ba mà một “*Vị kim kinh trung”.* Bây giờ trong kinh nói *“chánh tại thuyết pháp chi Phật, thị chỉ đồng cư độ trung thị sanh hoá thân Phật. Đồng thời tức thị báo thân Phật dữ pháp thân Phật, thữ ngữ tinh diệu”.* Những lời nói này của Ngẫu Ích đại sư quá tuyệt diệu. Một thân tức là ba thân, chúng ta sẽ biết một cỏi tức là ba cỏi.

 Trung Phong quốc sư người thời nhà Nguyên, ngài biên tập cuốn “Tam Thời Hệ Niệm”. Lời khai thị cũng do ngài viết, khai thị rất tinh diệu. Trong đó có câu: “Tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta.. Tịnh độ là nơi này, nơi này là tịnh độ”. Không phải cũng chính là ý này sao? *“Nhất thân tức thị tam thân, nhất độ tức thị tứ độ, vô nhị vô biệt”.* Đây là thật không phải giả. Do phàm phu chúng ta nên không nhận ra mà thôi. Chúng ta chỉ biết ứng hoá thân, mà không biết báo thân, không biết pháp thân. Nếu là pháp thân thì đó chính là pháp thân Phật. Chính là Tỳ Lô Giá Na, là Phật A Di Đà.

 *“Viên Trung Sao vân, tuỳ độ cảm kiến, tam thân hữu dị. Tuỳ cơ cảm kiến, tứ độ bất động”.* Viên Trung Sao do U Khê Đại sư trước tác, là một trong ba loại trước tác nổi tiếng về kinh A Di Đà. Lịch đại tổ sư đều công nhận là những cuốn hay nhất. “Sớ Sao”của Liên Trì Đại sư. “Yếu Giải” của Ngẫu Ích đại sư. “Viên Trung Sao” của U Khê đại sư. Người thật sự học kinh Di Đà thì đây là những bộ kinh cần phải học. Tuỳ độ cảm kiến là tam thân không giống nhau. Thấy báo thân Phật trong cỏi báo. Thấy pháp thân Phật trong cỏi thường tịch quang. Thấy ứng thân Phật trong mười pháp giới y chánh trang nghiêm, có sai khác.

 Tuỳ cơ cảm kiến là tuỳ chúng sanh, còn phàm phu chúng ta thì sao? Kiến giải của phàm phu về tứ độ không giống nhau. Cỏi thường tịch quang không phải là cỏi thật báo. Cỏi thật báo không phải là cỏi phương tiện. Cỏi phương tiện không phải là cỏi đồng cư. Gọi là tri kiến phàm phu. *“Thị cố nhược ư đồng cư”,* Vãng sanh vào trong cỏi đồng cư. *“Đản kiến đồng cư bổn độ giả. Tắc thuyết pháp chi Phật, chỉ thị thị sanh hoá thân Phật”.* Nếu thấy cỏi thật báo, chúng ta sẽ thấy báo thân Phật. Nếu thấy thường tịch quang, sẽ nhìn thấy pháp thân. Trên thực tế *“Phật chi tam thân thí như ma ni bảo châu. Châu thể, châu quang, châu ảnh”*. Đây là đem những thứ này làm ví dụ. Châu thể là ví dụ cho pháp thân, ánh sáng của châu ví cho báo thân, ảnh của châu ví như ứng hoá thân. *“Tam giả bất tương xã ly”.* Một tức là ba, ba tức là một.

 Thật sự hiểu được điều này thị tâm chân thành cung kính tự nhiên được sanh khởi. Tâm không có phân biệt, không có chấp trước. Chân tâm sẽ thấy thật tướng. Từ một thân mà nhìn ba thân, ba thân viên mãn. Từ nhất độ nhìn tứ độ, tứ độ đều viên mãn. Từ đó cho thấy, tất cả những tướng sai biệt đều từ tâm phân biệt của chúng ta mà sanh ra. Các loại thân bất đồng đều từ tâm chấp trước của chúng ta sanh có. Nên khi xa rời vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì biến pháp giới hư không giới là một thể. Do đó chúng ta hiểu được, cảnh giới bên ngoài thật ra không có gì cả. Tất cả mọi vấn đề đều sinh ra từ bản thân chúng ta. Hoàn toàn là A lại da làm những việc trái ngược này.

 A lại da là năng biến. Tứ độ là A lại da biến ra. Tam thân là do A lại da biến. A lại da là năng biến, mười pháp giới y chánh trang nghiêm là sở biến. Trong cỏi thật báo không cần A lại da, nên chúng ta đối với cỏi báo gọi là nhất chân pháp giới. Chỉ có nó là thật, ngoài ra đều là giả. Vì sao? Pháp thân Bồ Tát trong cỏi báo đều đoạn tận tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Cũng chính là nói kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não đều đã đoạn sạch. Cảnh giới của họ toàn là hiện lượng cảnh giới của tự tánh thanh tịnh tâm.

 Ba thân pháp thân, báo thân, ứng hóa thân cũng như vậy. Hoàn toàn giống với ví dụ mà chúng tôi vừa mới nói. Châu thể là ví dụ cho pháp thân. Châu quang là ví với báo thân. Châu ảnh ví với ứng hoá thân. *“Đồng cư hoành cụ thượng tam độ, diệc thị thử nghĩa”.* Thực tế mà nói cỏi đồng cư, ngày nay chúng ta là cỏi đồng cư, là cỏi phàm thánh đồng cư của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nếu chúng ta hỏi cỏi đồng cư này có đủ thượng tam độ chăng? Quý vị nghĩ xem đầy đủ hay không? Đương nhiên là đầy đủ. Vì sao? Không đầy đủ thì từ đâu mà có y chánh trang nghiêm?

 Trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư nói rất rỏ *“y nhất thể, khởi nhị dụng”*. Nhất thể tức là thường tịch quang. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể chính là thường tịch quang. Chính là pháp thân, pháp tánh thân, pháp tánh độ. Thân và độ không phải hai, thân và độ không phân khai được. Vì sao? Vì nó không có hiện tướng. Pháp thân vô tướng, cỏi pháp tánh đương nhiên cũng vô tướng. Giống như câu thứ ba khi ngài Huệ Năng kiến tánh đã nói ra: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Nó không thiếu bất cứ thứ gì, nhưng nó không hiện tượng. Không hiện tượng vật chất, không hiện tượng tinh thần, cũng không hiện tượng tự nhiên. Nhất định phải gặp được duyên thì tướng này mới biến hiện ra, nên nó có thể hiện có thể sanh.

 Câu sau cùng ngài Huệ Năng nói “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Có thể sanh này là chỉ điều gì? Là trực tiếp chỉ cỏi thật báo trang nghiêm. Đương nhiên cũng bao gồm mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Không thoát ly được! Rời thường tịch quang, rời cỏi thật báo thì không thể có A lại da. Vọng tâm là nương vào chân tâm mà biến hiện ra, nên vọng không rời chân. Nó như bóng người dưới ánh mặt trời vậy. Bóng đó có thể rời được thân ư? Không có thân thì bóng cũng không có. Bóng có thì thân đương nhiên cũng có. Điều này nói rỏ, cõi của chúng ta ngày nay đầy đủ tứ độ. Thân bây giờ của chúng ta, tức là thân của chính mình cũng đầy đủ tam thân.

 Thân hiện tại của chúng ta rất tệ, gọi là thân nghiệp báo. Thiện ác nghiệp, tạo thiện nghiệp thì thọ sanh vào trong tam thiện đạo. Tạo ác nghiệp thì thọ sanh vào trong tam ác đạo. Đây là thân nghiệp báo, là nghiệp báo trong lục đạo, mà còn là nhiễm ô nghiệp. Thiện ác đều là nhiễm ô nghiệp, tứ thánh pháp giới là tịnh nghiệp, không giống nhau. Chân tướng sự thật chẳng thể không hiểu rỏ ràng.

 *“Biểu thượng tam độ diệc tức tại đồng cư, cố vãng sanh Cực Lạc đồng cư, công đức thù thắng, bất khả tư nghì”.* Chúng ta sanh ở cỏi đồng cư của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đối với hoàn cảnh cư trú rất mơ hồ, mê hoặc điên đảo. Nếu sanh vào cỏi phàm thánh đồng cư của Phật A Di Đà thì sẽ rỏ ràng thấu suốt. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh vãng sanh. Tâm tịnh tức quốc độ tịnh. Không phải tâm thanh tịnh thì không thể sanh về tịnh độ. Đây là điều kiện cơ bản. Đới nghiệp vãng sanh, vãng sanh đến niệm cuối cùng là niệm thanh tịnh. Niệm đó không thanh tịnh thì không thể vãng sanh, nên quan trọng nhất chính là niệm sau cùng. Niệm này quan trọng, liên quan đến đời sau của chúng ta. Nên con người sống ở đời phải nuôi dưỡng thiện tâm, tâm thiện lương. Đến lúc đi nhất định đi đến chổ tốt.

 Nếu có tham tâm, tham tâm thì đi vào đường ngạ quỷ. Có tâm sân hận. Sân hận, oán hận, bất bình thì đi đến địa ngục. Ngu si, hồ đồ cái gì cũng không hiểu thì đi vào đường súc sanh. Niệm cuối cùng liên quan đến chúng ta đi vào con đường nào. Đây là nói *“nghiệp lực cường giả tiên khiên*”. Nếu nghiệp lực mạnh thì nó dẫn dắt chúng ta đến con đường nào đó đi đầu thai. Điều này quan trọng hơn bất cứ điều gì. Tất cả đều do hàng ngày nuôi dưỡng thành thói quen, nên khi đi sẽ nắm chắc mình đi về đâu. Bây giờ quan trọng nhất là chúng ta nên nuôi dưỡng thói quen là niệm Phật A Di Đà. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, đến phút giây lâm chung, nhất định Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn.

 Nên cần đọc nhuần nhuyễn kinh Vô Lượng Thọ, nghe nhiều kinh Vô Lượng Thọ, siêng năng niệm Phật A Di Đà. Những chuyện rắc rối lôi thôi đừng bận tâm, phải triệt để buông bỏ.

Hết giờ rồi hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 316**

**Cắt bỏ từ phút thứ 13:35 đến 15:33**

# Tập 317

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên Tập: Bình Minh

Thời gian: ngày 05 tháng 03 năm 2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 372, bắt đầu xem từ trang thứ 6.

 *“Hựu A Di Đà Phật tức thị Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Như Di Đà Sớ Sao viết, trí giác vân, tổng trì giáo trung thuyết tam thập thất Phật, giai Tỳ Lô Giá Na nhất Phật sở hiện. Vị Giá Na nội tâm, chứng tự thọ dụng, thành ư ngũ trí. Tự đương trung ương pháp giới thanh tịnh trí. Thứ tùng tứ trí, lưu xuất tứ phương tứ Như Lai. Kỳ diệu quan sát trí, lưu xuất tây phương Cực Lạc thế giới, vô lượng thọ Như Lai. Tắc nhất Phật nhi song nhị độ dã. Nhân Di Đà tức Tỳ Lô, cố vân nhất Phật. Độ giả tịnh Phật quốc độ. Nhị độ giả, Hoa Tạng dữ Cực Lạc. Song giả kiêm dã, nghĩa vi kiêm lĩnh. Cái vị nhất Phật kiêm lĩnh lưỡng tịnh độ dã”.*

 Những điều này đều đứng về mặt hiện tượng mà nói. Tánh không sai biệt, nhưng tướng có sai biệt. Chư Phật Bồ tát, chư vi Tổ sư đều là pháp thân đại sĩ thân chứng pháp thân. Các ngài đều đã trở về tự tánh, cũng chính là tự tánh thanh tịnh viên minh thể mà Hiền Thủ quốc sư nói. Về mặt tánh mà nói là một không phải hai, từ về tướng nói thì hai không phải một. Một tức là nhiều, nhiều tức là một. Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chân tướng sẽ rỏ ràng. Đây mới thật là tín tâm hiện tiền.

 Hôm nay ngày 05 tháng 03, là ngày kỷ niệm tròn 40 năm của cư sỹ Hàn. Cô ấy vãng sanh ngày 05. 03.1997. Mười ba năm trước, mổi năm vào ngày này. Các vị đồng học Tịnh độ trên toàn thế giới đều đến Đồ Văn Ba để dự lễ kỷ niệm này. Hôm nay vì học viện thành lập tròn mười năm, chúng ta đem ngày kỷ niệm này và ngày tròn 10 năm thành lập của học viện hợp lại tổ chức, nên kéo dài đến tháng mười. Hôm qua có nói với quý vị, ngày 04 tháng 03 là kỷ niệm 54 năm Chương Gia Đại Sư viên tịch. Ngài vãng sanh ngày 04.03.1957. Còn 13.07.1977 là ngày mất của thầy Phương Đông Mỹ, tròn 34 năm. Ngày 13.04.1986 Thầy Lý vãng sanh, tròn 25 năm. Bốn vị này là thành tựu cho sự truyền thừa Tịnh độ tông của chúng ta ngà nay. Trong bốn người này thiếu một cũng không được.

 Nói cách khác, không có bốn vị này sẽ không có ngày hôm nay để chúng ta tụ hội tổ chức hoạt động này. Giáo thọ Phương Đông Mỹ dẫn dắt tôi vào cửa Phật, đây là điều ngoài dự định. Vì lúc đó tôi không tin Phật giáo, thầy Phương cũng không tin Phật giáo. Thầy Phương là giáo thọ triết học, một nhà đại triết học nổi tiếng. Tôi học triết học với thầy Phương. Thầy đặc biệt dạy tôi một môn “triết học khái luận”. Mổi ngày chủ nhật đến nhà thầy, trên bàn tròn ở phòng khách. Một thầy giáo và một học trò, mổi tuần hai tiếng đồng hồ. Khoảng hơn 9 giờ sáng lên lớp đến hơn 11 giờ. Thông thường trước 9h30 tôi nhất định đến nơi.

 Bộ triết học khái luận này, không có sách cũng không có bài viết. Hoàn toàn là dạy và học bằng miệng, thầy giảng tôi nghe. Có gì thắc mắc thì có thể hỏi bất cứ lúc nào và thầy cũng tuỳ thời giải đáp. Tiết học cuối cùng gọi là “Phật kinh triết học”. Tôi nhận thức về Phật giáo là bắt đầu từ đây. Thầy đem triết học trong kinh Phật giới thiệu cho tôi. Câu đầu tiên thầy nói, Đức Thế Tôn là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới. Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao của triết học trên toàn thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Điều này đã khiến những ngộ nhận trước đây của tôi, những hiểu biết sai lầm của tôi đối với Phật pháp hoàn toàn thay đổi.

 Cũng trong năm đó, hình như là hai tháng sau, tôi quen với Chương Gia đại sư. Tôi học với đại sư ba năm, đại sư cũng rất từ bi, cũng một tuần dạy cho tôi hai tiếng đồng hồ. Cũng là một thầy dạy một trò như vậy suốt ba năm. Nền tảng Phật học của tôi là nhờ đại sư, phương pháp học Phật cũng đại sư truyền cho tôi. Nhìn thấu, buông bỏ. Nhìn thấu là trí tuệ, buông bỏ chính là thiền định. Nhìn thấu là đối với tất cả pháp trong thế và xuất thế gian thật sự đã hiểu rỏ, cũng chính là chân tướng của tất cả pháp ta đã minh bạch gọi là nhìn thấu suốt. Sau khi nhìn thấu suốt tự nhiên sẽ buông bỏ, buông bỏ là công phu.

 Trong giáo lý đại thừa nói, buông bỏ kiến tư phiền não thành A la hán. Buông bỏ trần sa phiền não chính là Bồ Tát. Buông bỏ căn bản vô minh tức là thành Phật. Dù học có nhiều đến đâu, nếu không buông bỏ, người xưa nói là từng bước khó đi! Trong Phật pháp nói là không thể nâng cao cảnh giới của chính mình. Từ sơ phát tâm đến Như Lai địa chỉ có một phương pháp này. Nhìn thấu suốt giúp ta buông bỏ, buông bỏ giúp ta nhìn thấu suốt. Nhìn thấu suốt lại giúp ta buông bỏ. Cho đến khi cả buông bỏ cũng buông bỏ, không còn nữa. Thì công đức của ta đã viên mãn.

 Đây là điều ngày đầu tiên tôi quen Chương Gia đại sư, ngài đã truyền dạy cho tôi. Dạy tôi đọc hai cuốn “Thích Ca Phổ” và “Thích Ca Phương Chí”. Hai cuốn sách này do người nhà Đường trước tác, là truyện ký của Phật Thích Ca Mâu Ni. Đại Sư nói, muốn học Phật trước phải làm quen với Đức Thích Ca Mâu Ni. Không biết về ngài, chúng ta sẽ đi sai đường, sẽ chịu rất nhiều đau khổ. Cách dạy này thực sự rất hiếm thấy. Thông thường chư vị cao tăng đại đức không truyền dạy những thứ này cho chúng ta. Đại sư dặn dò tôi nên học tập Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Sau khi tôi đọc rồi mới hiểu được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một nhà giáo dục. Ngài là một vị thầy, 30 tuổi khai ngộ và bắt đầu đi giáo hoá. Mổi ngày giảng kinh dạy học, cho đến 79 tuổi viên tịch. Dạy học 49 năm. Đây là một vị thầy tốt, là một nhà giáo điển hình.

 Chưa từng nghe nói trong 49 năm Đức Thế Tôn có ngày nào nghĩ lễ, không có. Ngày này qua ngày khác đều giảng kinh dạy học, không có một ngày gián đoạn. Đúng là dạy không mệt mà học không chán. Dạy học thời gian dài như vậy. Nhờ vậy chúng ta mới hiểu, Phật pháp là giáo dục chứ không phải là tôn giáo. Trong tôn giáo nhất định là sùng bái một vị thần, gọi là chủ tạo hoá. Nhưng trong Phật pháp không có. Vạn pháp trong vũ trụ từ đâu mà có? Đức Phật nói *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”.* Vũ trụ từ đây mà có, sanh mạng từ đây mà có, vạn vật cũng từ đây mà có. Đây là một vấn đề lớn. Mục tiêu cuối cùng của khoa học và triết học, chính là muốn biết vấn đề này. Nhưng hiện nay khoa học và triết học vẫn chưa đạt đến. Nhưng trong giáo lý đại thừa 3000 năm trước, Đức Thế Tôn đã nói rỏ ràng minh bạch về sự thật này.

 Những năm đầu nhà Đường, Hiền Thủ quốc sư có một bài viết gọi là “Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán”. Bài văn này không phải quá dài, thật sự là rất tường tận thấu triệt. Trong bài văn này đã nói rỏ ràng minh bạch việc này. Duy tâm sở hiện, là tâm của ai? Là tâm của chính mình không phải của người khác. Duy thức sở biến, thức của ai? Thức của chính mình. Toàn bộ vũ trụ thiên biến vạn hoá, là tình thức phân biệt chấp trước của chính mình làm chủ tể. Nguồn gốc vũ trụ và bản ngã từ đâu mà có. Vạn vật từ đâu mà có đều nói rỏ ràng hết.

 Chúng ta phải cám ơn các nhà khoa học hiện đại. Đặc biệt là niên đại 80, đến bây giờ là 30 năm, 30 mươi năm gần đây. Thành quả nghiên cứu của họ rất huy hoàng. Bất luận là hồng quan vũ trụ, hay vi quan thế giới. Nói về lượng tử lực học hoàn toàn tương đồng với những gì trong kinh đại thừa nói. 3000 năm trước Đức Thế Tôn đã nói rỏ, bây giờ giới khoa học đã chứng minh. Nhà khoa học Ái Nhân Tư Thản người nước ngoài đã từng nói. Ông nói trên thế giới nhiều tôn giáo như vậy, nhưng đi gần với khoa học nhất chính là Phật giáo. Lời nói này đã được chứng minh.

 Đức Thế Tôn một đời giáo hoá, khi Phật pháp truyền đến Trung quốc vẫn là dạy học. Việc dạy học bị lãng quên, chúng ta tin rằng không quá 300 năm. Sau khi lãng quên giáo dục, thay vào đó là những việc tụng kinh bái sám. Tổ chức nhiều pháp hội rất náo nhiệt, đây là những việc xảy ra trong giai đoạn cận đại này. Ngày xưa không có những việc này. Ngày xưa các bậc đế vương rất thông minh. Người xưa tuy kính thiên địa quỷ thần, nhưng họ không phủ nhận trí tuệ và năng lượng của con người. Chủ trương vận mệnh nằm trong tay mình. Đúng như trong kinh điển đại thừa nói: “tướng do tâm sanh, cảnh tuỳ tâm chuyển”. Tâm là sự khởi tâm động niệm của chính mình. Nói cách khác, tâm mình làm chủ lành dữ hoạ phước của chính mình, cũng là chủ tể của tất cả biến hoá trong vũ trụ. Trong giáo lý đại thừa có liên quan đến những ngôn luận như vậy rất nhiều.

 Thế giới Cực Lạc vì sao mà có? Là do trí tuệ và ý niệm của Phật A Di Đà thành tựu. Duy trì cho đến ngày nay, không có thay đổi, không có biến hoá. Đây đều là dựa vào mổi người vãng sanh, tâm niệm của họ phải tương ưng với Phật A Di Đà. Thế giới Cực Lạc mới có thể duy trì không biến chất. Nếu người vãng sanh đến thế giới Cực lạc, không đồng tâm đồng nguyện với Phật A Di Đà. Thế giới Cực lạc sẽ suy yếu, sẽ sanh ra biến hoá. Nên Đức Phật rất thông minh, ngài tuyệt đối duy trì được điểm này, vĩnh viễn không thay đổi nguyên tắc này.

 Điều kiện thứ nhất để vãng sanh thế giới Cực lạc là tâm thanh tịnh, vì tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Phật A Di Đà là tâm thanh tịnh. Đề kinh này nói, tâm của ngài là gì? Là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Tâm của mổi người vãng sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, đều phải thanh tịnh bình đẳng giác. Ba điều kiện này đầy đủ sẽ sanh vào cỏi thật báo. Có thanh tịnh và bình đẳng sẽ sanh vào cỏi phương tiện. Chỉ có thanh tịnh, không có bình đẳng giác sẽ sanh vào cỏi đồng cư\_cỏi phàm thánh đồng cư. Tuy sanh vào cỏi phàm thánh đồng cư, nhưng được oai thần 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, bình đẳng giác sẽ hiện tiền. Thật không thể nghĩ bàn!

 Thế giới Cực Lạc tuy có tứ độ tam bối cửu phẩm. Nó là thế giới bình đẳng. Có tầng lớp này chẳng thể nói là không có, trình độ không giống nhau. Nhưng ưu điểm của họ là trí tuệ, thần thông, đạo lực hầu như không có gì khác với Phật A Di Đà. Đây là sự thù thắng không gì sánh bằng của thế giới Cực Lạc! Ở trước chúng ta đã đọc qua. Đoạn khai thị này là của Hoàng Niệm Tổ, đã phá trừ nghi hoặc lo lắng của chúng ta. Chứng minh Phật pháp đại thừa viên dung vô ngại, đại tự tại! Để chúng ta không còn có phiền não phân biệt chấp trước này nữa, tốt nhất là đến tập khí cũng đều đoạn tận. Như vậy tâm chúng ta và Phật A Di Đà hoàn toàn tương đồng.

 Trong kinh Hoa Nghiêm nói đến thế giới Hoa Tạng, nói đến Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Tỳ Lô Giá Na là pháp thân Phật. Danh hiệu Tỳ Lô Giá Na là phạn ngữ, dịch thành chữ Hán có nghĩa là Biến Nhất Thiết Xứ, gọi là pháp tánh thân, pháp tánh độ. Tỳ Lô Giá Na trú ở cõi thường tịch quang tịnh. Thân biến khắp mọi nơi, quốc độ cũng biến khắp mọi nơi, không có hình tướng. Thân và quốc độ đều không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Nên lục căn tiếp xúc không được. Dù ở ngay trước mắt, chưa từng rời xa chúng ta, nhưng không có cách nào cảm nhận được. Các nhà khoa học cũng không có cách nào.

 Vì sao? Vì nó không có hiện tượng. Chỉ cần có hiện tượng thì các nhà khoa học sẽ có phương pháp phát hiện nó. Tuy không có hiện tượng, nhưng nó có thể hiện ra hiện tượng. Nên nó năng sanh năng hiện. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm chính là sở sanh sở hiện. Năng sanh năng hiện, nhưng nó không biến hoá. Nên gọi là nhất chân pháp giới, chính là cỏi thật báo của Chư Phật Như Lai.

 Trong mười pháp giới có biến hoá. Vì sao có biến hoá? Vì chúng sanh trong mười pháp giới có khởi tâm động niệm, có phân biệt chấp trước. Đây gọi là tình thức. Nghĩa là có tình thức, có phân biệt. Tình thức là năng biến, sum la vạn tượng trong mười pháp giới là sở biến. Chúng ta ngày nay đã sơ suất, nên chỉ nhìn thấy sở biến của nó, không thấy sở sanh sở hiện. Sở sanh sở hiện và sở biến hoàn toàn dung hợp với nhau. Chúng ta thấy là giả tướng, không thấy chân tướng. Không thấy thật tướng của các pháp. Thật tướng và giả tướng hổn hợp với nhau. Nếu có thể nhìn thấy thật tướng thì ta chính là pháp thân Bồ Tát. Nếu nhìn không thấy thật tướng, chỉ nhìn thấy giả tướng, đây là phàm phu. Đặc biệt là phàm phu trong lục đạo.

 Những vị trong tứ thánh pháp giới biết được chân và vọng hổn hợp thành một, nhưng họ vẫn chưa nhìn thấy chân tướng. Phàm phu lục đạo đến chân và vọng hổn hợp thành một cũng không biết. Pháp thân Bồ Tát thì nhìn thấy chân tướng. Nên trong kinh điển đại thừa thường nói, việc này “duy chứng phương tri”. Thật sự chứng được sẽ hiểu được việc này. Nói với chúng ta Tỳ Lô Giá Na Phật và Phật A Di Đà là một không phải hai. Trong kinh cũng nói như vậy, Tỳ Lô Giá Na là pháp thân Phật, Phật A Di Đà là báo thân Phật, Thích Ca Mâu Ni là ứng thân Phật. Một tức là ba, ba tức là một. Có đúng không? Đúng vậy, hoàn toàn là sự thật.

 Pháp thân là thể, báo thân là tướng, ứng hoá thân là dụng. Lấy ứng hoá thân để giúp chúng sanh trong mười pháp giới. Giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ trở về tự tánh. Mục tiêu cuối cùng của Phật pháp là dạy chúng ta trở về với thường tịch quang. Sanh về thế giới tây phương Cực Lạc là bước thứ nhất, bởi bây giờ chúng ta trở về thường tịch quang là điều không thể làm được. Nhất định phải đến thế giới Cực Lạc trước để tu hành cho tốt, đào thải hết tất cả tập khí phiền não từ vô lượng kiếp, mới có năng lực trở về thường tịch quang. Thường tich quang thật sự là chính mình.

 Nói cách khác, chính là tìm được cái thật sự của chính mình. Thân này không phải ta, thân là giả, có sanh có diệt. Linh hồn cũng không phải ta. Những năm gần đây, trên khắp thế giới chúng ta đều thấy hiện tượng ma dựa. Hiện tượng ma dựa là gì? Là linh hồn đang khởi tác dụng. Điều này nói rỏ là con người không chết.

 Đầu năm ngoái chúng tôt phát hiện ở Cam Túc Trung Quốc, 2100 năm trước. Đại đế Khải Tát nước La Mã phái một đoàn quân đến xâm lược Trung quốc. Toàn quân bại trận, đều chết ở Trung Quốc. Linh hồn của đoàn quân này đã 2100 năm vẫn chưa tan, biến thành binh đoàn quỷ. Họ đều là cô hồn dã quỷ, khổ không sao nói hết. Lúc đến xâm lược đã chịu nhiều sự đau khổ, chết đã 2100 năm rồi mà hàng ngày vẫn chịu khổ. Đây là tình chấp, đây là phân biệt chấp trước tạo nên hiện tượng này. Họ nhập vào thân của hai người phụ nữ, và kể lại câu chuyện này. Chuyện này là có thật không giả tí nào.

 Lại xem mấy năm gần đây, thuật thôi miên của phương tây rất phát triển. Một người trong trạng thái thôi miên có thể trở về quá khứ. Quá khứ một đời, hai đời, ba đời. Có một bài báo cáo, hình như là trở về hơn 80 đời trong quá khứ, là hơn 4000 năm trước. Con người đang ở trong động, họ có thể nói ra tình trạng sinh hoạt trong thời đó. Điều này chứng minh thật sự có luân hồi. Luân hồi chuyển thế không nhất định là thân người. Có người chuyển làm thân súc sanh, có người chuyển thân ngạ quỷ. Cũng có người sanh thiên cũng có người xuống địa ngục. Cho nên con người không chết! Thật sự hiểu được điều này ta sẽ không sợ chết. Ta đối với việc sanh tư hoàn toàn không để ý.

 Nhưng xa rời đau khổ để được niết bàn an vui là điều mà tất cả chúng sanh tìm cầu. Như vậy thì làm thế nào để lìa khổ được an vui? Lìa khổ được an vui là quả báo. Vậy nhân là gì? Là đoạn ác tu thiện. Nhân ác chính là khổ báo, nhân thiện chính là quả vui. Đạo lý nhân quả không sai chút nào.

 Trong đoạn này nói kinh Di Đà Sớ Sao, đây là tác phẩm của Liên Trì đại sư. Trong đó có một đoạn ngài nói *“trí giác vân*”. Chư vị tổ sư dạy chúng ta: “Tổng trì giáo trung thuyết tam thập thất Phật”. Tổng trì là đại thừa giáo, là nhất thừa giáo. Tổng tất cả pháp, trì tất cả nghĩa. Nghĩa rộng là nói tất cả đại thừa, nghĩa hẹp là nói nhất Phật thừa.

 Ba mươi bảy vị Phật đều là hoá thân của Tỳ Lô Giá Na Phật. Ngay nay chúng ta mới biết 37 không phải là chữ số, mà là biểu pháp. Hoa Nghiêm dùng số 10 làm biểu pháp, kinh Di Đà dùng số bảy làm biểu pháp, trong Mật Tông dùng 16 làm biểu pháp. Ở đây 37 cũng là biểu pháp. Nói cách khác, tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời, vị Phật nào không phải là hoá thân của Tỳ Lô Giá Na? Tất cả đều là hoá thân của ngài. Tỳ Lô Giá Na là thường tịch quang, tất cả đều từ thường tịch quang lưu xuất ra, Đẳng giác Bồ Tát đã thành Phật. Điều này ở trước chúng ta đều đã học đã đọc qua. Tôi tin rằng mọi người vẫn còn nhớ. Đẳng giác Bồ Tát nâng cao đến Diệu giác vị. Lúc này cỏi thật báo không thấy nữa. Trước mắt bây giờ là gì? Là cỏi thường tịch quang.

 Trở về thường tịch quang. Thường tịch quang là một thể, không có phân biệt. Chẳng những không có phân biệt, đến khởi tâm động niệm cũng không có, là một thể vô cùng viên mãn. Trong này không có gì cả, nghĩa là ba loại hiện tượng đều không có, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên hoàn toàn không có. Nhưng lại không thể nói nó là không, vì sao? Vì nó đầy đủ tất cả. Tất cả đầy đủ nhưng không phải hiện tượng, không phải hiện tượng nhưng tất cả đầy đủ. Nên chỉ cần có duyên là có thể sanh ra vạn pháp. Biến pháp giới hư không giới, đều là từ nó sanh ra, đều là từ nó hiện ra. Chánh báo của tất cả chư Phật từ nó hiện, y báo của tất cả quốc độ từ nó hiện.

 khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, chính là ý này. Nếu chúng ta muốn hỏi, thân này của chúng ta có phải là từ thường tịch quang sở hiện? Phải, không sai chút nào. Phật là nó hiện ra, chúng sanh là nó hiện ra. Trong kinh Hoa Ngiêm thường nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Tình và vô tình, không có cái nào có thể rời Tỳ Lô Giá Na. Đây là chân tướng sự thật. Như vậy chúng ta biết những lời Trí Giác Thiền Sư nói, chỉ là phương tiện mà nói, chứ không nói rỏ. Ngài nói *“Giá na nội tâm, chứng tự thọ dụng, thành ư ngũ trí”.* Năm loại trí tuệ viên mãn*. “Thuyết tự, tự kỷ. Trung ương pháp giới thanh tịnh trí”.* Đây là thể, thanh tịnh là thể.

 Còn bốn trí khác thì sao? Lộ ra bốn phương Như Lai. Bốn trí này chính là đại viên cảnh trí, diệu quan sát trí, bình đẳng tánh trí, thành sở tác trí. Chuyển tám thức thành bốn trí. Lộ ra bốn Như Lai, còn diệu quan sát trí thì lộ ra Vô Lượng Thọ Như Lai của thế giới tây phương Cực Lạc. Nên Phật A Di Đà và Tỳ Lô Giá Na Phật là một không phải hai. Tỳ Lô Giá Na Phật là pháp thân của ngài, là pháp thân của Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ Phật là báo thân của Tỳ Lô Giá Na Phật. Nên một vị Phật mà hai cỏi, vì Di Đà tức là Tỳ Lô Giá Na, nên gọi là nhất Phật. Độ có tịnh Phật quốc độ. Hai cỏi là Hoa Tạng và Cực Lạc. Tỳ Lô Giá Na ở Hoa Tạng, Phât Di Đà ở Cực Lạc. Đây gọi là nhị độ, nhất Phật nhị độ. “Song giả kiêm dã”, nên gọi là nhất Phật.

 Kiêm nghĩa là kiêm lĩnh, “*cái vị nhất Phật kiêm lĩnh lưỡng tịnh độ”.* Hoa Tạng tịnh độ với Cực Lạc tịnh độ là một không phải hai. *“Hựu đông mật”,* là Mật tông của Nhật Bản. *“Diệc vị A Di Đà Phật, tức thị Đại Nhật Như Lai. Nhật Hưng Giáo đại sư A Di Đà Mật Thích vân”.* Đây là giải thích A Di Đà. *“Nhất giả Vô Lượng Thọ, pháp thân Như Lai cư pháp giới cung. Bất sanh bất diệt, thị cố Đại Nhật Như Lai hoặc danh Vô Lượng Thọ Phật. Nhị giả Vô Lượng Quang, pháp thân Như Lai diệu quan sát trí quang. Biến chiếu vô lượng chúng sanh, vô lượng thế giới. Thường hằng thí lợi ích, cố Đại Nhật Như Lai hoặc danh Vô Lượng Quang Phật”.*

 Đại Nhật tức Tỳ Lô Giá Na, Đại Nhật tức A Di Đà Phật. Trong Phật giáo bất luận là tông phái nào, danh hiệu bổn tôn không tương đồng, nhưng thật ra là một. Đây là thật, hoàn toàn không phải giả. Mở rộng ra khắp thế giới, bất cứ tôn giáo nào, vị khai sáng mà họ sùng bái là một, tuyệt đối không có hai vị.

 Mười năm lại đây, tôi có nhân duyên tiếp xúc với các tôn giáo trên thế giới. Tôi đem suy nghĩ của tôi nói với họ. Trên thế giới mọi người tôn sùng giáo chủ không giống nhau, nhưng chân thần chỉ có một. Thần trong mổi tôn giáo, bất đồng danh từ, bất đồng hình tượng. Nhưng đều là hoá thân của một vị chân thần. Vị chân thần này trong Phật giáo không gọi là thần. Trong Phật giáo gọi là chân như, pháp tánh. Các tôn giáo khác gọi nó là chân thần, toàn là hoá thân của chân như! Cho nên tôn giáo trên thế giới là một nhà. Chúng ta cần phải hổ tương học tập. Nếu quý vị không tin, thử nghiên cứu kinh điển của quý vị, sau đó nghiên cứu kinh điển các tôn giáo trên thế giới, quý vị sẽ phát hiện thật sự là một.

 Tôi hỏi mọi người, quý vị có tin chân thần có trí tuệ viên mãn chăng? Tin. Chân thần có năng lực viên mãn chăng? Tin. Chân thần có tướng hảo viên mãn chăng? Tin. Chân thần có thể biến hoá các hình tướng khác nhau chăng? Tin. Như vậy là đúng! Chân thần trong các dân tộc khác nhau, văn hoá khác nhau, cách thức sống khác nhau. Đều biến hoá tương đồng với con người ở địa phương đó. Nếu ta tiếp xúc qua nhiều địa phương, sẽ thấy nhiều người không giống nhau, thật ra chỉ là một. Nên giáo huấn trong kinh điển, mục tiêu và phương hướng cuối cùng tuyệt đối là tương đồng.

 Chỗ bất đồng là cách thức sinh hoạt, phong tục tập quán, bối cảnh văn hoá những điều này không giống nhau. Nên giống nhiều khác ít. Do đó chúng ta phải triệt để hiểu rỏ chân tướng sự thật. Nhất định phải nhớ là hổ tương học tập. Hổ tương tôn kính, hổ tương yêu thương, hổ tương quan tâm lo lắng, hổ tương hợp tác. Mới thật sự thể hiện được thần thương yêu con người. Trong Phật pháp nói phạm vi rất lớn, là đại từ đại bi. Thần yêu thương chúng sanh, so với phạm vi của con người thì rộng lớn hơn rất nhiều.

 Tấm lòng yêu thương của thần bao trùm khắp vũ trụ, gọi là đại từ đại bi, không có điều kiện. Vì sao? Vì vũ trụ là một thể. Là tướng phần của chân như tự tánh. Tánh tướng nhất như, tánh tướng bất nhị. Học Phật nhất định phải có nhận thức này.

 Chúng ta xem tiếp đoạn dưới. *“A Di Đà Phật”,* đây là phạn ngữ. *“Cụ vô lượng nghĩa*”. Đứng về mặt chữ mà dịch, “A”, phạn văn của âm “A” này, dịch thành chữ Hán tức là “Vô”. “Di Đà” dịch thành “Lượng”. Ý nghĩa của nó trong danh hiệu này là vô lượng. Cái gì vô lượng? Tất cả đều vô lượng. Đây mới là ý nghĩa thật sự của nó, tất cả đều vô lượng! Thọ mạng vô lượng, quang minh vô lượng, trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, tướng hảo vô lượng. Mọi thứ đều là vô lượng.

 Quý vị học Phật đều biết. Lục Tổ Huệ Năng của thiền tông thời nhà Đường, mọi người đều biết ngài. Khi ngài Huệ Năng khai ngộ đã nói năm câu. Quý nghĩ xem năm câu này có phải đều là nói về vô lượng chăng? Ngài đã minh tâm kiến tánh. Ngài nói “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Thanh tịnh vô lượng. Vốn không sanh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không dao động, năng sanh vạn pháp. Qúi vị nghĩ thử xem, năm câu này mổi câu đều là vô lượng. Từ đây chúng ta có thể lãnh hội được ý nghĩa của danh hiệu Phật A Di Đà. Ba loại phiên dịch này là Mật Tông dịch. Vô lượng thọ, vô lượng quang. Hai câu này trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Thế Tôn có nói. Mật tông thêm vào “Cam Lồ Vương”.

 *“Mật giáo dĩ thử tam danh, y kỳ thứ đệ. Biểu pháp báo hoá tam thân. Vô lượng thọ thị pháp thân. Vô lượng quang thị báo thân. Cam Lồ vương thị hoá thân. Hựu khả dịch vi vô lượng trang nghiêm, vô lượng thanh tịnh đẳng đẳng. Hựu thập nhị quang danh, diệc giai Di Đà danh hiệu”*. Ở sau chúng ta sẽ học đến thập nhị quang. Đều là danh hiệu của Phật A Di Đà. *“Hựu A Di Đà Phật danh hiệu, mổi tự diệc cụ vô lượng nghĩa”.* Trong vô lượng nghĩa, thì mổi nghĩa lại đầy đủ vô lượng nghĩa. Trùng trùng vô tận!

 Người xưa nói: “Lớn không gì lớn hơn, nhỏ không gì nhỏ bằng”*.* Chúng ta dùng hai câu này để hình dung Phật A Di Đà, thì có thể lãnh hội được nghĩa lý thâm diệu của nó. Giải thích của chư vị cổ đức rất nhiều đều không sai, đều có đạo lý. Thật là muôn màu muôn vẻ. *“A tự vi bổn bất sanh chi nghĩa, cố thị không đế”.* Đây là dùng tam đế để giải thích. *“Di tự vi ngô ngã chi nghĩa, cố thị tuỳ duyên chi giả đế. Đà tự vi như chi nghĩa, cố thị trung đế”.* Tam đế, trong kinh điển đại thừa thường nói. Phổ thông nhất, dẫn chứng nhiều nhất là tam đế, tam chỉ, tam quán của Thiên Thai đại sư. Đây là điều Trí Giả đại sư thường nói.

 “*Hựu A Di Đà Mật Thích vân, a tự nhất tâm bình đẳng bổn sơ bất sanh nghĩa”.* Cũng nói rất hay! Bổn sơ bất sanh chính là không sanh. Không sanh đương nhiên là không diệt. Đúng như ngài Huệ Năng nói “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Đây là danh hiệu của tánh đức. *“Di tự, nhất tâm bình đẳng vô ngã đại ngã nghĩa*”. Vô ngã là không có tiểu ngã, chỉ có đại ngã. Đại ngã là gì? Thể của đại ngã chính là pháp thân. Tướng của đại ngã là như ngài Huệ Năng nói “năng sanh vạn pháp”. Vạn pháp là tướng của đại ngã, biến pháp giới hư không giới là chính mình. Nếu quí vị thật sự hiểu rỏ và thông đạt, khẳng định sự thật này là chân thật. Như vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng được pháp thân.

 Hiện thân này, ở khu vực này, hiện thân đồng loại với chúng sanh ở khu vực đó. Hiện thân này để làm gì? Để hoá độ chúng sanh ở đó, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Là vì việc này mà thị hiện. Hiện ta một tấm gương giác ngộ để chúng sanh nhìn thấy, giúp họ cũng giác ngộ. Đây gọi là hoằng pháp lợi sanh.

 Bên dưới “*Đà tự, nhất tâm chư pháp như như tịch tịnh nghĩa”.* Nhất tâm là bản thể của các pháp. Thể tịch tịnh, dĩ nhiên tướng cũng tịch tịnh. Bây giờ chúng ta thấy, tâm của chúng ta không thanh tịnh. Hiện tượng bên ngoài cũng không thanh tịnh, sanh diệt trong từng sát na. Nên biết không liên quan đến thể. Ý niệm của chúng ta không phải là chân tâm, chân tâm không có ý niệm. Trong kinh điển đại thừa thường nói “chân tâm ly niệm”. Có niệm là A lại da, không phải chân tâm, gọi là vọng tâm. Vọng tâm có niệm, chân tâm vô niệm. Vọng tâm có khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, chân tâm không có. Phật Bồ Tát dùng chân tâm, chân tâm chính là A Di Đà. Phàm phu dùng vọng tâm, nên không thấy A Di Đà nữa.

 Xem tiếp bên dưới *“Hựu a tự Phật bộ nghĩa, thị lý trí bất nhị, pháp giới thể tướng cố”*. Đây đều là giải thích của Mật Tông đối với ba chữ A Di Đà. Kinh Hoa Nghiêm đầy đủ tất cả, tông môn giáo môn, đại thừa tiểu thừa, hiển giáo mật giáo trong Phật giáo đều bao hàm hết. Kinh vô Lượng Thọ giống Kinh Hoa Nghiêm, cũng đều bao quát hết tất cả. Nên Hoàng Niệm Tổ giải thích kinh Vô Lượng Thọ, đã dùng Kinh Hoa Nghiêm để giải thích. Dùng thiền tông để giải thích, dùng mật tông để giải thích. Điều này nói lên rằng giáo nghĩa bộ kinh này là thông đạt tất cả pháp. Chẳng những thông Phật pháp của các tông các phái, mà còn thông cả khoa học và triết học hiện đại. Thông tất cả, nên nó có thể giải quyết mọi vấn đề.

 Nếu chúng ta hỏi, xã hội động loạn trong thế giới ngày nay, Kinh Vô Lượng Thọ có thể giải quyết chăng? Có thể, nhất định được. Quý vị không tin thì không còn cách nào khác. Kinh Vô Lượng Thọ có thể giải quyết thiên tai hiện tại trên địa cầu hay không? Đáp án cũng là khẳng định. Nhất định được. Chẳng những như thế, mà phương pháp còn rất đơn giản. Thật vậy, đây là pháp khó tin! Phương pháp nào? Tức là câu Nam Mô A Di Đà Phật sẽ giải quyết được, nhưng không ai tin. Người không học Phật không tin, mà người học Phật cũng không tin. Vì sao họ không tin? Bởi đối với cả lý và sự của việc này họ đều không biết. Thật sự hiểu rỏ họ sẽ tin tưởng.

 Câu danh hiệu Phật này nên niệm ra sao? Cách niệm của Bồ Tát Đại Thế Chí, chúng ta có thể làm được. Bồ Tát Đại Thế Chí dạy niệm cách nào? “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Dùng phương pháp này để niệm là đúng. Đô nhiếp lục căn là buông bỏ vạn duyên. Đô nhiếp lục căn là chế tâm một chổ. Đoạn trước trong kinh này chúng ta đã học qua, “chỉ tâm nhất xứ”. Tịnh niệm, không hoài nghi, không xen lẫn tạp niệm. Tương tục, niệm này tiếp niệm kia, không gián đoạn. Như vậy có thể giải quyết vấn đề của chính mình, có thể giải quyết vấn đề xã hội, có thể giải quyết vấn đề của địa cầu. Có thể giải quyết nhiều vấn đề phức tạp trong thái không. Cho nên chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện là như vậy.

 Xã hội này xảy ra vấn đề, có thể giải quyết được chăng? Được. Địa cầu xảy ra tai biến, có thể giải quyết chăng? Được. Vận chuyển của hệ mặt trời trong hư không, quỷ đạo xảy ra vấn đề có thể giải quyết chăng? Được. Chẳng có gì là không thể giải quyết. Ngày nay khó là khó ở chổ mọi người không tin tưởng. Khó ở điểm này! Khó ở chổ không ai hộ trì Phật pháp. Sứ mạng hộ pháp này, lúc Đức Thế Tôn còn tại thế ngài giao trách nhiệm này cho các quốc vương đại thần. Nên lịch đại đế vương hộ pháp dẫn đầu đến học tập, nhân dân khởi lòng tin cũng theo đó học tập. Bây giờ thời đại dân chủ, người lãnh đạo quốc gia không học những điều này, lãng quên không coi trọng nó, do đó thiên tai sẽ phát sinh.

 Vì sao thiên tai phát sinh? Bởi tâm con người hư hoại. Hiện nay vấn đề của toàn thế giới, bao gồm vấn đề tai biến của địa cầu, là phản ứng của tâm con người. Cư dân ở thế giới tây phương Cực Lạc, mổi người đều là thượng thiện nhơn. Trong Kinh Di Đà nói rất hay *“chư thượng thiện nhơn câu hội nhất xứ”.* Thượng thiện! Thế giới ngày nay của chúng ta, tâm người bất thiện.

 Trong kinh nói về địa ngục rất nhiều, nói rất tường tận. Năm trước các bạn đồng học đã siêng năng, tra trong Đại Tạng kinh, tìm được 25 bộ kinh luận. Đức Phật nói về tình trạng ở địa ngục, nói về nhân quả ở địa ngục. Chúng tôi đem những kinh văn này ghi chép lại, biên tập thành một bộ sách “Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu”. Bộ sách này nếu mọi người đều đọc, phản tỉnh một chút xem mình có tạo nghiệp địa ngục hay không? Đạo giáo cũng có một bộ sách “Ngọc Lịch Bảo Sao”, số lượng lưu thông rất rộng.

 “Địa Ngục Biến Tướng Đồ” của thầy Giang là căn cứ “Ngọc Lịch Bảo Sao” để vẽ ra. Chúng ta đem ra đối chiếu với “Thái Thượng Cảm Ứng Thiên”. Đối chiếu tỷ mỷ, chúng ta phạm bao nhiêu tội nghiệp trong địa ngục. Phạm bao nhiêu tội nghiệp của ngạ quỷ và súc sanh, sẽ biết được.

 Người ở thế giới tây phương Cực Lạc, nghiệp chướng của họ đều tiêu hết, đều báo hết. Phục hồi đến chổ thanh tịnh, nên khi gặp Phật pháp họ mới vãng sanh suông sẻ. Nếu nghiệp chướng sâu nặng, không có lương tâm, không thể quay đầu. Thì dù cho niệm danh hiệu Phật có nhiều cũng đều không thể vãng sanh. Chúng ta phải thật tâm phản tỉnh, sẽ biết được con đường trước mắt của mình. Một con đường là đại từ đại bi của Phật A Di Đà, nhiếp thọ chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc. Và con đường khác chính là Vô Gián địa ngục. Hai con đường này bày ra trước mắt, chúng ta nên chọn con đường nào? Chọn thế giới tây phương Cực Lạc, nhưng mình đã tạo nhiều tội nghiệp như vậy làm thế nào để tiêu trừ đây? Chỉ cần chế tâm một chổ, nhất tâm chuyên niệm Phật A Di Đà. Trong kinh giảng rất nhiều về vấn đề này, phải tin tưởng không nên hoài nghi. Một câu Phật hiệu diệt 80 ức kiếp tội nghiệp sanh tử.

 Vì sao chúng ta niệm mà không tiêu trừ được. Vì sao? Một mặt thì niệm Phật, còn một mặt thì trong tâm trôi nổi, chính là tạo nghiệp, nên làm cho công đức niệm Phật mất hết. Tôi nói cho quý vị biết, nên dùng tâm thanh tịnh mà niệm. Quý vị xem, đô nhiếp lục căn chính là buông bỏ tất cả. Trong tâm chỉ có một câu danh hiệu Phật, ngoài ra không có ý niệm nào khác. Như vậy sức mạnh này sẽ rất lớn, nên mới nói là chế tâm một chổ thì không có việc gì là không làm được. Tội nghiệp đã tạo từ trong vô thỉ đến nay, chỉ trong vài ngày liền được tiêu trừ. Khó, khó ở chổ chế tâm vào một chô. Khó là khó ở chổ không hiểu rỏ ràng đối với đạo lý thậm thâm vi diệu này. Chưa hiểu rỏ nên có hoài nghi, hoài nghi là chướng ngại rất lớn, tham sân si mạn nghi, là căn bản phiền não! Người không hoài nghi là người có phước, thật sự có phước báu. Người hoài nghi sẽ rất khó khăn.

 Ở đây mới nói một chữ “A”. *“Mật tông Phật bộ, lý trí bất nhị, pháp giới thể tướng. Di tự, liên hoa bộ nghĩa, diệu quan sát trí, sanh pháp nhị không. Thật tướng bổn lai bất nhiễm lục trần, như liên hoa cố”.*

 Đây chính là thanh tịnh tâm, phải dùng trí tuệ vi diệu để quan sát. “Sanh pháp nhị không”, sanh là chúng sanh, pháp là vạn pháp. Chúng sanh và vạn pháp đều bất khả đắc. Quan sát bằng cách nào? Trong Hoàn Nguyên Quán Hiền Thủ quốc sư nói, trước phải hiểu rỏ về lý. Sanh pháp chính là từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng là y báo và chánh báo. Pháp là y báo, sanh là chánh báo. Y báo và chánh báo đều từ tự tánh thanh tịnh viên minh thể mà sanh ra. Thể không nhiễm bụi trần. Tất cả hiện tượng đều không tồn tại, nên tuy từ thể mà hiện tướng. Tướng không phải thật, tướng là huyễn tướng.

 Trong kinh Kim Cang Bát Nhã Đức Phật nói: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. “Đương thể tức không, liễu bất khả đắc”. Đức Phật giảng Bát Nhã 22 năm. Tôn chỉ của Bát Nhã là gì? Nói với chúng ta tất cả pháp trong thế xuất thế gian đều bao hàm hết trong đó. “Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Nên tất cả pháp ta có thể thọ dụng, nhưng không thể khống chế, không thể chiếm hữu. Nếu muốn chiếm hữu, muốn khống chế, ta sẽ tạo tội nghiệp. Tạo tội nghiệp mà không đạt được nó. Nếu tạo tội nghiệp mà có thể đạt được nó, thì tội nghiệp như vậy cũng còn cưỡng được. Tạo tội nghiệp mà đạt không được! Nên tự mình phải suy nghĩ, thứ nhất thân thể này ta không đạt được. Ta có biết khi nào chết chăng? Đến thân thể cũng không thể khống chế, không thể chiếm hữu, huống gì là vật ngoài thân. Nên nó là giả, nó không phải thật.

 Chỉ có một thứ là thật nhưng ta đã lãng quên. Linh tánh là thật, vĩnh viễn bất diệt. Linh tánh không phải là linh hồn. Trên thực tế linh hồn và linh tánh là một, nhưng linh hồn là trong trạng thái mê, còn linh tánh là trạng thái giác. Nên linh hồn giác ngộ gọi là linh tánh, linh tánh mê hoặc gọi là linh hồn. Nên không thể mê, mê thì nó sẽ luân hồi trong lục đạo, không ra khỏi lục đạo. Giác ngộ nó sẽ vượt ra ngoài lục đạo, vượt ra mười pháp giới. Mê như thế nào? Tình chấp là mê, phân biệt chấp trước là mê. Đây là hiện tượng mê của tình chấp, phân biệt, chấp trước. Họ không biết đây là giả chứ không phải thật.

 Chuyện này chỉ có Phật pháp đại thừa mới nói rỏ ràng. Khuyên chúng ta buông bỏ vạn duyên, sanh và pháp đều là không. Thật tướng vốn không nhiễm lục trần. Lục tổ Huệ Năng nói “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, từ trước đến nay chưa từng ô nhiễm. *“Như liên hoa cố. Đà tự kim cang bộ nghĩa. Như Lai diệu trí, tự tánh kiên cố, năng phá nhất thiết vọng tưởng oán địch cố”.* Đây là phân ba chữ A Di Đà để nói. Tự tánh kiên cố, không sanh không diệt, vốn không dao động. Sao lại nói có thể phá tất cả vọng tưởng? Nó vốn không có tất cả vọng tưởng, cũng không có tất cả oán địch. Oán địch tức là phiền não. Địch là đối địch, đối lập, hoàn toàn không có. Đối với tất cả pháp trong thế xuất thế gian hoà mục đồng thể, không có đối địch, không có oán hận. Đồng thể đại bi, vô duyên đại từ.

 *“Hựu a tự, không nghĩa. Nhất tâm pháp thể bổn tự hư vọng tướng không vô cố”.* Nhất tâm là chân tâm. Tất cả tướng hư vọng trong thế và xuất thế gian, là không vô. Nó không tồn tại, không có tướng hư vọng. Ngài Huệ Năng nói, tự tánh thanh tịnh tâm không hư vọng. Vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không dao động, năng sanh vạn pháp. Đây là bản lai diện mục của tự tánh thanh tịnh tâm. Thật hiếm có ngài nói một cách rỏ ràng như vậy, nói một cách đơn giản như vậy. *“Di tự, giả hữu nghĩa. Chân không diệu hữu. Nhất tâm bình đẳng, chư pháp như huyễn giả hữu cố. Thể không tịch, tướng giả hữu. Đà tự, trung đạo nghĩa, nhất tâm bình đẳng, chư pháp ly nhị biên, vô định tướng khả đắc cố*”.

Trung đạo là gì? Trung đạo chính là bình đẳng tâm. Không thiên về không cũng không thiên về có. Vì sao? Vì không và có là một không phải hai. Có ở trong không, không ở trong có, bất tức bất ly. Nên Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới gọi là tùy duyên diệu dụng. Tùy duyên là cùng với mọi người không có gì khác. Diệu dụng là gì? Là tâm địa thanh tịnh, không nhiễm chút trần. Đây gọi là diệu!

 Tâm của Bồ Tát thường ở trong thanh tịnh bình đẳng giác, không giống chúng ta. Tâm chúng ta thường ở trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thiệt thòi quá lớn. Chúng ta khởi tâm động niệm, tương ưng với phiền não, không tương ưng với chân tâm. Khổ chính là do điều này, chẳng thể không biết.

*“Hựu a tự, hữu nghĩa. Nhất tâm thể tướng, bổn hữu bất sanh, vô diệt tận cố”.* A là pháp thân, là thường tịch quang. Vốn sẵn có, không sanh không diệt. Vô diệt tức là không diệt. Ý này chính là trong câu thứ hai mà ngài Huệ Năng nói, “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Không có sanh diệt. Đây là chân tâm của mình, là chân thật bản ngã của chính mình. Mục tiêu cuối cùng của sự tu học Phật pháp, hay nói cách khác là tìm lại bản lai diện mục của chính mình. Không cần giả ngã, phát hiện bản ngã giả, không phải thật. Ta phải tìm ra chân bản ngã. Chân ngã chính là pháp tánh thân, chân ngã chính là A Di Đà. Chân ngã chính là Lô Xá Na, chân ngã chính là Đại Nhật Như Lai. Đức Phật không phải đã nói rất rỏ ràng rồi sao? “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Chúng ta vốn là Phật mà.

 Chúng ta là vị Phật nào? Toàn bộ danh hiệu của các vị Phật này đều là danh hiệu của ta. Ta và các ngài không hai không khác. Trung Phong thiền sư nói rất hay, tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức là tâm ta. Tâm này là chân tâm, không phải vọng tâm.

 *“Di tự, không nghĩa. Nhất tâm chư pháp, tự tánh bất khả đắc cố”.* Tất cả các pháp là từ nhất tâm mà sanh ra. Nhất tâm chính là tự tánh, tự tánh bất khả đắc. Các pháp cũng bất khả đắc. Nên các pháp có thể thọ dụng, có thể thưởng thức, nhưng không thể chấp trước, không thể khống chế, không thể chiếm hữu. Như vậy chính là dùng chân tâm. Còn muốn khống chế nó, muốn chiếm hữu nó, như vậy là dùng vọng tâm. Vọng tâm là tạo nghiệp, vọng tâm rất khổ. Chân tâm tự tại, chân tâm không tạo nghiệp. Chân tâm tùy duyên diệu dụng, toàn bộ đều trong sinh hoạt hằng ngày. Quý vị nghĩ xem diệu dụng biết bao!

*“Đà tự, bất không nghĩa”.* Đây là trung đạo. *“Nhất tâm chư pháp. Bổn lai pháp thân công đức, vô đoạn tuyệt cố*”. A Di Đà, Di là nghĩa không, Đà nghĩa là bất không. Bất không là nói gì? Công đức pháp thân vô đoạn tuyệt. Trong pháp thân, có trí tuệ Bát Nhã vô đoạn tuyệt, có tự tánh bổn định vô đoạn tuyệt. Có vô lượng công đức, chúng ta nói đức năng. Người bây giờ nói là vô lượng tài nghệ, nói như vậy sẽ dể hiểu hơn. Vô lượng năng lực, ta có năng lực. Bất cứ việc gì ta cũng có thể làm được, đều không đoạn tuyệt. Vô lượng tướng hảo, trong kinh Hoa Nghiêm Đức Thế Tôn nói “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như Lai”. Đây là pháp thân công đức. Nên nó là bất không, trong không có bất không, trong bất không có không. Ta phải dung hợp tất cả thể tướng dụng lại. Khi đã dung thông sẽ hoát nhiên đại ngộ!

*“Hựu a tự, nhân nghĩa. Phật giới chúng sanh. Nhân nhất tâm giác, nhân nhất tâm mê cố”.* Phật giới chúng sanh, vì nhất tâm mà giác là Bồ Tát. Vì nhất tâm mà mê là chúng sanh. Giác mê đều là Phật giới chúng sanh, giác mê không hai. Giác mê là tướng có giác mê, tánh không có. Sự có giác mê nhưng lý không có. Trong vọng tâm có giác mê, trong A lại da có giác mê, nhưng trong chân tánh không có.

*“Di tự, hành nghĩa. Đoạn nhân pháp nhị ngã, chứng sanh pháp bất không, chí Phật quả cố”.* Thứ hai là nói về hành. Hành là tạo tác. Điều này rất quan trọng. Nhân ngã, pháp ngã, đây là ngã chấp. Nhân ngã chấp, pháp ngã chấp cần phải đoạn. Nhân ngã chấp là phiền não chướng, pháp ngã chấp là sở tri chướng.

Đức Thế Tôn thị hiện cho chúng ta thấy, ngài 19 tuổi xuất gia. Rời xa gia đình để đi cầu đạo, ngài đã buông bỏ nhân ngã chấp. Ngài đi cầu học cầu pháp suốt 12 năm. Đến năm 30 tuổi ngài ngồi dưới cội bồ đề nhập sâu vào thiền định, đem sở học của 12 năm trước buông bỏ hết. Đây gọi là buông bỏ pháp ngã chấp. Hai loại chấp trước đều buông bỏ hết. Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đây gọi là thật sự tu hành! Nên chứng đuợc sanh pháp bất không.

 *“Nhất thiết pháp, tướng hữu tánh vô”.* Nhìn từ tướng là bất không, nhìn từ tánh là bất hữu. Phi không phi hữu, đây là thật tướng các pháp, “chí Phật quả cố”. Có thể đạt đến quả vị diệu giác*. “Đà tự, quả nghĩa”*, có nhân có quả. Mấy câu này là dùng nhân quả để giải thích A Di Đà. *“Thị bất nhị nhất tâm như như lý trí, thị tắc Phật quả cố”.* Đây chính là công đức đã cứu cánh viên mãn.

 Bất nhị là chỉ điều gì? Tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới là bất nhị. Nhị là nói về tánh và tướng, nói về lý và sự, nói về nhân và quả. Đều là nhị, là đối lập. Còn bất nhị thì nó là một không phải hai. Tánh tướng nhất như, lý sự bất nhị, nhân quả cũng nhất như. Trong tâm thanh tịnh không có cái gì đối lập. Vì sao không có? Vì nó là một thể. Nhân quả là một thể, lý sự là một thế, tánh tướng là một thể, làm sao có thể phân khai được?

 *“Như thị sai biệt pháp môn, tức danh tự tướng”.* Nên những tướng danh tự này, trong Khởi Tín Luận Mã Minh Bồ Tát nói, không nên chấp trước là đúng. Nếu ta chấp trước là sai lầm. Chấp trước thì tâm không thanh tịnh. Danh tự là giả danh không phải thật, nói nó như thế nào cũng được. Chỉ cần hiểu được điều này, tướng danh tự là một cách, một phương pháp để Phật giáo hóa chúng sanh, nên không thể chấp trước. Chấp trước ta sẽ chịu thiệt, là sai. Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta nghe giáo, chính là nghe giảng. Nghe giảng không nên chấp trước tướng ngôn ngữ. Chúng ta không phải đến nghe họ nói. Không nên chấp trước tướng danh tự. Ở đây dạy chúng ta không nên chấp trước tướng danh tự.

 Thứ ba là không nên chấp trước tướng tâm duyên. Tướng duyên tâm tức là sau khi nghe rồi, dùng ý của mình để giải thích là sai. Thực tế mà nói, Phật nói tất cả kinh đều không có ý nghĩa. Vì không có ý nghĩa nên từng chữ từng câu đều là vô lượng nghĩa. Có ý nghĩa chính là có một cách giải thích, sẽ không có cách giải thích thứ hai. Không có ý nghĩa tức có vô lượng nghĩa. Vì sao? Nó tương ưng với tự tánh. Trong tự tánh một pháp cũng không thành lập, còn ngược lại mà nói thì một pháp cũng không xả. Đây là chân tướng sự thật, pháp nhĩ như thị.

 Ngày nay chúng ta học kinh giáo, học bao nhiêu năm mà vẫn chưa khai ngộ. Đã học rất nhiều Phật pháp, không phải phương pháp của Phật, là Phật pháp của chính mình. Vì sao? Đều là tự mình nghĩ ra sao, nghĩ như thế nào. Đều là Phật pháp của chính mình, không phải Phật pháp của Như Lai. Phật pháp của Như Lai không học được. Nguyên nhân là gì? Dụng tâm bị sai. Chúng ta cứ chấp vào tướng văn tự, chấp vào tướng danh tự, chấp vào tướng tâm duyên. Nên vĩnh viễn không biết chân thật nghĩa mà đức Như Lai đã nói.

 Trong bài kệ khai kinh nói rất hay. Dạy ta khi mở kinh ra là “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Như thế nào mới hiểu Như Lai chân thật nghĩa? Dùng tâm chân thật, dùng chân tâm. Như vậy sẽ được chân nghĩa, nghĩa chân thật của Như Lai, nhưng chúng ta đều dùng vọng tâm. Vọng tâm làm sao hiểu được chân thật nghĩa của Như Lai!

 *“Hựu như thị tự tướng, hổ vô định tướng”.* Nói cho chúng ta biết nhiều tướng danh tự như vậy, nhưng không có định tướng nên nói thế nào cũng được. “Như đế võng châu” Đây là đưa ra một ví dụ để nói. Giống như màng lưới mắc trong cung điện ở Đao Lợi Thiên Vương. Mổi ô lưới đều có châu bảo. Ta có thể xem nhưng không thể lấy hay bỏ, không có ý niệm lấy đi hay để lại. Không có lấy và bỏ là không có yêu và ghét. Lấy đi là thích nó, bỏ đi là ghét nó. Vứt nó đi vì ghét nó. Không có lấy hay bỏ là không có yêu hay ghét. Nghĩa là sao? Là tâm bình đẳng.

 Bên dưới nói “*nhất tâm bình đẳng bất khả đắc cố”.* Chúng ta thường nói có thể thưởng thức, có thể thọ dụng nhưng không thể chiếm hữu. Ngày nay chúng ta sinh hoạt trên thế giới này, cần phải hiểu đạo lý này, hiểu rỏ chân tướng sự thật . Ở thế gian này tất cả đều có thể thọ dụng, nhưng không nên chiếm hữu, không nên khống chế. Có ý niệm khống chế, ý niệm chiếm hữu, ý niệm chi phối, đây chính là tạo nghiệp. Nhất định phải dùng tâm bình đẳng mới có thể lợi ích chúng sanh. Nếu là tâm tư tư tự lợi, như vậy là đã tạo tội nghiệp.

 Nên dùng tâm bình đẳng, dùng tâm thanh tịnh. Như vậy về mặt sự ta đã làm một cách viên mãn, làm rất tốt. Tâm thanh tịnh không nhiễm chút trần nào, như vậy ta chính là Bồ Tát, không phải là phàm phu.

 Đoạn này chúng ta chưa học xong, nhưng hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây thôi.

**HẾT TẬP 317**

# Tập 318

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: ngày 06 tháng 03 năm 2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 374, bắt đầu xem từ câu cuối cùng của hàng thứ nhất.

 *“Hựu viết, thị cố xướng A Di Đà tam tự, diệt vô thỉ trọng tội. Niệm A Di Đà nhất Phật, thành vô chung phước trí. Như đế võng nhất châu, đốn hiện vô tận châu bảo. Di Đà nhất Phật, tốc mãn vô biên tánh đức dã”.*

 Đoạn văn này vẫn là trong “A Di Đà Bí Thích” nói. Kinh văn càng nói càng hay, khiến chúng ta đối với danh hiệu Di Đà, vô lượng vô biên công đức có thể hiểu được. Ở trước nói rất nhiều, có thể nói toàn là bàn đến việc xưng tánh.

 Xướng A Di Đà chính là chúng ta to tiếng đọc câu Phật hiệu. Công đức của nó có thể diệt được trọng tội từ vô thỉ. Chúng ta mổi ngày đều xướng niệm, thì tội nặng từ vô lượng kiếp đến nay có thật sự diệt tận chăng? Hình như không có. Chẳng những không có, mà hầu như là tăng thêm tội nghiệp của chúng ta. Nên hiện nay có người bài xích Phật giáo, bài xích Phật A Di Đà. Tình hình này là sao? Chúng ta từ trước học cho đến đây trong lòng đều hiểu rỏ. Vấn đề của chúng ta ngày nay là ở chổ “biết không?” Chư vị cổ đức trong tông môn đều dùng lời này để khảo nghiệm người học. Giáo môn cũng không ngoại lệ. Quý vị biết niệm Phật chăng? Sao lại gọi là biết niệm? Sao gọi là không biết niệm? Điều này phải hiểu cho rỏ. Nếu không hiểu rỏ ta sẽ nói, lời trong kinh nói không đúng, là lời không thật. Nếu hiểu thì ta sẽ tin tưởng, lời trong kinh hoàn toàn không sai. Khi lâm mạng chung nhất tâm niệm mười niệm nhất định được vãng sanh. Biết niệm mới được.

 Tiêu chuẩn biết hay không biết này, trong Kinh Lăng Nghiêm “Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương”, đã dùng tám chữ rất đơn giản khai thị cho chúng ta, kiến lập tiêu chuẩn. Bồ tát Đại Thế Chí dạy: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”*.* Đây gọi là biết niệm. Niệm Phật như vậy thì chỉ cần niệm một tiếng Phật hiệu, trong kinh nói tiêu 80 ức kiếp trọng tội sanh tử. Đây đều là sự thật. Hai câu này chúng ta chưa làm được. Nếu làm được hai câu này, trình độ cao là lý nhất tâm bất loạn, trình độ thứ hai cũng là sự nhất tâm bất loạn. Không phải là công phu thành phiến. Công phu thành phiến không có công đức lớn như vậy.

 Sao gọi là đô nhiếp lục căn? Lục căn là nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý. Nhiếp là thu nó trở về. Mạnh Tử nói: “Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ”. Câu này của Mạnh Tử có thể dùng để chú giải đô nhiếp lục căn. Mạnh tử hiểu được, thật là đại thánh đại hiền. Lục căn của chúng ta nó chạy rong bên ngoài. Mắt chạy theo sắc trần, nhìn thấy sắc tướng, hợp với tâm ý của chính mình liền khởi tham ái, không hợp ý mình thì bài xích. Đây là mắt từ sáng đến tối chạy rong bên ngoài. Nhiếp là gì? Tức là thu trở về. Mắt không nên chạy rong bên ngoài, không nên chạy theo sắc tướng, mà phải thu trở về. Trở lại để nhìn điều gì? Trở là để nhìn vào tự tánh.

 Nhĩ không nên chạy theo âm thanh, phải thu trở về. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng pháp môn này. “Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”. Quay đầu lại sẽ kiến tánh. Chạy rong bên ngoài, những điều ta thấy đều là sắc trần, thanh trần, lục trần. Lục căn tiếp xúc với lục trần, đây là tạo nghiệp luân hồi, khó mà ra khỏi luân hồi lục đạo. Còn tạo nghiệp này đều là tội, nghiệp tội. Quả báo ở tam đồ rất đáng sợ. Ý căn. Ý là ý niệm, là tư tưởng. Nó duyên với pháp trần. Pháp trần là gì? Hình ảnh của tiền ngũ căn lưu lại gọi là pháp trần. Thông thường chúng ta gọi là ấn tượng, họ đang nghĩ.

 Khi nhãn nhĩ tỷ thiệt thân rời cảnh giới bên ngoài, thì nó nghĩ đến hiện tượng này. Hôm nay gặp được người nào đó, gặp được việc gì đó. Nó đang nghĩ những điều đó. Thậm chí chúng ta xem ti vi, nghe quảng cáo. Cũng là lục căn chạy rong bên ngoài, nhưng không ai hiểu để thu nó trở lại. Thu trở lại sẽ như thế nào? Trở thành nhất tâm. Chỉ tâm nhất xứ, chế tâm nhất xứ đó chính là thiền định. Thiền định không phải là ngồi xếp bằng xoay mặt vào vách, thật sự thiền định là chế tâm vào một chổ. Nên đi đứng ngồi nằm đều ở trong định.

 Trong kinh thường nói: “na già thường tại định, vô hữu bất định thời”. Trong nhị lục thời đều ở trong định. Dùng tâm như vậy niệm Phật sẽ được tịnh niệm. Tịnh là gì? Là không hoài nghi, không xen tạp. Chúng ta niệm Phật xen lẫn vọng niệm, khiến toàn bộ công phu đều bị phá hoại, thật không dể. Trong “Văn Sao” Ấn Quang đại sư cũng nói rất nhiều, chính là nói về công phu niệm Phật. Thông thường thật sự niệm Phật ở nơi niệm Phật đường, thời gian một cây hương. Người xưa không có nhiều đồng hồ. Thời gian niệm Phật trong điện Phật dùng cái gì để tính? Dùng hương để tính. Hương dài là một tiếng rưỡi, hương thường là một tiếng đồng hồ. Đây gọi là một cây hương.

 Trong một cây hương, còn có năm ba tạp niệm. Có đấy chứ chẳng phải không có đâu. Ấn Quang đại sư nói công phu như vậy cũng xem là không tệ. Công phu như vậy ở trong niệm Phật đường, ít nhất phải niệm trên ba năm. Một cây hương có thể giảm đến năm ba vọng niệm. Từ đó cho thấy, nếu trong cây hương này mà không có tạp niệm nào. Như vậy là công phu gì! Tại sao có tạp niệm? Chưa buông bỏ. Quá nhiều chuyện vướng bận. Điều này chẳng thể không biết. Có những tạp niệm này, niệm Phật chẳng những không thể diệt được tội, mà còn tăng thêm tội nghiệp, tăng trưởng tội nghiệp. Tăng trưởng tội nghiệp gì? Niệm Phật A Di Đà mà tâm không chân không thành. Vì sao? Bởi chưa thu nhiếp lục căn. Không chân, không thành, đó là dùng vọng tâm, chứ không phải dùng chân tâm. Quý vị nghĩ xem như vậy có tội hay không?

 Đối với pháp môn tịnh độ vẫn giữ thái độ hoài nghi. Cầu sanh thế giới tây phương Cực Lạc cũng đặt ra rất nhiều dấu hỏi. Thế giới tây phương Cực Lạc có thật hay không? Phật A Di Đà là thật hay là giả? Rất nhiều câu hỏi. Những vấn đề này đức Phật tuyệt đối sẽ không trách chúng ta. Vì sao? Vì thế giới Cực lạc không ở trên địa cầu, chưa từng có người đến đó xem qua. Người vãng sanh rồi cũng không trở lại báo cáo. Đi rồi thì bặt vô âm tín, như vậy làm sao khiến người ta tin được.

 Khi đức Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, pháp môn này tuy đã nhiều lần tuyên thuyết, kinh Vô Lượng Thọ đấy. Nhưng từ trước đến nay chưa từng có ai giải thích rỏ việc này, nên khiến cho chúng ta có nhiều nghi vấn. Pháp môn này Đức Phật cũng thừa nhận là pháp khó tin. Khó tin nhưng có thể tin, thật không dể! Khó tin nhưng tin được là nguyên nhân gì? Trong quá khứ đã từng học, nền tảng sâu dày. Nên đời này gặp được đã rất quen thuộc, chính là đạo lý này. Người như vậy cuối cùng cũng là số ít, còn phần đông vẫn rất khó tiếp thu. Tại sao người xưa không đem sự việc này, nói ra một cách tường tận rỏ ràng? Điều này do ta không biết, thật ra chư vị cổ nhân đã nói rất rỏ. Tâm người xưa tịnh hơn so với chúng ta hiện nay, vọng niệm cũng không nhiều như vậy.

 Chúng ta lấy điện thoại di động để làm ví dụ. Trước khi chưa phát minh ra điện thoại di động, điện thoại di động phát triển chưa lâu, chỉ mấy năm gần đây thôi. Tôi thấy nhiều nhất không quá 20 năm, 30 mươi năm trước không có điện thoại di động. Coi như là 30 năm, 30 năm người Trung Quốc gọi là một đời. Sau khi điện thoại di động phát triển, con người đã bị nó nhiễu loạn, vượt trội hơn người đời trước, nghĩa là con người của 30 năm trước, ít nhất là vượt trội hơn 100 lần. Như vậy tâm làm sao mà định được? Nếu tính trước đó 30 năm nữa, điện thoại chưa phát triển. Lúc đó điện thoại không dây còn chưa có, đều là điện thoại có dây. Còn có tổng đài nghe điện thoại, khoảng thời kỳ thế chiến lần thứ hai. Nên khi muốn biết thông tin phát sanh tình huống bên ngoài xã hội, thông thường ít nhất đều phải sau một tuần mới có thể nghe được. Không như bây giờ, hiện nay thông tin phát đạt. Bất cứ ở đâu trên thế giới xảy ra vấn đề nhỏ gì, trong vòng một tiếng thì toàn thế giới đều biết. Đây là chính con người đã hại mình. Người xưa nói rất hay, “tri sự đa thời phiền não đa, thức nhân đa xứ thị phi đa”. Quen biết nhiều người thì thị phi nhiều, biết được nhiều chuyện thì phiền não nhiều. Như vậy thì tâm làm sao mà thanh tịnh được? Làm sao có thể đô nhiếp lục căn?

 Đô nhiếp lục căn, biện pháp trước tiên là vứt bỏ điện thoại di động, cắt dây điện thoại ở nhà. Đây là thủ đoạn tất yếu để thu nhiếp lục căn. Một đoàn thể có một hai cái điện thoại di động là được, chuyên môn phụ trách liên lạc với người bên ngoài. Việc quan trọng thì nói với mọi người, không quan trọng thì chẳng cần nói. Người xưa nói rất hay “Ninh động thiên giang thuỷ, bất động đạo nhân tâm”. Nên biết tâm như mặt nước lặng, đây là cảnh giới tốt nhất.

 Chư Phật Bồ Tát công phu thiền định thâm sâu, điều này không có gì để nói. Các ngài động hay tĩnh đều nhất như. Lục căn của tiếp xúc với cảnh giới lục trần, nhưng tâm địa không chút nhiễm trước, đây gọi là công phu. Chúng ta không có được công phu này, nên biện pháp tốt nhất là cự tuyệt duyên bên ngoài. Họ có dụng cụ khoa học kỷ thuật, phát triển về thông tin ngày càng đổi mới. Tôi có quyền không tiếp nhận. Tôi không xem những thứ này, không nghe những thứ này, để duy trì thanh tịnh bình đẳng của chính chúng ta. Thanh tịnh bình đẳng giác là chân tâm của chúng ta. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là Phật A Di Đà. Nên tâm ta tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm ta.

 Dùng tâm như vậy niệm một danh hiệu Phật là tương ưng với tánh đức. Một tiếng niệm Phật tiêu 80 ức kiếp tội nặng sanh tử là không nhiều. Vì sao? Bởi tà không thắng chánh. Tội nghiệp là tà. Nhất niệm Phật hiệu là chánh, tà không thắng chánh. Một niệm chánh có thể địch lại vạn tà, vượt qua một vạn. 80 ức kiếp tội nặng sanh tử.

 *Niệm A Di Đà nhất Phật thành vô chung phước trí*. Vô chung là không có cảnh dừng lại. Thông thường chúng ta nói vô lượng vô biên vô số vô tận, nói không hết đại phước đại trí này. Vậy tại sao không niệm A Di Đà! Nếu thật sự chúng ta hiểu rỏ được điều này, sẽ biết rằng trong một ngày đến tối việc gì là quan trọng nhất. Niệm Phật quan trọng nhất. Niệm Phật thành tựu phước báo cho chúng ta, thành tựu trí tuệ cho chúng ta. Trí tuệ và phước báo đều là cảnh giới không có điểm dừng. Thật sự tu đại phước , tu đại trí không gì qua niệm Phật. Nhưng hiện nay mọi người lại không tin.

 Trong kinh đức Phật nói rất nhiều, nói rất rỏ ràng, rất thấu triệt. Thực sự tập khí phiền não của chúng sanh quá nặng. Nên họ đã nghe, không thể nói họ nghe không hiểu. Nhưng cũng không thể nói họ thật sự nghe hiểu. Thật sự hiểu sẽ y theo để thực hành, họ đã thực hành.

 Tôi giảng kinh dạy học đã 53 năm. Tôi học Phật bảy năm mới xuất gia. Học Phật bảy năm xuất gia, tôi học giảng kinh khi còn tại gia. Nên xuất gia là giảng kinh ở phật học viện, không làm những việc gì khác. Tụng kinh bái sám chưa từng tham dự. Thầy có dạy tôi một vài nguyên tắc nguyên lý, điều này cho tôi rất nhiều lợi ích. Chúng ta thường thấy trong kinh đức Phật dạy: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”. Chúng ta phải cố gắng phản tỉnh, mổi ngày ta đang nghĩ gì? Nghĩ điều gì thì trong cảnh giới nó hiện ra điều đó. Cảnh tuỳ tâm chuyển, tướng tuỳ tâm chuyển. Nếu mổi ngày đều nghĩ đến Phật A Di Đà, thì làm sao tướng chúng ta không tốt! Thân thể sao không tốt được!

 Phật A Di Đà là thân kim cang bất hoại. Nên mổi ngày đều nghĩ Phật A Di Đà, thì tự nhiên ta cũng trở thành thân kim cang bất hoại. Chính mình không hay không biết đã trở thành tướng hảo trang nghiêm. Tâm tưởng sinh mà. Hàng ngày nghĩ đến thế giới Cực Lạc, tất cả những thiên tai trên địa cầu của chúng ta tự nhiên sẽ không còn. Ít nhất thì nơi ta cư trú sẽ không có thiên tai. Sức mạnh của một con người, chưa kiến tánh thì sức mạnh có hạn. Sức mạnh này có thể ảnh hưởng đến nơi ở của ta. Chúng sanh có cộng nghiệp, hoá giải không nổi cộng nghiệp của toàn thế giới, nhưng có thể địch lại cộng nghiệp của khu vực này.

 Thành thị này có 100 vạn dân cư, một mình ta tu hành, thật sự niệm Phật A Di Đà, thì 100 vạn người này sẽ không gặp thiên tai. Điều này là thật, hoàn toàn không hề giả. Nên phải như lý như pháp. Nếu không biết niệm thì không còn cách nào khác. Tâm niệm Phật đó không như tâm người niệm Phật, là giả không phải thật, cho nên không thể chuyển được. Một câu Phật hiệu A Di Đà này, thật sự không thể nghĩ bàn.

 Một câu danh hiệu Phật tượng trưng cho tự tánh viên mãn, tánh đức viên mãn. Tượng trưng cho vô lượng kinh luận của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời đã nói, vô lượng pháp môn. Một câu danh hiệu là bao gồm tất cả. Các bạn đồng học nếu hỏi tôi, mổi ngày tôi niệm gì? Tôi nói với mọi người, tôi giảng bộ kinh nào thì đọc bộ kinh đó, chắc chắn không xem thứ khác. Bất luận giảng kinh gì tôi đều niệm Phật A Di Đà. Đều trở về với Phật A Di Đà để hồi hướng cầu sanh tịnh độ. Việc này tôi học Phật nhiều năm mới hiểu được. Tôi cảm ân, cảm ân thầy, cảm ân hộ pháp, cảm ân tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh thành tựu cho tôi. Họ không biết nhưng chính tôi hiểu rỏ. Chúng sanh khen ngợi tôi là họ thành tựu tôi, họ đang kiểm tra tôi. Tôi nghe rồi có sanh tâm vui thích hay không? Nếu nghe lời tán thán liền vui thích, tôi sẽ đoạ lạc. Vì sao? Vì họ đã khơi dậy phiền não của tôi. Hoan hỷ là phiền não. Hỷ- nộ -ai- lạc-ái-ố-dục gọi là thất tình, là phiền não. Người huỹ báng tôi, người sĩ nhục tôi, người hãm hại tôi đều là người tốt, việc tốt vì họ đang khảo nghiệm tôi. Tôi nghe rồi, tiếp xúc rồi có sanh tâm oán hận chăng? Nếu có tâm oán hận là tôi đã sai. Thanh tịnh bình đẳng giác của tôi đã mất thì làm sao chịu được thử thách? Cho nên nếu ta biết tu thì tất cả chúng sanh đều là Phật Bồ Tát.

 Phương pháp này là Chương Gia đại sư dạy tôi. Về sau 53 lần tham cầu học hỏi của Thiện Tài Đồng Tử trong kinh Hoa Nghiêm đã ấn chứng cho tôi, đây là phương pháp chính xác. Bất luận là thuận cảnh, ác cảnh, thuận duyên, ác duyên, trước sau đều phải duy trì thanh tịnh bình đẳng giác. Đây gọi là thật sự thực hành. Đối với tất cả chúng sanh sanh tâm cảm ân, nên mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành. Họ dùng tâm như thế nào không liên quan đến ta, không nên vọng tưởng. Quan trọng nhất là ta sanh tâm như thế nào. Người khác dùng tâm hành như thế nào để cảm, thì ta dùng tâm hành như thế để ứng. Cảm không quan trọng, ứng mới quan trọng. Trong ứng mà mang theo phiền não, mang theo ngu si, mang theo ngạo mạn là sai, sai đến cùng rồi.

 Vĩnh viễn không rời thanh tịnh bình đẳng giác, thanh tịnh bình đẳng giác là tam bảo. Thanh tịnh bình đẳng giác là Phật A Di Đà. Nương Phật A Di Đà chính là nương thanh tịnh bình đẳng giác. Nên trong thanh tịnh bình đẳng giác có vô lượng phước báo, vô lượng trí tuệ.

 Tôi học Phật 60 năm, nhiều người nghe nói như vậy cho là không đúng. Vì sao? pháp sư Tịnh Không suốt đời lưu lạc, không có chổ ở nhất định, đến chổ ở cũng không có, mà gọi là có phước báo sao? Người đời nhìn phước báo là nhìn về danh văn lợi dưỡng, đều là nhìn của cải địa vị và các thứ hưởng thụ, như vậy là sai. Tôi hỏi quý vị, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có phước báo chăng? có trí tuệ chăng? Suốt đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni có chổ ở chăng? Không có. Suốt đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni chưa kiến lập một đạo tràng nào, ngài đã sống cuộc đời du mục. Mổi buổi tối đều ngồi thiền nghỉ dưới gốc cây một chút là được. Hơn nữa một gốc cây tuyệt đối không ở hai đêm. Đêm thứ hai sẽ chọn cây đại thụ khác, để tránh tham luyến đối với cây này. Cho nên một cây chỉ ở một đêm không được hai đêm. Khất thực dọc đường, ngày ăn một bữa. Trong mắt của người đời thì đây là cuộc sống ăn xin. Như vậy ngài có phước báo, có trí tuệ chăng? Có phước báo, có đại trí tuệ.

 Ngày tôi học Phật là ngày Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, khuyên tôi học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi rất nghe lời. Thật là rất nghe lời, thật thà, và thật sự làm theo. Phước báo là gì? Trong lòng không có chướng ngại, thân tâm thanh tịnh. Không có chút tiêm nhiễm nào, an vui biết bao!

 Chúng ta nghe thấy, xã hội ngày nay rất nhiều người nói áp lực quá nặng. Nào là áp lực tinh thần, áp lực vật chất. Tôi cảm thấy tôi không có chút áp lực nào. Thầy Lý ở Đài Loan 38 năm, còn làm nên không ít sự nghiệp. Phật giáo Liên Xã Đài Trung do Thầy sáng lập. Thư viện Từ Quang, bệnh viện Bồ Đề, còn có viện dưỡng lão, hai chổ nuôi trẻ mồ côi. Thầy đã làm nên không ít sự nghiệp. Kiêm dạy trong ba trường đại học. Tôi theo thầy 10 năm, nên rất hiểu. Thật không dể chút nào. Có sự nghiệp thì phải lao tâm, phải có hạnh Bồ Tát, phàm phu không làm được. Nhiều sự nghiệp như vậy làm sao có thể bảo chứng là tâm mình thanh tịnh? Nên những người này là Phật Bồ Tát tái sanh, không phải người phàm .

 Chư Phật Bồ Tát đến thế gian này là vì phục vụ cho chúng sanh, đến để thành tựu người có duyên. Bồ tát đến làm hộ pháp. Những người có thiện căn thành tựu trong đời này, giúp họ tu hành, giúp họ khai ngộ, giúp họ chứng quả, giúp họ vãng sanh. Đó không phải là phàm phu, phàm phu làm không được. Nên thầy Lý thường nói với tôi. Thời xưa, các vị phương trượng trú trì trong danh sơn bảo sát đều là người tái sanh. Thiện Đạo đại sư là Phật A Di Đà tái sanh. Phương trượng của Thiên Thai sơn ở Triết Giang, Trí Giả Đại Sư là Đức Thích Ca tái sanh. Vĩnh Minh Diên Thọ cũng là Phật A Di Đà tái sanh. Đều không phải là người phàm.

 Chúng ta học Phật điều trước tiên phải biết chính minh. Chính mình là phàm phu, nhất định phải học quy củ. Không có quy cũ sẽ chẳng thành hình. Quy củ là giới luật. Ngày nay Phật giáo suy yếu, suy yếu đến cùng. Nguyên nhân do đâu, do giới không còn. Người tại gia học Phật không thực hành được thập thiện nghiệp đạo. Thập thiện nghiệp đạo không thực hành được, thì tam quy ngũ giới đều là giả không phải thật. Người xuất gia học Phật, Sa di luật nghi không giữ được. Sa di luật nghi không giữ được, thì Tỳ Kheo giới, Bồ tát giới cũng không phải thật. Như vậy nên Phật giáo đã suy yếu.

 Thấy Lý lúc còn tại thế thường nói: “có chùa mà không có đạo, giáo pháp không thể hưng thịnh”. Thế xuất thế gian pháp, nhân tài là đệ nhất! Bồi dưỡng có được nhân tài, ít nhất phải hai ba mươi năm. Khó khăn lớn nhất hiện nay là gì? Gốc của chúng ta không còn. Từ xưa đến nay, từ Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang đều có lịch sử ghi chép. Cho đến những năm cuối của nhà Thanh, đều hiểu cội rễ giáo dục. Dân quốc thành lập đến nay đã 100 năm, cội rễ giáo dục không chỉ lãng quên, mà không còn nữa. Đến khái niệm cũng không có. Được mấy người biết được cội rễ giáo dục? Cội rễ giáo dục của người xưa là dạy từ trong bụng mẹ\_thai giáo. Khi mẹ mang thai, biết được trong thời kỳ mang thai đứa trẻ, tư tưởng hành vi của người mẹ, nó đều bị ảnh hưởng. Nên thời kỳ mang thai tư tưởng phải đoan chánh. Không có tà niệm, không có tự tư, không có ngạo mạn, không có tham sân. Những điều này rất quan trọng. Nếu như có những tập khí này, thì khi đang mang thai đứa trẻ sẽ học theo, nó sẽ học hư. Ta làm sao dạy được.

 Sanh ra đến ba tuổi, 1000 ngày này là giai đoạn cội rễ giáo dục. Giáo dục này ai chịu trách nhiệm? Người mẹ chịu trách nhiệm. Ngày nay chúng ta giảng “Đệ Tử Quy”, “Cảm Ứng Thiên”, “Thập Thiện Nghiệp”. Trên thực tế người mẹ phải làm được, làm để đứa trẻ thấy. Tuy đứa trẻ mới ra đời chưa hiểu chuyện, chưa biết nói. Nhưng nó biết nhìn, biết nghe. Chúng đã bắt đầu học theo, đang học tập. Đây thật sự chính là những điều cổ nhân nói: “thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên”. Chúng đang bắt chước đang học tập. Nên ngạn ngữ xưa có câu: “Tam tuế khan bát thập, thất tuế khán chung thân”. Những điều ba tuổi học được, đến 80 tuổi cũng sẽ không mất đi. Bây giờ giáo dục này không còn nữa, đến nghe cũng không còn nữa.

 Trẻ con phải từ sáu bảy tuổi mới bắt đầu học. Đã trể, nó đã học những điều xấu. Nên Trung Quốc mấy ngàn năm lại đây xã hội an định, quốc gia trị an lâu dài. Dựa vào điều gì? Dựa vào gia giáo, dựa vào người mẹ. Dạy trẻ em đều dạy rất tốt, đều dạy thành thánh hiền quân tử. Nên mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành. Bây giờ không còn nữa. Hiện nay ai dạy? Ti vi đang dạy. Trẻ con vừa mới chào đời mở mắt đã nhìn ti vi, nên ti vi đang dạy chúng. Dạy chúng điều gì? Dạy chúng bạo lực, sắc tình, sát đạo dâm vọng. Đến tuổi đi học, ở trường học của ngoại quốc, tiểu học lớp một đã dùng vi tính. Vi tính thì ngoài nội dung dạy học của nó ra, còn có thể nhận được rất nhiều thông tin, trẻ con cũng nhận được. Cha mẹ không dạy nó, chỉ có vi tính dạy nó.

 Hiện nay người lớn rất đau đầu, vì trẻ con không dể dạy. Các thầy giáo ở trường cũng đau đầu, vì học trò khó dạy. Tôi đã thấy rất nhiều, khó! Rất khó. Trong tình trạng này, có thể có thánh hiền quân tử xuất thế ư? Có thể có Phật Bồ tát tái sanh ư? Phật Bồ Tát tái sanh cũng phải chịu khảo nghiệm rất nghiêm khắc, xem có thể thông qua không? Không thông qua được thì sẽ đoạ lạc. Hằng ngày xem ti vi có thể không bị nhiễm ô sao? Hàng ngày chơi vi tính có thể không động tâm ư? Ngày nay chúng ta giảng về Phật học, giảng đến niệm Phật, ta đang dùng tâm gì để niệm Phật? Trong kinh nói những công đức lợi ích này. Vô lượng trí tuệ, vô lượng phước đức hoàn toàn là thật. Đáng tiếc ta dùng tâm và thái độ không đúng.

 Phật giáo đại thừa trước tiên là dạy người phát bồ đề tâm. Như thế nào là tâm bồ đề? Gốc của tâm bồ đề, bản thể là chân thành. Trong “Quán Kinh” nói là “chí thành tâm”. Trong “Khởi Tín Luận” nói là “chân tâm”. Khi chúng ta cùng nhau học tập. Tôi nói dễ dàng hơn, tôi dùng chân thành. Chân thành là thể, khởi tác dụng đối với chính mình là tự thọ dụng. Dùng tâm như thế nào đối với chính mình? Tôi lấy năm chữ trên đề kinh Vô Lượng Thọ, “Thanh tịnh bình đẳng giác” để đối với chính mình. Dùng tâm này đối xử chính mình, chính là vô lượng trí tuệ, vô lượng phước báo. Phước báo không phải là của cải, phước báo không phải là địa vị. Phước báo là an vui, phước báo là hoan hỷ. Như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Đây là phước báo.

 Trí tuệ là do tâm thanh tịnh sanh ra trí tuệ, không cần tìm cầu. Thật sự đến thanh tịnh bình đẳng, người ta đến hỏi bất luận là vấn đề gì đều có thể tuỳ khẩu giải đáp. Nếu gặp những vấn đề hơi gay go, khi giải đáp xong nghĩ lại sao ta lại có năng lực này. Không ngờ, sao tôi lại trả lời hay như vậy. Trí tuệ của tự tánh khởi tác dụng, không phải bên ngoài đến. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng sẽ thông trí tuệ. Nó là chân tâm, không cần phải suy nghĩ, không cần nghiên cứu, không cần những thứ đó. Dụng công không có gì ngoài 8400 pháp môn. Đức Phật nói “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”. Nên bất luận là học pháp môn nào, chúng ta gặp được đều nên cung kính lễ bái tán thán, học Thiện Tài Đồng Tử. Quý vị xem, Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham bái cầu học. 53 vị thiện tri thức pháp môn học của mổi người không giống nhau. Thiện Tài Đồng Tử thấy ai cũng lễ bái tán thán, như vậy là đúng. Vì sao? Tất cả đều có thể kiến tánh. Còn đối với chính mình học pháp môn nào, đó nhất định xem căn tánh của mình. Thiện Tài tu pháp môn niệm Phật.

 Ngài tham phỏng vị thiện tri thức đầu tiên là Đức Vân Tỳ Kheo trong “Bát Thập Hoa Nghiêm”, và Kiết Tường Vân Tỳ Kheo trong “Tứ Thập Hoa Nghiêm” là một người. Nghĩa của kiết tường chính là đức. Kiết Tường Vân tượng trưng cho sơ trú Bồ Tát, ngài tu pháp môn gì? Thuyền châu tam muội, chuyên niệm A Di Đà Phật. Thiện Tài Đồng Tử tham vấn và học với ngài, dạy cho Thiện Tài 21 môn pháp môn niệm Phật. 21 là tượng trưng của Mật tông, tượng trưng cho đại viên mãn. Triên khai 21 môn này là bao gồm vô lượng vô biên pháp môn, tất cả đều trở về Tịnh độ. Tuyệt diệu không thể nói! Vị thiện tri thức sau cùng là Bồ Tát Phổ Hiền.

 Quý vị xem, vị thầy đầu tiên tu thuyền châu tam muội, chuyên niệm Phật A Di Đà. Vị thiện tri thức sau cùng là Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc. Quý vị thấy lần tham bái đầu tiên và lần sau cùng sẽ hiểu được Thiện Tài tu gì? Ngài tu pháp môn niệm Phật. Trong đó 51 vị thiện tri thức tượng trưng cho đại thừa tiểu thừa vô lượng vô biên pháp môn. Ngài tham vấn nên biết và thấu triệt tất cả các pháp môn, nhưng chính mình vẫn chọn pháp môn niệm Phật. Như vậy tại sao phải đi tham vấn? Để thành tựu hậu đắc trí, không điều gì là không biết. Ngài mới có thể giáo hoá chúng sanh. Chúng sanh căn tánh bất đồng, họ thích gì thì dạy cái đó, không chút miễn cưỡng.

 Đến khi cảnh giới của ngài nâng lên tầng lớp nhất định, thì tất cả đều trở về Tịnh độ. Tu thành công vô lượng pháp môn, chứng được địa vị sơ địa Bồ Tát Biệt Giáo. Họ đi đến đâu? Tất cả đều đến thế giới Hoa Tạng. Sau khi đến Hoa Tạng, Văn Thù Phổ Hiền lãnh đạo họ đến thế giới Cực Lạc. Như vậy mới biết sự thù thắng của thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc được Phật Tỳ Lô Giá Na tán thán. Tỳ Lô Giá Na Phật không đố kỵ. Văn Thù, Phổ Hiền là đại đệ tử của ngài, là trợ giáo\_người giúp ngài giáo hoá chúng sanh. Đem tất cả học trò này đến thế giới Cực Lạc. Nên Phật A Di Đà được tất cả chư Phật tôn xưng là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Pháp môn này khó hiểu nhưng dễ hành. Hiểu được thế giới Cực Lạc thì khó nhưng vãng sanh thì dễ. Biết niệm thì dễ dàng vãng sanh, nhưng biết thì quá khó. Đặc biệt là áo nghĩa thâm sâu của câu danh hiệu Phật này, thật là vô lượng vô biên vô tận vô số. Ý là nói không bao giờ cùng tận.

 *“Như đế võng nhất châu, đốn hiện vô tận bảo châu”.* Ví dụ này khi Đức Thế Tôn giảng kinh thường dùng. Đế chính là trời Đế Thích, người xưa gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế. Trong kinh nói Đao Lợi Thiên Chủ chính là ông ta. Trong cung điện Thiên Vương có mành lưới. Mổi chổ giao nhau của mành lưới đều có châu bảo, hạt châu tròn, có thể nhìn thấy tất cả châu bảo khác. Tất cả châu bảo đều trong một viên châu, hiện ra vô tận châu bảo. Đem viên châu này để so sánh với Phật A Di Đà, còn các viên châu khác là tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời. Công đức niệm một vị Phật này là có tất cả chư Phật ở trong đó. Niệm một vị Phật chính là niệm tất cả Phật, niệm tất cả Phật chính là niệm một vị Phật.

 Nếu tôi nói tôi không niệm Phật A Di Đà, tôi niệm Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni được chăng? Được. Phật Thích Ca là một vị Phật trong đó, có hàm nhiếp Phật A Di Đà chăng? Có hàm nhiếp. Viên dung, tự tại. Niệm Phật nào cũng được, chỉ cần nhất tâm xưng niệm, như vậy mới có thể kiến tánh. Lúc thế này lúc lại khác là không thể kiến tánh, vì sức mạnh bị phân tán. Nên chỉ được tu một pháp môn. Một pháp môn nhưng vì sao có nhiều đức Phật cường điệu Phật A Di Đà thế? Vì A Di Đà có đới nghiệp vãng sanh, còn các pháp môn khác của tất cả chư Phật không có đới nghiệp vãng sanh. Nên Đức Phật tán thán Phật A Di Đà. Ngài đới nghiệp vãng sanh, vị khác không có đới nghiệp. Không đới nghiệp thì rất khó. Chúng ta cần phải đoạn tận hết tập khí phiền não từ vô lượng kiếp của mình, mới có thể thành tựu. Thế giới tây phương Cực Lạc không cần, chỉ cần khống chế tập khí của nghiệp không cho nó khởi tác dụng là có thể vãng sanh. Nên chư vị cổ đức có một ví dụ, đoạn phiền não giống như nhổ cỏ tận gốc vậy, phải đào cho sạch. Đới nghiệp vãng sanh không cần nhổ cỏ tận gốc, giống như dùng tảng đá đè nó xuống đừng để nó khởi tác dụng là được. Quý vị nghĩ xem tảng đá đè cỏ dễ hay nhổ cỏ tận gốc dễ? Khai ngộ, chứng quả, thành Phật nhất định phải nhổ cỏ tận gốc. Việc nhổ cỏ tận gốc này đến thế giới Cực Lạc làm tiếp, không làm ở đây. Ở thế giới Cực Lạc ta nhất định làm được. Vì sao? Thế giới Cực Lạc là trường học. Nên việc này nhất định phải hiểu rỏ ràng.

 Thế giới Cực Lạc chỉ có hai hạng người. Thầy là Phật A Di Đà, còn lại đều là học sinh. Chư thượng thiện nhơn là đồng học, Bồ Tát đều là sư huynh. Thế giới Cực lạc có tứ độ, cũng giống như tiểu học, trung học, đại học và nghiên cứu sở. Đồng cư độ là tiểu học. Phương tiện độ là trung học. Thật báo độ là đại học. Thường tịch quang độ là nghiên cứu sở. Nó là trường học. Thế giới Cực Lạc không có tổ chức chính trị. Thế giới Cực Lạc không có sĩ nông công thương. Nên thế giới Cực Lạc rất đơn thuần, chỉ có thầy và học trò. Chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, nên biết là chúng ta đi học. Tốt nghiệp sẽ thành Phật.

 Phật A Di Đà là vị thầy tốt nhất, từ bi nhất trong các chư Phật. Thành lập đạo tràng này, thành lập trường học này hoàn toàn là thành tựu chúng sanh không có năng lực đoạn hoặc trong lục đạo. Thành tựu cho lớp người này, khiến cho hạng người đó trong một đời gặp được pháp môn này, gặp được Phật A Di Đà, như vậy là có duyên. Nếu thật sự có thể nghe hiểu, có thể lý giải, có thể khẳng định. Quyết định buông bỏ tất cả pháp trong thế và xuất thế gian, nhất tâm chuyên niệm. Như vậy thì chẳng có ai không vãng sanh, chẳng có ai không thành tựu. Một thành thì tất cả điều thành.

 Pháp mà tất cả chư Phật nói, pháp môn mà tất cả chư Phật tu ta sẽ đạt được hết. Nên nói *“Di Đà nhất Phật tốc mãn vô biên tánh đức dã”.* Tổng kết này rất hay. Tánh là tự tánh. Tự tánh vốn đầy đủ trí tuệ đức tướng, là đại viên mãn. Không có chút khiếm khuyết nào. Trong đời này của chúng ta có thể nắm bắt được, cơ hội này không thể bỏ lỡ. Bỏ lỡ thì thật đáng tiếc!

 *“Dĩ thượng Bí Thích chi thuyết”.* Tất cả những điều giảng trên đây đều trong cuốn sách A Di Đà Bí Thích. *“Đốn khai chư Phật bí tạng. Trực hiển trì danh nhất pháp, nhiếp cái nhất thiết pháp công đức, chuyên niệm Di Đà. Tức khả tấn tốc viên mãn, tự tánh bổn cụ chi vô biên diệu đức”.*

 Hoàng Niệm Tổ đúc kết rất hay, tổng kết quá hay. Việc này chư vị đã biết, chẳng phải Phật không từ bi, chẳng phải chư vị tổ sư không từ bi. Các ngài đã nói rỏ ràng như vậy, minh bạch như vậy. Người xưa họ hiểu tất cả không có chút nghi hoặc nào. Trừ phi không có duyên tiếp xúc đến. Đây đều là do ngày xưa kỷ thuật in ấn không phát triển, nên số lượng kinh điển lưu thông ở thế gian không nhiều. Có thể gặp được thực sự rất hiếm có. Không như bây giờ giá thành rất thấp, in ấn rất dễ dàng. Đặc biệt hiện nay dùng internet, dùng ti vi dễ dàng biết bao.

 Chúng ta ở đây mọi người cùng nhau học tập. Rất nhiều người đồng tu gọi điện cho tôi như ở Mỹ, Trung Quốc, HongKong, Đông Nam Á, Âu Châu. Hôm qua còn có người gọi điện cho tôi nói, pháp sư chiều hôm qua sao thiếu một bài giảng? Chúng con không nghe thấy. Tôi nói, hôm qua chúng tôi làm lễ kỷ niệm thầy, buổi chiều thực hành tam thời hệ niệm nên bài giảng này dừng lại. Có thể biết được họ rất siêng nghe giảng, cơ hội như thế này ngày trước không có. Duyên này sẽ không có. Vì số lượng kinh lưu thông ít.

 Như kinh Vô Lượng Thọ bây giờ, khi in ít nhất là một vạn cuốn. Khi nhiều in năm vạn cuốn, mười vạn cuốn. Chúng tôi in như vậy là để tặng. Ngày xưa được vậy thì quá tốt đúng không? Ngày xưa in mười cuốn, hai mươi cuốn là đã quá nhiều rồi. Có thể in trên 100 cuốn đó là gia đình giàu có. Trước đây giá thành của sách rất cao, toàn là thủ công. Chúng tôi muốn giúp người đời, nên trước đây đã giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lần. Lần này đặc biệt chọn chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Tôi thấy ông chú giải quá vất vã. Khi chú giải kinh sức khoẻ không được tốt, thân mang trọng bệnh. Thật là dùng thân mạng để làm. Nhưng cuối cùng Tam bảo gia trì, ông được toại nguyện, cuốn chú giải này đã hoàn thành.

 Chúng tôi quen biết nhau khi tuổi đều đã lớn. Hoằng truyền bản hội tập của Hạ Liên Cư lúc đó chỉ có hai người chúng tôi. Ông ở trong nước, tôi ở nước ngoài. Hai người chúng tôi gặp nhau vui mừng vô hạn. Ông hoan hỷ tôi cũng hoan hỷ vì đã tìm được đồng bạn. Ông là truyền nhân của Hạ Liên Cư. Pháp môn này là cư sĩ Lý Bính Nam truyền cho tôi.

 Bản hội tập này ở Đài Trung thầy Lý giảng qua một lần, rồi đem bản thảo của mình cho tôi. Bản thảo của thầy Lý là chú thích ở lề sách, tôi cũng đã đem nó in ra. Đại khái có khoảng mấy mươi vạn cuốn lưu hành trên toàn thế giới. Bản này thầy Lý khẳng định, tôi cũng khẳng định, đây là chính ngàn năm thời mạt pháp gặp được Phật pháp. Có thể thật sự một đời thành tựu vãng sanh Cực Lạc chính là bộ kinh này, chính là chú giải này. Nên chúng ta ngày nay dùng chú giải này, để mọi người cùng nhau học tập, chia sẽ báo cáo tâm đắc những điều tôi đã học được. Chúng tôi xưng là Diễn Nghĩa, cung cấp thêm tư liệu cho các bạn đồng học tham khảo. Nên hiểu một cách rỏ ràng rằng, trong đời chỉ một bộ kinh, một bộ chú giải, một câu A Di Đà Phật ta sẽ thành công!

 Bí quyết thành công, điều kiện thứ nhất chính là buông bỏ vạn duyên. Buông bỏ thân tâm tự tại và an vui không gì sánh bằng. Người xưa nói, sống đến già, học đến già học cũng không hết. Học không hết ở đây không phải là nhiều mà là thâm sâu. Nghĩa lý kinh điển thâm sâu không cùng tận. Ngày trước tôi giảng qua mười lần, nếu quý vị có thời gian để nghiên cứu, tôi giảng mổi lần không giống nhau. Nên tôi không lưu lại những thứ của mình. Đều do người khác làm còn tôi thì không.

 Ngày xưa khi còn làm học sinh, thầy không cho phép viết bài. Chúng tôi hơn 20 học sinh nghe thầy giảng kinh, thầy sắp chổ ngồi của tôi ngay ở giữa bàn đầu tiên, đối diện với thầy. Dạy tôi nhất tâm chuyên chú nghe giảng, không nên viết bài. Tôi hỏi thầy vì sao? Thầy nói, sang năm cảnh giới của tôi đã cao hơn không như năm nay, nên những thứ tôi viết đều vô dụng. Tôi nghĩ có lý, thật sự là như vậy. Cảnh giới mổi năm mổi cao hơn, nên năm ngoái giảng với năm nay không giống nhau. Không phải cùng một cảnh giới thì giữ nó làm gì?

 Nhưng đối với người mới học thì hữu dụng. Tại sao? Trước đây nói cạn, càng nói càng sâu, càng nói ý nghĩa càng rộng. Nên người mới học nghe những điều đó dễ hiểu, còn nghe những lần sau khó hiểu hơn. Nhưng cần phải nghe. Nên các vị nghe tôi giảng kinh, những đĩa, ghi âm. Nghe kỷ sẽ thấy mổi năm giảng đều không giống nhau. Đây chính là “kỳ lạc vô cùng, pháp hỷ sung mãn, lạc thử bất bì”. Niềm vui này ở cõi trời hay cõi người đều tìm không thấy. Thật sự gọi là lìa khổ được vui. Nếu làm việc mà không có niềm vui, làm điều này để chịu khổ thì làm để làm gì? Tôi sẽ không làm!

 Ai muốn chịu khổ? Lạc, chân lạc. Người đời có nằm mơ cũng không nghĩ đến được. Đây là “tấn tốc viên mãn tự tánh, bổn cụ chi vô lượng diệu đức”.Trong Hoàn Nguyên Quán nói bốn loại, bốn cương lĩnh. “Tuỳ duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc, nhu hoà chất trực, đại chúng sanh khổ”. Đại chúng sanh khổ tức là vì chúng sanh làm gương lìa khổ được vui thật sự. Nói với họ họ nghe không hiểu, nên phải làm như vậy để họ thấy, họ sẽ hiểu. Người đời mê hoặc điên đảo. Chúng ta không học Phật sẽ như người đời không có gì khác. Sau khi học kinh Phật rồi mới hiểu, mới biết mình đã sai. Nghĩ sai, làm sai. Nên chúng ta làm gương, từ trong tội ác, khổ nạn, từ trong nghiệp chướng đi ra nhẹ nhàng dễ dàng.

 Người thật sự có duyên và muốn học, khi nghe thấy và nhìn thấy như vậy. Nếu họ đi con đường này nhất định được thông suốt. Con đường này chính là đường lớn mà chư Phật Bồ Tát đã đi. Phải tin rằng, con đường này có thể thông đạt tự tánh, thông đạt bồ đề.

 *“Như thượng diệu đế trực thị Phật chi tri kiến, chánh hiển thử pháp thật thị, nhất thiết thế gian nan tín chi pháp”.*

 Nói rất hay. Diệu đế là chân lý, người thời nay gọi là chân lý. Trực tiếp chỉ rỏ tri kiến của Phật. Trong kinh Pháp Hoa nói “Khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến”. Chư Phật Bồ Tát, chư vị Tổ Sư đã làm cho chúng ta. Người biết học gọi là thiện học, người biết học. Vừa tiếp xúc đã khai ngộ, ngộ tri kiến của Phật. Đã chứng nhập, nhập vào tri kiến của Phật. Giáo hoá của Phật thành tựu viên mãn. Pháp này đích thực là pháp khó tin trong tất cả thế gian, nhưng nếu thật sự tin tưởng thì vấn đề gì cũng có thể giải quyết. Không tin, không tin ta sẽ có phiền phức.

 *“Hựu ‘A Tự Quán’ viết, tự a tự xuất nhất thiết đà la ni, tự nhất thiết đà la ni sanh nhất thiết Phật”.* Điều này là trong “A Tự Quán” nói. “A” là nguyên âm. Văn tự ngữ ngôn trên toàn thế giới, thì mẫu âm đầu tiên chính là “a”. Nên từ chữ “a” mà sinh ra tất cả đà la ni. Đà la ni là phạn ngữ, dịch sang chữ Hán có nghĩa là tổng trì. Tổng tất cả pháp, trì tất cả nghĩa. Giống như người ta thường gọi là cương lĩnh. Tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc. Chính là ý này. Từ đà la ni sanh tất cả Phật. Tất cả ở đây chính là vô lượng pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Mổi pháp môn đều có thể thành Phật đạo, dù là phương pháp hành trì không giống nhau. Nhưng nếu ta quan sát tỷ mỷ thì chỉ có một mục tiêu, một phương hướng. Bí quyết tu hành cũng là một, bí quyết chính là nhìn thấu, buông bỏ. Nhìn thấu là đối với chân tướng sự thật, thật sự minh bạch gọi là nhìn thấu. Khi đã nhìn thấu thì tự nhiên không còn chấp trước, không còn phân biệt nên họ sẽ buông bỏ. Nhìn thấu là trí tuệ, buông bỏ là công phu!

 Nếu nói ta học rất nhiều, nên hình như đã nhìn thấu, nhưng chưa buông bỏ một điều gì. Chương Gia đại sư nói, nhìn thấu đó là giả, chưa nhìn thấu, nên phải thừa nhận. Khai thị này rất quan trọng!

Vì sao? Tập khí của chúng ta xưa nay thường cảm thấy tôi học cũng không tệ, nhưng bị thầy dùng tiêu chuẩn để đo lường mới biết không có giá trị. Là thật chứ không phải giả, vẫn chưa buông bỏ! Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, chưa buông bỏ những vẫn có thể nói được như thế. Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh. Tam tâm bất khả đắc, mà ta vẫn dùng tam tâm như vậy làm sao được? So với Chư Phật Như Lai, với những pháp thân Bồ Tát, cho đến Thanh Văn Duyên Giác đều không sao sánh bằng. Người ta thật sự buông bỏ, thật sự được tự tại, chúng ta vẫn còn thị phi nhân ngã. Sai, sai đến cùng. Nếu đời này mà còn sai lầm nữa thì phiền phức rất lớn. Vì sao? Khi mất thân người thì đến bao giờ mới đạt được thân người? Được thân người đến bao giờ mới nghe được Phật Pháp? Sai lầm này có thể phải trải qua rất nhiều kiếp. Không phải dùng ngàn năm vạn năm để ghi, phải trải qua rất nhiều kiếp mới gặp được một lần.

 Cư sĩ Bành Tế Thanh nói rất hay. Đời này chúng ta có nhân duyên gặp được tịnh độ, là ngày hy hữu khó gặp nhất từ vô lượng kiếp đến nay, nhưng chúng ta đã gặp được. Vô lượng kiếp hy hữu khó gặp ta mới gặp được, cơ hội này bỏ lỡ thì phải qua vô lượng kiếp nữa. Gặp được nếu có thể hiểu rỏ nắm bắt, thì ngay trong đời này chắc chắn thành tựu. Như vậy là đúng. Bỏ lỡ cơ hội này thì khó mà có lại. Như vậy có thể không được buông bỏ sao? Có thể không xả bỏ sao? Không xả bỏ thì thiệt thòi lớn, tiếp tục ngụp lặn trong luân hồi lục đạo. Thật sự buông, thật sự xả thì đến thế giới Cực lạc làm Phật.

 Trong danh hiệu Phật, một chữ a mà công đức đã như vậy. *“Cố Phật hiệu chi công đức, bất khả tư nghì, minh hỷ”.* Như vậy chúng ta sẽ hiểu rỏ. Một chữ mà công đức đã không thể nghĩ bàn như thế, vậy thì câu “Nam Mô A Di Đà Phật” thì công đức làm sao có thể tính đếm được? Then chốt là ở chỗ biết niệm hay không. Hiện nay người học đạo, học Phật cho đến học thiện pháp thế gian, thật sự rất khó. Khó chỗ nào? Khó ở chổ không biết dụng tâm, dụng tâm sai lầm. Dùng vọng tâm không biết dùng chân tâm. Cách nói này rất thâm sâu, không dể hiểu.

 Chúng ta nói cụ thể một chút, cạn một chút. Người bây giờ không có tâm hiếu thảo cha mẹ. Không hiểu hiếu là gì, không ai dạy họ. Không có tâm tôn sư trọng đạo. Không có tâm thành tín, không có tâm cung kính. Không có lòng cảm ân, không có tâm khiêm hạ. Họ học gì cũng không thành. Dù cho Khổng Tử đến dạy họ cũng vô dụng. Phật Bồ Tát đến dạy họ cung vô ích. Họ chỉ nghe qua loa, trồng thêm một chút chủng tử trong A lại da mà thôi. Lợi ích mà họ đạt được chính là điều này. Nhưng lợi ích này cũng không thể nghĩ bàn, nhiều đời nhiều kiếp sau họ lại gặp, thì chủng tử này sẽ khởi hiện hành, khởi tác dụng và bắt đầu học tập. Mới học được chút ít, thọ mạng đến thì họ lại đi. Qua vô lượng kiếp nữa lại gặp được, lại học thêm một ít. Khó! Nên nhiều kiếp luân hồi.

 Hoàng Niệm Tổ viết chú giải này, trích dẫn rất nhiều nguyên văn kinh luận để cho chúng ta tham khảo. Công đức này thật vô lượng vô biên. Chúng ta muốn tìm nhiều sách như vậy cũng không tìm thấy. Đọc bộ chú giải này, chính là đọc 193 loại tư liệu quan trọng trong kinh luận. Giúp chúng ta phá mê sanh tín, giúp chúng ta quay đầu là bờ, giúp chúng ta kiên định tín tâm. Đời này nhất định được về tịnh độ, thời gian càng nhanh càng tốt.

 Bây giờ con người trên toàn thế giới đều biết, địa cầu sẽ có thiên tai. Trước đây tôi đi qua các nước trên thế giới, quen biết rất nhiều nhân sĩ cấp cao. Trước giờ chưa từng bàn đến vấn đề thiên tai. Mùa xuân năm ngoái, tôi phỏng vấn 10 tôn giáo ở Âu Châu. Khi tiếp xúc với họ, họ đều chủ động đề xuất vấn đề thiên tai. Tôi rất ngạc nhiên. Tháng sáu năm ngoái, tôi đi với đoàn tôn giáo Malaysia để phỏng vấn toà thánh Vatican. Giao lưu với chủ giáo toà thánh Vatican. Ở toà thánh Vatican hai ngày, họ cũng đưa ra vấn đề thiên tai.

 Tối nhớ năm 2005 tôi có phỏng vấn qua một lần, họ không đưa ra vấn đề này. Lúc đó Giáo hoàng là Bênêđitô, không bàn đến vấn đề này, chỉ bàn đến vấn đề về tôn giáo. Nên năm ngoái, năm này mọi người đều bàn luận đến về vấn đề thiên tai. Có thể thấy mọi người đều rất coi trọng việc này. Tháng 8 năm ngoái, có năm nhà khoa học người ngoại quốc, tổ chức hai ngày toạ đàm ở Tuyết Lê. Học viện chúng tôi cũng phái bảy tám người đến tham dự, họ viết một bài báo cáo cho tôi xem. Trong đó có mấy người là học giả nổi tiếng trên thế giới. Nửa phần báo cáo trước là nói đến một vài thành tựu của lượng tử lực học thời cận đại. Chúng tôi nhìn thấy đều rất hoan hỷ, vì nó hoàn toàn tương đồng với những gì trong kinh đại thừa nói.

 Họ phát hiện nguồn gốc của vật chất. Như thế nào gọi là vật chất, như thế nào gọi là tinh thần. Ngày càng tiếp cận với cách nói của pháp tướng tông. Đã chứng minh được những điều mà Ái Nhân Tư Thản nói. Sự kết hợp của Tôn giáo và khoa học, Ái Nhân Tư Thản cho rằng dể nhất là kết hợp với Phật giáo. Nửa sau của bản báo cáo chính là thảo luận lời dự đoán về thiên tai năm 2012 ở Mã Nhã. Do ông Bố Lai Đăng người Mỹ đưa ra. Nếu con người trên toàn thế giới đều có thể bỏ ác hướng thiện, cải tà quy chánh, đoan chánh tâm niệm. Thiên tai này có thể hoá giải. Chẳng những có thể hoá giải, mà còn dẫn địa cầu hướng đến một tương lai tốt đẹp hơn. Lời nói này quá hay, như trong kinh Phật nói vậy.

 Nhưng vấn đề là con người ở thế gian này ai chịu quay đầu? Ai chịu đoạn ác tu thiện? Ai chịu cải tà quy chánh? Vấn đề là ở đây. Vấn đề này tháng sáu năm ngoái ở toà thánh vatican, chủ giáo đoàn có thảo luận đến. Những thảo luận của tôi và họ, ý nghĩa hầu như hoàn toàn tương đồng. Ứng phó với thiên tai này, chỉ có dựa vào tín đồ của tôn giáo. Trên thế giới Thiên chúa giáo, Cơ đốc giáo hợp lại. Tín đồ của họ hợp lại có trên 20 ức. Tín đồ của Hồi giáo trên toàn thế giới có khoảng 15 ức người, hợp lại trên 30 ức. Còn thêm Phật Giáo, Phật giáo dự tính có khoảng 6 ức người. Tất cả có khoảng 40 ức.

 Nhân khẩu trên toàn thế giới dự tính là 65 ức. Người có tín ngưỡng tôn giáo nhiều hơn so với người không tin tôn giáo. Người có tín ngưỡng tôn giáo nếu có thể quay đầu, thì thế giới này sẽ được cứu. Làm cách nào để giúp tín đồ tôn giáo? Mọi người quay đầu, mọi người phát tâm, vì việc này mà cầu nguyện. Giáo đình thông báo cho giáo hữu toàn cầu. Chúng tôi giảng kinh sẽ thông báo với bạn bè và tất cả các học hội của Tịnh độ tông.

 Mấy năm gần đây chúng tôi khởi xướng “Tam thời hệ niệm Phật sự”, thuộc về cầu nguyện. Đem những công đức này hồi hướng hoá giải thiên tai. Đệ tử Phật cần nên làm. Nhưng cầu nguyện, như những việc tụng kinh bái sám, bao gồm tam thời hệ niệm, đều thuộc về cầu nguyện. Cầu nguyện là trị ngọn chứ không phải trị gốc, nên hiểu điều đó. Như thế nào gọi là trị gốc? Giáo dục là trị gốc. Nên khi chúng ta giao lưu, trong lúc giao lưu đặc biệt đưa ra vấn đề này, hy vọng mỗi tôn giáo đều có thể khôi phục lại nền giáo dục. Đưa tôn giáo trở về với giáo dục.

 Con người trong xã hội hiện nay bài xích tôn giáo, nói tôn giáo mê tín. Không thể trách họ, họ không sai. Người xưa thường nói *“*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ”. Chúng ta nhìn lại để phản tỉnh, chúng ta làm không tốt khiến người khác sanh tâm ngộ nhận. Người ta hỏi tôn giáo có cống hiến như thế nào đối với xã hội? Chúng ta nói hàng ngày cầu phúc cho mọi người, đây là mê tín. Vì họ không tin có thần. Nhưng chúng ta nghĩ đến giáo dục, ngày nay trên toàn thế giới, đã dạy hư con người. Từ trường mẫu giáo đến đại học đến thạc sĩ, sao lại dạy hư con người? Không có giáo dục luân lý, không có giáo dục đạo đức, không có giáo dục nhân quả. Trong tất cả giáo dục đều không có những môn học này. Nên tôi đề nghị, tôn giáo chúng ta cần phải hướng đến giáo dục. Đem ba loại giáo dục này bổ túc thêm vào. Trong kinh điển của mỗi tôn giáo đều có luân lý, đạo đức, nhân quả rất phong phú. Chúng ta có thể phổ biến những điều này, để cho tín đồ giáo hữu cùng nhau học tập. Bù đắp vào chổ thiếu sót của giáo dục xã hội hiện nay.

 Hiện nay toàn nghành giáo dục đều thiếu đức. Giáo dục thiếu đức nên xã hội động loạn, dẫn đến thiên tai của địa cầu. Chúng ta đem đức này bổ sung vào. Nên nói chúng ta làm giáo dục bổ khuyết. Nó thiếu thì chúng ta bổ sung vào. Như vậy là tôn giáo đã cống hiến cho xã hội. Tôn giáo giúp xã hội an định, giúp thế giới hoà bình, giúp chúng sanh có cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Đây là điều mà tôn giáo hiện tại cần phải làm.

 Nghi thức cầu nguyện có thể giữ lại, nhưng phải lấy giáo dục làm chủ. Những nghi thức quy tắc này làm phụ đạo, chánh phụ song tu. Để cho mọi người trong xã hội sanh khởi tín tâm đối với tôn giáo làm. Tôn giáo mới có lý do tồn tại, nếu không đi theo con đường giáo dục này, tôi công khai nói với mọi người, suy nghĩ này của tôi đại khái đã có 30 năm. 30 năm sau tôn giáo trên xã hội này sẽ mất đi, không ai tin tưởng. Giáo đình này làm ra một bản báo cáo. Họ có điều tra những năm gần đây, tỷ lệ số người tín ngưỡng trên toàn thế giới ngày càng ít. Đặc biệt là lớp trẻ tuổi. Người học khoa học cũng ngày càng ít, nên giáo đình cũng rất lo lắng. Vì vậy giáo dục tôn giáo rất quan trọng.

 Đức Thế Tôn lúc còn tại thế cũng suốt đời dạy học. Năm 30 tuổi sau khi ngài khai ngộ, 79 tuổi viên tịch. Suốt 49 năm không ngày nào chẳng lên lớp dạy. Không ngày nào mà chẳng cùng mọi người chia sẽ. Việc này quan trọng biết bao! Chúng ta là người duy trì huệ mạng của Phật, là người duy trì huệ mạng dạy học của Phật. Đức Thế Tôn tại thế, quý vị thử tra lại kinh điển xem, ngài chưa từng làm qua một lần bái sám nào. Như những việc siêu độ hiện nay, không có, một lần cũng không. Chưa từng tổ chức một lần pháp hội, pháp hội của ngài chính là giảng kinh. Cũng chưa từng tổ chức Phật Thất, thiền thất, không có. Trong kinh điển hoàn toàn không tìm thấy.

 Đó là gì? Đức Phật nói tu hành là ở mổi người. Đức Phật chỉ giảng dạy. Bài học nào nghe hiểu, nghe minh bạch thật sự y theo mà hành trì. Đức Phật đều tán thán. Chỉ cần thâm nhập vào một môn và huân tu lâu ngày, thì chẳng có chuyện không được định, chẳng có chuyện không khai trí tuệ. Mục tiêu tu học của Phật pháp là được định, được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Là khai ngộ, khai trí tuệ. Nên những thứ ngài dạy rất có giá trị, vì thế người học rất nhiều, đã truyền đến hơn 3000 năm.

 Theo ghi chép của lịch sử Trung quốc, Đức Thế Tôn diệt độ đến nay là 3038 năm. Người ngoại quốc nói hơn 2500 năm. Người Trung Quốc nói, Đức Thế Tôn ra đời vào năm thứ 24 của Chu Chiêu Vương. Lịch sử Trung Quốc ghi chép rất rỏ ràng, khi Thế Tôn nhập diệt là thời đại của Chu Mục vương. Bảy mươi chín tuổi ngài niết bàn. Là giáo dục không phải tôn giáo. Phật pháp biến thành tôn giáo thật là không sao hiểu nổi. Sao lại biến thành tôn giáo? Khi truyền đến Trung Quốc, giáo dục này, giáo dục của Đức Phật do đức vua trực tiếp quản lý, nên nó truyền bá rất nhanh, phương diện ảnh hưởng rộng. Người Trung Quốc tôn kính Hoàng đế.

 Giáo dục Nho giáo tượng trưng cho truyền thống văn hoá xưa, do Tể tướng quản. Nên phạm vi của nó giới hạn như trường tư, giới hạn như trường học của quốc gia. Không như Phật giáo, Phật giáo do vua quản lý, nên các nơi đều có tự viện am đường, truyền bá rất rộng. Đối với xã hội khởi tác dụng rất lớn nên xã hội an định. Luân lý Phật giáo, luân lý là nói về quan hệ, quan hệ giữa con người với con người. Hoàn toàn tương đồng với ngũ luân của truyền thống văn hoá xưa. Phật pháp rất chú trong về tôn sư trọng đạo. Phật là thầy. Phật dạy chúng ta phương pháp rất đơn giản nhưng vô cùng quan trọng, không hề phức tạp.

 Pháp môn tuy nhiều, kinh luận tuy nhiều. Nhưng Đức Phật chỉ yêu cầu ta học một thứ. Một kinh đã thông suốt thì các kinh khác đều thông suốt. Đây là phương pháp dạy học ngày xưa. Thầy nói với tôi, điều này là thầy Lý nói với tôi. Học Phật, học giáo lý trong kinh điển. Vì sao? Lý thông thì tất cả đều thông. Không có năng lực này thì học giáo nghĩa. Giáo nghĩa cũng là lý, nhưng nó có giới hạn. Có thể thông một bộ phận mà không thể thông toàn thể. Ví dụ như Tịnh Độ tông. Tịnh độ tông có thể thông, nhưng các tông phái khác không thể thông. Nếu là giáo lý sẽ thông hết. Không thể học văn tự, học văn tự là hỏng hết. Học một bộ chỉ biết một bộ, không học thì không biết. Phải hiểu về lý, chú trọng về khai ngộ. Điều này không thể không biết.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

# Tập 319

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: SC Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: ngày 07 tháng 03 năm 2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”*, trang 374. Bắt đầu xem từ đoạn thứ hai, tức là hàng thứ bảy.

 *“Thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp”.* Trong phẩm này, đoạn trước đã giới thiệu thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Đây thuộc về y báo. Đoạn sau giới thiệu về danh hiệu công đức của Di Đà, thuộc về chánh báo. Y báo chánh báo đều là công đức xưng tánh, cho nên không thể nghĩ bàn. Hoàng Niệm Tổ trích lục những khai thị đặc sắc trong “Mật Thích”, khiến chúng ta đối với danh hiệu công đức nhận thức thêm được một bước.

 Công phu niệm Phật sở dĩ không đắc lực*,* là đối với danh hiệu thiếu sự hiểu biết. Trước đây Chương Gia đại sư nói, Phật pháp khó hiểu nhưng dể hành. Trải qua nhiều năm như vậy, đã chứng minh lời nói của đại sư. Đây là một vấn đề của triết học. Phàm phu thành Phật thực sự không khó. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng sanh mà thị hiện, sự việc của 3000 năm trước. Lục Tổ Huệ Năng vì chúng ta thị hiện, đây sự việc của 1300 năm trước. Cho chúng ta biết phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm. Một niệm chánh sẽ thành Phật, một niệm tà sẽ đoạ lạc thành phàm phu. Trong phàm phu cũng có chánh tà.

 Chánh này nếu đem so sánh với đại thừa thì vẫn coi là tà. Đại thừa phải ngộ nhập tự tánh mới là chánh trong các điều chánh. Chánh trong lục đạo, quả báo là ba đường lành. Tà trong lục đạo, quả báo là ba đường ác. Điều này không thể không biết. Đức Thế Tôn cũng chính là vì việc này, vì việc khó hiểu dể hành này, nên ngài nghĩ cần phải dạy học. Phải dùng phương pháp này để giúp mọi người giác ngộ. Giúp mọi người thấu triệt thật tướng các pháp. Đây là trí tuệ chân thật của Đức Thế Tôn. Lợi ích chân thật đối với tất cả chúng sanh. Đem chân tướng của vũ trụ nói rỏ ràng, đây là điều thiện lớn thứ nhất. Phước đức lớn nhất chính là niệm Phật.

 Lần này chúng tôi sẽ giảng một cách tường tận về đoạn nói đến danh hiệu này. Hình như giảng ba lần 6 tiếng đồng hồ. Danh hiệu công đức không thể nghĩ bàn. Chúng ta thật sự biết, thật sự hiểu rỏ, mới thật sự đem Phật A Di Đà để vào tâm. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Ngoài Phật A Di Đà ra thì không có gì hết. Vì sao? Vì nó là công đức chân thật đệ nhất trong thế xuất thế gian. Trong Kinh Di Giáo Đức Thế Tôn dạy *“*chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”*,* điều này ở trước chúng ta đã học trong kinh này nói “chỉ tâm nhất xứ”. Chế tâm và chỉ tâm cùng một nghĩa. Trong tâm không có tạp niệm, không có ý niệm thứ hai. Chỉ có Phật A Di Đà thì chẳng có gì là không làm được. Đến chuyển phàm thành thánh mà còn làm được, huống gì các việc khác?

 Tuy nói như vậy, nhưng Đức Phật nói rất rỏ, chư vị tổ sư cũng chú giải rất rỏ. Chúng tôi cũng cố gắng đem vấn đề này nói rỏ ràng. Có ai nghe hiểu chăng? Không nhiều. Nghe hiểu được, thật sự quay đầu, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Được mấy người? Rất ít. Chỉ cần trong tâm có Phật A Di Đà thì họ sẽ thành Phật. Vì sao lại khó như vậy? Không buông bỏ được các pháp trong thế xuất thế gian, buông không được danh văn lợi dưỡng trong lục đạo. Mặc dù hiểu được y chánh trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, nhưng lợi nhỏ trước mắt cũng tiếc không bỏ được. Như vậy thì lợi ích lớn về sau sẽ chẳng có phần. Về sau lợi ích này rất lớn. Không chỉ về sau mà ngay hiện tại cũng đạt được.

 Nếu thật sự có thể một lần nghe mà ngàn lần ngộ. Sau khi nghe liền hiểu liền giác ngộ. Thật sự buông bỏ, thật sự hành trì. Người này không phải người thường. Thực sự là anh hùng hào kiệt, đại thánh đại hiền. Nói lên rằng phàm phu làm không được nhưng họ làm được. Làm thế nào mới thật sự hiểu rõ? Buông bỏ là được. Không buông bỏ được thì vĩnh viễn không hiểu rõ, vĩnh viễn không minh bạch. Người học Phật chân chánh nên biết điều này.

 Chuyện trong thế xuất thế gian là chuyện nhỏ, những chuyện nhỏ nhặt không phải việc lớn. Không thoát khỏi luân hồi thì đâu phải là việc lớn? Không thoát khỏi mười pháp giới cũng không coi là việc lớn. Trong kinh Pháp Hoa nói, Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời. Đức Phật không dễ xuất hiện ở thế gian, nếu xuất hiện ở thế gian nhất định có nhân duyên lớn. Nhân duyên lớn là gì? Làm việc lớn. Làm việc lớn tức là trong thời đại này thực sự có chúng sanh căn cơ thuần thục, họ có thể thành Phật. Nên Phật mới thị hiện ở thế gian này. Một người cũng cần phải độ “Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân”. Còn những người khác? Những người khác là dự thính. Nghe được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu, cũng đều coi như là người có duyên.

 Phật A Di Đà đã thành Phật. Phương pháp thành Phật đơn giản nhất, trực tiếp nhất, ổn định nhất và nhanh nhất, không có gì hơn niệm Phật. Niệm Phật nào? Niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta, chư Phật mười phương đều tán thán. Chư phật mười phương tán thán, hay nói cách khác là chư Phật mười phương đều tán thán, đều tán thành giáo huấn của Đức Thế Tôn. Nói cách khác là nhất tâm chuyên niệm Phật A Di Đà. Chính là khuyến cáo của tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời. Chúng ta có nên tiếp thu chăng? Có nên nghe lời chăng? Thật tiếp nhận, thật nghe lời thì phải buông xả vạn duyên. Tự mình thành tựu, sau đó độ chúng sanh. Tự mình chưa thành tựu thì không thể độ chúng sanh. Dù có tận lực chúng sanh cũng không tin, không có lòng tin.

 Trong kinh Đức Phật dạy: Mình chưa giác ngộ mà giác ngộ cho người, không có việc đó. Không có đạo lý này. Nếu không cần như vậy, không cần tự độ, năm 19 tuổi Đức Thế Tôn nên ra độ chúng sanh, hà tất phải đợi đến 30 tuổi sau khi thành đạo? Khi thành đạo, còn phải xem nhân duyên. Nhân duyên chưa đến cũng không được. Ngài Huệ Năng 24 tuổi thành đạo, ngài thật sự đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh. Cảnh giới của ngài lúc đó cùng với cảnh giới của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới cội cây Bồ đề, khi sao mai vừa mọc ngài đại triệt đại ngộ.

 Kiến tánh thành Phật, Ngũ Tổ liền đem y bát truyền cho ngài và dặn ngài nên ẩn trốn vì nhân duyên chưa đến. Ngài ẩn mình trong nhóm thợ săn 15 năm. Mười lăm năm sau mọi người trong xã hội đã lãng quên chuyện này. Nhân duyên đã thành thục nên ngài xuất hiện, thiền tông lập tức hưng thịnh trở lại. Tông môn như vậy, giáo môn cũng không ngoại lệ. Chưa khai ngộ, chưa thành tựu viên mãn vẫn chưa thể độ chúng. Tịnh độ tông đặc thù, những cũng không ngoại lệ. Quý vị xem, lịch đại tổ sư của Tịnh độ tông. Chính họ chưa thành tựu, thì làm sao có thể độ người? Thế xuất thế pháp cũng không ngoại lệ. Thời nay thành tựu vô cùng khó khăn. Vì sao? Vì không có nơi tu hành. Không có đạo tràng tu học chân chánh. Ấn Quang đại sư kỳ vọng hậu thế thật sự làm được. Ngài kiến nghi nên lập ra những đạo tràng nhỏ, các vị đồng tu không quá 20 người. Như vậy tâm mới có thể chuyên được, nhất định không phan duyên bên ngoài. Đạo tràng nhỏ 20 người tu, chỉ cần hai ba người hộ pháp là đủ, họ đến hộ trì chúng ta. Sinh hoạt bình thường tương đối là được, nhưng phải thật sự buông bỏ vạn duyên nhất tâm chuyên niệm. Hai mươi người đó đều thành tựu, đều vãng sanh hết. Đạo tràng nhỏ này thành tựu 20 vị Phật, không quá tuyệt sao!

 Sự thành tựu của đạo tràng, không phải là phú lệ đường hoàng, vàng ngọc huy hoàng, mọi người đông đúc náo nhiệt, không phải như vậy. Đó là đạo tràng náo nhiệt, không phải đạo tràng của Phật. Đạo tràng Phật pháp thanh tịnh trang nghiêm, khi bước vào không thấy gì hết. Đạo tràng trang nghiêm của đạo Phật, là xem trong đó có bao nhiêu người khai ngộ, bao nhiêu người chứng quả, bao nhiêu người vãng sanh. Đây là trang nghiêm, chứ không phải là đông người náo nhiệt.

 Tối hôm qua có một vị đồng tu trong nước gọi điện thoại nói với tôi, họ thấy có hai người dùng danh nghĩa tôi để quyên góp. Nói tôi năm nay tổ chức một hoạt đông tại liên hiệp quốc nên cần tiền. Tôi ấn tống “Tứ Khố Hội Yếu”, ấn tống “Quốc Học Trị Yếu”, và “Quần Thư Trị Yếu” của Đường Thái Tông. Không sai, có việc này.

 “Trị Yếu” đã in xong. “Hội Yếu” “Tứ Khố Hội Yếu” khoảng tháng 9 có thể giao hàng. Tôi nói với quý vị, tiền đã trả xong hết. Suốt đời tôi chưa từng đi quyên góp, chưa từng đưa tay lấy của ai một đồng nào. Tiền của tôi từ đâu mà có? Tôi nói với những người có phước đức lớn rằng. Bây giờ có cơ hội cần mấy trăm vạn mỹ kim, quý vị có đồng ý làm không? Tôi chỉ vận động một người, tôi không đi quyên góp nhiều nơi. Có người xuất tiền, thì việc này làm thành công, không có thì thôi. Nên quý vị phải biết, phàm những việc dán quảng cáo bên ngoài cần tiền, hoặc đưa tài khoản ngân hàng ra. Tôi cũng không biết là thật hay là giả. Đó đều là việc của họ không liên quan đến tôi.

 Ngày xưa tôi có giấy chứng minh của Trung Quốc. Ở Trung Quốc có thể giảng kinh có thể dạy học. Nên lúc đó tôi ở quê nhà Lô Giang, cũng có đi làm hai hay ba thẻ ngân hàng, tôi cũng không nhớ rỏ. Bây giờ giấy chứng minh đã thu lại, tôi thuộc người nước ngoài. Về nước đi tham quan du lịch, đi thăm thân thích bằng hữu thì được, không vấn đề gì. Nhưng giảng kinh dạy học nhất định không được.

 Thân mạng cả đời của chúng tôi là giảng kinh dạy học. Quý vị nên biết tôi không thể trở về nước, nên đây là việc không thể. Trong nước nếu có bất cứ hoạt động nào dùng tên tôi, mọi người phải biết đó toàn là giả. Quý vị đồng ý cúng dường họ rất tốt, nhưng không liên quan đến Tịnh Không pháp sư. Tôi đã nhiều lần thanh minh, quý vị chắc cũng đã biết. Thẻ ngân hàng ngày trước ở Lô Giang, tôi không biết ai đang dùng? Nên hy vọng chư vị đồng học hiểu. Tôi không phải là một người đa sự, không phải là người thích náo nhiệt. Tôi chưa từng làm việc mà không có nắm chắc. Tôi muốn làm việc gì, thì tiền và mọi thứ đều đã đầy đủ, chứ không phải quyên tiền để làm việc, tôi không làm những việc đó. Việc này gọi là phan duyên. Hàng ngày vì việc này mà lo lắng, thì làm gì còn tâm thanh tịnh.

 Trở ngại sự thanh tịnh nhất định không thể làm. Dù việc có tốt đến đâu đều không được. Đây là điều Chư Phật Bồ Tát dạy chúng ta, thầy giáo dạy chúng ta. Suốt đời y giáo phụng hành nhất định không sai lầm. Đức Thế Tôn không có đạo tràng nào hết. Trong đời của tôi cũng không có đạo tràng. Mổi đạo tràng họ đều có tổ chức, có tổ chức của hội đồng giám đốc. Tịnh tông học hội ở Âu Châu, ở đây cũng có để tên tôi. Là ý gì? Để cho họ dễ làm việc hơn. Vì quan hệ của tôi với chính phủ, với địa phương sâu hơn một chút.

 Năm nay tôi muốn sửa đổi, danh không cần nữa, hoàn toàn nghĩ hưu. Không bao lâu nữa chúng tôi sẽ sửa đổi, chính thức làm trường học, chính phủ cũng đã phê chuẩn. Nên chổ này tương lai chính thức là một học viện được chính phủ thừa nhận. Làm thành học viện Tịnh tông. Học viện Tịnh tông thuộc văn hoá đa nguyên. Chúng tôi mời giáo thọ về dạy và học tập tại đây. Chiếu theo quy định của nhà nước Âu Châu, chúng tôi thu học phí. Khi tốt nghiệp cũng có cấp phát văn bằng. Văn bằng đại học, văn bằng Thạc sĩ đều có thể cấp phát. Hai ba năm sau khi học viện đã tổ chức tốt, có thể cấp phát văn bằng Tiến sĩ. Tôi về hưu rồi, đã 85 tuổi thời gian không còn nhiều. Đây là việc duy nhất trong đời tôi làm cho Phật giáo. Việc này cũng là các bạn đồng học dòng chữ Ngộ, mọi người nhận được ân huệ của cư sỹ Hàn. Sau khi cô ta đi, mọi người lưu lạc khắp nơi, tâm không an định. Chúng tôi đến Âu Châu mới kiến lập nên đạo tràng này, hy vọng mọi người định tâm ở lại đây tu hành. Đã mười năm qua đi, nói thật mười năm này tôi rất thất vọng. Vì sao? Vì không có người nào thành Phật. Tịnh tông có mấy người được công phu thành phiến? Có mấy người được nhất tâm bất loạn? Đó là thành tựu. Quanh chúng ta không có, đạo tràng không có, nhưng bên ngoài có. Học tập từ internet có, có thành tựu. Học tập trên truyền hình vệ tinh có thành tựu. Đây là an ủi lớn nhất của tôi. Nếu không có vài người thành tựu, chắc tôi đã đi từ lâu rồi. Ở thế gian này thêm mất mặt, tự mình cầu vãng sanh cũng được. Nhưng họ thật sự thành tựu, thật sự nghe lời.

 Từ trước đến nay, không những thế giới Ta bà mà thế giới tha phương cũng không ngoại lệ. Người thật sự thành tựu bí quyết chỉ có sáu chữ. Thứ nhất thành thật, thứ hai nghe lời, thứ ba thực hành. Chỉ cần đầy đủ ba điều kiện này, không ai chẳng thành tựu. Chẳng những như thế mà 10 năm sau chắc chắn được đại thành tựu. Chuyên tu tịnh độ có thể được tam muôi, sẽ khai ngộ. Niệm Phật tam muội chính là thiền định, sẽ đạt được tâm thanh tịnh. Công phu cao hơn một chút thì được tâm bình đẳng. Chẳng những thanh tịnh mà còn được tâm bình đẳng.

 Một bộ kinh Vô Lượng Thọ có thể niệm trên 3000 lần, thêm vào đó có thời gian nghe giảng ta sẽ khai ngộ. Khai ngộ là hiện tượng gì? Không học qua tất cả các kinh, nhưng đối với các kinh vẫn thông đạt vô ngại. Ta đều hiểu, đều có thể giảng. Giáo môn thường nói là đại khai viên giải. Trong Tịnh độ tông nói, nhất tâm bất loạn chính là thành tựu. Vĩnh thoát luân hồi, vãng sanh bất thoái thành Phật. Là thật hiểu không phải giả hiểu đâu. Nên chúng ta nhận thức được đại thừa, nhận thức được tịnh độ phải thực hành. Tự lợi sau đó tự nhiên thành lợi tha. Từ đoạn kinh văn này chúng ta xem tiếp.

 *“Thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp. Biểu tứ thập bát nguyện viên mãn thành tựu. Thành đẳng chánh giác hiệu A Di Đà Phật”.*

 Từ Pháp Tạng thành Phật đến Đức Thích Tôn thuyết kinh, lúc đó đã trãi qua mười kiếp. Ngài đã nói rỏ thời gian. *“Đãn ứng trước nhãn, thử vân thập kiếp. Chánh thị vi thù nguyện độ sanh thị hiện chi sự tướng. Thử nãi nhất kỳ ứng cơ chi quyền thuyết, như đồng Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế”.* Đương thời sống đến 80 năm, người xưa gọi là hư tuế -80 năm. Đây là một giai đoạn, thị hiện một giai đoạn. Phật A Di Đà ở thế giới tây phương cũng giảng giai đoạn này. Đại ý của đoạn này là tượng trưng 48 nguyện của Phật Di Đà thành tựu viên mãn, thành chánh đẳng giác. Chánh đẳng giác chính là vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chứng được cứu cánh Phật quả, hiệu là A Di Đà Phật.

 Ý nghĩa của Phật A Di Đà, ở trước đã giải thích tường tận. A Di Đà Phật, danh hiệu này chính là đức hiệu của tự tánh. Không phải không thể dịch, mà vì tôn trọng nên không dịch. A nếu dịch thành chữ Hán có nghĩa là vô. Di Đà dịch là lượng. Phật dịch là giác, tức là Vô Lượng Giác. Đây là đức hiệu của tự tánh, tự tánh vô lượng giác. Cũng là đức hiệu của tất cả chư Phật Như Lai. Mổi người minh tâm kiến tánh đều chứng được vô lượng giác. Nói cách khác đều có thể gọi họ là A Di Đà Phật, chắc chắn không sai.

 Phật A Di Đà Phật là thông hiệu, tổng hiệu của tất cả Chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời. Cũng là đức hiệu của tự tánh chúng ta. Tuy hiện tại chúng ta mê thất tự tánh. Tự tánh vẫn còn đó không hề mất, tự tánh bất sanh bất diệt. Tự tánh vốn tự thanh tịnh xưa nay chưa từng nhiễm ô. Tạo vô lượng vô biên tội nghiệp sẽ đoạ vào địa ngục A tỳ, địa ngục Vô Gián. Họ vẫn là vô lượng giác, họ vẫn là thanh tịnh không nhiễm ô. Nhiễm ô là vọng tâm, Phật A Di Đà là chân tâm. Chân tâm không bị nhiễm ô. Ngày nay chúng ta bị mê, nghĩa là thế nào? Nghĩa là mê thất Phật A Di Đà, nên không biết, không biết có những thứ này. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác toàn là vọng tâm. Vọng tâm là A lại da. Trong A lại da có mê ngộ. Ngộ thì sẽ thành Phật, mê là luân hồi trong lục đạo. Mê là tạo nghiệp, tạo nghiệp không có gì chẳng phải là nghiệp luân hồi. Điều này là thật không phải giả.

 Lịch sử Trung Quốc liên quan đến vấn đề cảm ứng không thể nghĩ bàn này, đại chúng đều nhìn thấy đều nghe thấy. Sự thật này trong lịch sử có ghi chép, cung cấp cho hậu thế tham khảo. Đầu năm dân quốc trong đạo Phật có vài vị đại đức, đem những sự việc cảm ứng trong lịc sử biên tập thành một cuốn sách, mang tên “Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký”, tập trung lại một chổ. Mấy ngàn năm nay trong này có ghi chép về câu chuyện luân hồi. Nữa thế kỷ lại đây thuật thôi miên của Tây phương rất phát triển. Thông qua thôi miên ta có thể trở về quá khứ. Một đời trong quá khứ, hai đời trong quá khứ, ba đời trong quá khứ. Sự việc trong năm ba đời quá khứ cũng nói rất rỏ ràng. Điều này là thật hay giả? Điều tra. Kết quả điều tra thật có việc này không phải giả.

 Họ nói trong quá khứ họ là đại vị gì, tên gì, ở đâu. Đến đó điều tra, tìm trong tài liệu của chính phủ thực sự có người này, họ sanh năm nào, khi nào bệnh chết, bệnh gì mà chết. Họ đều có thể nói ra hết, người này chưa từng đến nơi đó.

 Ngày xưa khi tôi ở Mỹ. Đạt La Tư có cư sĩ Thái Văn Hùng. Ông ta nói đây là lần đầu tiên ông ta đến Mỹ, bạn của ông ở Cựu Kim Sơn lái xe đưa ông ra ngoài du lịch, đi chơi nhưng lạc đường, đến một thị trấn nhỏ. Ông ta liền nói với các bạn ở đây. Ông ta nói nơi đây tôi nhớ rất rỏ ràng. Có mấy con đường, có ký hiệu gì. Kết quả đi vào thì quả nhiên không sai. Mọi người không sao hiểu được, vì ông ta chưa từng đến đây, làm sao biết được những kiến trúc ký hiệu trong những con đường này? Chắc chắn trong quá khứ ông ta ở đây rất lâu, còn đời này ông chưa từng đến đó. Cho nên khi nhìn thấy ông ta liền nhớ ra. Việc này xảy ra rất nhiều không phải chỉ có một chuyện này, chính chúng ta cũng có kinh nghiệm.

 Đi du lịch đến một nơi, thực sự là lần đầu tiên đến chổ này, cũng chưa thấy qua tranh ảnh hay bất cứ vật gì. Không có những tư liệu này, nhưng vừa đến nơi thì có trạng thái hình như chổ này rất quen thuộc. Nói lên điều gì? Luân hồi. Ngày trước Thái Văn Hưng không học Phật, đến khi mẹ mất. Ông đứng nơi cửa sổ chổ để linh cữu mẹ, nhìn thấy tượng Phật A Di Đà ngồi trên cửa sổ. Tận mắt nhìn thấy, thời gian nhìn thấy rất dài, không phải trong một sát na. Ông ta từ đây bắt đầu tin tưởng. Sau đó ông ta kinh doanh, thích đồ cổ. Đột nhiên trong tiệm đồ cổ nhìn thấy một tượng Phật, chính là tượng khi mẹ ông mất ông đứng nơi cửa sổ nhìn thấy, hoàn toàn giống nhau. Ông ta liền thỉnh tượng Phật này về nhà. Sau đó tượng Phật này thờ ở hội Phật giáo ở Đạt La Tư. Ông ta nói nhìn không sai chút nào. Đây là tượng Phật hiển linh, tiếp dẫn ông học Phật. Không phải chính mình trải qua, thì dù có nói ông ta cũng không tin. Những người này đều là những người có nhân duyên lớn với Phật, nên mới có nhiều cách thị hiện như vậy. Ông ta thật sự quay đầu và thật sự thực hành.

 Trong Giáo môn thường nói: “Phật không độ người vô duyên”*.* Vô duyên là gì? Là không tin tưởng. Có duyên là trong quá khứ có kết duyên. Đem duyên trong quá khứ đó với duyên hiện tại kết hợp lại ta sẽ tin tưởng. Có rất nhiều trường hợp như vậy, không thể kể hết. Nên chư Phật Bồ tát thị hiện ở thế gian này, đã thị hiện ra rất nhiều hình tướng khác nhau, để giúp ta giác ngộ, giúp ta hồi đầu. Có thể hồi đầu, các ngài giúp ta. Không thể hồi đầu, ngài cũng đã giúp ta. Không thể quay đầu nhưng cũng cho ta một ấn tượng, đời sau kiếp sau ấn tượng này lại hiện ra, từ từ cũng có ngày tin tưởng.

 Chư Phật Bồ Tát độ chúng sanh, các ngài không nôn nóng, không phải nói cần gấp rút, không có đạo lý này. Chưa thuần thục thì không được. Chư Phật Bồ Tát có thể đợi một đời, hai đời, ba đời thậm chí trăm ngàn đời, các ngài đều kiên nhẫn chờ đợi. Khi nào thuần thục thì khi đó đến giúp chúng ta.

 Phật Di Đà thành Phật cũng là như vậy. Thành Phật, từ khi Phật A Di Đà thành Phật đến lúc Đức Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp đã trãi qua mười kiếp. Đây chính là lịch sử của thế giới Cực Lạc. Thế giới tây phương Cực Lạc mà hiện nay chúng ta, nói thời gian chưa lâu mới có mười kiếp. Trong vô lượng kiếp, thì mười kiếp là thời gian quá ngắn. Đây là một thế giới mới, giống như một thành thị mới thành lập, thời gian rất ngắn. Ngày nay chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, sau này ở thế giới Cực Lạc đều là bậc kỳ cựu, mười kiếp trước đã đến đây rồi. Nếu mấy trăm kiếp, mấy ngàn kiếp, vô lượng kiếp. Chúng ta mười kiếp trước đã đến rồi, như vậy không phải là bậc kỳ cựu sao? Đây là cơ hội tốt. Đời này chúng ta không thể vãng sanh, thì phải luân hồi thêm một vòng nữa. Như vậy thì không biết còn trải qua bao nhiêu kiếp, chắc chắn không chỉ mười kiếp. Vì Sao? Cư sĩ Bành Tế Thanh nói. Đời này của chúng ta có thể gặp được tịnh độ, gặp được tịnh tông, từ vô lượng kiếp đến nay khó gặp được ngày này. Vô lượng kiếp mới gặp được đấy.

 Bài kệ khai kinh do bà Võ Tắc Thiên viết. Trong bài kệ nói “bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”. Chúng ta ngụp lặn trong luân hồi đã trăm ngàn kiếp. Quý vị xem, bây giờ có một vài bạn đồng tu đã vãng sanh. Họ mười kiếp đã đến thế giới Cực Lạc làm Phật. Lần luân hồi này của ta tương đương trăm ngàn kiếp. Những việc này suy nghĩ nhiều một chút, cố gắng suy nghĩ, mới có thể buông bỏ được thế gian này. Ngay trong cương vị hiện tại. Bất luận là ai, làm nghành gì đều nên nghiêm chỉnh thực hành. Mục đích là thành Phật, là lợi ích chúng sanh, hành Bồ Tát đạo. Không phải vì kiếm tiền, không phải vì danh lợi.

 Nên biết nếu mục tiêu là danh lợi, sẽ đoạ lạc trong luân hồi. Học Phật cũng đoạ lạc trong luân hồi. Chúng ta tạo nghiệp luân hồi, tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Phải đem tâm luân hồi điều chỉnh lại. Tâm niệm ở nơi thành Phật đạo, ở nơi quyết định cầu sanh tịnh độ. Trong nhà Phật chỉ có hai hạng người, một là người hộ pháp, một là người hoằng pháp. Công đức hộ pháp rất lớn. Hộ pháp là sau khi hoằng pháp thành tựu rồi mới hộ pháp, họ sẽ hiểu hộ pháp là sao.

 Nhưng xã hội hiện nay, khắp xã hội đều loạn. Quy củ làm người đều mất hết. Quy tắc làm người mấy ngàn năm của người xưa, đều tuân thủ ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Nền tảng làm Phật là Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện. Thập thiện tuy chỉ có mười điều. Thánh giả tiểu thừa triển khai mười điều này thành ba ngàn oai nghi. Đại thừa Bồ tát càng đáng nể hơn. Thập thiện nghiệp đạo triển khai thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Đây là các ngài thành tựu viên mãn.

 Triển khai 48 nguyện của Phật A Di Đà là vô lượng tế hạnh của pháp thân Bồ Tát, niệm niệm tương ưng. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, không có pháp nào chẳng tương ưng.

 Tại sao Phật A Di Đà kiến lập nên thế giới Cực Lạc? Câu này nói rất hay. Chính là vì thực hiện nguyện độ sanh mà thị hiện việc này. Chúng sanh có duyên với Phật A Di Đà rất nhiều. Điều này chúng ta có thể lãnh hội được. Vô lượng chư Phật Bồ Tát trong mười phương thế giới đều giúp ngài tuyên truyền, giúp ngài giới thiệu. Nên trong mười phương cỏi Phật người niệm Phật A Di Đà rất nhiều, vì thế ngài phải kiến lập nên đạo tràng này, tiếp dẫn tất cả mọi người đến đạo tràng này. Là thành tựu bổn nguyện cho chính ngài, cũng thành tựu bổn nguyện của tất cả chúng sanh có duyên.

 Cũng như tịnh tông chúng ta hiện nay có không ít bạn đồng học muốn thành lập thôn Di Đà, lớn ra là thành Di Đà. Kiến lập một thành thị. Trên địa cầu người thật sự muốn thành Phật cầu sanh tịnh độ đều có thể đến chổ này. Các bạn đồng học nhiều, mổi người đều tinh tấn tu hành, thì mình sẽ không giải đãi. Mổi người đều buông bỏ triệt để, đối với thế gian này không có chút lưu luyến gì. Mới có thể thành tựu, mới có thể vãng sanh.

 Bên dưới *“nhược cứu kỳ thật”,* chính là *“khắc thật nhi luận, tắc Di Đà thật cửu dĩ thành Phật. Di Đà tức Đại Nhật Như Lai. Dĩ kiến ư thượng sở dẫn chứng chi ‘Đại Thừa Mật Nghiêm Kinh’”.* Đại Nhật Như Lai chính là Phật A Di Đà. Tôi tin tưởng cách nói này. Nếu chúng ta học tập “Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa”, không ngừng học tập những người đi trước, chắc chắn sẽ không hoài nghi. Vì sao? Bởi danh hiệu này của Phật A Di Đà là tổng danh hiệu của tất cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều có thể gọi là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là vô lượng thọ, vô lượng quang sao lại chỉ có 10 kiếp? 10 kiếp là thời gian thành lập thôn Di Đà này. Chính là ý như vậy. Ngài ở đó kiến lập một nước Di Đà\_Thế giới Cực Lạc, thế giới Di Đà. Cung cấp cho tất cả chúng sanh có duyên trong pháp giới hư không giới một nơi tu hành. Cũng ví như ở nơi đó thành lập lên trường học, sự viêc chính là như vậy. Chính ngài là người dạy, ngài cũng cung thỉnh nhiều chư Phật, không ngừng dạy học ở thế giới Cực Lạc. Nên bất luận thích học pháp môn nào, đến thế giới Cực Lạc đều có thể thành tựu. Đích thực đây là một trường đại học Phật giáo.

 Bên dưới Lão cư sĩ nói *“tư cánh dẫn tam chứng”.* Chứng minh Phật A Di Đà đã thành Phật từ vô lượng kiếp lâu xa về trước. Trong Kinh Pháp Hoa Phẩm Hoá Thành Dụ nói *“nãi vãng quá khứ”.* Vãng chính là trước đây, trong quá khứ*. “Vô lượng vô biên bất khả tư nghì a tăng kỳ kiếp”.* Đây là nói thời gian trong quá khứ, là việc rất lâu về trước. *“Nhĩ thời hữu Phật, danh Đại Thông Trí Thắng Như Lai. Hựu kỳ Phật vị xuất gia thời hữu thập lục tử”.* Khi chưa xuất gia là ngài Quốc vương, là người đại phước đức, sau đó bỏ vương vị và đi xuất gia. *“Nhĩ thời thập lục vương tử giai dĩ đồng tử xuất gia nhi vi sa di. ‘Ngã kim ngữ nhữ’”.* “Ngã” ở đây là Đức Thế Tôn nói, nói với đại chúng trong hội. Nói trong hội Pháp Hoa. *“Bỉ Phật đệ tử thập lục sa di, kim giai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.* Tức đều đã thành Phật, mười sáu vị sa di này hiện nay đều đã thành Phật.

 *“Ư thập phương quốc độ hiện tại thuyết pháp”.* Ở đây nói rỏ, sau khi thành Phật. Ngài làm công việc gì? Không việc gì ngoài việc dạy học. Đều lấy cương vị là thầy xuất hiện ở thế gian. Trong mười pháp giới đều lấy cương vị là thầy. Thầy và trò là bình đẳng, ngài thị hiện ra nhiều hình dạng khác nhau, đều là phương tiện thiện xảo để giúp đở chúng sanh thành tựu.

 *“Tây phương nhị Phật, nhất danh A Di Đà”.* Là con thứ chín, thứ chín trong 16 vị vương tử, xếp hàng thứ chín. *“Đệ thập lục ngã Thích Ca Mâu Ni Phật, ư Ta bà quốc độ thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.* Ở đây ngài đã nói ra, Phật A Di Đà là người thứ 9 trong 16 vị vương tử. Đức Thế Tôn là vương tử thứ 16 sau cùng. Đức Phật Thích Ca thành Phật thành Phật đến nay đã vô lượng kiếp. Ngài là vị vương tử nhỏ nhất trong 16 vị. Phật A Di Đà xếp hàng thứ 9, là anh của ngài. Quý vị xem, thành Phật đến nay đã vô lượng kiếp. Không chỉ 10 kiếp. Nên *“ư kim thập kiếp”*, đây là thời gian kiến lập thế giới Cực Lạc. Tổ chức một hoạt động như vậy. Thế giới Cực Lạc tổ chức thành tựu xong đến nay là 10 kiếp.

 Bên dưới *“Như ‘Pháp Hoa. Thọ Lượng phẩm’ vân”.* Vẫn là Kinh Pháp Hoa. *“Nhĩ thời Phật cáo đại Bồ Tát chúng, chư thiện nam tử, kim đương phân minh tuyên ngũ nhữ đẳng, thị chư thế giới. Nhược trước vi trần cập bất trước giả, tận dĩ vi trần, nhất trần nhất kiếp. Ngã thành Phật dĩ lai, phục quá ư thử bách thiên vạn ức na do tha a tăng kỳ kiếp”*. Đây là nói thời gian thành Phật rất lâu xa về trước mà chúng ta không cách nào tưởng tượng được.

 Đức Thế Tôn thành Phật từ lâu xa như vậy, thì ta sẽ hiểu được Phật A Di Đà thành tựu còn lâu xa hơn nữa. Thời gian không có cách nào tính toán được*. “Hựu Như Lai kiến chư chúng sanh lạc ư tiểu pháp. Đức bạc cấu trọng giả, vi thị nhân thuyết. Ngã thiếu xuất gia, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.* Đây là phương tiện thiện xảo để giáo hoá chúng sanh. Đức Phật không nói pháp nào nhất định. Nhưng lời Phật dạy là thật, là lời chân thật. Đức Thế Tôn thị hiện tại nhân gian. Đối với những người căn tánh thấp, đức mỏng, phiền não dày. Họ thích tiểu thừa, tiểu thừa là gì? Pháp của nhân thiên. Tham luyến cõi trời cõi người, không biết có pháp lớn thù thắng hơn, họ không biết.

 Đức Phật độ chúng sanh, tất cả đều tuỳ duyên của chúng sanh, Đức Phật không có ý gì. Điểm này chúng ta cần phải biết. Nếu Phật có ý kiến thì ngài chính là phàm phu. Thành Phật như thế nào? Đoạn sạch vô minh phiền não, trần sa phiền não và kiến tư phiền não. Đây gọi là Phật. Nên Phật thị hiện ở thế gian, ở bất cứ thế gian nào đều không khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đương nhiên cũng không có. Phân biệt là trần sa phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não, khởi tâm động niệm chính là vô minh phiền não. Không có, không có khởi tâm động niệm. Điều này chẳng thể không biết.

 Phật với pháp thân Bồ Tát, ở trong lục đạo, ở trong mười pháp giới thị hiện ra nhiều loại hình tướng, hoàn toàn là chúng sanh sở cảm. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay “tuỳ chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”. Tuỳ tâm chúng sanh muốn gì thì hiện ra như thế, chính ngài không có khởi tâm động niệm. Điều này rất khó hiểu. Chúng ta thấy tiến sĩ Giang Bổn Thắng, nhà khoa học người Nhật làm thí nghiệm nước, có thể lãnh hội được ý này. Nước là khoáng vật. Nó không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, nhưng nó hiểu được ý của con người. Đối với hoàn cảnh bên ngoài nó biết hết. Không có gì che đậy được nó. Chúng ta lấy thiện tâm, ý niệm thiện đối với nó. Quý vị thấy trong lúc thí nghiệm, nó hiện ra kết tinh rất đẹp. Chúng ta dùng tâm bất thiện đối với nó, ghét nó, oán hận nó, không thích nó. Phản ứng của nó là những tấm hình rất khó coi. Thí nghiệm này làm mấy vạn lần, đáp án vẫn là tương đồng, không có ngoại lệ. Chứng minh nước có thể thấy, có thể nghe hiểu được ý của con người.

 Như vậy chúng ta sẽ tin, có thể tin tưởng tánh đức. Tánh đức vốn đầy đủ kiến văn giác tri. Kiến văn giác tri là tánh đức. Bất sanh bất diệt, thanh tịnh bất nhiễm, vốn không dao động. Nhưng khi mê nó sẽ biến chất. Kiến văn giác tri khi mê liền biến thành thọ tưởng hành thức. Thọ tưởng hành thức có nhiễm ô, kiến văn giác tri không nhiễm ô. Hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Tự tánh vốn có. Trong kinh đại thừa thường nói: ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm chính là kiến văn giác tri, trong tự tánh vốn có. Chúng ta cần nên biết, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, nếu muốn người khác không biết, đó là gạt mình gạt người. Phật Bồ Tát biết, quỷ thần biết. Chẳng những quỷ thần biết, mà bậc cổ nhân thường nói “trời biết đất biết”. Lời này là thật không phải giả.

 Trời là gì? Là hiện tượng đại tự nhiên. Đất là gì? Đất là sơn hà đại địa, cỏ cây hoa lá. Nó biết hết. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, đọc Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, thì sẽ hiểu rõ.

 Trong kinh này Hoàng Niệm Tổ nói rỏ với chúng ta. Trang 338, chúng ta đem đoạn văn này đọc qua một lần trang 338. Chúng ta bắt đầu từ hàng thứ tư ở dưới lên, bắt đầu đọc từ trong ngoặc đơn này.

 Từ sau năm1980, giới khoa học phát hiện vi trung tử, nghĩa là lượng tử. Nó chiếm một khu vực trong không gian, chỉ bằng phần một trên một trăm ức. Vật chất nhỏ như vậy nhưng nó tràn khắp cả không trung. Đây chính là trời biết. Vi trung tử có thể xuyên suốt một tấm nhôm hoặc tấm gang dày mười ức, như xuyên qua đám mây mù vậy. Dó chỉ là một hạt nhỏ như vậy. Trong Phật pháp gọi là vi trần. *“Kinh vị, Cực Lạc dữ mật nghiêm, giai phi như thị lạp tử chi sở thành. Cử thể như thị lai diệu tâm thị đương nhân tự tánh”.* Nó sao lại không biết? Mổi hạt vi trần đều biết. Quý vị xem tiếp đối thoại giữa Thế Tôn và Di Lặc Bồ Tát sẽ hiểu.

 Bồ Tát Di Lặc nói, thời gian một khảy móng tay rất ngắn, có “32 ức một trăm ngàn niệm”. Đơn vị là trăm ngàn, chúng ta nhân lên thử xem. Một khảy móng tay có bao nhiêu ý niệm? Ba trăm hai mươi triệu. “Niệm niệm thành hình”. Hình chính là hiện tượng vật chất, mổi niệm đều có hiện tượng vật chất. “Hình giai hữu thức”. Thức là gì? Thọ tưởng hành thức. Nói cách khác, thọ tưởng hành thức là ngũ uẩn. Hiện tượng ngũ uẩn ở đâu? Trong lạp tử. Chính là vi trần nhỏ nhất đầy đủ sắc thọ tưởng hành thức. Nói cách khác, chúng ta khởi tâm động niệm mổi một hạt vi trần đều biết.

 Trong Hoàn Nguyên Quán nói, ý niệm vừa khởi liền “chu biến pháp giới”. Biến pháp giới hư không giới toàn bộ đều biết. Ta có thể dấu được ai? Sau khi biết được nó liền có phản ứng. Phản ứng là “xuất sanh vô tận”. Đây chính là tướng từ tâm chuyển, cảnh tuỳ tâm chuyển. Tuỳ theo ý niệm mà chuyển. Niệm thiện thì cảnh giới thiện hiện ra, ác niệm thì cảnh giới ác hiện tiền. Nên nói nhiễm tịnh thiện ác đều tuỳ theo ý niệm mà biến hoá. Nên nó là giả không phải thật. Nhưng ta mê mà không giác, nên mới thật sự chịu khổ, thật sự có cảm thọ này. Giống như người thấy ác mộng vậy, trong mộng chịu rất nhiều đau khổ, khi tỉnh lại mới biết là một cơn ác mộng. Con người trong lục đạo luân hồi chính là đang nằm thấy ác mộng. Không học Phật sẽ không tỉnh lại được. Sau khi học Phật sẽ tỉnh lại.

 Nên mấy câu này trong phẩm Thọ Lượng nói rất hay. Đức Phật dạy: Chư phật trong thế giới nếu chấp vi trần*.* Chấp tướng là phàm phu, không chấp trước vi trần là Bồ Tát. Bất kể là chấp trước hay không chấp trước, tất cả đều là vi trần. “Nhất trần nhất kiếp”, đây là ví dụ, một vi trần là một kiếp. “Từ khi ta thành Phật đến nay”, vượt qua môt trần một kiếp ở trước nói trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ kiếp. Thời gian quá dài, không cách nào tính kể được. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

 Đức Phật vì chúng sanh mà hiện thân thuyết pháp, hoàn toàn là cảm ứng của chúng sanh. Chúng sanh có cảm Phật liền có ứng. Phật chắc chắn không có khởi tâm động niệm, chắc chắn không có phân biệt chấp trước. Hiện thân gì, thuyết pháp gì, hoàn toàn là do cảm, tự nhiên nó sẽ tương ưng. Đây là tự tánh công đức không thể nghĩ bàn. Nên cuộc đời con người đời đời kiếp kiếp đều là tự làm tự chịu, không ai ca thiệp, không ai chi phối, không ai chọc ghẹo, không ai mê hoặc, hoàn toàn là do chính mình. Nên tất cả phải do chính mình chịu trách nhiệm. Đây là sự thật hoàn toàn chính xác. Chúng ta cầu Phật Bồ Tát giúp đở. Phật Bồ Tát giúp đở chính là dạy bảo, đem chân tướng sự thật nói cho ta nghe. Đây là Phật Bồ Tát giúp chúng ta. Sau khi nghe hiểu, mới biết chân tướng sự thật rốt cuộc là như thế nào.

 Hiểu rỏ chân tướng thì tự mình có thể giải quyết. Thật như người ta thường nói: mở gút cần phải là người thắt gút*.* Đức Phật không có năng lực giúp chúng ta. Nếu đức Phật có năng lực giúp chúng ta giác ngộ, giúp chúng ta thành Phật, thì hà tất phải đi một vòng lớn như vậy? Không giúp được. Đều là ta tự làm tự chịu. Phật cũng là tự làm tự chịu. Đoạ địa ngục A tỳ vẫn là do ta tự làm tự chịu, không thể trách bất cứ ai. Trách người khác đó là tạo tội.

Đức Thích Ca thành Phật ở Ấn Độ. Từ khi ngài thành Phật đến nay đã hơn 2000 năm. Thật là vì phương tiện quyền xảo mà ngài thị hiện*.* Chính là ý này. Hơn hai ngàn năm, đây là cách nói của người ngoại quốc. Nhưng người Trung Quốc ghi chép thì đến năm nay là 3038 năm. Các pháp sư đời trước đều dùng năm của Trung quốc cổ đại. Quý vị xem, trong cuốn Thích Ca Mâu Ni Phật, Phổ Phật đều nói đến. Đức Thế Tôn ra đời vào năm Giáp dần thứ 24 đời Chu Chiêu Vương, viên tịch vào thời đại của Chu Mục Vương. Trung Quốc dùng niên đại này từ lâu rồi.

 Đức Phật A Di Đà thành Phật ở thế giới Cực Lạc đến nay đã 10 kiếp*.* Giống như Đức Thế Tôn lúc thành Phật ở Ấn Độ vậy, cách chúng ta ngày nay là 3000 năm. Phật A Di Đà thành tựu thế giới Cực Lạc, ở thế giới Cực Lạc thị hiện thành Phật đến nay đã 10 kiếp. *“Thực giai cửu viễn thành Phật*”, trên thực tế mà nói thì ngài đã thành Phật rất lâu. Trong kinh Pháp Hoa nói như vậy.

 *Đệ nhị , linh chi Di Đà Kinh Nghĩa Sớ vân. Lăng Nghiêm Thế Chí Chương*. Chính là Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương*.* Một đoạn trong kinh Lăng Nghiêm nói: Tôi nhớ hằng hà sa kiếp về trước, có Phật ra đời hiệu Vô Lượng Quang. Mười hai vị Như Lai liên tục xuất thế trong một kiếp. Đây là kinh văn trong kinh Lăng Nghiêm. *“Chuẩn đại bổn trung”.* Đại bổn chính là kinh Vô Lượng Thọ. *“Tức Di Đà dã*”. Thập nhị Như Lai đều là biệt hiệu của Phật A Di Đà. *Kỳ ý vi, căn cứ Vô Lượng Thọ Kinh, Lăng Nghiêm trung chi Vô Lượng Quang Như Lai tức A Di Đà Phật. Kim Kinh chỉ A Di Đà Kinh, đại bổn, giai ngôn thập kiếp.* Kinh Vô Lượng Thọ nói 10 kiếp. Trong Kinh Di Đà cũng nói 10 kiếp. Đây là cùng một thời kỳ mà tuỳ cơ thuyết pháp, không có gì để nghi ngờ nữa. Ý này rất rỏ ràng.

 Pháp Tạng tỳ kheo trong mười kiếp trước, ngài tu hành năm kiếp. Ở thế gian, thời Tự Tại Vương Như Lai phát tâm thành tựu, kiến lập thế giới Cực Lạc, đến nay đã 10 kiếp, chính là ý này. Trên thực tế, Phật A Di Đà thành Phật từ vô lượng kiếp lâu xa về trước. Đây là giai đoạn thị hiện.

 Chúng ta ở đây, các bạn đồng học ở Tịnh tông cũng có hứng thú này. Muốn kiến lập thôn Di Đà ở đây. Nếu nhân số đông biến thành thị trấn Di Đà. Nhiều hơn nữa thì biến thành thành phố Di Đà, thành Di Đà. Đây cũng chính là nhất kỳ thị hiện. Nếu thôn Di Đà kiến lập thành công. Tôi có bàn bạc với thị trưởng, ông ấy rất hoan hỷ. Tiểu thôn, tiểu trấn hay tiểu thành này, mệnh danh là dùng Phật A Di Đà. Phiên dịch qua tiếng Anh là Amitabha. Trấn nhỏ này hình thành từ từ thành một thành nhỏ, một thành phố nhỏ đều gọi là Amitabha.“Thập kiếp chỉ là quyền thuyết”, không phải thực tế. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này.

 *“Đệ tam, Tiên Chú vân, y chân tông,* chỉ cho giáo nghĩa của mật tông*, tắc tây phương chi A Di Đà. Ư thái tạng giới chủ chứng bồ đề chi đức.Ư kim cang giới chủ đại trí huệ môn, diệu quan sát trí chi sở thành dã. Nhiên tắc Đại Nhật Như Lai thành đạo chi niên kiếp. Bất khả thuyết, bất khả tư nghị. Di Đà chi thành đạo, diệc bất khả thuyết, bất khả tư nghì. Dĩ Di Đà tức Đại Nhật cố”.*

 Phật A Di Đà chính là Đại Nhật Như Lai. Kinh văn đã cho chúng ta sự nhắc nhở rất lớn. Một vị Phật có thể hoá thành vô lượng vô biên chư Phật, phân thân đến các thế giới khác nhau, các khu vực khác nhau. Hiện thân giáo hoá chúng sanh. Những thân các ngài hiện ra không giống nhau, nhất định các ngài hiện thân đồng loại ở khu vực đó. Chúng tôi ở Ma Lục Giáp, thấy một ngôi chùa Miến Điện. Tôi vào lễ Phật, trong đại điện thờ hơn 30 tôn tượng Đức Thế Tôn, đều là điêu khắc bằng ngọc của Miến Điến, rất trang nghiêm. Hơn 30 mươi tượng tất cả đều là tượng Đức Thích Ca Mâu Ni.

 Quý vị quan sát tỷ mỷ sẽ thấy, khuôn mặt mổi tượng đều không giống nhau. Có một tượng giống người Miến Điện, cũng có một tôn tượng giống người Trung Quốc. Có một tôn tượng giống người Hàn quốc. Có một tôn tượng giống của người Nhật Bản. Chính là các khu vực phụ cận không giống nhau. Nói lên điều gì? Đức Thế Tôn ở mổi khu vực là hiện thân đồng loại ở khu vực đó. Rất có ý nghĩa biểu pháp, tạo tượng rất tốt. Nên tôi thường nghĩ đến Thiên Thủ Quan Âm. Trên đỉnh đầu của Quan Âm Bồ Tát có 32 khuôn mặt, tượng trưng cho 32 ứng hoá. Nhưng tướng đều là giống nhau, điều này nhìn không ra được.

 Bậy giờ thì sao? Tướng của các dân tộc khác nhau, tướng của các tôn giáo khác nhau. Toàn là Quan Thế Âm Bồ Tát thị hiện. Tôn giáo trên thế giới là một nhà. Sau khi vẽ ra, mọi người xem, Giáo chủ của chúng ta là Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện. Người đầu tiên hiểu được ý này là Hoà Thượng Trung Thôn Khang Long Nhật Bản. Năm tôi gặp ngài, ngài đã 100 tuổi. Gặp tôi ngài rất hoan hỷ và nói với tôi, tất cả người khai sáng tôn giáo trên toàn thế giới đều là hoá thân của Bồ Tát Quan Thế Âm. Tôi nghe cảm thấy rất vui. Lúc ra về đệ tử của ngài là Kiều Mục, người phụ trách tiếp đãi tôi nói, cả đời Hoà thượng xưa nay chưa từng nói như thế. Hôm nay gặp pháp sư, không biết sao lại nói ra lời này? Ngài nói đúng, nói rất hay. Nên mổi lần tôi đến Nhật Bản nhất định phải đến gặp ngài. Hình như năm trước ngài đã vãng sanh, thọ 103 tuổi. Khi ngài đi là 103 tuổi. Đạo lý này chúng ta nhất định phải hiểu.

 Chẳng những tôn giáo thế giới là một nhà, mà dân tộc thế giới là một nhà. Nhân loại thế giới là một nhà, vạn vật thế giới là một nhà. Nhất thể, là một thanh tịnh viên minh thể. Trong Hoàn Nguyên Quán nói rỏ ràng minh bạch. Nếu thấu triệt được, chắc chắn tâm từ bi tự nhiên sanh khởi. Tâm từ bi là gì? Mao Trạch Đông nói, toàn tâm toàn ý vì tất cả chúng sanh mà phục vụ. Ông ta nói là vì nhân dân phục vụ, Phật là vì tất cả chúng sanh. Toàn tâm toàn ý vì tất cả chúng sanh phục vụ, giúp chúng sanh giác ngộ. Chính là câu này, giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ. Sau khi phá mê khai ngộ, mới đạt đến chỗ lìa khổ được vui. Tất cả khổ là do mê biến hiện ra. Niềm vui thật sự là do khai ngộ hiểu rỏ. Thật sự khai ngộ hiểu rỏ, thì làm gì có không an vui? Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ.

 Chư vị đồng học chúng ta cùng nhau học tập. Mổi ngày chúng ta cùng nhau học tập kinh giáo 4 tiếng, chúng ta cùng nhau chia sẽ. Mổi ngày nếu được 8 tiếng đồng hồ niệm Phật. Một ngày 16 tiếng là thời khóa bình thường. Thời khoá sát sao, có thể làm cho vọng tưởng tạp niệm trong tâm đều dứt sạch. Kinh là giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín, công dụng của nó là như vậy. Nên lấy lòng tin chân thành. Tâm cảm ân, tâm hiếu thảo, tâm hoan hỷ, tâm cung kính để chấp trì câu danh hiệu này. Đó chính là một niệm tương ưng niệm niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật.

 Một ngày có thể được 12 tiếng niệm Phật, 4 tiếng nghe kinh. Như vậy mà không thành Phật sao? Có thể không hoan hỷ sao? Tương lai chúng ta kiến lập thôn Di Đà, không gì khác chính là để làm việc này. Bộ kinh này giảng xong, lại tiếp tục giảng lần thứ hai. Không bao giờ tận giảng hết ý nghĩa của nó, mổi lần giảng ý nghĩa đều không giống nhau. Càng giảng càng sâu sắc. Giảng từ từ sẽ tiếp cận thế giới Cực lạc và đi vào. Nên người xưa nói, thế vị không đậm bằng bằng pháp vị. Đây là lời chân thật không phải giả. Niềm vui ở cõi trời cõi người, không vui bằng học tập kinh giáo và niệm Phật. Niệm đến lúc nếm được pháp vị rồi, thì không muốn bỏ đâu.

 Hằng ngày cùng ở với Phật A Di Đà, Hàng ngày cùng ở với chư Phật Như Lai trong mười phương, cùng ở với chư đại Bồ Tát là niềm vui lớn nhất trong thế xuất thế gian.

 Chúng ta xem tiếp đoạn ở sau.*“Kim hiện tại thuyết pháp*”. Thế giới Cực Lạc không phải là khu hành chánh. Trong thế giới này không có quốc vương, không có đại thần, cũng không có sĩ nông công thương. Thế giới này nói thật thì nó là một trường học, chỉ có thầy và trò. Phật A Di Đà là thầy, chư vị Bồ Tát đều là học trò. Rất đơn giản, không có chút phức tạp nào. *“Ngôn kim hiện tại, tắc phi quá khứ dữ vị lai”.* Không phải quá khứ, không phải vị lai, chính là hiện tại, ngay lúc này. *“Trực chỉ đương hạ, cố vân kim hiện tại. Biểu A Di Đà Phật thị hiện tại Phật. Đương hạ thử thời chánh vi chúng sanh thuyết pháp. Cố ưng phát nguyện vãng sanh, lễ cận thính pháp. Y pháp tu hành, tốc bổ Phật vị”.* Mấy câu này nói rất hay.

 Chúng ta muốn thành tựu đạo nghiệp, muốn trở về với tự tánh, muốn biết mục tiêu cuối cùng của việc học Phật, chính là trở về với tự tánh. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Đây là tổng mục tiêu, tổng phương hướng. Bất luận tu học pháp môn nào, bất luận tu học tông phái nào. Đó chỉ là phương pháp và đường đi không giống nhau, nhưng phương hướng và mục tiêu hoàn toàn giống nhau. Nên đệ tử chân chánh của Phật, đối với các tông phái và pháp môn bất đồng đều phải sanh tâm cung kính.

 Chúng ta xem Thiện Tài Đồng Tử 53 lần tham bái cầu học. 53 vị thiện tri thức tượng trưng cho pháp môn bất đồng, nhưng pháp môn nào Thiện Tài Đồng Tử cũng cung kính, cũng tán thán. Nhưng bản thân Thiện Tài Đồng Tử tu pháp môn gì? Tu pháp môn niệm Phật. 53 tham bái cầu học, lần thứ nhất là Đức Vân Tỳ Kheo. Ngài tu bát châu tam muội. Ngài giảng cho Thiện Tài Đồng Tử 21 loại pháp môn niệm Phật. 21 loại, 21 không phải là chữ số, nó là biểu pháp. Tượng trưng cho đại viên mãn. Cũng có nghĩa là vô lượng vô biên pháp môn, đều có thể nói nó là pháp môn niệm Phật. Có niệm Phật mới có thể thành Phật.

 Vị thiện tri thức cuối cùng, vị thứ 53 là Bồ tát Phổ Hiền. Thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc thì càng rỏ ràng hơn. Chúng ta thấy một vị đầu một vị cuối là hiểu. Thiện Tài Đồng Tử trước sau đều thấu triệt, chính là pháp môn niệm Phật. 51 vị thiện tri thức đó là biểu pháp. Quý vị xem, Thiện Tài Đồng Tử đều đi tham bái cầu học, thành tựu hậu đắc trí cho chính mình. Cũng chính là tất cả pháp môn ngài đều biết hết, nhưng chính ngài tu pháp môn niệm Phật. Ngài thị hiện cho chúng ta tấm gương như thế. Vô lượng pháp môn là tiếp dẫn vô lượng chúng sanh không giống nhau. Rốt ráo tu tập thì chắn chắn được thành tựu. Trong đời này đảm bảo sẽ thành tựu.

 Các pháp môn khác phải đoạn phiền não. Phiền não chưa đoạn thì không thể thành tựu. Pháp môn này không cần đoạn phiền não. Như vậy là quá dễ dàng. Chỉ cần niệm Phật đúng pháp sẽ chế phục được phiền não, thì có thể vãng sanh. Dùng cách gì để chế phục? Dùng Phật A Di Đà. Nên chúng ta niệm Phật A Di Đà, Phật A di Đà niệm thuần thục, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Tự nhiên không cần nghĩ đến phiền não, không cần để ý đến nó. Chỉ để ý đến Phật A Di Đà, tuyệt đối không để ý đến bất cứ tạp niệm nào. Ý niệm khởi không sao, cứ mặc kệ nó. Không để ý đến nó tự nhiên sẽ không còn. Chỉ quan tâm đến Phật A Di Đà, niệm niệm đều là A Di Đà Phật. Như vậy sẽ được thành tựu. Phương pháp này ai ai cũng có thể thành công, bất luận là người nào, nam nữ già trẻ, hay các nghành các nghề nào. Tất cả đều có thể thành tựu. Pháp môn này rất vi diệu!

 Huống gì chỉ cần nghe vào tai là vĩnh viễn trở thành hạt giống bồ đề. Nên cần phát nguyện vãng sanh, thân cận Phật A Di Đà. Nghe ngài giảng kinh dạy học và y giáo phụng hành. Như vậy sẽ mau chóng chứng được Bổ Xứ Bồ Tát. Bổ Xứ là Đẳng Giác Bồ Tát.

 Bành Tế Thanh cư sĩ nói *“bất duy nhĩ thời”.* Nhĩ thời là khi Thế Tôn thuyết pháp. *“Danh vi hiện tại. Nãi chí ư kim, dĩ chí hậu hậu vô tận, đồng danh hiện tại. Dĩ Phật thọ vô lượng dã”.* Bành Tế Thanh nói rất hay! Người này thực tế mà nói thì cũng là người tái sanh. Thông minh tuyệt đỉnh, sinh trưởng trong gia đình quý tộc. Cha của ông là Binh bộ Thượng thư của Vua Càn Long, tương đương Bộ trưởng bộ quốc phòng hiện nay. Ông sinh trong gia đình phú quý này, thông minh hiếu học. Trong truyện ký ghi chép, lúc còn nhỏ đã thi đậu tiến sĩ. Đây là học vị cao nhất của quốc gia. Chưa đầy 20 tuổi, 20 tuổi mới mặc quan phục. Hay nói cách khác, ông ta có thể là 18 hay 19 tuổi. 18 hay 19 tuổi đã thi đậu tiến sĩ. Cuộc sống gia đình tốt nên ông không làm quan. Mà ông chỉ học Phật, học đạo. Thông tông thông giáo, hiển mật viên dung, làm cư sĩ tại gia. Ông cũng có rất nhiều trước tác lưu truyền cho hậu thế. Kinh Hoa Nghiêm ông có “Hoa Nghiêm Niệm Phật Luận”. Cách nói này rất hay.

 *“Cố tri thử phi tam thế thiên lưu chi hiện tai, nhi ngôn hậu hậu vô lượng. Trực thị thường trú, cố vĩnh xưng hiện tại”.* Hiện tại này chính là tức thì, ngay tại đây, mà không phải hiện tại của 2000 năm trước khi Thế Tôn giảng kinh. Ngay bây giờ Phật A Di Đà vẫn như xưa đang giảng kinh thuyết pháp. *“Thả bất luận kim hậu nhược can cửu viễn thời kiếp”.* Phàm có người đọc đến câu “kim hiện tại thuyết pháp”, tức là chỉ cho ngay bây giờ, hiện nay, Phật A Di Đà vẫn đang thuyết pháp. Bởi thế đức Phật thuyết pháp không hề gián đoạn. Từ đó chúng ta sẽ hiểu rỏ. Phật Di Đà thuyết pháp không gián đoạn.

 Đức Thế Tôn thuyết pháp có gián đoạn chăng? Cũng không gián đoạn. Thích Ca Như Lai có báo thân. Thích Ca Như Lai trong cỏi thật báo trang nghiêm là ngay bây giờ đây đang thuyết pháp. Trong cỏi phàm thánh đồng cư, Đức Thế Tôn ngay hiện tại có thuyết pháp chăng? Có thuyết pháp. Chỉ là con người không chịu nghe, nên không thể nghe thấy nhìn thấy. Phật Thích Ca ở đâu? Đức Phật nói “Chổ nào có kinh điển tức là chổ đó có Phật”. Bây giờ kỷ thuật in ấn phát triển, kỷ thuật in ấn kinh ngày càng cao. Về điều này thì người bây giờ có phước hơn so với người xưa. Ví dụ tôi muốn mua một bộ “Đại Tạng Kinh”. Chỉ cần ta nói với tiệm sách tôi muốn mua một bộ, họ liền có thể giúp ta in một bộ.

 Ngày xưa nếu muốn in thì phải in hơn 1000 bộ, ít nhất phải in 300 bộ. Nếu không sẽ không thu hồi được vốn. Bây giờ quá phương tiện, như Photo một bộ, đươc! In cho bạn một bộ. Điều này năm trước tôi mới biết. Tôi đặt một trăm bộ “Tứ Khố Toàn Thư” nơi nhà in ấn Thương Vụ. Họ nói, in một bộ họ cũng có thể in, đương nhiên giá cao một chút. Nếu in 100 bộ thì rất rẻ. Các bạn đồng học thật sự muốn thỉnh Phật trú thế. Trong gia đình mình thỉnh một bộ đại tạng kinh chính là có Phật trú thế. Chổ nào có kinh điển thì có Chư Phật hộ niệm, Thiên Long Thiện Thần gia hộ. Hiện nay rất phương tiện tai sao không làm? Ngày xưa rất khó khăn.

 Chúng tôi ấn tống Đại Tạng Kinh, số lượng một vạn bộ. Bây giờ đã tặng hết khoảng hơn 8000 bộ, còn hơn 1000 bộ nữa thì nguyện vọng chúng tôi sẽ thành tựu. Chắc trong vòng một hai năm nữa sẽ đủ, không vấn đề gì. Nên chư vị đồng học nên nhớ, tiền in ấn kinh là có sẵn không quyên góp. Không cần bất cứ ai đem tiền đến. Đem tiền đến tôi lại không biết nên làm việc gì. Bây giờ không muốn làm nữa, nên đưa tiền tôi cũng không cần, không muốn phiền phức này nữa. Tôi khuyên quý vị, tìm nơi in ấn hoặc tìm tiệm sách. Tiệm sách có thể thay quý vị làm. Đây là việc tốt, họ sẽ rất vui làm việc này.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 319**

# Tập 320

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: ngày 12 tháng 03 năm 2011

Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_Úc Châu

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời quý vị xem *“Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”*, trang 376, hàng thứ 6 đếm từ dưới lên.

 *“Chí ư thuyết pháp giả thị hà thân*”, chúng ta bắt đầu xem từ đoạn này. *“Chí ư thuyết pháp giả thị hà thân. Cứ Di Đà Sớ Sao ý, thuyết pháp giả đương thị ứng thân, nhiên diệc kiêm báo. Như Quán Kinh vân lục thập vạn ức na do tha hằng hà sa do tuần chi thân. Tắc thị báo thân thuyết pháp. Sớ Sao hựu vân, hữu vị thuyết pháp thị ứng thân báo thân. Hữu vị tam thân tề thuyết, các tuỳ cơ kiến”.*

Cách nói này rất hợp lý. Về mặt lý luận mà nói thì ba thân đều thuyết pháp. Đây là tiếp tục nói rỏ về “kim hiện tại thuyết pháp”.

 Phật A Di Đà thuyết pháp ở thế giới Cực Lạc, xưa nay chưa hề dừng nghỉ. Nếu quí vị muốn hỏi dùng thân nào để thuyết pháp? Mọi người đều biết Phật có ba thân là pháp thân, báo thân, ứng thân. Pháp thân không có tướng, nhưng nó có thể hiện tướng, có thể hiện tất cả tướng. Như Hoàn Nguyên Quán nói “xuất sanh vô tận”. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh nói “năng sanh vạn pháp”. Đó là pháp thân. Pháp thân là pháp tánh, pháp tánh hiện tướng gọi là pháp tướng. Pháp tánh và pháp tướng là một không phải hai, giống như lấy vàng làm đồ trang sức, thì mọi thứ đều là vàng. Như vậy có thể nói tất cả hiện tượng đều là pháp thân Như Lai.

 Quí vị phải đặc biệt chú ý hai chữ “Như Lai” này. Trong kinh điển đại thừa xưng chư Phật là từ tướng mà nói, xưng Như Lai tức là từ tánh mà nói. Nên chúng ta biết pháp tánh biến khắp mọi nơi, pháp tướng cũng không ngoại lệ. Pháp tướng chính là pháp tánh. Nên chúng ta có thể nói, tất cả pháp tướng đều là pháp thân của Như Lai. Ở đây dẫn chứng một câu trong Sớ Sao: “*các tuỳ cơ kiến”*. Câu này nói rất hay. Cũng có nghĩa là căn tánh của ta như thế nào, sẽ thấy hình tướng Chư Phật Bồ Tát không giống nhau.

 Từ đó cho thấy, chúng ta có thể chứng minh cảnh tuỳ tâm chuyển. Tâm Bồ Tát nhìn thấy pháp thân là tướng Bồ Tát, là tướng Phật. Thiện tâm, tâm thanh tịnh nhất định thấy ứng thân, báo thân của Như Lai. Nếu là tâm tham sẽ thấy tướng ngạ quỷ. Tâm sân hận nhất định thấy tướng địa ngục. Không có tướng nhất định, tướng tuỳ theo ý niệm mà chuyển. Tâm như thế nào sẽ nhìn thấy tướng như thế đó. Đều là pháp thân Như Lai, đều là tự tánh biến hiện. Thông thường chúng ta thường hỏi về thế giới Cực Lạc, Thế giới Cực Lạc có tứ độ, có tam bối cửu phẩm. Mỗi cấp bậc không giống nhau nên nhìn thấy tướng Phật cũng không giống nhau. Thông thường nói, cỏi phàm thánh đồng cư nhất định thấy ứng hoá thân. Cỏi phương tiện hữu dư cũng là thấy ứng hoá thân. Tuy là ứng hoá thân, nhưng trong đó sự thắng liệt không tương đồng.

 Bồ Tát trong cỏi phương tiện thấy Phật A Di Đà, chắc chắn tướng thù thắng hơn cỏi đồng cư nhìn thấy. Đây là đạo lý nhất định. Cỏi thật báo nhất định thấy là pháp thân Như Lai. Trong Quán Kinh nói: “Phật hiện cao đại thân, lục thập vạn ức na do tha hằng sa do tuần chi thân”. Thân tướng này chúng ta không cách nào tưởng tượng được, quá cao lớn. Đây chắn chắn là Bồ Tát cỏi thật báo thấy. Vì sao? Bởi trong cỏi thật báo đều chứng được báo thân. Thân Phật A di Đà cao lớn như vậy, thân của mọi người cũng cao lớn như vậy, nên không có gì lạ. Họ thấy thực sự là thân bình đẳng. Cảnh giới này tuỳ theo trí tuệ, thần thông, đạo lực của mỗi người mà hiện ra tướng bất đồng. Nên đây là báo thân thuyết pháp.

 *“Sớ Sao hựu vân”.* Sớ Sao là của Liên Trì Đại sư. *“Hữu vị thuyết pháp thị ứng thân, báo thân”*. Tất cả đều nói thông suốt. Trong mười pháp giới là ứng thân, cũng chính là cỏi đồng cư và cỏi phương tiện. Trong cỏi thật báo khẳng định là báo thân. “Hữu vị tam thân tề thuyết”, điều này có thể nói được. Ba thân đều thuyết pháp, biến pháp giới hư không giới. Cổ nhân thường nói, sơn hà cho đến đại địa đều hiện thân Như Lai. Đó chính là pháp thân. Tất cả hiện tượng hiện ra, đều là giúp chúng sanh tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng trí tuệ, nâng cao cảnh giới. Vấn đề là ở chỗ chúng ta có biết như vậy hay không thôi.

 Tục ngữ có câu: “Nội hàng khán môn đạo, ngoại hàng khán nhiệt náo”. Nội hàng chính là người biết, người biết thì nhìn tài năng. Ngoại hàng là người không biết, người không biết thì nhìn sự đông đúc. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, người không trong nghề chỉ là xem náo nhiệt, nhưng người trong nghề đều biết. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm không có pháp nào không phải Phật pháp. Thành tựu chúng sanh tiêu nghiệp chướng, đoạn phiền não, khai trí tuệ, thành Phật đạo. Phải là người trong nghề mới có thể nhìn ra được.

 Nhà nghề nghĩa là sao? Y theo giáo huấn trong kinh điển đại thừa. Thật sự rất đơn giản. Buông bỏ phân biệt chấp trước chính là người trong nghề. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước là người không trong nghề. Người không trong nghề là sao? Dùng tâm luân hồi, nhìn đường luân hồi, tạo nghiệp luân hồi, chịu quả báo luân hồi, đây là không trong nghề. Nhà nghề thấy luân hồi lục đạo đều là Bồ Tát đạo. Giúp mình và người tiêu nghiệp chướng, tăng trí tuệ, chứng bồ đề. Cảnh giới không thay đổi, dùng tâm không giống nhau. Đạo của Phật Bồ Tát, đạo của Thánh hiền, luôn ở chổ dụng tâm.

 Chúng ta dùng tâm như thế nào để sinh hoạt, dùng tâm như thế nào để học hỏi. Dùng tâm như thế nào để đối nhân xử thế tiếp vật. Đối với sự vận hành của vạn vật trên toàn vũ trụ, tự nhiên có cảm ứng không giống nhau.

 *“Pháp báo ứng tam thân tề thuyết. Tam thân thị hiện, các tuỳ cơ kiến, sở kiến bất đồng. Tam thân tề thuyết tức thuyết pháp giả tuy thị ứng thân báo thân”.* Thực tế mà nói cũng có pháp thân ở trong đó. *“Thật diệc kiêm pháp thân hỷ*”. Rời pháp thân thì làm gì có báo thân và ứng thân. Đây là nói về thuyết pháp. Sơn hà cho đến đại địa không có gì chẳng thuyết pháp.

 *“Hữu vô lượng vô số Bồ Tát, Thanh văn chi chúng, cung kính vi nhiễu. Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật tam thân thuyết pháp”.* Thính chúng bao nhiêu? Vô lượng vô biên vô tận vô số. Đây là những người trong quốc độ mười phương chư Phật đến thế giới Cực Lạc để cầu học. Có hàng trời người, có bậc nhị thừa, có bậc Bồ Tát cung kinh vây quanh. Vây quanh nghĩa là thân cận. Học Phật, học đạo, học thánh hiền. Ta có thể đạt được mấy phần, có thể học được bao nhiêu. Hoàn toàn ở chỗ do ta có tâm cung kính hay không. Có tâm cung kính sẽ thật sự đạt được. Không có tâm cung kính, tuy vây quanh bên cạnh Phật A Di Đà nhưng không đạt được lợi ích nào cả. Mọi người chúng ta đều vây quanh Phật nghe Phật thuyết pháp, nhưng mổi người có sự cảm nhận không giống nhau. Có người nghe giảng kinh thuyết pháp khai ngộ, có người đại triệt đại ngộ, có người chứng sơ quả, có người chứng tứ quả. Cũng có số ít người có thể triệt để buông bỏ, những điều họ đạt được trong đại thừa giáo gọi là đốn xã. Họ lập tức buông bỏ, không có chút lưu luyến nào. Buông sạch tất cả. Minh tâm kiến tánh, họ đã thành Phật. Có rất nhiều ví dụ.

 Ngày xưa khi Đức Thế Tôn ngồi thiền định dưới cội Bồ Đề, đã minh chứng cho chúng ta. Ở Trung Quốc Lục Tổ Huệ Năng của thiền tông, nhân vật số một này cũng đã thể hiện cho chúng ta thấy. Nên những điều này là thật không phải giả. Tại sao họ làm được còn người khác thì không, rốt cuộc là nguyên nhân gì? Tâm cung kính chân thành không giống nhau. Ngài Huệ Năng có mười phần tâm cung kính chân thành, không hề có chút nghi ngờ nào. Tâm cung kính này xuất hiện lúc nào? Tôi nói với quý vị là mọi lúc mọi nơi. Xưa nay chưa từng gián đoạn, xưa nay chưa từng mất đi.

 Quý vị đọc kỹ Lục Tổ Đàn Kinh, xem ngài đã đối với ai không cung kính? Lục Tổ đối với việc gì không cung kính? Chúng ta sẽ hiểu, chúng ta bình thường nói cung kính. Đến giảng đường nghe kinh phải cung kính, đối diện với Phật Bồ Tát phải cung kính, cũng xem là không tệ. Nhưng quay đầu đối mặt với đại chúng lại không biết cung kính. Thì cung kính đó là giả không phải thật. Vì sao? Bởi thật sẽ miên viễn không thay đổi, thay đổi là không phải thật. Đối xử với oán thân trái chủ đều phải cung kính, giống như đối Phật vậy, phải thật tâm. Chân thành cung kính không hề thay đổi, đối với yêu ma quỷ quái cũng không thay đổi, cũng là cung kính. Đối với loài bò bay ngựa chạy cũng cung kính như vậy, như vậy mới là tâm cung kính thật sự hiện tiền. Mới có thể vừa nghe đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

 Nếu tâm cung kính không sanh khởi , thì sẽ không học được điều gì cả. Thánh nhân trong thế và xuất thế gian, dạy chúng ta câu đầu tiên chính là cung kinh, nhưng chúng ta lãng quên. Quý vị xem thánh nhân trong thế gian, tác phẩm Lễ Ký của mấy ngàn năm trước, câu đầu tiên nói:“Khúc lễ viết, vô bất kính”. Không có gì là chẳng cung kính. Đối nhân, đối sự, đối vật chẳng có việc nào là không cung kính. Thánh nhân quân tử trong thế gian. Trong Phật pháp quí vị thấy rất nhiều nghi thức sám hối. Câu đầu tiên là *“Nhất tâm đảnh lễ, nhất tâm cung kính”,* đều là những câu như vậy. Đối tượng là ai? Đối tượng là tất cả con người sự vật trong biến pháp giới hư không giới. Chúng ta cần phải dùng tâm cung kính như vậy để xử sự đối nhân tiếp vật, Dùng tâm cung kính này để học Phật pháp, học tập thánh hiền mới có thể thật đạt được. Nên nói đến hai chữ cung kinh này thật không dể, nhưng hai chữ này là then chốt quan trọng. Chúng ta một đời tu học thành tựu nhiều ít đều ở trong hai chữ này.

 Ấn Quang đại sư nói rất hay: một phần cung kính được một phần lợi ích, hai phần cung kính được hai phần lợi ích. Không phải ở bên ngoài, không phải ở người khác mà hoàn toàn là ở chỗ chính mình. Ta có mấy phần tâm cung kính, điều đó không liên quan đến ai cả. Chư Phật Bồ Tát, đại thánh đại hiền chỉ có thể khuyến khích chúng ta. Đem chuyện này nói cho chúng ta hiểu rỏ ràng minh bạch. Phải tự chúng ta thể hiện, tự mình không thể hiện được tâm cung kính thì không có chút phần lợi ích nào cả.

 Quý vị xem các nhà khoa học nói với chúng ta, đưa ra một số liệu căn cứ. Ngày nay trên địa cầu này, tổng số nhân khẩu khoảng trên dưới 65 ức. Tổng nhân khẩu 65 ức, một phần trăm căn số bậc hai, tức là khoảng 8000 người. Nếu trên thế gian này có 8000 người đầy đủ tâm chân thành cung kính, thì thế giới này sẽ không có thiên tai. Trận động đất hôm qua ở Nhật Bản sẽ không phát sanh. Đây là lời chân thật, tuyệt đối không phải giả. Giới khoa học khẳng định, sức mạnh ý thức tập thể rất lớn, chúng ta không thể tưởng tượng được. Loại năng lượng lớn này có thể hoá giải xung đột, có thể hoá giải những thiên tai trên địa cầu. Điều này nói rỏ, địa cầu có nhiều thiên tai như vậy là do người thiện trên địa cầu quá ít, chưa đến 8000 người. Có rất nhiều người nghe rồi, dũng khí rất đáng được người kính phục. Tôi đến, tôi đến gia nhập thêm vào một trong 8000 người đó. Nhưng hỏi quý vị, quý vị có mấy phần tâm cung kính? Tôi có mười phần tâm cung kính, tôi chân thành cung kính. Nhưng đối xử với oán thân trái chủ không có chút cung kính nào, vẫn hận họ thấu xương. Như vậy chứng tỏ cung kính đó là giả, không phải thật.

 Phải luôn ghi nhớ rằng nhất thiết cung kính, nhất tâm đãnh lễ. Nhất tâm, nhất thiết đó nói cách nào? Câu đầu tiên trong Lễ Ký nói “vô bất kính”. “Vô bất kính” đó phải nói như thế nào? Đây là tiêu chuẩn. Các nhà khoa học đưa ra số liệu căn cứ 8000 người là muốn tiêu chuẩn như vậy. Đối mặt với một đống phân bò cũng phải cung kính, giống như đối với Phật vậy, nhất định không có chút tâm khinh mạn nào. Vì sao? Bởi đó cũng là tự tánh biến hiện. Tự tánh chính là Tỳ Lô Giá Na Phật, có thể không cung kính sao? Trong kinh điển đại thừa thường nói Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Tâm ở đây là chân tâm. Tất cả pháp là chân tâm sở hiện, chân tâm sở sanh. Có thể không cung kính sao? Còn có thể đi khắp nơi nói mình là độc tôn chăng? Chúng ta dùng tiêu chuẩn này để đo lường mới biết 8000 người là quá khó.

 Trong Phật pháp, nhân số Phật nói ít hơn so với các nhà khoa học nói. Các nhà khoa học yếu cầu 8000 người. Phật yêu cầu mấy người? Bốn người. Bốn người là một tăng đoàn. Tăng đoàn này là thực hiện viên mãn lục hoà kính, là tăng đoàn lục hoà. Tăng đoàn này ở đâu thì tất cả thiên tai đều được hoá giải. Quý vị có đồng ý tham gia vào tăng đoàn này chăng? Tăng đoàn có hai điều kiện quan trọng nhất là kiến hoà đồng giải và giới hoà đồng tu.

 Như thế nào là kiến hoà đồng giải? Lục căn đối với cảnh giới lục trần, thật sự làm được không khởi tâm không động niệm là hoà. Tức kiến hoà đồng giải. Đây là người như thế nào? Dùng tiêu chuẩn trong Kinh Hoa Nghiêm để nói, thì bốn người này là hàng Sơ trụ của Viên giáo trở lên, không phải là người phàm. Bốn người này ở cùng nhau là chuyển phàm thành thánh. Đến đâu để tìm? Một người cũng tìm không thấy! Vì sao tìm không thấy? Bởi chính mình chưa thành tựu. Nếu chính mình lục căn đối với cảnh giới lục trần mà như như bất động, không khởi tâm không động niệm, thì mới có thể tìm thấy. Chính mình chưa đến trình độ này, thì đó đều là vọng tưởng, như vậy làm sao có thể tìm được. Đây là tiêu chuẩn của đại thừa.

 Chúng ta đem tiêu chuẩn này hạ thấp xuống, hạ đến thấp nhất. Thấp nhất là gì? Là Sơ tín vị trong thập tín Bồ Tát, đây là thấp nhất. Thấp nhất cũng phải làm được phá tứ tướng mà trong kinh Kim Cang nói. Không chấp trước ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Thật sự đã buông bỏ như trong kinh Kim Cang nói vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Như vậy là Sơ tín vị trong thập tín vị của Viên giáo, là năm nhất của tiểu học. Chỗ chúng ta ở, mặc dù vẫn có thiên tai nhưng không lớn, sẽ không có tai hại nghiêm trọng. Vì sao? Chúng ta là người có phước báo chân chánh. Người có phước ở đất phước, đất phước thì người có phước ở. Có phước báo thì có thể chuyển cảnh giới.

 Chuyển cảnh giới, thứ nhất, cảnh giới và thân thể của chúng ta là thân mật nhất. Bên ngoài nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, bên trong là lục phủ ngũ tạng. Mổi khí quản, mổi tế bào đều bình thương. Bình thường chính là mạnh khoẻ, tật bệnh là không bình thường. Tật bệnh có sợ hay không? Không sợ. Tâm trạng chỉ cần bình thường. Tế bào không bình thường tự nhiên khôi phục trở lại bình thường. Đây là tâm lý trị liệu, nhưng thực tế mà nói mọi người đều không biết. Một người bị bệnh, tìm bác sĩ điều trị, bệnh được chữa lành. Phải chăng là cách trị liệu này có gì hay? Nói với chư vị, không phải. Là lòng tin đã trị lành nó. Tôi tin bác sĩ, tôi tin phương pháp trị liệu y học, tôi tin tưởng thuốc này. Tôi đối với họ mười phần cung kính, không có chút hoài nghi nào nên thật sự có hiệu quả. Là tâm lý trị lành bệnh.

 Dù bác sĩ có giỏi, thuốc men có tốt. Nếu không có niềm tin với họ, hoài nghi họ. Thì thời gian trị liệu có dài cũng không có hiệu quả. Sau đó ta mới biết rằng y học trị liệu thật sự có được kết quả là tâm lý mạnh khoẻ. Tôi nói lời này là 30 năm trước, khi ở Mỹ tôi cùng bác sĩ người Mỹ có thảo luận về vấn đề này. Bác sĩ này đồng ý với cách nhìn của tôi. Bác sĩ là người Trung Quốc làm việc trong nghành y ở Mỹ. Lúc đó tôi bị ho nên đến ông ta khám bệnh. Ông ta thừa nhận. Đây đều là những gì trong kinh điển đại thừa, các bậc thánh hiền dạy. Bây giờ con người gọi những điều này là huyền học. Không dễ sanh khởi lòng tin. Tín tâm không sanh, đương nhiên đối với nó sẽ không có hiệu quả.

 Mấy năm trước tôi nghe được thông tin về “Sơn tây tiểu viện” ở Trung Quốc. Hơn 40 người bị ung thư, bác sĩ tuyên bố ngừng trị liệu. Theo dự kỳ thì số người này nhiều nhất chỉ có thể sống được ba tháng. Đồng nghĩa với tuyên bố tử hình họ. Cũng may là số người này đều niệm Phật. Mặc dù bác sĩ đã tuyên bố còn ba tháng nữa là thời kỳ mình vĩnh viễn ra đi. Như trong kinh Di Đà nói, nếu một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày. Thời gian ba tháng rất dài chắc chắn còn kịp nhất tâm niệm Phật. Ba tháng sau thân thể ngày càng tốt, hoàn toàn tương phản với dự kỳ của bác sĩ. Đến bệnh viện kiểm tra lại thì hoàn toàn lành mạnh. Bác sĩ cảm thấy rất kinh ngạc, hỏi họ dùng phương pháp trị liệu gì? Không có phương pháp, chỉ có nhất tâm niệm Phật, không nghĩ đến bất cứ điều gì. Vì tuyên bố thọ mạng chỉ có ba tháng, còn nghĩ gì, không nghĩ gì cả. Một lòng chỉ muốn vãng sanh thế giới tây phương Cực Lạc, nào ngờ họ vẫn còn thọ mạng. Tho mạng vẫn còn nên Phật không đến tiếp dẫn. Không phải một người mà hơn 40 người.

 Từ đó cho thấy, ý niệm thật sự quyết định tất cả. Chúng ta hoàn toàn khẳng định không còn hoài nghi. Trong kinh Phật nói “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”. Chỉ sợ tâm loạn, quá tạp, vọng niệm quá nhiều. Điều này đối với thân tâm mạnh khoẻ của mình chướng ngại rất lớn. Tâm phải tịnh, thân phải động. Thân là cơ khí, nên cần phải vận động. Không vận động nó sẽ bị rỉ sét. Thân phải vận động, tâm phải tịnh. Bây giờ con người hoàn toàn tương phản. Thân nên phải vận động họ lại không vận động. Không nên vận động là tâm, thì tâm luôn luôn phải động. Hoàn toàn đi hướng ngược lại, như vậy thân tâm họ làm sao có thể mạnh khoẻ. Đạo lý là ở chỗ này.

 Trong Phật pháp chẳng những có đạo dưỡng sinh, mà còn có con đường phát tài. Y theo giáo huấn trong kinh Phật, thật sự được phát tài. Tôi nói là thật sự phát tài. Như thế nào là thật phát tài? Số mạng không có tài, họ đạt được của cải, nên gọi là thật phát tài. Số mạng họ có tiền mà đạt được tài bảo, đó không phải là phát tài. Số mạng có, tại sao trong số mạng có? Vì đời trước có tu. Nên đời này đến hưởng phước. Đời trước trồng nhân thì đời nay hưởng quả. Đời trước không trồng nhân, thì đời nay đến đâu để tìm? Đời trước trồng nhân gì? Bố thí.

 Trong kinh Đức Phật dạy rất hay. Phật dạy bố thí tài được tài bảo, càng thí càng nhiều. Trên đời này có được vạn ức tài sản. Đại phú gia sở hữu nhiều tài sản như vậy, ít nhất cũng bố thí đến mười đời, mới tích luỹ được của cải lớn như vậy. Nếu họ hiểu được đạo lý này. Dùng của cải của họ đi cứu tế một quốc gia, một khu vực. Nếu bố thí thì tài sản sau đó được tăng lên nhiều lần. Không những của cải đến, mà quả báo cũng rất tốt đẹp. Đời sau là quốc vương của quốc gia đó, khu vực đó. Vì sao? Nhân dân cảm ân đức mà quý vị đã bố thí. Nếu ta dạy họ tốt đó là trí tuệ bố thị. Quan tâm đến cuộc sống của họ là bố thí vô uý, thì quả báo đạt được là của cải. Thông minh trí tuệ, mạnh khoẻ trường thọ. Là người đại phước báo.

 Trong lịch sử Trung Quốc, chúng ta thấy một người là Hoàng Đế Càn Long. Phước báo của ông ta, đứng về mặt quả báo mà nói thì phước báo của ông, đời trước ít nhất là trên mười đời. Đời đời kiếp kiếp tu ba loại bố thí này, vì cả ba loại bố thí này ông ta đều đạt được. Khi ông ta làm Hoàng đế, sửa “Tứ Khố Toàn Thư”, sửa “Đại Tạng Kinh”. Đây là bố thí pháp đối với tất cả chúng sanh trên toàn thế giới, quả báo đạt được là đại trí tuệ. Chúng ta học Phật, như vậy mới thật sự hiểu được những đạo lý này. Quan trọng nhất là y giáo phụng hành, phải thật sự thực hành. Hy vọng quả báo của chúng ta có thể giống như Phật A Di Đà vậy. Tương lai thành tựu cũng là vô lượng vô biên vô tận vô số Bồ Tát, Thanh Văn cung kính vây quanh. Cung kính vây quanh này không phải là vinh dự của mình. Có tâm niệm vinh dự chính mình là sai, sẽ bị đoạ lạc, lại khởi tham sân si mạn.

 Tâm địa thanh tịnh không nhiễm chút trần. Đó mới là phước báo chân thật. Chỉ cần có một chút đắc ý là sai, là phiền não khởi hiện hành. Phiền não khởi hiện hành thì trí tuệ bị chướng ngại, phước đức bị chướng ngại, phước báo không bị chướng ngại. Nhưng phước báo hưởng hết rồi thì không còn nữa. Điều này không thể không biết. Đại chúng trong thế giới tây phương Cực Lạc số lượng rất nhiều. Nói thật thì Đức Phật cũng không đếm hết.

 *“Nhân bỉ độ thánh chúng vô lượng. Phục hữu thập phương tiền vãng lễ cận thính pháp chi thánh chúng diệc giai vô lượng”.* Không phải phát tâm chân thật vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Vãng sanh đến thế giới Cực Lạc là chúng thường trú của thế giới Cực Lạc. Không phát tâm vãng sanh, nghe đến danh hiệu của Phật A Di Đà, nghe đến công đức của Phật A Di Đà, đến để tham học trước, đến đột xuất. Số người đó cũng không ít, rất đông, cũng vô lượng.

 *“Tất giai vi nhiễu bỉ Phật toạ hạ, nhất tâm cung kính thính Phật thuyết pháp”.* Ở trước là cung kính vây quanh, nhưng ở đây là nhất tâm cung kính. Như vậy mới đạt được lợi ích chân thật. Pháp sư thuyết pháp không có đạo đức, không có tu. Trên bục giảng nói năng bậy bạ, như vậy có thể đối với họ nhất tâm cung kính chăng? Nếu có thể thật sự nhất tâm cung kính, thì bất kể ngồi trên đài là phá giới phạm trai, tạo nhiều tội ác, thì ta cũng đắc được chánh pháp. Ta nghe họ thuyết pháp mổi câu đều là chánh pháp. Vì sao? Bởi cảnh tuỳ tâm chuyển. Cảnh giới bên ngoài tuỳ theo tâm ta mà chuyển. Trong tâm đối với pháp sư này không cung kính, không để họ trong mắt. Thì dù họ là Phật A Di Đà tái sanh cũng vô dụng, cũng không đạt được phần lợi ích nào.

 Họ là yêu ma quỷ quái, mạo xưng một vị tỳ kheo để thăng toà thuyết pháp, nhưng ta nhất tâm cung kính, những gì ta đạt được là chánh pháp của Như Lai. Đây đều là sự thật không hề giả. Cảnh tuỳ tâm chuyển, mình là chủ tể vũ trụ, chủ tể của tất cả, không phải người khác làm chủ tể mình. Đây gọi là Phật pháp đại thừa. Nên Phật pháp đại thừa không có vấn đề gì chẳng giải quyết được. Đạo lý là ở chỗ này. Pháp thế và xuất thế gian khó. Khó ở chổ nào? Khó ở chổ cầu xin người khác. Cầu xin người khó, Phật pháp không cầu xin người chỉ cầu chính mình.

 Đức Thế Tôn chưa từng cầu xin người khác. Chư Phật Bồ Tát cũng chưa từng cầu xin người khác. Lịch đại tổ sư cũng chưa cầu xin người khác. Chỉ nghe nói có người đến cầu họ, chứ chưa nghe nói họ đi cầu người khác. Những điều này chúng ta đều có thể hiểu. Phẩm này chúng ta giảng đến đây, mời quý vị xem phẩm bên dưới.

 *“Giai nguyện tác Phật đệ thập”.* Đề mục của phẩm này rất thù thắng “giai nguyện tác Phật”. Chúng ta xem chú giải phẩm đề của Hoàng Niệm Tổ. *“Bổn phẩm duy kiến ư Hán Ngô lưỡng cổ dịch”.* Trong phẩm này có hai ý nghĩa quan trọng. *“Nhất giả, A Xà Vương Tử đẳng, văn kinh hoan hỷ, phát nguyện thành Phật. Như A Di Đà Phật, Thích Tôn tức vị chứng minh”.* Kinh văn này có hai đoạn, đây là đoạn thứ nhất. A Xà Vương Tử, lúc Đức Phật giảng “Vô Lượng Thọ Kinh”, họ là thính chúng. Sau khi họ nghe xong, kinh vẫn chưa giảng xong. Khi nghe đến đoạn này, nghe nói Pháp Tạng ở thế giới Cực Lạc thành Phật. Thành Phật chưa bao lâu, mới chỉ có thời gian mười kiếp, và hiện nay đang nói pháp. Họ nghe đến đây liền sanh tâm hoan hỷ . Phát đại nguyện tôi cũng muốn làm Phật, giống như Phật A Di Đà vậy. Đức Thế Tôn đã chứng minh cho họ. Nguyện này có thể thực hiện được chăng? Được.

 *“Thị vi khởi phát ngã đẳng kim nhật đắc văn thử kinh, diệc đương như A Xà Vương Tử phát khởi đại nguyện dã”.* A Xà Vương Tử và đồng bạn không phải là người phàm. Họ cũng là Phật Bồ Tát hoá thân, thị hiện đến để gợi ý cho chúng ta, giúp đở chúng ta, khiến chúng ta nhìn thấy tấm gương tốt, thì chính mình cảm động cũng phát tâm muốn giống như họ vậy, giống như A Xà Vương Tử vậy, quyết định phát tâm cầu sanh tịnh độ.

 Sanh đến tịnh độ Phật A Di Đà hỏi, ngươi đến thế giới Cực Lạc gặp ta là muốn cầu điều gì? Con muốn xin Phật thu nhận con làm đệ tử để theo ngài học tập. Phật A Di Đà cũng gật đầu hoan hỷ. A Xà Vương Tử không phải như vậy. Ông đến thế giới Cực Lạc là để làm Phật, hy vọng được giống như Phật A Di Đà. Phật A Di Đà nghe càng hoan hỷ hơn. Người ở trước là đến học tập, nhưng người này đến là để lấy bằng tốt nghiệp, đến là tốt nghiệp. Nên nhớ tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, thật không thể nghĩ bàn.

 *“Đệ nhị, Phật thuyết thị chư Vương Tử dĩ ư vô lượng kiếp trung hành Bồ Tát đạo. Quá khứ sanh trung tức Phật đệ tử, cố kim phục tướng trực. Thử biểu nhất thiết chư pháp bất ly nhân duyên”.*

 Tất cả pháp đều có nhân có duyên có quả có báo, nhân duyên quả báo. Thế xuất thế gian pháp cũng không tách rời định luật này. Trồng nhân gì thì gặp được duyên đó. Nhân gặp được duyên thì quả báo sẽ hiện tiền. Nên những người này trong quá khứ là đệ tử của đức Thế Tôn. Lần này Đức Thế Tôn thị hiện thành Phật lại gặp được họ. Chứng tỏ những người này thiện căn sâu dày. Trong này hiển bày cho chúng ta một thông tin là, tất cả pháp trong thế xuất thế gian đều không tách rời nhân duyên quả báo. Thật sự hiểu rỏ ràng minh bạch rồi, việc gì trên thế gian này là quan trọng nhất? Trồng thiện nhân là quan trọng nhất, kết thiện duyên là quan trọng nhất.

 Thiện nhân thiện duyên rất nhiều, vậy nhân nào mới là quan trọng nhất? Giúp chúng sanh giác ngộ là quan trọng nhất. Quý vị thấy, Chư Phật Như Lai không làm việc gì khác, chỉ chuyên môn làm việc này. Điều này là thật không phải giả. Cuộc đời của Đức Thế Tôn giảng kinh giáo hoá là pháp bố thí. Kinh Bát Nhã, Kinh Kim Cang quí vị đọc rất nhiều. Ví dụ trong kinh Kim Cang nói, bố thí bảy báu trong thế giới đại thiên, cũng không bằng vì người khác nói bài kệ bốn câu. Bài kệ bốn câu là pháp bố thí, bố thí bảy báu trong thế giới đại thiên cũng không hơn được. Vì sao? Bố thí bảy báu chỉ có thể giải quyết vấn đề vật chất. Cuộc sống vật chất của họ quá khổ, bố thí vật chất khiến họ sống thoải mái hơn nhưng không thể giác ngộ. Không thể giác ngộ chính là không thể cải thiện tự ngã, phải dựa vào người khác, như vậy mới là khổ! Nên Đức Phật không làm việc này. Suốt cuộc đời chỉ chuyên môn tận lực dạy học\_pháp bố thí. Trụ thế dạy học 49 năm, vui vì điều này mà không thấy mệt nhọc!

 Ấn Quang đại sư đặc biệt thị hiện cho chúng ta thấy. Thị hiện như thế nào? Thị hiện không có duyên dạy học. Ngài là người Sơn Tây, nên giọng nói rất nặng. Giảng kinh một số người nghe không hiểu. Ngài đã dùng phương pháp gì? Dùng văn tự. Dùng thông tin, dùng văn tự dạy học rất thành công. Ngài 70 tuổi mới ra hoằng pháp, trước 70 tuổi đọc sách. Ngài thị hiện như cổ nhân nói “hậu tích bạc phát”. Quý vị xem, 70 công lực, vừa phát ra sức mạnh rất lớn. Ngài hoằng pháp chỉ 10 năm, 80 tuổi viên tịch. 10 năm, 10 năm thành tựu. Trong 100 năm nay, bất luận là tại gia hay xuất gia, chưa có người nào có thể vượt hơn ngài. Thật quá vĩ đại! Người mộ danh đến thân cận ngài rất đông. Sau khi nổi danh cúng dường cũng nhiều. Cúng dường cho ngài ngài không hưởng một đồng một xu nào cả, vẫn mặc y phục cũ kỷ của mình, vẫn ăn rau củ như bình thường. Mọi thứ cúng dường đều là ngài dạy chỉ làm một việc là in kinh bố thí. Ngài đem tiền người ta cúng dường thành lập một xưởng in ấn, tự mình in sách. Xưởng in ấn này ở Chùa Báo Quốc -Tô Châu, gọi là Hoằng Hoá Xã. Đây là sự nghiệp của ngài, cũng chính là của thập phương cúng dường, in ấn kinh luận.

 Năm 1977, lần đầu tiên tôi rời Đài Loan đến HongKong giảng kinh. Lần đó tôi ở HongKong bốn tháng giảng Kinh Lăng Nghiêm. Hai tháng trước ở nơi thư viện Phật giáo Trung Hoa của Đàm Hư pháp sư. Vì ở nơi thư viện, thấy trong thư viện cất giữ sách Hoằng Hoá Xã của Ấn Quang đại sư rất đầy đủ. Tôi vô cùng hoan hỷ, vì thầy giáo của tôi là Lý Bính Nam là học trò của Ấn Quang đại sư. Tôi gọi Ấn Quang đại sư là sư tổ. Có phần cảm tình này mới biết được sự nghiệp vĩ đại một đời của ngài. Đây mới thật sự gọi là một môn thâm nhập và huân tu lâu ngày.

 Lâu lâu các nơi có thiên tai như khô hạn, lụt lội, có thiên tai như vậy. Ngài cũng cứu trợ, tiền cứu trợ từ đâu mà có? Lấy ra một ít từ trong khoản tiền in ấn kinh để cứu trợ. Chủ chốt là in ấn kinh, còn các sự nghiệp khác là phụ. Điều này nói lên một điều, tiền chuyên dùng. Có thiên tai lớn có thể lấy ra vài ngàn trong số tiền dùng riêng. Lúc đó là đồng tiền, rất có giá. Tôi nhìn thấy trong Hộ quốc tức tai pháp hội ở Thượng Hải nói, lấy trong khoản tiền in kinh là 3000 đồng để cứu trợ thiên tai. Đây đều là làm gương cho chúng ta, gợi ý cho chúng ta. Chúng ta nên biết phải làm cách nào.

 Sau khi tôi xuất gia học Phật, hoàn toàn học Ấn Quang đại sư. Đây là thầy Lý dặn dò tôi. Khi tôi học với thầy, thầy rất khiêm tốn nói với tôi. Thầy có thể dạy tôi năm năm. Sau 5 năm thầy sẽ giới thiệu cho tôi một vị thầy để theo học tập. Tôi nói ai vậy? Ấn Quang đại sư. Ấn Quang đại sư không còn nữa làm sao học với ngài? Văn Sao còn. Nên thầy Lý tặng tôi bốn cuốn Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Hai cuốn chính, hai cuốn viết tiếp. Đây là lúc sớm nhất, 60 năm trước. Hiện nay đã tập trung toàn bộ, tất cả là một tập bảy cuốn dày như vậy.

 Đọc sách ngài, y giáo phụng hành chính là đệ tử của ngài. Nên tứ chúng đồng học cúng dường cho tôi, tôi dùng 80 phần trăm thậm chí 90 phần trăm đều dùng vào việc in ấn kinh sách. Đại Tạng Kinh chúng tôi sắp được mười ngàn bộ. Tứ Khố Toàn Thư chúng tôi in 100 bộ. Tứ Khố Hội Yếu chúng tôi in 200 bộ. Quý vị đồng tu nên nhớ, về sau không nên đưa tiền cho tôi. Tôi đã lớn tuổi, còn đưa tiền để tôi làm những việc này, quý vị không ngại sao? Có tiền quý vị tự đi làm, cần gì tìm tôi? Tôi đã lớn tuổi, làm việc đến đây là dừng. Tôi không muốn làm nữa nên không cần tiền.

 Không phải sách Phật, nhưng đối với đại chúng trong xã hội có lợi ích, có ưu điểm thật sự, cũng nên làm, cũng nên in. Như tôi hiện nay trong xưởng in ấn có mười ngàn bộ xuất bản, là Quần Thư Trị Yếu của Đường Thái Tông. Tôi đã in mười ngàn bộ. Bộ sách này tôi hy vọng giúp toàn thế giới, làm cách nào để trị xã hội tốt, trị quốc gia tốt, trị thế giới tốt. Triều đại nhà Đường là triều đại hưng thịnh nhất, nền chính trị thời này rất tốt chính là nhờ bộ sách này. Chúng tôi muốn đem bộ sách này truyền ra cho khắp thế giới.

 Ngoài ra còn có một bộ Quốc Học Trị Yếu. Đầu năm dân quốc những vị đại sư quốc học, họ dùng thời gian 10 năm để biên tập thành. Chính là tinh hoa của Tứ Khố Toàn Thư, tất cả có 8 cuốn. Thật là hy hữu khó gặp. Tôi có được bộ sách này. Rất nhiều người nói với tôi, có thể muốn tìm bộ thứ hai cũng không có. Tôi cũng đem nó in ra mười ngàn bộ. Đây là gì? Phục hưng cơ sở của văn hoá truyền thống xưa. Ngày nay chúng ta nói văn hoá truyền thống xưa, nên bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu học từ bộ sách này. Tất cả chỉ có 8 cuốn. Là chìa khoá của Tứ Khố Toàn Thư, là con đường nhanh nhất để vào Tứ Khố Toàn Thư. Nên đọc trước sách này, sau đó tìm hiểu Tứ Khố. Khi đã hiểu Tứ Khố rồi, mà còn thích điều gì nữa thì cứ chuyên môn nghiên cứu. Vì bộ sách này quá hay.

 Không có bộ này thì quý vị xem Tứ Khố Toàn Thư. Bây giờ sách trong nhà sách thương vụ in chữ rất lớn, in cũng rất đẹp. 1500 cuốn sách thì nên bắt đầu học từ đâu? Tôi mua 100 bộ, vốn là muốn tặng cho các trường đại học trong nước, nhưng duyên chưa đủ. Nên nay tôi đã phân chia. Âu Châu 10 bộ, Indonesia 10 bộ, Malaysia 10 bộ. Tôi còn muốn tặng mổi địa phương trên thế giới. Không có ý gì khác ngoài việc bảo tồn truyền thống văn hoá xưa. Không nên để nó bị huỷ diệt hết trong những trận thiên tai lớn. Dụng tâm của chúng tôi là như vậy.

 Quan trọng nhất là lớp trẻ phải biết lập chí. Vì kế thừa tuyệt học của thánh hiền, vì thiên hạ thái bình. Vì chánh pháp cửu trú, vì hoằng pháp lợi sanh. Ngoài việc này ra thì không có mong cầu gì nữa. Làm người truyền thừa của Phật Bồ Tát, làm người truyền thừa của các bậc thánh hiền. Đây chính là “giai nguyện tác Phật”.

 Gợi mở của phẩm kinh này đối với chúng ta. Thật sự phát tâm này, chúng ta tin rằng người đó không phải là thường. Người thường không phát tâm được như vậy. Phát ra cũng gọi là lộ thuỷ đạo tâm, họ làm không được. Thật sự phát tâm, thật sự có thể làm được sẽ như trong kinh này, trong quá khứ đã học, có thiện căn, có phước đức. Ngày nay các bậc thánh hiền, Chư Phật Bồ Tát giao sứ mạng cho chúng ta, đem ngọn đèn trí tuệ này vĩnh viễn truyền về sau. Đã biết tất cả pháp không tách rời nhân duyên quả báo.

 *“Cố tri ngã đẳng kim nhật đắc ngộ thử kinh”.* Đây là Hoàng Niệm Tổ nói, ngày nay chúng ta gặp được bộ kinh này. *“Văn thị Tịnh độ diệu pháp. Diệc tất đa sanh dĩ lai. Mong thọ lưỡng độ đạo sư giáo hoá tề độ”.* Đây là thật hoàn toàn không phải giả. Lưỡng độ là thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, và thế giới Ta Bà này của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là đạo sư của hai cỏi này. Hai vị này đều là thầy của chúng ta. Trong nhiều đời quá khứ, chúng ta đã từng tiếp nhận sự giáo hoá của hai vị thầy này. Như vậy mới có duyên, nên vừa tiếp xúc liền sanh tâm hoan hỷ, mới chân thật phát nguyện. *“Cố ư kim nhật phương năng hữu, như thị thù thắng nhân duyên dã”.* Nhân duyên này không dể gặp được, nhất định phải trân quý.

 Chúng ta xem tiếp, phẩm kinh văn này không dài chỉ có hai đoạn. Chúng ta xem trước đoạn này. *“Phật thuyết A Di Đà Phật vi Bồ Tát cầu đắc thị nguyện thời. A Xà Vương Tử dữ ngũ bách đại trưởng giả, văn chi giai đại hoan hỷ, các trì nhất kim hoa cái câu đáo Phật tiền tác lễ, dĩ hoa cái thượng Phật dĩ”.* Đây là cũng dường. *“Khước toạ nhất miên thính kinh, tâm trung nguyện ngôn, linh ngã đẳng tác Phật thời, giai như A Di Đà Phật*”. Đây là đoạn thứ nhất.

 Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Tổ. *“Thử vương tử*” chính là A Xà Vương tử. *“Dữ ngũ bách trưởng giả”,* 500 trưởng giả này là đồng bạn của A Xà Vương tử, đều là bạn tốt của ông ta. Hay nói cách khác cũng đều là hàng quý tộc. *“Chánh thị hiện tại dữ đương lai, nhất thiết hàm linh chi điển phạm”.* Họ ở trong hội thể hiện như vậy là làm gương, làm mô phạm cho chúng ta. Ý nghĩa này rất thâm sâu, nhưng chúng ta có thể lãnh hội được.

 *“Văn chi giai đại hoan hỷ. Thử hoan hỷ phi nhất thiết thế lạc khả tỷ”.* Niềm vui của cõi trời hay cõi người cũng không thể so sánh với niềm vui này. Cũng như người xưa thường nói: “Thế vị không đậm bằng pháp vị”. Thật sự khế nhập vào kinh giáo đại thừa. Niềm vui này trong thế gian tuyệt đối không thể sánh bằng. Chân lạc đấy! Ngạn ngữ có câu: *“*Nhân phùng hỷ sự tinh thần sảng”. Niềm vui lớn nhất trong thế xuất thế gian là gì? Nghe pháp học Phật là niềm vui lớn nhất. Đến thế giới tây phương Cực lạc để làm gì? Đến lễ Phật nghe pháp, giống như A Xà Vương Tử vậy. Lấy kim hoa cái cúng Phật. Đây là lễ Phật. Sau khi lễ Phật xong liền ngồi vào chổ ngồi nghe Phật thuyết pháp. Thế giới tây phương Cực Lạc cũng như vậy.

 Nghe pháp sẽ khai ngộ. Khai ngộ là pháp hỷ sung mãn. Đồng thời lại có thể đến mười phương thế giới giúp chúng sanh có duyên với mình. Có thể vì họ mà hiện ra các hình tướng để cảm hoá họ, khuyên dạy họ quay đầu là bờ. Giống như mình niệm Phật cầu sanh tịnh độ vậy.

 Chúng ta xem tiếp đoạn văn *“nãi nhân Di Đà cứu cánh viên mãn”.* Đây là nói rỏ vì sao *“văn chi giai đại hoan hỷ. Nhân Di Đà cứu cánh viên mãn”.* Viên mãn này là đại viên mãn. Trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Không có điều gì chẳng viên mãn. “*Siêu thế hy hữu chi đại nguyện nhi hỷ”.* Siêu thế ở đây tức là vượt ra ngoài thế xuất thế gian. Đại nguyện hy hữu chính là 48 nguyện. Ở trước chúng ta đã học, hoan hỷ là từ đây mà có. *“Vi Di Đà viên chứng bồ đề đại nguyện thành tựu nhi hỷ”*. Chính là rất hoan hỷ.

 Thứ nhất đại nguyện hy hữu. Thứ hai là đại nguyện viên mãn, đại nguyện thành tựu. Thứ ba càng tiến hơn nữa là *“Vi Di Đà chứng thử cứu cánh phương tiện. Dĩ trì danh diệu pháp phổ độ nhất thiết nhi hỷ”.* Đây là chân thật hoan hỷ! Phương pháp này của Phật A Di Đà thực tế quá tuyệt diệu, tuyệt diệu không sao nói được. Chính là dùng một câu Phật hiệu. Là thật hoàn toàn không phải giả. Vấn đề bây giờ là chúng ta không biết câu Phật hiệu này, đã lãng quên nó. Nếu thật sự biết, tôi tin rằng quý vị sẽ từng giây từng phút ở đây niệm Phật, không để thời gian uổng phí. Vì sao? Niệm Phật có được niềm vui lớn. Nếu nói những thứ khác là sanh phiền não, còn niệm một câu Phật hiệu là sanh niềm vui rất lớn. Vì biết rằng niệm câu Phật hiệu này sẽ thành Phật. Suy nghĩ bậy bạ sẽ đoạ vào tam ác đạo, sẽ trôi lăn trong lục đạo luân hồi.

 Chúng ta bây giờ là muốn trôi lăn trong luân hồi lục đạo, hay muốn đến thế giới tây phương Cực Lạc làm Phật? Nếu muốn đến thế giới Cực Lạc làm Phật, thì không được rời câu Phật hiệu này phút giây nào cả. Muốn trôi lăn trong luân hồi thì cứ niệm Phật tuỳ tiện. Nhớ đến thì niệm, không nhớ thì thôi. Như vậy là sao? Tiếp tục trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Thử nghĩ lại xem từ sáng đến tối trong tâm ta niệm gì? Là ý niệm tự tư tự lợi nhiều, ý niệm danh văn lợi dưỡng nhiều, ý niệm được mất nhiều hay là ý niệm Phật A Di Đà nhiều? So sánh một chút là biết ngay. Suốt ngày hôm nay ta làm gì? Sau đó sẽ biết thế giới Cực Lạc tuy tốt, nhưng đời này ta có thể đến đó được hay không thì ta sẽ hiểu, không cần hỏi người khác. Hỏi người khác họ sẽ nói lời khách sáo để không tổn thương mình. Đều là nói ông được, ông tốt, ông không tệ, đời này nhất định được vãng sanh. Ta được vãng sanh hay không làm sao họ biết được.

 Ta được vãng sanh hay không hỏi Phật A Di Đà, Phật A Di Đà cũng không biết, chỉ có chính mình mới biết. Đây đều là sự thật. Lời nói an ủi người của các bậc thánh hiền trong thế xuất thế gian rất nhiều. Đây không phải là sai lầm quá lớn, mà các ngài đều quan sát căn cơ. Họ sẽ không trách cứ ai, vì sao? Phật độ chúng sanh là đời này qua đời khác chứ không phải chỉ một đời này. Đời này không muốn đi là vì nghiệp chướng ta nặng không đi được, cũng để ta hoan hỷ niệm vài câu Phật hiệu, để A lại da thức trồng một chút thiện căn. Đời sau kiếp sau gặp lại sẽ độ.

 Nếu ta muốn hỏi đời nào mình được vãng sanh? Thì trong đời đó câu Phật hiệu ở trong tâm phải nhiều hơn nhiều lần tạp loạn. Ví dụ chúng ta nói 24 giờ. 20 giờ trong tâm chỉ để câu Phật hiệu, 4 giờ tạp loạn. Như vậy có năng lực rời xa cỏi ta bà này. Nếu nói tôi một ngày niệm Phật 12 giờ, còn 12 giờ suy nghĩ lung tung. Không chắc được, vì điểm số chỉ có 50 điểm. Đời này có được vãng sanh hay không là chưa biết. Nhất định phải vượt qua, khẳng định được vãng sanh là 24 tiếng đồng hồ không để một phút có tạp niệm. Người này nhất định vãng sanh.

 Trong tâm thật có Phật A Di Đà. Ngoài Phật A Di Đà ra điều gì cũng không có. Cái gì cũng không nghĩ, cái gì cũng không cần. Người này nhất định vãng sanh. Mổi việc đều hỏi người khác, hỏi quỷ thần “tôi được hay không được”. Nói một câu là ta còn hoài nghi. Nghi là chướng ngại lớn nhất của bậc tinh tấn Bồ Tát. Không nghi sao lại hỏi người khác? Điều đó không cần. Trong tâm nếu thật sự có Phật, chắc chắn được vãng sanh.

 Thiên tai là có thật không phải giả. Làm sao biết là có? Xem nhân tâm. Xem người trên thế gian này họ nghĩ điều gì, họ nói gì và họ làm điều gì. Như vậy không phải đã rỏ ràng thấu triệt rồi sao?

 Nếu nghĩ là thiện pháp, nói là thiện pháp, làm là việc tốt. Thì thiên tai gì cũng không xảy ra, thiên hạ thái bình. Nếu suy nghĩ, ngôn ngữ, hành động hoàn toàn trái ngược với luân lý, đạo đức, nhân quả. Như vậy là phiền phức rất lớn!

 Vì sao trước đây không xảy ra nhiều thiên tai như vậy. Vì sao bây giờ mổi năm lại mổi nhiều hơn như vậy? Điều này chứng tỏ suy nghĩ chúng ta bất thiện, lời nói bất thiện và việc làm cũng bất thiện, nên năm nay nghiêm trọng hơn năm trước. Dẫn đến xã hội động loạn, địa cầu tai biến, sự việc chính là như vậy. Giới khoa học đưa ra báo cáo, không phải là lời đồn đãi mà là sự thật. Họ đo lường được núi lửa trên địa cầu đã vươt bậc. Như công viên Hoàng Thạch ở Mỹ như vậy cũng có mười mấy nơi, phần lớn đều ở dưới đáy biển. Nếu loại núi lửa siêu cấp dưới đáy biển này bộc phát. Ít nhất có sóng lớn đến 1000 mét Anh. 1000m Anh là bao nhiêu mét? Khoảng hơn 300 mét, dẫn đến sóng lớn hơn 300 mét. Như vậy sẽ tạo nên đại sống thần.

 Sóng biển này nếu vổ vào bờ biển, dọc theo bờ biển khoảng 20 cây số đều không an toàn. Những thành thị ở ven biển trong sát na sẽ bị huỷ diệt hết. Điều này thật đáng sợ. Động đất lớn cũng là giới khoa học dự tính. Những điều họ nói năm ngoái. Họ nói từ đây về sau, loại động đất siêu cấp này. Cấp 8 cấp 9 ngày càng nhiều. Không phải cấp năm cấp sáu mà là siêu động đất cấp tám cấp chính. Núi lửa ở công viên Hoàng Thạch lộ lên trên mặt đất. Mổi khi muốn bộc phát, trên mạng đều có thông tin. Hai phần ba của Mỹ không còn. Đáng sợ nhất là đối với sự huỷ diệt của toàn thế giới. Vì khói của núi lửa phun ra, phun lên trên không trung khoảng 15 đến 20 cây số. Khói của núi lửa phun lên cao như vậy.

 Hiện nay máy bay trên quốc tế, từ chổ này bay đến nước Mỹ, bay cao lên trên không khoảng 10 vạn mét. Hay nói cách khác, nếu khói của núi lửa phun lên 20 cây số, là chỉ có thể bay lên một nửa. Khói núi lửa này cứ tuần hoàn theo địa cầu, có thể gây nên một tháng đến nữa năm trên địa cầu sẽ không nhìn thấy mặt trời. Khói núi lữa sẽ che khuất đi. Một tháng đến nữa năm không nhìn thấy mặt trời, thì động thực vật trên mặt đất đều không thể sanh tồn. Ngũ cốc rau xanh đều không thể sinh tồn vì không có ánh nắng. Quý vị thử nghĩ đã mang đến thiên tai như thế nào. Thật không thể tưởng tượng được!

 Không chỉ là thiên tai ở Mỹ mà là trên toàn địa cầu. Như thế nào mới có thể cứu thiên tai này? Trong Phật pháp đại thừa có nhưng con người không tin. Có thể cứu thiên tai chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ này, chính là câu hồng danh sáu chữ này. Nếu chúng ta siêng năng niệm A Di Đà Phật, thì thiên tai này có thể hoá giải. Không thể hoá giải hoàn toàn thì cũng sẽ giảm nhẹ, rút ngắn thời gian lại. Chúng ta hy vọng rằng những núi lửa siêu cấp trên địa cầu này đừng bộc phát. Chư vị đồng học niệm Phật nhiều, chúng ta niệm Phật nên hồi hướng cho việc này. Nguyện cầu bất luận là núi lửa trên mặt đất hay dưới lòng biển trên toàn thế giới đều không bộc phát.

 Chính mình được lợi ích không thể nghĩ bàn. Thiên tai đến không sợ hãi. Túi bất tịnh này mất đi thì thôi, không cần nữa, sẽ đến thế giới Cực Lạc. Phật pháp nói cho ta biết một việc vô cùng quan trọng, đó chính là sinh mạng vĩnh hằng. Ta là bất sanh bất diệt, thân thể này không phải là ta. Thân thể là ta sở hữu như áo quần vậy, nó không phải ta. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đều luân hồi trong lục đạo. Đã từng làm vua trời, cũng đã từng làm vua người. Cũng từng đoạ làm ngã quỷ, địa ngục, súc sanh. Không biết đã thọ bao nhiêu thân. Không phải thân này đều đã từng mất đi rồi sao? Hà tất phải chấp trước thân này, chấp thân là sai. Mới biết rằng trong lục đạo thường hoan thân đổi cốt. Đây gọi là vô thường. Cần phải hiểu rỏ chân tướng sự thật này, không còn lưu luyến, chắc chắn không tạo ác nghiệp.

 Nhận thức của chúng ta đối với Phật A Di Đà quá ít. Không như A Xà Vương Tử, họ nghe được đều tâm sanh hoan hỷ. Mọi người đều có thể nói được vì sao tâm sanh hoan hỷ. Biết Phật A Di Đà cứu cánh viên mãn, chứng được tự tánh cứu cách viên mãn. Chúng ta đều có, nhưng vì mê nên không chứng được. Chúng ta hy vọng chứng được đức tánh cứu cánh viên mãn như Phật A Di Đà vậy. Cũng nên như thế, không quá đáng chút nào. Đây là bổn phận công việc của người học Phật chúng ta. Ngài có thể phát 48 nguyện, mổi nguyện đều là vì lợi ích chúng sanh. Không có nguyện nào là tự lợi, toàn là nghĩ cho chúng sanh. Vì sao? Ngài biết chúng sanh với chính mình là một thể chứ không phải hai. Nói cách khác, quan tâm chúng sanh mới thật là quan tâm chính mình. Lợi ích chúng sanh mới thật sự là lợi ích của chính mình. Thật sự dùng toàn tâm toàn lực phục vụ chúng sanh.

 Vương tử và những người này vì Phật A Di Đà mà hoan hỷ, cũng vì nhân duyên này của chính mình mà hoan hỷ. Ngày nay chúng ta đã gặp được. Gặp được bộ kinh này, gặp được chú giải tường tận như vậy của Hoàng Niệm Tổ. Nên nhận thức của chúng ta đối với Phật A Di Đà, đối với thế giới Cực Lạc lại nâng lên một bậc. Vẫn phải không ngừng nâng cao. Vì sao? Chúng ta vẫn chưa làm được từng giờ từng phút trong 24 tiếng không rời Phật A Di Đà. Đây là mục tiêu của chúng ta. Mục tiêu này hy vọng sẽ hoàn thành trong vòng hai năm. Không thể đợi nữa, chỉ sợ không còn thời gian để đợi.

 Trên thế giới chổ nào tốt? Chổ nào có người chịu niệm Phật là chổ đó tốt. Người niệm Phật chân thật thì nơi đó chính là chổ tốt, không cần lựa chọn. Trong tâm có Phật, thì Phật A Di Đà đang ở chổ này. Long thiên thiện thần sẽ ủng hộ gia trì chúng ta. Lý và sự này chúng ta đều phải rỏ ràng, đều phải thấu triệt. Trước tiên là chính mình được độ\_Hoan hỷ! Sau đó là giúp người có duyên. Như thế nào gọi là người có duyên? Họ nghe và sanh tâm hoan hỷ, nghe rồi có thể tiếp nhận, nghe rồi liền y giáo phụng hành. Đây chính là người có duyên.

 Họ nghe rồi mà không thích, nghe rồi mà huỷ báng, nghe rồi bài xích. Như vậy vẫn là người không có duyên. Duyên đời này chưa thuần thục, đời sau kiếp sau sẽ thành thục. Nên tất cả đều cung kính. Người có duyên chúng ta cung kính họ, không có duyên cũng cung kính đói với họ, nhất định không có phân biệt. Cung kính, cúng dường, quan tâm, hợp tác qua lại. Có thể làm được bao nhiêu thì làm bấy nhiêu. Đây gọi là công đức viên mãn.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 320**